

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**ĐỒNG QUANG THÁI**

**GIÁO DỤC HỆ GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC  
VỚI SỰ HÌNH THÀNH CON NGƯỜI CÔNG DÂN VIỆT NAM  
THỜI KỲ HỘI NHẬP**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC**

**HÀ NỘI – 2020**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**ĐỒNG QUANG THÁI**

**GIÁO DỤC HỆ GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC**  
**VỚI SỰ HÌNH THÀNH CON NGƯỜI CÔNG DÂN VIỆT NAM**  
**THỜI KỲ HỘI NHẬP**

**Chuyên ngành: Chính trị học**

**Mã số: 62 31 02 01**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG: GS.TS. Nguyễn Văn Kim**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**1. PGS.TS. Vũ Hoàng Công**

**2. TS. Lưu Minh Văn**

**HÀ NỘI – 2020**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án tiến sĩ Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các tài liệu trong luận án trung thực, khách quan, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng./.

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2020

**Tác giả**

**Đông Quang Thái**

## LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện luận án "Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập", tôi đã nhận được nhiều sự giúp đỡ, tạo điều kiện của Khoa Khoa học Chính trị, của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, của tập thể hướng dẫn khoa học cho luận án, của gia đình, đồng nghiệp và bạn bè .

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành về những sự giúp đỡ quý báu đó.

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2020

**Tác giả**

**Đông Quang Thái**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU</b> .....	6
<b>1.1. Tình hình nghiên cứu về con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập và hệ giá trị truyền thống dân tộc</b> .....	6
1.1.1. Những nghiên cứu về con người công dân ở Việt Nam .....	6
1.1.2. Nghiên cứu về hệ giá trị truyền thống ở Việt Nam.....	13
<b>1.2. Tình hình nghiên cứu về giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam hiện nay</b> .....	22
<b>1.3. Những kết quả đạt được và vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu của luận án</b> .....	26
<b>Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC GIÁO DỤC HỆ GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH CON NGƯỜI CÔNG DÂN VIỆT NAM THỜI KỲ HỘI NHẬP</b> .....	30
<b>2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh, Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con người mới - cơ sở của quan niệm về con người công dân Việt Nam</b> .....	30
2.1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới.....	30
2.1.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con người công dân Việt Nam .....	33
<b>2.2. Con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập</b> .....	37
<b>2.3. Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc</b> .....	45
2.3.1. Giá trị, giá trị truyền thống, hệ giá trị và hệ giá trị truyền thống .....	45
2.3.2. Nội dung giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.....	50
2.3.3. Mục tiêu và cách tiếp cận giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc .....	65
2.3.4. Chủ thể, đối tượng, hình thức, phương pháp giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.....	68
2.3.5. Những biến đổi của hệ giá trị truyền thống dân tộc trong thời kỳ hội nhập ở Việt Nam.....	75
<b>Chương 3: GIÁO DỤC HỆ GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC VỚI SỰ HÌNH THÀNH CON NGƯỜI CÔNG DÂN VIỆT NAM THỜI KỲ HỘI NHẬP - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA</b> .....	82
<b>3.1. Thực trạng giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập</b> .....	82
3.1.1. Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong môi trường gia đình với sự hình thành con người công dân Việt Nam hiện nay .....	82

3.1.2. Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong môi trường nhà trường với sự hình thành con người công dân Việt Nam hiện nay .....	91
3.1.3. Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong môi trường xã hội với sự hình thành con người công dân Việt Nam hiện nay .....	102
3.1.4. Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong môi trường bùng nổ công nghệ thông tin truyền thông với sự hình thành con người công dân Việt Nam hiện nay .....	116
<b>3.2. Ưu điểm, hạn chế và những vấn đề đặt ra của việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.....</b>	<b>125</b>
3.2.1. Ưu điểm, hạn chế trong việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc ở Việt Nam hiện nay .....	125
3.2.2. Những vấn đề đặt ra của việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc hiện nay .....	134
<b>Chương 4: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HỆ GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC VỚI SỰ HÌNH THÀNH CON NGƯỜI CÔNG DÂN VIỆT NAM THỜI KỲ HỘI NHẬP.....</b>	<b>138</b>
<b>4.1. Bối cảnh mới tác động đến giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập .....</b>	<b>138</b>
4.1.1. Các nhân tố ngoài nước.....	138
4.1.2. Các nhân tố trong nước .....	140
4.1.3. Một số quan điểm phát triển con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập .....	147
<b>4.2. Giải pháp giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.....</b>	<b>155</b>
4.2.1. Về nhận thức vai trò quan trọng của giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập .....	155
4.2.2. Về vai trò của gia đình trong giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập .....	158
4.2.3. Về vai trò của trường học trong giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập .....	161
4.2.4. Về vai trò của xã hội trong giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập .....	166
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>182</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>186</b>

## DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 3.1: Tầm quan trọng của gia đình với việc giáo dục các thành viên.....	83
Sơ đồ 3.2: Môi trường gia đình Việt Nam.....	83
Sơ đồ 3.3: Thực trạng môi trường gia đình Việt Nam .....	83
Sơ đồ 3.4: Tác động của gia đình đến đạo đức, lối sống.....	84
Sơ đồ 3.5: Tham vấn ý kiến của cha mẹ.....	84
Sơ đồ 3.6: Vai trò giáo dục của các thành viên trong gia đình .....	85
Sơ đồ 3.7: Sự phù hợp của các giá trị truyền thống hiện nay .....	86
Sơ đồ 3.8: Nhận thức về giá trị căn bản .....	87
Sơ đồ 3.9: Nhận thức về giá trị văn hóa, đạo đức .....	88
Sơ đồ 3.10: Nhận thức về giá trị kinh tế.....	89
Sơ đồ 3.11: Tần suất tổ chức các hoạt động.....	98
Sơ đồ 3.12: Các hoạt động trong nhà trường.....	99
Sơ đồ 3.13: Tỷ lệ đầu tư cho giáo dục đào tạo .....	105
Sơ đồ 3.14: Mức độ tham gia mạng xã hội, blog .....	121
Sơ đồ 3.15: Thời gian tham gia diễn đàn, mạng xã hội, blog .....	121
Sơ đồ 3.16: Mức độ tham gia các mạng xã hội .....	121
Sơ đồ 3.17: Mức độ sử dụng và khai thác mạng xã hội .....	122
Sơ đồ 3.18: Mức độ quan tâm đến các thông tin trên mạng xã hội.....	123
Sơ đồ 3.19: Mức độ lan tỏa của các hoạt động, phong trào trên mạng xã hội ....	124
Sơ đồ 3.20: Mức độ quan tâm đến các hoạt động, phong trào trên mạng xã hội .....	124
Sơ đồ 3.21: Phản ứng khi gặp thông tin nhạy cảm, xuyên tạc, tuyên truyền chống phá Đảng Cộng sản Việt Nam trên mạng xã hội.....	125
Sơ đồ 3.22: Ý thức bảo vệ tổ quốc .....	127
Sơ đồ 3.22: Ý thức bảo vệ tổ quốc .....	127
Sơ đồ 3.23: Mong muốn đóng góp sức để bảo vệ tổ quốc .....	127
Sơ đồ 3.24: Mức độ sẵn sàng tham gia các hoạt động xã hội nơi cư trú.....	127
Sơ đồ 3.25: Lòng tự hào là người Việt Nam .....	127
Sơ đồ 3.26: Mức độ tham gia các hoạt động, phong trào.....	131

## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

- Bảng 3.1: Số lượng bài/ chủ điểm giáo dục của các môn học và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có chứa đựng các giá trị truyền thống .....98
- Bảng 3.2: Tác động của một số cuộc vận động và phong trào tới lối sống thanh niên .. 101



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam, vấn đề con người có ý nghĩa quyết định đến phát triển đất nước. Nhận thức tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xây dựng chiến lược phát triển nguồn lực con người trong thời kỳ mới. Trong đó có thể kể đến, Nghị quyết 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững". Nghị quyết khẳng định: "Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách... Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái thấp hèn, cái lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực; ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa làm tha hóa con người. Có giải pháp khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam" [29].

Đây là mục tiêu định hướng giúp quá trình xây dựng, thực thi chính sách ở Việt Nam phải đặc biệt quan tâm đến phát triển nguồn lực con người, mà trước hết là những biểu hiện trong hành vi của con người công dân Việt Nam với đất nước.

Thực tế hơn ba thập kỷ đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trên mọi phương diện, một trong số đó là sự nghiệp xây dựng, đào tạo con người - thế hệ công dân mới đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Bên cạnh những thành tựu, xã hội Việt Nam cũng đang nảy sinh hàng loạt vấn đề nóng, mới cần phải nghiên cứu và giải quyết. Đó là xu hướng thương mại hóa, coi trọng giá trị vật chất, xem nhẹ giá trị tinh thần; sính ngoại, xem nhẹ giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, cộng đồng; đề cao lợi ích cá nhân, coi nhẹ lợi ích tập thể... Sự biến động phức tạp của đời sống đạo đức, văn hóa xã hội đã tác động không nhỏ đến phát triển con người công dân Việt Nam. Sự lan rộng xu hướng sùng bái đồng tiền, quyền lực, chạy theo lối sống thực dụng,... ở một

bộ phận con người Việt Nam, trong đó có cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước đã gây ra những tác hại không nhỏ về mặt xã hội. Một bộ phận thế hệ trẻ Việt Nam có nhận thức "lệch chuẩn" về đạo đức và nhân cách. Các hành vi thiếu văn hóa trái với thuần phong, mỹ tục dân tộc đang ngày càng nhiều trong xã hội.

Hội nhập quốc tế ngày càng rộng và sâu của Việt Nam cũng đặt ra những yêu cầu cấp bách trong xây dựng con người, đòi hỏi con người Việt Nam hình thành năng lực trong chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị vững vàng, chủ động hội nhập đáp ứng những yêu cầu mới của thời đại, của dân tộc, của công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước trong điều kiện mới. Do đó, cần định hướng phát triển con người Việt Nam có trình độ nhận thức, có học vấn chuyên ngành, tác nghiệp chuyên môn thành thạo, biết hành động hướng đến mục đích chung, có tinh thần chủ động, tích cực, sáng tạo, biết thiết lập và duy trì mối quan hệ trong xã hội.

Để đáp ứng yêu cầu trên, trong chiến lược phát triển con người, việc giáo dục giá trị truyền thống dân tộc có vai trò rất quan trọng. Vì đó là nền tảng cho sự hình thành thế giới quan, nhân sinh quan của con người công dân Việt Nam mới – những con người có ý thức về sứ mệnh "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh" [22], về Tổ quốc Việt Nam, bảo vệ chủ quyền, gìn giữ bản sắc dân tộc.

Từ những lý do trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài "*Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập*" cho luận án tiến sĩ chính trị học của mình.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **Mục đích**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án tập trung làm rõ vai trò và những tác động giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đến sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập, và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.

### **Nhiệm vụ**

- Khái quát, hệ thống hóa một số vấn đề lý luận liên quan đến giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập;

- Nghiên cứu tác động của giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong thực tế xây dựng con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập;

- Đề xuất một số giải pháp về giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **Đối tượng nghiên cứu**

Luận án nghiên cứu vai trò, sự tác động của giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.

#### **Phạm vi nghiên cứu**

Thời kỳ hội nhập ở Việt Nam là quá trình Việt Nam tiến hành các hoạt động tăng cường gắn kết với các quốc gia trên thế giới dựa trên sự chia sẻ về lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế. Ở Việt Nam, thuật ngữ "thời kỳ hội nhập" bắt đầu được sử dụng vào giữa những năm 1990 cùng với quá trình Việt Nam ra nhập ASEAN, tham gia khu vực mậu dịch tự do AFTA.

Vậy, phạm vi nghiên cứu của luận án là thời kỳ hội nhập ở Việt Nam được đánh dấu bằng sự kiện ngày 28/7/1995, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của tổ chức Asean. Các nghiên cứu, các số liệu về giáo dục hệ giá trị truyền thống yêu nước, liên kết cộng đồng, nhân ái, khoan dung, đề cao công bằng xã hội, lao động cần cù và sáng tạo được đặt trong bối cảnh từ năm 1995 đến nay.

### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **Cơ sở lý luận**

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận, thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam về xây dựng con người

mới – Con người công dân Việt Nam. Kế thừa một số kết quả nghiên cứu lý luận chính trị học, giáo dục học về giáo dục hệ giá trị trong xây dựng con người công dân.

### **Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp chung của phép biện chứng duy vật: quy nạp, diễn dịch, phân tích, tổng hợp, lôgic... của của nghĩa duy vật biện chứng.

Phương pháp chuyên ngành chính trị học và phương pháp liên ngành của xã hội học, giá trị học, giáo dục học,...

Luận án sử dụng nguồn tài liệu của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Nhà nước, của các Bộ, ngành ở trung ương và ở cơ sở, các công trình, đề tài khoa học đã được công bố có liên quan đến nội dung nghiên cứu của luận án.

### **5. Những đóng góp về khoa học của luận án**

Giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam đã được nhiều thế hệ vun đắp trên tất cả các mặt của đời sống xã hội như: giá trị văn hóa truyền thống, giá trị chính trị truyền thống, giá trị đạo đức truyền thống, giá trị tuyền thống trong lao động, sản xuất... Trên cơ sở phương pháp nghiên cứu chính trị học, luận án khái quát và hệ thống hóa hệ giá trị truyền thống dân tộc với tư cách là nội dung của giáo dục giá trị truyền thống của sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập; làm rõ một số cơ sở lý luận nghiên cứu sự tác động của giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đến sự hình thành con người công dân Việt Nam trong thời kỳ hội nhập; cung cấp một bức tranh về thực trạng giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập; đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.

### **6. Kết cấu luận án**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án được chia thành 4 chương và 10 tiểu mục.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận của việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập

Chương 3: Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập: Thực trạng và những vấn đề đặt ra

Chương 4: Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập

# Chương 1

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

### 1.1. Tình hình nghiên cứu về con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập và hệ giá trị truyền thống dân tộc

#### 1.1.1. Những nghiên cứu về con người công dân ở Việt Nam

Quan niệm về con người công dân trong lịch sử

Trong lịch sử truyền thống, thuật ngữ "con người công dân" (citizen people) hoặc những thuật ngữ chỉ tương đương xuất hiện khá sớm. Chẳng hạn, ở Hy Lạp – La mã cổ đại, triết gia, nhà tư tưởng chính trị Aristotle (384 – 322 TCN) đã đưa ra quan niệm: lợi ích của Thành bang cũng là lợi ích của mỗi công dân. Khi công dân giàu lên thì xã hội cũng giàu lên. Nếu công dân không sống thành xã hội, xã hội mà không có nhà nước thì công dân sẽ không còn là con người theo đúng nghĩa. Cái phi công dân, cái phi chính trị sẽ là phi nhân tính. Trạng thái tự nhiên của công dân phải là trạng thái chính trị, vì, công dân hiểu về điều tốt và điều xấu, về công bằng và bất công. Aristotle quan niệm, Nhà nước không đối lập với xã hội, công dân không đối lập với cá nhân mà thống nhất với nhau. Hạnh phúc cá nhân không chỉ đơn giản là sự thoả mãn những mong ước, khát vọng cá nhân riêng tư, mà là thoả mãn những khát vọng chân chính, những khát vọng và mong muốn dẫn đến cuộc sống thành công của con người trong cộng đồng.

Trong Lời tựa cuốn “Tinh thần pháp luật” (1747) thì của Montesquieu (1689 - 1755) nói rõ: "khai mở trí tuệ", hay "soi sáng" đầu óc nhân dân, giúp họ nhận thức các vấn đề chính trị - pháp quyền một cách đúng đắn, "vượt qua cái cục bộ để vươn đến cái tổng thể", "vượt qua thói quen và định kiến để vươn đến cái hợp lý" [184, tr.35]. Montesquieu mong muốn khắc hoạ hình ảnh “con người lý trí” và “nhà nước hợp lý tính” trong những khía cạnh khác nhau của đời sống, cốt làm nổi bật bản tính tự nhiên phổ biến và tất yếu về quyền cơ bản của con người. Quan điểm chính trị - pháp quyền trong “Tinh thần pháp luật” có nêu: Thứ nhất, cần phân biệt các vấn đề chính trị với các vấn đề "dân

sự" để phân định rõ ràng, các quan hệ công dân phải được cụ thể hóa bằng các quyền trong hệ thống pháp luật. Tinh thần luật pháp được xem xét từ nhiều bình diện, từ điều kiện thực tiễn của quốc gia. Mặt khác, mục đích tối cao của pháp luật là hướng công dân sống theo luật, do đó, các quyền công dân được thừa nhận trong luật pháp phải là tổng hòa các điều kiện tự nhiên và xã hội. Montesquieu viết: "Các luật ấy (Luật Chính trị và Luật Dân sự) phải tương ứng với vật lý của đất nước, tức là với khí hậu lạnh, nóng hay ôn hòa, với diện tích, vị trí đất đai, với cách sống của dân chúng làm nông nghiệp hay săn bắn, chăn nuôi. Luật phải tương ứng với trình độ tự do mà hiến pháp có thể chấp nhận, hợp với tôn giáo trong nhân dân, với số lượng nhân khẩu, với khuynh hướng và mức tài sản, với cách buôn bán, phong tục và tập quán của nhân dân" [184]. Thứ hai, vấn đề tự do được Montesquieu viết: "Trong một nước có luật pháp, tự do chỉ có thể là được làm những cái nên làm, và không bị ép buộc làm điều không nên làm" [184]. Theo Montesquieu cần có nhận thức đúng về tự do chính trị, cũng như nhận thức đúng về nền dân chủ, nhằm khắc phục sự mơ hồ về chính trị, dẫn đến tình trạng lạm dụng tự do. Sự tự do chính trị của công dân là sự tự do được nhà nước bảo vệ trong an ninh, an toàn. Từ cách tiếp cận đó Montesquieu phác thảo cơ chế quyền lực vận hành trong nhà nước pháp quyền, để hướng dẫn các công dân thực hiện quyền của mình mà không vi phạm luật, và để những người nắm quyền lực không sử dụng nó vì mục đích cá nhân hay bè nhóm.

Immanuel Kant (1724 – 1804) định nghĩa về công dân là "những thành viên của một cộng đồng liên kết với nhau thành xã hội". Với định nghĩa này có thể hiểu công dân vừa là xã hội công dân và vừa là nhà nước, do đó công dân phải vừa có sự tự do, bình đẳng, tự chủ khi đứng trước các nguyên tắc thực thi pháp lý do cộng đồng xã hội xác lập. Thông qua những chuẩn mực của con người trước nguyên tắc pháp lý, I. Kant đã phân biệt rõ "công dân tích cực" và "công dân thụ động". "Công dân thụ động" là những người không tự mình làm ra được mà phải nhận sự trợ giúp từ người khác; "công dân tích cực" được I. Kant xây dựng trên cơ sở khế ước xã hội, theo khế ước xã hội thì mỗi

thành viên trong xã hội phải bỏ quyền tự do bên ngoài để trở thành một thành viên của nhà nước. Quan trọng hơn, theo I. Kant thì "công dân thụ động có khả năng chuyển trạng thái sang trạng thái tích cực.

Trong phần mở đầu của tác phẩm Khế ước xã hội hay Xã ước (The Social Contract) - cũng được gọi là Các Nguyên Tắc của Quyền Chính Trị - Rousseau (1712 – 1778) đặt ra: Con người sinh ra vốn tự do nhưng lại bị xiềng xích ở khắp nơi. Nhiều người tin họ là chủ nhân của những kẻ nô lệ vốn không khác họ bao nhiêu. Rousseau đưa ra tiền đề về sự nô lệ chính trị đang diễn ra trong xã hội, và Rousseau chỉ dám cố gắng tìm cách giải thích tình trạng bất công này hơn là hứa hẹn giải đáp căn kẽ tiến trình xích hóa của nhân loại. Quá trình đi tìm yếu tố hợp lý làm nền tảng cho một liên hợp chính trị chính đáng, Rousseau đã đưa ra luận điểm con người công dân cần phải biết tại sao phải liên kết lại với nhau bằng việc tìm hiểu tổ chức đầu tiên của nhân loại. Muốn tìm hiểu về tổ chức xã hội đầu tiên của nhân loại cần biết về đời sống thiên nhiên trước khi đi vào tổ chức của con người. Rousseau giả định là con người thiên nhiên được tự do nhưng gặp phải nhiều thử thách quá lớn không thể tự vượt qua. Sự tự do thực sự cần thiết nhưng cũng có thể bị lạm dụng và đưa đến tình trạng mất an ninh. Một người sử dụng quyền tự do của mình thái quá để lo cho quyền lợi cá nhân có thể gây nguy hại cho quyền lợi của nhiều người khác. Tuy là sự tự do có thể bị lạm dụng trong trạng thái thiên nhiên nhưng con người cũng không bị nhiều thiệt hại như khi con người chấp nhận từ bỏ quyền tự do để được một cá nhân hay một nhóm lãnh đạo độc tài bảo vệ an ninh.

Chính vì thế, Rousseau đưa ra triết lý về Khế ước xã hội là dân quyền của con người công dân đến từ chính xã hội đó mang lại, con người công dân phải chuyển giao hết quyền hành của mình cho quốc gia khi liên kết tạo thành một quốc gia. Toàn thể công dân trong cộng đồng xã hội (hay quốc gia) trở thành một tập thể chính trị với quyền hành tối thượng. Quyền hành tối thượng này thuộc về cộng đồng thay vì một cá nhân hay một nhóm lãnh đạo. Cộng đồng khó có thể xây dựng quyền hành tối thượng nếu các thành viên trong



cộng đồng đều đòi giữ lại quyền hành cá nhân; nếu mọi người đều tự ý làm theo ý muốn của cá nhân, xã hội sẽ trở nên hỗn loạn và nhân loại sẽ lùi bước trở lại trạng thái thiên nhiên. Trong quan niệm về Khế ước xã hội, Rousseau cũng lý giải quyền tự do chân chính của con người công dân trong xã hội là khi con người liên kết lại với nhau đòi hỏi phải bỏ quyền tự do sống theo ý muốn riêng, bỏ quyền làm chủ tất cả những gì mà sức mạnh cá nhân cho phép. Khế ước liên kết giúp con người vượt qua những yếu điểm thiên nhiên như sự sợ hãi hay nguy cơ bị cướp mất tư sản bởi những kẻ mạnh hơn,... Mặc dầu con người giao hoán dân quyền cho xã hội, con người sống trong xã hội không bị thiệt thòi mà còn đạt được nhiều quyền lợi hữu ích. Theo khế ước liên kết hay khế ước xã hội, một cá nhân sẽ cống hiến trọn quyền hành của mình cho những người khác và được những người thụ quyền giao lại quyền hành của họ cho cá nhân đó. Kết quả của hình thức tổ chức này là không ai mất bất cứ gì có giá trị nhưng mọi người đều được bảo an bởi sức mạnh của cộng đồng hay tổ chức (quốc gia). Tóm lại, hình thức tổ chức này không đánh mất quyền tự do của con người nhưng lại có thể bảo vệ cho những thành viên của tổ chức hay xã hội.

Khế ước xã hội không cho chính phủ hay tập thể nhân dân quyền hành riêng biệt; chính phủ chỉ là công cụ của dân và không có quyền hành độc lập. Xã hội giữ vai trò của một nhân vật công cộng được xem như là quốc gia khi mang nhiệm vụ thụ động và được nắm vai trò tối thượng khi mang trọng trách năng động. Những thành viên của xã hội, gọi chung là nhân dân, cũng giữ hai vai trò như xã hội: khi họ cùng tham gia quyết định các chính sách quốc gia, họ được xem như là công dân; nhưng khi họ chỉ cúi đầu tuân phục mà không thể ảnh hưởng chính sách quốc gia, họ chỉ là thần dân hay nô lệ. Do vậy, khế ước xã hội cũng nhấn mạnh về sự thành công của xã hội tùy thuộc vào khả năng làm tròn trách nhiệm được liên kết của công dân, mọi công dân phải coi trọng quyền lợi tập thể, tránh quyền lợi cá nhân làm lu mờ giá trị quyền lợi chung.

Nghiên cứu về quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu quyền con người được bắt đầu từ cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX. Tuy nhiên, thời gian này, các công trình nghiên cứu mới chỉ là bước đầu và chưa được tổng hợp một cách có hệ thống. Đến những năm 1990 là thời gian đánh dấu sự "bùng nổ" về hoạt động nghiên cứu quyền con người ở Việt Nam. Hai sự kiện có thể coi là động lực thúc đẩy hoạt động nghiên cứu quyền con người ở Việt Nam những năm đầu của thập kỷ này là việc sửa đổi bổ sung Hiến pháp 1992 và việc ban hành Chỉ thị 12-CT/TW của Ban Bí thư về Vấn đề quyền con người và quan điểm chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hiến pháp 1992, Hiến pháp của công cuộc đổi mới, lần đầu tiên, khái niệm quyền con người được quy định tại điều 50, thể hiện sự thay đổi mang tính bước ngoặt trong nhận thức về vấn đề này ở Việt Nam. Sự kiện này khẳng định việc đánh giá một cách chính thức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam với vấn đề quyền con người, tạo nền tảng chính trị và pháp lý cho các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và tổ chức thực hiện bảo đảm các quyền con người ở Việt Nam.

Chương trình nghiên cứu "Con người, mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội", mã số KX.07/91-95 [5], lần đầu tiên, quyền con người đã trở thành đối tượng nghiên cứu. Đó là đề tài "Các điều kiện đảm bảo quyền con người, quyền công dân trong sự nghiệp đổi mới đất nước" do Hoàng Văn Hào chủ nhiệm [91]. Đề tài đã tập trung phân tích những vấn đề lý luận về quyền con người như: khái niệm quyền con người, lịch sử phát triển của quyền con người, những nội dung cơ bản của quyền con người; thực trạng việc vi phạm quyền con người trên thế giới cũng như các điều kiện đảm bảo quyền con người. Từ đó đến nay, vấn đề quyền con người được nhiều công trình tập trung nghiên cứu, công bố có giá trị cả về mặt lý luận và thực tiễn trên hầu hết lĩnh vực về quyền con người, như: đề tài khoa học cấp bộ "Quan điểm K.Marx-F.Engels về quyền con người" chủ nhiệm Hoàng Văn Hào [92], đề tài "Tu tưởng Hồ Chí Minh về Quyền con người" chủ nhiệm Cao Đức Thái [142], đề tài "Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Marx-Lenin về quyền con người và

ý nghĩa với Việt Nam hiện nay" chủ nhiệm Nguyễn Đức Thùy [153], đề tài " Tư tưởng V.I.Lenin về quyền con người" chủ nhiệm Hoàng Mai Hương [106], đề tài " Tư tưởng nhân quyền trong một số học thuyết chính trị, pháp lý cơ bản" chủ nhiệm Nguyễn Duy Sơn [161]. Các công trình trên đã tập trung phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về quyền con người như: nguồn gốc của quyền con người, khái niệm quyền con người, các quan điểm, luận điểm khác nhau về quyền con người trong lịch sử, quan điểm của Chủ nghĩa Marx- Lenin về quyền con người; tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người cũng như các điều kiện cần thiết để bảo đảm quyền con người và khẳng định: quyền con người là một phạm trù lịch sử; mang tính nhân loại và tính giai cấp; nó là sản phẩm của phương thức sản xuất vật chất; gắn liền với nhà nước và pháp luật, được bảo vệ bằng pháp luật; được thực hiện triệt để nhất trong chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đây là những công trình đặt cơ sở phương pháp luận cho việc triển khai nghiên cứu các chủ đề khác nhau về quyền con người.

Cùng với các đề tài khoa học, nhiều sách chuyên khảo có giá trị về quyền con người đã được công bố như: "Quyền con người trong thế giới hiện đại" chủ biên Phạm Khiêm Ích và Hoàng Văn Hảo [99], sách "Tìm hiểu vấn đề nhân quyền trong thế giới hiện đại" chủ biên Chu Hồng Thanh [146], sách tham khảo "Góp phần tìm hiểu quyền con người" của Phạm Văn Khánh [114], sách "Triết học chính trị về quyền con người" của Nguyễn Văn Vĩnh [165], "Quyền con người, tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội" chủ biên Võ Khánh Vinh [164], " Tư tưởng về quyền con người, Tuyển tập tư liệu thế giới và Việt Nam" của Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội [34], "Dân chủ nhân quyền giá trị toàn cầu và đặc thù quốc gia" của Hội đồng Lý Luận Trung ương [36], "Quyền con người, lý luận và thực tiễn" của Viện nghiên cứu quyền con người [45],... Mặc dù cách tiếp cận và phân tích có khác nhau, song các công trình trên đều tập trung nghiên cứu, luận giải khái niệm quyền con người, bản chất đặc trưng của quyền con người, nội dung các quyền cơ bản của con người cũng như các điều kiện, cơ chế bảo đảm quyền con người...

Trên cơ sở các công trình nghiên cứu, một số cơ sở đào tạo đã biên soạn giáo trình giảng dạy về quyền con người. Tiêu biểu là giáo trình "Lý luận về quyền con người" do Viện nghiên cứu quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh biên soạn [46] và "Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người" của Khoa luật, Đại học quốc gia [35],... Mặc dù cách tiếp cận, phân tích khác nhau, song nhìn chung, các giáo trình này đều tập trung giới thiệu về những vấn đề lý luận của quyền con người như: khái niệm quyền con người; đặc trưng cơ bản của quyền con người; nội dung cơ bản của quyền con người; sự phát triển quyền con người trong lịch sử nhân loại; luật quốc tế về quyền con người; Hiến pháp, pháp luật Việt Nam về quyền con người; quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam về quyền con người; phân tích các điều kiện và cơ chế quốc gia và quốc tế bảo đảm quyền con người, trong đó nhấn mạnh "Ngày nay, quyền con người đã được quốc tế hóa về nhiều mặt. Đó là việc xác lập các nguyên tắc và chuẩn mực nhân quyền. Đó là sự hình thành cơ chế quốc tế bảo vệ quyền con người. Tuy nhiên, việc bảo đảm các quyền con người hiện nay chủ yếu vẫn nằm trong khuôn khổ quốc gia, trong thẩm quyền pháp lý của các nhà nước". Vì vậy, các quốc gia đều có nghĩa vụ ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ, thực thi quyền con người theo quy định của Luật nhân quyền quốc tế, đồng thời có trách nhiệm tôn trọng cơ chế giám sát quốc tế và phải tuân thủ các công ước mà quốc gia đã ký kết, gia nhập....

Trên cơ sở những ghi nhận quyền con người trong hiến pháp, pháp luật và mục tiêu xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đã xác định những quyền, trách nhiệm công dân với đất nước. Một số công trình nghiên cứu về quyền công dân ở Việt Nam đã khẳng định vai trò của công dân với nhà nước, của công dân với đất nước. Trước hết có thể kể đến quan niệm của Hồ Chí Minh về quyền và nghĩa vụ của công dân trong chế độ mới, Hồ Chí Minh viết: Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ. Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân, tức là, tuân theo pháp luật Nhà nước. Quyền

và nghĩa vụ của công dân đã được quy định cụ thể trong Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam (1946), cũng như trong bản Hiến pháp đã được sửa đổi mới nhất (2013). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định: Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. Nhà nước có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân. Một mặt, phải có cơ chế cụ thể để nhân dân thực hiện trên thực tế quyền làm chủ trực tiếp và quyền làm chủ thông qua các cơ quan đại diện của mình. Song, mặt khác, phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân.

Hiến pháp 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ sáu - Quốc hội khóa XIII [38] bao gồm các nội dung sửa đổi điều hướng tới nhân dân, đảm bảo quyền con người, đổi mới tổ chức bộ máy Nhà nước để phục vụ nhân dân tốt hơn, thực chất hơn. Quyền con người, quyền công dân được quy định đầy đủ và chi tiết ngay tại Chương II với 36 điều. Đây được coi là bước tiến lớn trong tư duy nhà nước pháp quyền và thể chế hóa quyền con người ở Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam đã và đang tích cực tham gia vào các cơ chế đảm bảo nhân quyền quốc tế và là thành viên của các công ước quốc tế về quyền con người.

### ***1.1.2. Những nghiên cứu về hệ giá trị truyền thống ở Việt Nam***

Nghiên cứu về giá trị dân tộc

Một số công trình nổi tiếng về văn hóa chính trị ra đời, mở ra một hướng tiếp cận mới đối với vấn đề thanh niên, văn hóa và lối sống thanh niên. Cho đến nay, công trình có ảnh hưởng mạnh nhất trong hướng tiếp cận này là cuốn *The Civic Culture* của hai tác giả người Mỹ Gabriel A. Almond và Sidney Verba công bố vào năm 1963. Trên cơ sở khảo sát văn hóa chính trị của 5 dân tộc: Mỹ, Italy, Đức, Anh và Mexico, hai tác giả này đã đưa ra ba mô típ văn hóa chính trị phương Tây điển hình là văn hóa địa phương (Parochial

Culture), văn hóa thần thuộc (Subject Culture) và văn hóa tham dự (Participant Culture) và một số dạng văn hóa chính trị hỗn hợp (Subcultures) được tiếp cận trên ba bình diện tri nhân (cognitive), cảm nhận (affective) và đánh giá (evaluative). Cho đến nay, The Civic Culture vẫn được coi là công trình có ảnh hưởng lớn tới nghiên cứu văn hóa chính trị, định hướng chính trị, lối sống và ứng xử chính trị ở nhiều nước [187].

Công trình nổi tiếng khác là “Choosing the Preference by Constructing Institutions: A Cultural Theory of Preference Formation” của Aaron Widavsky. Trong công trình này, Widavsky đã đề xuất một cách tiếp cận liên ngành xã hội học - văn hóa đối với văn hóa chính trị và lối sống của các dân tộc. Theo ông, lựa chọn chính trị của con người trong xã hội công dân hiện đại phải là một loại lựa chọn duy lý (rational choice), nhưng sự lựa chọn duy lý đó lại được biểu đạt trên cơ sở văn hóa chính trị với tư cách là những ứng xử hay lối sống chính trị. Ông đã đề xuất 4 loại hình văn hóa chính trị tiêu biểu cho 4 mô hình tổ chức xã hội là: Apathy (fatalism), Hierarchy (collectivism), Competition (Individualism) và Equality (Egalitarianism) [174].

Tác giả Alan H. Goldman (2014) có bài viết Desires and Values, trên tạp chí The Journal of Value Inquiry, đã lập luận cách tự nhiên về lý trí thực tiễn với sự gắn kết các động lực quốc gia, giữa động cơ, ý định và hành động. Xuất phát từ nhu cầu cho sự gắn kết hai nền tảng là của lý thuyết và thực tiễn, niềm tin và hành động, A.H Goldman đã cung cấp các phân tích khái niệm của ham muốn, cảm xúc, thái độ. Bảo vệ lý thuyết của mình, A.H Goldman cho rằng những tác nhân hợp lý sẽ không cần được thúc đẩy về mặt đạo đức hay những lợi ích khu biệt, nhưng nó sẽ cung cấp các lý do để bản thân con người theo đuổi và bảo vệ nó [178].

J. Jagodzinski (2008) nghiên cứu mối quan hệ của phương tiện truyền thông với văn hóa giới trẻ qua cuốn sách Television and Youth Culture: Televised Paranoia (Education, Psychoanalysis, Social Transformation), Cuốn sách của J. Jagodzinski đưa ra lý thuyết về 5 bộ phim truyền hình cho thanh niên: Dawson's Creek, Freaks và Geeks, Buffy the Vampire Slayer, Roswell và

Smallville. Từ góc độ phân tâm học J. Jagodxinski phát triển khái niệm về tự phản xạ (để phân biệt với tự phản ánh và tự suy tư) để xác định khía cạnh phi nhân tính trong chính con người [193].

Gerhard Falk & Ursula A. Falk có cuốn sách “Youth Culture and the Generation Gap”. Thảo luận những cách thức mạnh mẽ mà những người trẻ phân biệt mình khỏi các thế hệ cha mẹ khi họ tìm cách khắc phục những vấn đề bản sắc mà tất cả thanh thiếu niên phải đối mặt. Tác giả đã khám phá sự phát triển của một nền văn hóa thanh thiếu niên ở Mỹ, và biểu hiện của nó trong cuộc sống hàng ngày từ vui chơi giải trí, âm nhạc, ăn mặc, ngôn ngữ, giới tính và các trò chơi, tình trạng bè phái, băng nhóm và các nhóm liên quan. Cuốn sách so sánh ảnh hưởng của cha mẹ và các đối tượng cùng chàng lú, từ những người di cư vô gia cư và các nhóm hippi, punk hay rock tới những người lao động bán thời gian kiếm tiền vì lý do gia đình hay cho những thú vui tốn kém và các biểu hiện thực trạng. Cuốn sách phản ánh những thay đổi trong quan niệm của tuổi vị thành niên qua nhiều thế kỷ và giới thiệu người đọc đến với các khía cạnh của văn hóa hóa thanh niên [185].

Gisela Trommsdorff có bài nghiên cứu “Values and Social Orientation of Japanese Youth in Intercultural comparison”, được in trong cuốn sách “Japanese biographies: life histories, life cycles, life stages” của S. Formanek & S. Linhart. Bài viết tuy không còn mới nhưng nội dung và phương pháp so sánh mà tác giả sử dụng trong nghiên cứu giới trẻ Nhật Bản với những định hướng giá trị và định hướng xã hội. Tác giả chỉ ra những tác động đã thay đổi theo thời gian cũng sẽ kéo theo sự thay đổi về định hướng giá trị của giới trẻ trong cuộc sống gia đình, công việc và hoạt động xã hội. Tác giả cũng đề cập đến so sánh văn hóa với nội dung nhiệm vụ phát triển của giới thanh niên: tạo dựng vị thế độc lập, tham gia hoạt động chính trị và những trách nhiệm cá nhân,... [186]

T. Shary & A. Seibel cũng vẫn tiếp cận dưới câu chuyện toàn cầu hóa văn hóa, trong cuốn sách Youth Culture in Global Cinema. Và ở đây, các tác giả nghiên cứu ảnh hưởng từ việc toàn cầu hóa các loại hình truyền thông, ấn

phẩm giải trí, cụ thể chính là điện ảnh đến văn hóa thanh niên. Những thông điệp mà điện ảnh đã và đang ảnh hưởng đến văn hóa thanh niên [194].

Nghiên cứu về hệ giá trị truyền thống ở Việt Nam

Trong lịch sử, các công trình nghiên cứu về con người Việt Nam khá phong phú với nhiều phương thức tiếp cận đa dạng, nhưng tiếp cận nghiên cứu một cách trực diện về con người công dân Việt Nam, tức là tiếp cận dưới góc độ quyền tự nhiên và quyền pháp lý của con người thì chưa rõ ràng. Nghiên cứu về con người Việt Nam, thực chất là nghiên cứu những hành vi được biểu hiện ra bên ngoài, thể hiện mối quan hệ giữa con người với quê hương, với đất nước, với quốc gia, dân tộc và giữa con người với nhau. Vì vậy, để đạt được mục tiêu nghiên cứu của luận án, nghiên cứu sinh xem xét, lựa chọn những công trình nghiên cứu về hành vi được con người Việt Nam biểu hiện ra bên ngoài trong mối quan hệ với đất nước là chủ yếu.

Trong công trình Việt Nam văn hóa sử cương của Đào Duy Anh, đã tổng kết 7 phẩm chất tiêu biểu của người Việt Nam như sau: “Sức ký ức” [trí nhớ] tốt, thiên về nghệ thuật và trực giác; Ham học, thích văn chương; “Ít mộng tưởng” [thiết thực]; “Sức làm việc khó nhọc” [cần cù] ở mức độ “ít dân tộc bì kịp”; “Giỏi chiu... khổ và hay nhẫn nhục”; “Chuộng hòa bình, song ngô sự thì cũng biết hy sinh vì đại nghĩa”; Khả năng “bất chước, thích ứng và dung hóa rất tài”. Theo ông, người Việt có “trí tuệ thông minh” nhưng rất ít người có trí tuệ lỗi lạc, phi thường [49].

Sử gia Trần Trọng Kim khi nói về người Việt và sự tiến hóa của nước Nam đã tổng kết: Về đàng trí tuệ và tính tình, thì người Việt Nam có cả các tính tốt (trí tuệ minh mẫn, học chóng hiểu, khéo chân tay, nhiều người sáng dạ, nhớ lâu, lại có tính hiếu học, trọng sự học thức, quý sự lễ phép, mến điều đạo đức, lấy sự nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) và các tính xấu (có tính tinh vặt, cũng có khi quý quyết, và hay bài bác nhạo chế). Trần Trọng Kim cũng nhấn mạnh tới một số tính cách hạn chế tiêu biểu của người Việt như: ỷ lại, khờ dại; ích kỷ, cục bộ gia đình, địa phương... [140]. Tuy một số đánh giá về tính cách người Việt Nam trong nghiên cứu của Trần Trọng Kim còn mang tính giai cấp, song



có thể ghi nhận những đánh giá về ưu điểm và hạn chế của người Việt của ông tương đối rõ ràng, có sự nghiên cứu tỉ mỉ ở các địa bàn văn hóa khác nhau.

Công trình khoa học lịch sử nghiên cứu về xã thôn Việt Nam của Nguyễn Hồng Phong xuất bản năm 1959 đã bàn luận về những mặt tích cực và tiêu cực trong nhân cách truyền thống của người Việt, đánh giá cuộc sống sinh hoạt thông qua các giai đoạn, hoạt động cụ thể [135].

Nghiên cứu về tính cách con người Việt Nam tiếp tục được Nguyễn Hồng Phong phát triển trong tác phẩm "Tìm hiểu tính cách dân tộc". Công trình được đánh giá là kết quả nghiên cứu công phu về tính cách dân tộc Việt Nam cổ truyền biểu hiện trong văn học, nghệ thuật và trong đời sống. Nguyễn Hồng Phong đã luận giải những tính cách tiêu biểu của dân tộc như: tính tập thể - cộng đồng, trọng đạo đức, cần kiệm, giản dị, thực tiễn, tinh thần yêu nước bất khuất và lòng yêu chuộng hòa bình, nhân đạo, lạc quan [134].

Công trình "Văn minh Việt Nam" của Nguyễn Văn Huyền chỉ ra: người Việt được giáo dục bởi “nền học vấn cổ lỗ, chưa bao giờ có phương pháp” nên người Việt ít sáng tạo, có xu hướng “thuận hết thầy và bắt chước hết thầy”. Khác với một số nhà nghiên cứu đi trước nghiên cứu về hệ giá trị Việt Nam, Nguyễn Văn Huyền không nói đến lòng yêu nước mà nhấn mạnh tới tinh thần dũng cảm của người Việt: “Người Việt không thiếu dũng cảm... có khả năng kháng cự lâu dài, trong những điều kiện thiếu thốn tệ hại nhất, chống lại những lực lượng mạnh hơn về số lượng và chất lượng... người nông dân Việt Nam có thể trở thành người lính dũng cảm và bền bỉ, có sức xông lên mạnh mẽ” [109].

Nguyễn Văn Huyền có cùng quan điểm với Đào Duy Anh về tính chất nghệ sĩ nhiều hơn khoa học của người Việt và cho rằng người Việt nhạy cảm hơn là lý tính. Điểm khác biệt trong đánh giá của Nguyễn Văn Huyền so với các học giả trước là ở chỗ ông đặt một số phẩm chất tinh thần trái ngược nhau của người Việt như: Người Việt lười biếng và cần cù, phóng túng và thực tế, thất thường và kiên định, hay trộm cắp và hào hiệp, chất phác và khôn ngoan.

Tác phẩm "Tâm lý người Việt Nam đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa - Những điều cần khắc phục" (2004) của tập thể tác giả hội viên Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục [99] đã đi sâu phân tích điểm tích cực và hạn chế trong tâm lý người Việt. Song dưới góc độ tâm lý học, công trình có những đóng góp nhất định về mặt thực tiễn trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặt ra những vấn đề mới cho nghiên cứu hệ giá trị con người Việt Nam.

Ở Việt Nam, tác phẩm "Giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam", Trần Văn Giàu đã đưa ra bảng giá trị của dân tộc Việt Nam gồm 7 điểm: yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người, vì nghĩa. Trong đó, giá trị yêu nước được tác giả nâng lên thành chủ nghĩa yêu nước và coi đó là "sợi chỉ đỏ" xuyên suốt toàn bộ lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại. Trong tác phẩm này, Trần Văn Giàu cũng lý giải về nguồn gốc chủ nghĩa yêu nước của Việt Nam ở hai đặc điểm: Thứ nhất, do Nhà nước Văn Lang xuất hiện, tình cảm tự hào về nòi giống tiên rồng đã nảy nở rất sớm và được khắc sâu trong tâm trí đến nỗi hơn nghìn năm đô hộ của Hán, Đường cũng không sao đồng hóa. Thứ hai, lịch sử Việt Nam là một chuỗi dài các cuộc đấu tranh chống lại sự xâm lăng của những nước lớn mạnh hơn ta mấy chục lần. Theo ông, hai đặc điểm đó "quyết định sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam" [72]. Xuất phát từ việc "ta cần hiểu về ta hơn nữa" và nhu cầu giới thiệu với người nước ngoài về người Việt Nam sau chiến tranh, nghiên cứu của Trần Văn Giàu đã thành công trong việc hệ thống hóa, khái quát hóa hệ tư tưởng và hệ giá trị đạo đức truyền thống trong lịch sử, tuy nhiên, tác giả thiên về việc hệ thống các giá trị tốt mà chưa đề cập tới những hạn chế trong tính cách người Việt.

Bàn về Giá trị học, trong cuốn "Giá trị học", xuất bản năm 2012, Phạm Minh Hạc không chỉ trình bày một số hiểu biết về Giá trị học mà chủ yếu nhằm mục đích cung cấp cơ sở lý luận để đúc kết và xây dựng Hệ giá trị chung của người Việt Nam trong thời đại công nghiệp hoá theo hướng hiện đại, mở cửa hội nhập với khu vực và thế giới. Ông cho rằng: Giá trị học không

những góp phần hình thành trong tư duy những hiểu biết, định hướng cơ bản về vấn đề mang tính lâu dài đối với phát triển cá nhân mà còn làm giàu mạnh đất nước, củng cố sự phát triển bền vững của Việt Nam trong nhiều thập kỷ, thế kỷ tiếp theo. Theo Phạm Minh Hạc cần kế thừa các giá trị truyền thống, hướng dẫn tạo lập các giá trị hiện đại; Giữ gìn các giá trị bản sắc dân tộc, tiếp thụ tinh hoa văn hoá nhân loại; Đa dạng và thống nhất trong các hệ giá trị của quốc gia - dân tộc và các tộc người cư trú trên đất nước Việt Nam, cũng như của từng người, từng tập thể, cơ quan, ban ngành...; Trình bày ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, có thể phổ biến đến mọi người cùng thực hiện, phát huy tác dụng tích cực của Hệ giá trị...

Với cách tiếp cận về Giá trị hoc dưới nhiều góc độ, nhiều phương diện của đời sống xã hội, tác giả đã nhận định: Hệ giá trị là một con đường triển khai quan điểm phát triển "Thực hành dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển" (Dự thảo phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020). Theo tác giả, làm thế nào để hệ giá trị hình thành và vận động được "giá trị bản thân" phục vụ lợi ích chân chính theo nguyên tắc hài hòa lợi ích, có trách nhiệm với bản thân và có trách nhiệm với cộng đồng xã hội. Từ đó, tác giả khẳng định: "hệ giá trị được hiểu là hệ chuẩn chung, nhấn mạnh chuẩn mực đạo đức xã hội, tiêu chí phấn đấu, vận dụng vào đời sống hàng ngày, xây dựng con người, phát triển nguồn nhân lực, tiếp nối cha anh xây dựng tinh thần dân tộc, bản sắc Việt Nam, tính cách chung của người Việt Nam trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhà nước pháp quyền, xã hội công dân, mở cửa, hội nhập quốc tế" [90]. Tác giả đã đề xuất xây dựng 05 hệ giá trị chung cho người Việt Nam gồm: Một là, các giá trị chung của loài người gồm: tính người, tình người, các giá trị chân, thiện, mỹ của đời sống tinh thần, tâm lý, giá trị của từng con người, của từng dân tộc. Hai là, các giá trị toàn cầu gồm: hòa bình, an ninh, hữu nghị, hợp tác, không xâm phạm chủ quyền, độc lập dân tộc. Ba là, các giá trị dân tộc gồm: tinh thần dân tộc, yêu nước, trách nhiệm cộng đồng. Bốn là, các giá trị gia đình gồm: hòa thuận, hiếu thảo, coi trọng giáo

dục gia đình. Năm là, các giá trị bản thân gồm: giá trị nhân cách, giá trị cá nhân (yêu nước; dân chủ; trách nhiệm với xã hội, cộng đồng, gia đình và bản thân; cần cù, chăm học, chăm làm; tư duy duy lý, tay nghề, tác phong công nghiệp; chính trực, chân thật, đứng đắn, liêm khiết; lương thiện, tôn trọng và thương người; thích nghi và sáng tạo; cầu tiến [90].

Cũng bàn về giá trị, nhóm Lưu Minh Văn và Trần Văn Kham trong cuốn "Giá trị trong lối sống của sinh viên Việt Nam hiện nay thực trạng và giải pháp" [163], đã nêu "Hệ giá trị là một yếu tố cơ bản của nhân cách, là cơ sở của hành vi, thúc đẩy con người hành động để đạt được mục đích trong cuộc sống. Nó là yếu tố cốt lõi trong cấu trúc lối sống của con người" [163]. Từ kết quả khảo sát nhận thức trong lối sống của sinh viên về nhóm giá trị căn bản, nhóm giá trị văn hóa, đạo đức, nhóm giá trị kinh tế và nhóm giá trị chính trị - xã hội, các tác giả đã khẳng định "giáo dục giá trị có vai trò hết sức quan trọng đối với sự hình thành và phát triển nhân cách, trong xây dựng lý tưởng, niềm tin cách mạng, hình thành ý thức và trách nhiệm công dân, trong hình thành đạo đức, lối sống, trong hình thành lập thân, lập nghiệp của con người, đặc biệt là ở tầng lớp học sinh, sinh viên" [163].

Từ góc độ giá trị học, Hồ Sĩ Quý trong cuốn Về giá trị và giá trị châu Á [138] đã phân tích những giá trị truyền thống châu Á trong bối cảnh thế giới đương đại và có sự đối sánh với những hệ giá trị khác. Công trình đã tổng hợp những quan điểm điển hình của một số học giả uy tín trong và ngoài nước về giá trị và giá trị châu Á. Đặc biệt, Hồ Sĩ Quý đã luận giải mối tương quan về những giá trị truyền thống châu Á với nền văn hóa Việt Nam, đồng thời phân tích những giá trị nổi trội trong bảng giá trị châu Á tại Việt Nam như: cần cù, hiếu học, coi trọng gia đình và cộng đồng... Bước đầu cũng đặt ra những vấn đề mới trong nghiên cứu hệ giá trị con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa [138].

Trần Ngọc Thêm được xem là một trong những người nghiên cứu "tích cực" về hệ giá trị Việt Nam trong thời gian qua tại nhiều hội thảo khoa học quy mô lớn và xuất bản nhiều tác phẩm có giá trị về vấn đề này. Trong đó phải

kể tới hai tác phẩm tiêu biểu gần đây như: "Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam" [148] và "Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai" [148]. Với việc áp dụng phương pháp hệ thống - loại hình, Trần Ngọc Thêm xác định một hệ thống 5 đặc trưng bản sắc của văn hóa Việt Nam là: Tính cộng đồng (làng xã); Tính ưa hài hòa; Tính trọng âm; Tính tổng hợp; Tính linh hoạt [148]. Ngoài ra, tác giả cũng chỉ ra một số tật xấu của người Việt như bệnh giả dối, nói không đi đôi với làm, bệnh thành tích, bệnh thiếu ý thức pháp luật... Đặc biệt, tác giả còn trình bày thêm 15 phẩm chất tính cách cần bổ sung của người Việt như: ý thức pháp luật, tính trung thực thẳng thắn, bản lĩnh cá nhân, tính khoa học, lòng tự trọng... Có thể nói, đây là công trình khá công phu trong việc trình bày các phẩm chất của con người Việt Nam trên cả ba phương diện: ưu điểm, hạn chế và phẩm chất bổ sung thông qua kết quả điều tra khảo sát chi tiết.

Về giá trị văn hóa trong định hình nhân cách, Vũ Khắc Liên, Đỗ Huy, Chu Khắc, Lê Quang Thiêm, Trường Lưu có công trình "Nhân cách văn hóa trong bảng giá trị Việt Nam" [97]. Các tác giả đã đưa ra khái niệm về nhân cách văn hóa và giá trị văn hóa của Việt Nam. Trong đó, đề cập đến những nhân tố văn hóa, bình diện nhân cách và mối giao lưu xã hội, thiết chế văn hóa, bản chất của lối sống văn hóa Việt Nam; các chuẩn mực và giá trị của văn hóa. Các tác giả chỉ ra mối quan hệ giữa nhân cách văn hóa và cơ chế thị trường, xã hội đa nhân cách, gia đình và giá trị truyền thống. Sau khi nhận diện lối sống văn hóa của người Việt, các tác giả khẳng định trong quan hệ giữa con người với nhau thì lối sống văn hóa là thể hiện được cái đúng, cái đẹp và được các chuẩn mực xã hội chi phối.

Nguyễn Chí Mỳ trong cuốn sách: "Sự biến đổi của thang giá trị đạo đức trong nền kinh tế thị trường với việc xây dựng đạo đức mới cho cán bộ quản lý ở nước ta hiện nay" xuất bản năm 1999, đã gợi mở một số vấn đề đạo đức mới, luận giải sự biến đổi của thang giá trị đạo đức trong cơ chế thị trường. Qua đó, đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm hình thành các thang giá trị

đạo đức mới cho cán bộ quản lý trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay [130].

Trong lĩnh vực nghiên cứu về thanh niên không thể không kể đến Đặng Cảnh Khanh công trình “Văn hóa thanh niên trong quá trình Hội nhập quốc tế của thanh niên” [113]. Công trình tiếp cận vấn đề văn hóa thanh niên dưới ảnh hưởng của xu thế toàn cầu hóa và nêu lên một số khuyến nghị về việc ngăn chặn ảnh hưởng của văn hóa phẩm đồi trụy trong thanh thiếu niên. Năm 2003, nhóm nghiên cứu của Viện Nghiên cứu thanh niên do ông chủ trì cũng nghiên cứu về “Vai trò của gia đình trong việc giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống cho thanh thiếu niên”. Trên cơ sở những nghiên cứu công phu trong một thời gian dài, năm 2006, ông đã công bố công trình Xã hội học thanh niên. Công trình đã khảo cứu và phân tích mối liên hệ tương tác đa chiều giữa thanh niên Việt Nam với các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội. Công trình thể hiện sự chuyên sâu trong lý luận và thực tiễn hiện nay ở Việt Nam.

## **1.2. Tình hình nghiên cứu về giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam hiện nay**

Năm 1986 Việt Nam bắt đầu vào thời kỳ đổi mới đòi hỏi phải nghiên cứu để luận giải nhiều vấn đề phát sinh, mà trước hết là vấn đề giáo dục đạo đức, chính trị, tư tưởng cho con người công dân Việt Nam nói chung và công dân trẻ nói riêng. Công trình nghiên cứu cấp nhà nước mang mã số NN7 "Cải tiến công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức và lối sống cho học sinh, sinh viên trong hệ thống giáo dục quốc dân" [8] do Phạm Tất Dong làm chủ nhiệm đã đề xuất được một số nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp mới trong giáo dục tư tưởng, đạo đức cho học sinh, sinh viên phù hợp với bối cảnh đổi mới ở Việt Nam.

Khi Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ hội nhập quốc tế, vấn đề hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam được Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Công trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước KX-07-09 "Vai trò của gia đình trong sự hình thành và phát triển con người Việt Nam" [6] đã khẳng định những thành tựu to lớn của cách mạng khoa học,

công nghệ đang đưa những khả năng sáng tạo, trí thông minh cho con người và hứa hẹn đem đến những tiến bộ vượt bậc cho cuộc sống của cá nhân, gia đình, xã hội cả về vật chất và tinh thần. Bên cạnh đó, cũng tạo ra hàng loạt những sai lầm, thiếu hụt, những hành động dã man, điên cuồng, tệ nạn xấu xa, nguy hiểm đang tồn tại trên khắp thế giới và Việt Nam. Đề tài cũng phân tích những hậu quả đang làm cho hàng triệu gia đình tan tác, chia ly. Khi bàn về sự phát triển của xã hội, đề tài cũng khẳng định không thể tách rời sự phát triển của con người, mà trong đó vai trò của gia đình trong việc đào tạo, bồi dưỡng vun đắp nhân cách của con người có ý nghĩa quyết định.

Năm 1993 - 1994 ở Việt Nam, trong khuôn khổ chương trình khoa học KX - 07 đã tiến hành cuộc điều tra về giá trị sống [7]. Chương trình khoa học đã nghiên cứu đưa ra khái niệm về nhân cách con người nói chung, nhân cách con người Việt Nam, đề cập đến giá trị nói chung, nhưng chưa đề cập đến giá trị nhân cách. Vấn đề đặt ra ở đây là tìm mối quan hệ giữa giá trị (theo nghĩa giá trị học) và nhân cách, hay là vận dụng cách nghiên cứu của giá trị học và nghiên cứu nhân cách rồi từ đây đi đến khái niệm giá trị nhân cách.

Hội thảo khoa học “Sự chuyển đổi giá trị trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường” [48], của Viện Triết học cùng với Trung tâm giao lưu văn hóa Việt Đức năm 1994. Hội thảo đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong sự chuyển đổi giá trị nói chung và giá trị nhân cách nói riêng, đồng thời, nêu ra 4 cụm vấn đề: Một là, những vấn đề phương pháp nghiên cứu giá trị và sự chuyển đổi giá trị trong xã hội nói chung trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói riêng; Hai là, về sự hình thành hệ thống giá trị trong cơ chế thị trường hiện nay; Ba là, sự chuyển đổi giá trị trong văn hoá đạo đức; Bốn là, về giáo dục giá trị con người Việt Nam nói chung và thanh niên Việt Nam nói riêng.

Công trình nghiên cứu của Phạm Minh Hạc có tính chất chuyên sâu về giá trị nhân cách theo phương pháp điều tra xã hội học. Trong cuốn “Nghiên cứu giá trị nhân cách theo phương pháp NEOPI-R cải biên” [84], Phạm Minh Hạc đã đưa ra bảng trắc nghiệm có gần 200 câu hỏi trong đó có 6 giá trị (thái

độ) đối với sức khỏe, học vấn, đạo đức, tiền bạc, quyền lực, hạnh phúc gia đình mà chúng ta gọi là các giá trị cơ bản (sống còn) của cuộc sống. Bên cạnh đó còn có 60 câu hỏi về 9 vấn đề: lý tưởng phấn đấu, thái độ chính trị, yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tôn trọng pháp luật, thái độ học tập, thái độ với đồng tiền, hội nhập mở cửa, thái độ với môi trường và thái độ với công việc.

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện nhiều đợt nghiên cứu về xây dựng đạo đức, lối sống, thái độ, niềm tin, lý tưởng cho thanh niên và sinh viên, điển hình là: cuộc điều tra năm 2007 “Điều tra tình hình tư tưởng và nhận thức chính trị của thanh niên trong giai đoạn hiện nay” [29]; năm 2008 “Tổng quan tình hình sinh viên, công tác hội và phong trào sinh viên nhiệm kỳ VII (2003 - 2008)” [31] và trong Hội thảo khoa học năm 2008: “Đổi mới nội dung, phương thức giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên trong thời kỳ hội nhập” [32]. Các công trình nghiên cứu đã làm sáng tỏ một số nội dung cụ thể về nhận thức, niềm tin, thái độ của thanh niên, của sinh viên với đất nước, đối với lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, với mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, với việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và với những tác động đến xã hội, con người Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay. Đồng thời, các công trình nghiên cứu cũng làm rõ những quan điểm về chuẩn mực sống của thanh niên, sinh viên: điều kiện sống, điều kiện thành đạt, mẫu hình người thành đạt, tâm tư nguyện vọng, trách nhiệm thái độ...

Nguyễn Duy Bắc trong cuốn sách: “Sự biến đổi của các giá trị văn hóa trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay” đã bàn đến sự biến đổi giá trị đạo đức với tư cách là một trong những giá trị văn hóa tinh thần chủ yếu trong cuốn sách với một dung lượng còn rất ít. Tác giả xây dựng được hệ thống lý luận cơ bản về văn hóa, giá trị văn hóa, biến đổi giá trị văn hóa, đặc biệt, khẳng định vị trí nổi bật của các giá trị đạo đức truyền thống. Cuốn sách cũng chỉ ra thực trạng biến đổi các giá trị văn hóa, phát triển văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.



Để luận giải những vấn đề đạo đức nảy sinh trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, cuốn sách: “Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay” [63] của Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Phúc đã khẳng định vai trò của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc tạo tiền đề phát triển đất nước, nhưng cũng tạo ra không ít những bất cập trên lĩnh vực đời sống xã hội mà trước hết là đạo đức xã hội, đạo đức con người. Kết luận chung của các tác giả là đạo đức với tư cách là động lực tinh thần cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, việc giáo dục để hình thành đạo đức phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là rất quan trọng và cần thiết.

Nguyễn Thế Kiệt đã góp phần làm sáng tỏ những vấn đề về đạo đức trong cuốn sách: “Mấy vấn đề về đạo đức học marxism và xây dựng đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay” [123]. Nguyễn Thế Kiệt định nghĩa về đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, quy luật vận động và phát triển của đạo đức; là đạo đức mới, vai trò và các nguyên tắc của đạo đức mới (đạo đức xã hội chủ nghĩa); là xây dựng đạo đức mới trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Cuốn sách: “Xây dựng đạo đức trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” của Trịnh Duy Huy [98], đã phân tích tác động của kinh tế thị trường đối với đạo đức, đạo đức mới và những chuẩn mực cơ bản của đạo đức mới. Đặc biệt, trên cơ sở phân tích chỉ rõ thực trạng của đạo đức xã hội trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, tác giả đã khẳng định: Để khắc phục những tác động tiêu cực, phát huy những tác động tích cực của kinh tế thị trường đối với việc xây dựng và phát triển đạo đức hiện nay, sự nghiệp xây dựng nền đạo đức mới cần được tiến hành thông qua và bằng sự thực hiện đồng bộ một số giải pháp cơ bản sau: Một là, đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm xác lập cơ sở kinh tế vững chắc

và nhân văn cho sự phát triển của đạo đức mới. Hai là, đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội gắn liền với giữ nghiêm kỷ cương xã hội làm cơ sở xã hội cho nền đạo đức mới. Ba là, phát huy các giá trị đạo đức truyền thống kết hợp với việc tiếp thu có chọn lọc các giá trị quốc tế trong xây dựng đạo đức. Bốn là, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục đạo đức trên phạm vi toàn xã hội.

Hoàng Anh trong cuốn “Giáo dục với việc hình thành và phát triển nhân cách sinh viên” [50] đã đề cập đến vai trò của giáo dục trong việc hình thành và phát triển nhân cách sinh viên, đã trình bày những vấn đề lý luận chung về nhân cách, nhân cách sinh viên. Tập trung phân tích thực trạng đạo đức sinh viên Việt Nam và vấn đề giáo dục đạo đức cho sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng để hình thành, phát triển nhân cách sinh viên.

### **1.3. Những kết quả đạt được và vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu của luận án**

Kết quả đạt được về con người công dân

- Những nhận thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu trên nhiều góc độ khác nhau. Những quan niệm về con người chính trị, con người công dân trong lịch sử. Khi xem xét vai trò của "công dân", các công trình đã tập trung khảo cứu, phân tích mối quan hệ giữa "công dân" với "nhà nước".

- Công dân làm thế nào để hiện thực hóa “tự do” bằng con đường chính trị, thoát khỏi các thể chế chính trị hiện hành; Sự tập hợp của các cá nhân trong các tổ chức mà giữa họ không mang tính chính trị (nhà nước).

- Quá trình hình thành và phát triển cấu trúc nhân cách; vai trò của giáo dục đối với việc xây dựng con người Việt Nam... chủ yếu được khai thác cấu trúc và quá trình hình thành, phát triển nhân cách là vấn đề xuyên suốt được phân tích rõ nhằm hình thành và phát triển con người Việt Nam mới.

- Làm rõ những ảnh hưởng đến việc hình thành con người công dân Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, đặc biệt, là việc khẳng định bảng giá trị Việt Nam đang quá độ rất mạnh mẽ với mục tiêu kết hợp được hệ giá trị truyền thống với giá trị hiện đại, giá trị dân tộc với giá trị quốc tế; giá trị dân tộc với giá trị sắc tộc, giá trị cá nhân với giá trị cộng đồng...

Kết quả đạt được về hệ giá trị truyền thống dân tộc

- Về hệ giá trị và hệ giá trị của người Việt Nam được khẳng định những giá trị sau là giá trị được hình thành trong truyền thống dân tộc Việt Nam qua nhiều năm lịch sử: lòng yêu nước, ý chí tự cường dân tộc; tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng dân tộc; cần cù, lạc quan, sáng tạo trong lao động; lòng nhân ái, khoan dung, hiếu học, yêu chuộng hòa bình; tinh thần dũng cảm, kiên cường, bất khuất.

- Phân tích sự biến động hệ giá trị người Việt đề cập tới những ảnh hưởng của thời đại như xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, nền kinh tế thị trường... có tác động tới sự thay đổi thang hệ giá trị người Việt hiện nay. Đó là những tác động của xã hội thay đổi, của việc du nhập những giá trị từ nước ngoài, hay ngay cả những tác động của chính bản thân con người công dân Việt Nam để thích nghi với những điều kiện xã hội mới.

- Xác định hệ giá trị Việt Nam có nhiều nét đặc thù, có hệ thống các giá trị độc đáo, được hình thành từ sớm trong lịch sử của dân tộc, tồn tại tương đối bền vững, và có ý nghĩa quy định đáng kể đối với phát triển tiếp theo của con người, xã hội và đất nước.

- Thực trạng biến đổi các giá trị văn hóa, phát triển văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Đưa ra nguyên nhân cơ bản của đạo đức xuống cấp không phải do kinh tế chậm phát triển, không phải do nghèo túng, cũng không phải do trình độ dân trí thấp và sự du nhập của các luồng văn hóa, lối sống thiếu lành mạnh từ nước ngoài vào Việt Nam.

- Vấn đề đặt ra trong mối quan hệ giữa giá trị và nhân cách, những vấn đề về phương pháp nghiên cứu giá trị và sự chuyển đổi giá trị trong xã hội nói chung trong thời kỳ hội nhập nói riêng; về sự hình thành hệ thống giá trị hiện nay; sự chuyển đổi giá trị trong văn hoá đạo đức; về giáo dục giá trị con người Việt Nam nói chung và thanh niên Việt Nam nói riêng, hay những vấn đề thực tiễn trong xây dựng đạo đức, lối sống, thái độ, niềm tin, lý tưởng của thanh niên nói chung, sinh viên nói riêng.

Kết quả đạt được về giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc

- Về nội dung trong giáo dục: giáo dục Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần tự chủ, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, dám đương đầu để tự khẳng định mình; văn hóa giao tiếp, tình yêu lứa đôi, hạnh phúc gia đình...

- Về hình thức giáo dục: Thông qua môn học lý luận; Sử dụng hình thức nêu gương “người tốt việc tốt”; hay hoạt động tập thể.

- Về giải pháp: Một là, đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm xác lập cơ sở kinh tế vững chắc và nhân văn cho sự phát triển của đạo đức mới. Hai là, đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội gắn liền với giữ nghiêm kỷ cương xã hội làm cơ sở xã hội cho nền đạo đức mới. Ba là, phát huy các giá trị truyền thống kết hợp với việc tiếp thu có chọn lọc các giá trị quốc tế trong xây dựng đạo đức. Bốn là, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức trên phạm vi toàn xã hội.

- Vai trò của giá trị truyền thống dân tộc trong xây dựng lối sống; cần tổ chức tuyên truyền, giáo dục về nội dung vai trò của giá trị truyền thống dân tộc trong xây dựng lối sống mới; tổ chức các phong trào tôn vinh, phát huy giá trị văn hóa, lối sống đẹp; phát hiện những nhân tố mới, điển hình để tuyên truyền giáo dục, đồng thời đấu tranh phê phán các phản giá trị, lối sống thực dụng, nhân cách thấp hèn, đạo đức tha hóa vốn xa lạ với truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Đến nay đã có nhiều nghiên cứu về giá trị truyền thống, giáo dục giá trị truyền thống, quá trình hình thành nhân cách, sự biến đổi nhân cách, điều đó đã được thể hiện ở trên các tạp chí chuyên ngành, ở nhiều cuốn sách, nhiều cuộc hội thảo cấp quốc gia, quốc tế. Tuy nhiên, phần lớn các kết quả nghiên cứu chỉ mới dừng lại ở giá trị văn hoá truyền thống của con người Việt Nam. Chưa nghiên cứu một cách chuyên biệt, khai thác dưới góc độ chính trị học về giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc nhằm hình thành bản lĩnh và củng cố liên kết công đồng cho con người công dân, con người chính trị Việt Nam thời

kỳ hội nhập. Từ việc tổng quan các công trình nghiên cứu về con người Việt Nam, con người công dân Việt Nam, hệ giá trị truyền thống dân tộc và giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc, đặc biệt, trên cơ sở kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu, có thể thấy những khoảng trống trong nghiên cứu chuyên ngành Chính trị học nhằm hình thành con người công dân dựa trên nền tảng giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc, đó là:

Một, những nhân tố ảnh hưởng đến giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc nhằm hình thành bản lĩnh và cùng cố liên kết cộng đồng cho con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập gồm: nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế...;

Hai, những yếu tố về giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc nhằm hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập gồm: chủ thể giáo dục, đối tượng giáo dục, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục...;

Ba, tầm quan trọng của giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc nhằm hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập, đặc biệt là việc phát huy vai trò của giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với việc xây dựng hệ giá trị mới cho con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.

## Chương 2

# CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC GIÁO DỤC HỆ GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH CON NGƯỜI CÔNG DÂN VIỆT NAM THỜI KỲ HỘI NHẬP

### 2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh, Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con người mới - cơ sở của quan niệm về con người công dân Việt Nam

#### 2.1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

Tư tưởng xây dựng con người Việt Nam mới

Để phân biệt con người sống trong xã hội cũ với con người xã hội chủ nghĩa, theo Hồ Chí Minh: con người sống trong xã hội cũ là người chưa được giác ngộ cách mạng, chưa được trang bị lý luận cách mạng của giai cấp công nhân. Con người mới xã hội chủ nghĩa không phải tự nhiên mà sinh ra sứ mệnh lịch sử, nó là thành quả của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, của công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Di sản Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người rất phong phú, sâu sắc. Trong luận án chúng tôi chú ý đến những tư tưởng sau: nghiên cứu về con người phải đặt trong mối quan hệ với xã hội, chính vì vậy, người nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn; nghĩa rộng là đồng bào cả nước; rộng hơn nữa là loài người [102, tr.644]. Với nghĩa đó, khái niệm con người đã mang trong nó bản chất xã hội, phản ánh các quan hệ xã hội. Khi bàn về con người, trong tư tưởng của Hồ Chí Minh không trừu tượng, ở đó chứa đựng những con người cụ thể trong cuộc sống, mối quan hệ riêng – kế thừa quan điểm của Học thuyết Mác – Lê nin, Hồ Chí Minh xác định vì con người trước hết, đó là mục tiêu thiêng liêng, cao cả của cách mạng. Con người, giải phóng con người, phát triển toàn diện sẽ là nhân tố quyết định thành công của cách mạng. Vì vậy, mục tiêu của xây dựng chủ nghĩa xã hội theo Hồ Chí Minh phải luôn gắn với chăm lo cho con người, nhất là những người lao động và công ăn việc làm, cuộc sống an toàn, no đủ, hạnh phúc. “Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng,

làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một cuộc đời hạnh phúc” [104, tr.17]. Mục tiêu ấy luôn kiên định trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành” [101, tr.161].

Từ những quan điểm về mục tiêu xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh khẳng định chân lý con người Việt Nam mới muốn có tự do, bình đẳng, bác ái, niềm vui, hòa bình và hạnh phúc thì phải tập trung xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam. Vì chủ nghĩa cộng sản mới là nguồn gốc và đem lại cho con người Việt Nam một cuộc sống ấm no, hạnh phúc thực sự [100, tr.461]. Không chỉ kế thừa tư tưởng của Chủ nghĩa Mác – Lênin về con người mới, Hồ Chí Minh đã có vận dụng sáng tạo phù hợp với đặc điểm ở Việt Nam đang trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội đó là, thứ nhất, con người Việt Nam mới là người trách nhiệm, dám làm, tự giác đấu tranh với những mặt lạc hậu, mặt xấu, không ngừng học tập, rèn luyện tri thức, phẩm chất đạo đức, nhân cách để đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho đồng bào, xã hội, gia đình. Thứ hai, đó là con người tích cực, chủ động tham gia kiến thiết, xây dựng xã hội chủ nghĩa. Vì theo Hồ Chí Minh chỉ xã hội người mới thực hiện giáo dục con người thoát mọi áp bức, bóc lột, tha hóa.

Tư tưởng xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh để xây dựng con người Việt Nam toàn diện phải thực hiện từng bước, từng nhiệm vụ cụ thể sau:

Một là, xây dựng chiến lược phát triển con người.

Trong quan điểm về sự nghiệp cách mạng của Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định vai trò, vị trí của con người, vì vậy chiến lược xây dựng con người Việt Nam được hình thành từ rất sớm trong tổng thể tư tưởng Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh nói: "Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người". Trồng người ở đây là bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng”, vừa “chuyên”.

Hồ Chí Minh đặt sự quan tâm đặc biệt đến thế hệ trẻ, đến công tác thanh, thiếu niên và nhi đồng: "uốn cây từ lúc non", đừng để tâm hồn các cháu bị vẩn đục vì chủ nghĩa cá nhân. Trong bài "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân" (Báo Nhân dân ngày 3/2/1969), Hồ Chí Minh nhấn mạnh phát triển con người toàn diện phải luôn coi bồi dưỡng đạo đức cách mạng và chống chủ nghĩa cá nhân, là nâng niu, trân trọng những tài năng, tạo điều kiện cho sự phát triển con người là những nội dung rất quan trọng trong tư tưởng về con người của Hồ Chí Minh.

Hai là, nhấn mạnh vai trò của giáo dục, đào tạo trong việc xây dựng con người.

Để xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, Hồ Chí Minh khẳng định phải duy trì công tác giáo dục, đào tạo là quan trọng hơn hết. Ngay trong thời kỳ khó khăn của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã sớm gửi nhiều cán bộ đi đào tạo ở Liên Xô (cũ), Trung Quốc, mở nhiều lớp huấn luyện cho cán bộ trẻ mà Hồ Chí Minh trực tiếp tuyên truyền, giảng dạy, biên soạn tài liệu để đào tạo cán bộ cách mạng. Nhờ cách đó đã đào tạo được những người cán bộ có ý thức cách mạng, thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước. Đó là những con người có thể giới quan và nhân sinh quan mới, những con người mới xã hội chủ nghĩa. Về phương pháp, Hồ Chí Minh chú trọng đề cao giáo dục lí luận gắn với thực tiễn, lấy kết quả trong hoạt động thực tiễn làm thước đo tác dụng của giáo dục, đào tạo. Những tổng kết quý giá về công tác giáo dục, đào tạo con người mới đã được cô đọng trong hai tác phẩm nổi tiếng là "Đường Kách mệnh" và "Sửa đổi lối làm việc".

Ba là, phương pháp xây dựng con người Việt Nam.

Đối với Hồ Chí Minh thì phương pháp nêu gương, thống nhất giữa lời nói với việc làm, giữa lý luận với thực tiễn. Gương mẫu trong việc làm, trong cuộc sống, cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trước quần chúng, nêu gương tốt để quần chúng noi theo. Hơn nữa, Hồ Chí Minh còn đòi hỏi họ phải có tấm lòng bao dung, biết khơi dậy những mặt tốt của con người. Vì vậy, giáo dục theo Hồ Chí Minh chỉ là biết làm cho cái tốt được nảy nở và cái xấu bị triết tiêu [105, tr.558].



Từ những đặc điểm nói trên, có thể thấy quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa đã, đang và sẽ là quan điểm trong giáo dục xây dựng con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.

### ***2.1.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con người công dân Việt Nam***

Ngày từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đặc biệt quan tâm đến xây dựng con người trong nhiều văn kiện xây dựng đất nước. Trong Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930 đã xây dựng tiêu chí của con người mới. Tại Đại hội Đại biểu lần thứ II của Đảng Lao động Việt Nam năm 1951, Đảng Cộng sản Việt Nam đã quan tâm đến phát triển đạo đức dân chủ gồm: hiểu nghĩa vụ và quyền lợi của dân, phục vụ nhân dân, tin tưởng quần chúng, biết căm thù đế quốc và bọn phản quốc, ghét ăn bám và bóc lột, ngu dân và phình dân, biết yêu nhân loại, yêu Tổ quốc và nhân dân, yêu lao động và khoa học [9, tr.110]. Đại hội III của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1960 đã tiếp tục bổ sung thêm các quan điểm định hướng và tiêu chí xây dựng con người mới và khẳng định con người là vốn quý nhất của chế độ chủ nghĩa xã hội. "Bảo vệ và bồi dưỡng sức khỏe con người là nghĩa vụ và mục tiêu cao quý của các ngành y tế và thể dục thể thao dưới chế độ ta" [9, tr.556]. Tiếp đến, Đại hội IV của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1976 khẳng định, bổ sung và cụ thể hóa thêm các quan điểm, chủ trương định hướng xây dựng con người mới. Tại Đại hội VI năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định việc xây dựng con người phải dựa trên nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội; phát huy sức mạnh của nhân tố con người và vì con người; hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân [11].

Quá trình đổi mới đất nước, mở cửa đã mang lại cho Việt Nam nhiều thời cơ và thách thức, chính vì vậy, trong cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ mới, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định lấy con người làm trung tâm của chiến lược phát triển, làm chủ thể phát triển. Phải tôn trọng và bảo vệ quyền

con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Thường xuyên chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hóa, tình nghĩa; có tinh thần quốc tế chân chính [12]. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành đội ngũ lao động có tri thức và có tay nghề, có năng lực thực hành, tự chủ, năng động và sáng tạo, có đạo đức cách mạng, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Nhà trường phải tập trung đào tạo thế hệ trẻ theo hướng toàn diện và có năng lực chuyên môn sâu, có ý thức và khả năng tự tạo việc làm trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần [16]. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư khóa VII vào tháng 1 năm 1993 đã ban hành hàng loạt nghị quyết quan trọng nhằm xây dựng con người phục vụ sự nghiệp đổi mới: Nghị quyết Về một số nhiệm vụ văn hóa văn nghệ những năm trước mắt; Nghị quyết Về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; Nghị quyết Về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; Nghị quyết Về sự nghiệp giáo dục và đào tạo; Nghị quyết Về công tác thanh niên trong thời kỳ mới... [13]

Những năm đầu của Thế kỷ XXI, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến đổi mới, cho nên, vấn đề xây dựng con người càng được Đảng Cộng sản Việt Nam quan tâm trên bình diện mới. Cần xây dựng và hoàn thiện về nhân cách, chú trọng bồi dưỡng tư tưởng, lối sống, năng lực trí tuệ, đạo đức và bản lĩnh, bản sắc của con người Việt Nam trong giao lưu và hợp tác quốc tế. Trong kết luận của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ mười khóa IX đã thẳng thắn nêu sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống tiếp tục diễn biến phức tạp, có một số mặt nghiêm trọng hơn, tổn hại không nhỏ đến uy tín của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam, niềm tin của nhân dân [21]. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nhấn mạnh tới việc xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam, bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc trong thời kỳ công nghiệp

hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Bồi dưỡng các giá trị văn hóa trong thanh niên, học sinh, sinh viên, đặc biệt là lý tưởng sống, lối sống, năng lực trí tuệ, đạo đức, bản lĩnh văn hóa con người Việt Nam [22]. Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định nhiệm vụ đặt lên hàng đầu là nhiệm vụ xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống lành mạnh trong xã hội, trước hết là trong các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và trong từng cá nhân, gia đình, thôn xóm, đơn vị, tổ chức cơ sở... Khắc phục khuynh hướng giản đơn, chủ quan nóng vội, duy ý chí là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, vừa cấp bách, vừa cơ bản, lâu dài. Văn kiện Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam yêu cầu cần sớm có chiến lược quốc gia về xây dựng gia đình Việt Nam, góp phần giữ gìn và phát triển những giá trị truyền thống của văn hóa, con người Việt Nam, nuôi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ. Đoàn kết và xây dựng hệ giá trị chung của con người Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế [23].

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm (khoá VIII), Đảng Cộng sản Việt Nam đã có sự đánh giá đúng đắn, khách quan về những thành tựu, những yếu kém của văn hoá và con người Việt Nam trên nhiều phương diện, nhiều lĩnh vực hoạt động, đó là: Thứ nhất, con người Việt Nam vẫn luôn gắn bó mật thiết với những giá trị văn hoá truyền thống, với những phẩm giá của dân tộc mà điểm nổi bật là tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, tự lực, tự cường, đoàn kết vì đại nghĩa dân tộc. Thứ hai, con người Việt Nam vẫn luôn thể hiện đức tính cần cù, sáng tạo trong mọi hoạt động. Thứ ba, nét đặc trưng của đời sống tinh thần, phẩm giá của con người Việt Nam là truyền thống cộng đồng, lòng nhân ái, những tình cảm vị tha và khoan dung... vẫn được giữ vững, phát huy trong điều kiện mới của đất nước. Thứ tư, con người Việt Nam vẫn giữ được truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo. Thứ năm, giá trị tinh thần, đạo lý của gia đình truyền thống vẫn được giữ vững, có ảnh hưởng tích cực trong đời sống gia đình Việt Nam, vẫn là nhân tố quan trọng đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội [18].

Tổng kết, đánh giá 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII và nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, với mục tiêu tổng quát là xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh [29].

Đại hội XII xác định, phải đặt nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện lên hàng đầu trong các nhiệm vụ khác của văn hóa. Đồng thời, "Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển" [26, tr.126]. Đây là quan điểm mới, phù hợp với thực tiễn phát triển văn hóa, con người trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay. Như vậy, Việt Nam cần đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế [26, tr.26 - 27]. Tập trung xây dựng được hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam trong thời đại mới thì mới có căn cứ để xây dựng con người. Các hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam phải vừa phù hợp với những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, vừa phải phù hợp với những giá trị văn hóa của thời đại nhằm xây dựng con người Việt Nam với đầy đủ phẩm chất và năng lực, vừa phải mang tính dân tộc, hiện đại, nhân văn; vừa có khả năng đảm nhiệm những trọng trách mới trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Hình thành một thế hệ con người Việt Nam phát triển toàn diện về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; có hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc; vừa biết khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái đẹp,

tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn; nhưng cũng phải biết đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người... [26].

Những quan điểm về xây dựng con người Việt Nam mới được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện rõ rệt ở việc tiếp cận vấn đề xây dựng con người từ nhiều bình diện khác nhau, tạo thành sức mạnh tổng hợp để phát triển con người một cách toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế.

## **2.2. Con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập**

### Con người công dân

Cũng như khái niệm con người, khái niệm công dân cũng được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau: Với Luật học, công dân là “người dân của một nhà nước dân chủ, có chủ quyền. Nhà nước xác định một người cụ thể là công dân, là xác định sự phụ thuộc về mặt pháp lý của người đó đối với nhà nước” [38]. Theo Từ điển tiếng Việt thì công dân là “người dân, trong quan hệ về mặt quyền lợi và nghĩa vụ với nhà nước” [47]. Còn theo, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam” [38]. Như vậy, Công dân là người dân của một nhà nước có chủ quyền. Công dân là người trong quan hệ pháp lý, chính trị với nhà nước, quan hệ đó được thiết lập trên cơ sở sở quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia... Để nghiên cứu khái niệm về con người công dân dưới góc độ khoa học chính trị được tiếp cận liên ngành như luật học và triết học, nhằm luận giải quyền tự nhiên, quyền xã hội của con người.

Theo Học thuyết Mác – Lê nin, con người là chủ thể "sinh động" nhất của xã hội. Sự “sinh động” ở đây có nghĩa là con người có thể chinh phục tự nhiên, cải tạo tự nhiên. Tuy rằng con người đã bỏ xa giới động vật trong quá trình tiến hoá nhưng như thế không có nghĩa là con người đã lột bỏ tất cả

những cái tự nhiên để không còn một sự liên hệ nào với tổ tiên của mình. Con người là sản phẩm tự nhiên, là kết quả của quá trình tiến hoá lâu dài của giới hữu sinh, đã là con người thì phải trải qua giai đoạn sinh trưởng, tử vong, mỗi con người đều có nhu cầu ăn, mặc, ở, sinh hoạt... Song con người không phải là động vật thuần túy như các động vật khác mà xét trên khía cạnh xã hội thì con người là động vật có tính xã hội, con người là sản phẩm của xã hội, mang bản tính xã hội. Những yếu tố xã hội là tất cả những quan hệ, những biến đổi xuất hiện do ảnh hưởng của các điều kiện xã hội khác nhau, những quy định về mặt xã hội tạo nên con người. Con người chỉ có thể tồn tại được khi tiến hành lao động sản xuất của cải vật chất để thoả mãn nhu cầu của mình và chính lao động sản xuất là yếu tố quyết định hình thành con người và ý thức. Lao động là nguồn gốc duy nhất của vật chất, vật chất quyết định tinh thần theo logic thì lao động là nguồn gốc của văn hoá vật chất và tinh thần.

Với tư cách là con người xã hội, là con người hoạt động thực tiễn con người sản xuất ra của cải vật chất, tác động vào tự nhiên để cải tạo tự nhiên, con người là chủ thể cải tạo tự nhiên. Như vậy, con người vừa do tự nhiên sinh ra, bị phụ thuộc vào tự nhiên vừa tác động vào tự nhiên. Tình cảm thống trị tự nhiên chỉ có con người mới khắc phục được tự nhiên bằng cách tạo ra những vật chất, hiện tượng không như tự nhiên vốn có bằng cách đó con người đã biến đổi bộ mặt của tự nhiên, bắt tự nhiên phải phục vụ con người. Một điều chắc chắn rằng, con người chỉ có thể thống trị tự nhiên nếu biết tuân theo và nắm bắt các quy luật của chính bản thân nó. Quá trình cải biến tự nhiên, con người cũng tạo ra lịch sử cho mình. Con người không những là sản phẩm của xã hội mà con người còn là chủ thể cải tạo chúng. Bằng mọi hoạt động lao động sản xuất con người sáng tạo ra toàn bộ nền văn hoá vật chất, tinh thần. Bằng hoạt động cách mạng, con người đánh dấu thêm các trang sử mới cho chính mình mặc dù tự nhiên và xã hội đều vận động theo những quy luật khách quan song quá trình vận động của con người luôn xuất phát từ nhu cầu, động cơ và hứng thú, theo đuổi những mục đích nhất định và do đó đã tìm cách hạn chế hoặc mở rộng phạm vi tác dụng của quy luật cho phù hợp với

nhu cầu và mục đích của mình. Nếu không có con người với tư cách là chủ thể sinh động nhất của xã hội thì không thể có xã hội, không thể có sự vận động của xã hội mà vượt lên tất cả chính là của cải vật chất. Như vậy, con người là sản phẩm của tự nhiên và xã hội, vừa là chủ thể cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội. Con người là thực thể thống nhất giữa mặt sinh học với mặt xã hội.

Mặt khác, quá trình nghiên cứu nội dung ý thức công dân dưới chế độ xã hội có đối kháng giai cấp, K.Marx (1818 – 1883) và F. Engels (1820 – 1895) có những phê phán mạnh mẽ trong cách hiểu về xã hội công dân. Các ông cho rằng: Xã hội công dân bao trùm toàn bộ sự giao tiếp vật chất của các cá nhân trong một giai đoạn phát triển nhất định của lực lượng sản xuất. Nó bao trùm toàn bộ đời sống thương nghiệp và công nghiệp trong giai đoạn đó và do đó, vượt ra ngoài phạm vi quốc gia và dân tộc, mặt khác, về đối ngoại nó vẫn phải hiện ra như là một dân tộc và về đối nội nó vẫn phải tự tổ chức thành một nhà nước. K. Marx và F. Engels quan niệm về xã hội công dân là nơi công dân được bộc lộ những lợi ích cá nhân, là nơi sinh hoạt của đông đảo quần chúng lao động bị tước mất những lợi ích cơ bản.

Như vậy, công dân gắn liền với quốc tịch, với Nhà nước. Quốc tịch dùng để phân biệt giữa công dân một nước với các nước khác, là dấu hiệu để xem xét mối quan hệ giữa con người công dân với Nhà nước. Khi đưa ra khái niệm công dân, tức là đặt mối quan hệ giữa Nhà nước và con người lên hàng đầu. Nhà nước đưa ra pháp luật, quy định quyền và nghĩa vụ công dân còn công dân có nghĩa vụ tuân theo pháp luật mà Nhà nước của mình đặt ra dù họ ở trong hoặc ngoài nước; Nhà nước có quyền phán xét, xử lý tuyệt đối các hành vi cho công dân của mình đồng thời phải có trách nhiệm bảo hộ quyền và lợi ích của công dân cả ở trong và ngoài nước, còn công dân lại lệ thuộc vào Nhà nước. Vì vậy, quan hệ Nhà nước, công dân bao giờ cũng là quan hệ giữa công dân với một Nhà nước nhất định. Nghĩa là ngoại diên của khái niệm công dân sẽ là công dân Việt Nam, công dân Mỹ, công dân Lào...

Từ những luận giải trên, có thể đi đến khái quát về con người công dân như sau: con người công dân là một thể thống nhất giữa các mặt sinh vật với

các mặt xã hội của một quốc gia, dân tộc cụ thể. Chịu sự chi phối, ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, các yếu tố xã hội đến nhân cách, phẩm chất, tâm lý, tình cảm, niềm tin, ý chí và các quan hệ người với người, đặc biệt, chịu tác động mạnh mẽ của thể chế chính trị định hướng hành vi, ứng xử trong quan hệ với nhà nước, với dân tộc và vì lợi ích chung của cộng đồng.

Khi xem xét con người công dân là xem xét mặt tự nhiên, xã hội và mặt chính trị của con người công dân. Mặt tự nhiên, xã hội sẽ quyết định sự hình thành và phát triển của phẩm chất, nhân cách, ngay cả hành vi, ứng xử của con người công dân; nhưng mặt chính trị lại có nhiệm vụ định hướng, cân chỉnh những hành vi, ứng xử đó được bảo đảm lợi ích của cộng đồng trong một quốc gia, dân tộc.

Quá trình hình thành và phát triển con người công dân được quy định bởi ba hệ thống khác nhau, nhưng thống nhất với nhau, vì con người công dân là sản phẩm của tự nhiên và xã hội. Thứ nhất là, hệ thống các quy luật tự nhiên như quy luật về sự phù hợp cơ thể với môi trường, quy luật về sự trao đổi chất, về di truyền, biến dị, tiến hóa... quy định phương diện sinh học của con người công dân. Thứ hai là, hệ thống các quy luật tâm lý ý thức hình thành và vận động trên nền tảng sinh học của con người công dân như hình thành tình cảm, khát vọng, niềm tin, ý chí. Thứ ba là, hệ thống các quy luật xã hội quy định quan hệ xã hội giữa người với người. Ba hệ thống quy luật cùng tác động, tạo nên thể thống nhất hoàn chỉnh trong đời sống con người công dân bao gồm cả mặt sinh học và mặt xã hội. Mỗi quan hệ sinh học và xã hội là cơ sở để hình thành hệ thống các nhu cầu sinh học và nhu cầu xã hội trong đời sống con người công dân như nhu cầu ăn, mặc, ở; nhu cầu tái sản xuất xã hội; nhu cầu tình cảm; nhu cầu thẩm mỹ và hưởng thụ các giá trị tinh thần.

Xác lập nguyên tắc cơ bản của mối quan hệ giữa mặt tự nhiên, xã hội với mặt chính trị là xác lập mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân con người công dân và lợi ích cộng đồng quốc gia, dân tộc. Mỗi cá nhân con người công dân không bao giờ có thể tách rời khỏi quốc gia, dân tộc, đây cũng là mối quan hệ có tính lịch sử. Là một hiện tượng lịch sử, quan hệ cá nhân con người công



dân với chính trị của một quốc gia, dân tộc luôn vận động, biến đổi và phát triển, trong đó, sự thay đổi về chất chỉ diễn ra khi có sự thay đổi về các quyết định chính trị.

Con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.

Con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập là công dân Việt Nam được hưởng đầy đủ quyền và trách nhiệm theo quy định của hiến pháp và pháp luật Việt Nam. Chịu sự tác động, định hướng của thể chế chính trị Việt Nam với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và những chi phối, ảnh hưởng đến nhân cách, phẩm chất, tâm lý, tình cảm, niềm tin, ý chí và hành vi, ứng xử trong thời kỳ hội nhập ở Việt Nam. Mặt khác, quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đang tác động mạnh mẽ đến con người công dân Việt Nam, do đó, việc nghiên cứu về con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập cần được thực hiện trên những cách tiếp cận sau:

Một là, tiếp cận dựa trên lý thuyết cấu trúc – chức năng và lý thuyết về vai trò xã hội. Xuất phát điểm của cách tiếp cận này là phải xem xét tác động của môi trường chính trị - xã hội ở Việt Nam và thế giới đến việc hình thành hành vi ứng xử của con người công dân Việt Nam. Từ đó, giúp con người công dân Việt Nam nhận thức phải rèn luyện, học tập về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, về phẩm chất, đạo đức, lối sống nhằm phù hợp với yêu cầu của môi trường chính trị - xã hội. Dù trên phương diện nào thì con người công dân Việt Nam phải nhận thức, lĩnh hội về trách nhiệm, vai trò của mình với tư cách là một thành viên trong của xã hội Việt Nam. Trên cơ sở đó, con người công dân Việt Nam bày tỏ thái độ chấp nhận hay không chấp nhận vai trò và trách nhiệm đó, đồng thời tìm cách tự học tập, rèn luyện mình để đảm nhiệm hay không đảm nhiệm vai trò và trách nhiệm đó.

Hai là, tiếp cận dựa trên lý thuyết về tâm lý học phát triển. Cách tiếp cận này quan tâm đến những biến đổi về cơ thể, về tâm, sinh lý của con người công dân Việt Nam khi tham gia vào thời kỳ hội nhập theo từng giai đoạn, coi đó là cơ sở để phân tích sự trưởng thành về nhân cách con người công dân Việt Nam. Với mục đích là làm sáng tỏ nội hàm của khái niệm bản thể của cá nhân, của nhóm trong môi trường chính trị - xã hội Việt Nam.

Ba là, tiếp cận dựa trên lý thuyết hệ thống và sinh thái. Cách tiếp cận này tập trung vào việc phân tích và mô tả sự phù hợp hay không phù hợp với môi trường chính trị - xã hội của con người công dân Việt Nam, coi đó là một quá trình thích ứng với môi trường của con người công dân Việt Nam. Do vậy, "Con người và môi trường luôn đặt trong mối tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau một cách tích cực mang tính chức năng – hệ thống" [196, tr.56]. Vì môi trường sống của con người công dân Việt Nam dựa trên bốn loại sau: hệ thống vi mô trực tiếp nhất; hệ thống trung bình là sự đan xen phức hợp của nhiều hệ thống vi mô; hệ thống ngoại sinh là các thiết chế xã hội; hệ thống vĩ mô là phần còn lại của toàn bộ xã hội và giới tự nhiên [197, tr.42-46].

Bốn là, tiếp cận dựa trên lý thuyết tương tác hành vi. Cách tiếp cận này dựa vào quá trình tương tác giữa các yếu tố bên trong con người công dân Việt Nam và yếu tố môi trường bên ngoài trong việc tạo ra những nội lực và những động cơ thúc đẩy hành vi.

Với cách tiếp cận khi nghiên cứu về con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập, với những kiến giải về con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập và theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, cho thấy, cấu trúc về trình độ, về phẩm chất của con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập gồm hai yếu tố cơ bản là đức và tài. Trong đó, khía cạnh đạo đức được coi là “thành phần đặc biệt”, là “thước đo sự tự do chủ quan của nhân cách... và bằng chứng nói lên trình độ phát triển của bản thân nhân cách” [189, tr.29]; khía cạnh tài là tài năng làm được việc gì của con người công dân, cụ thể như sau:

Thứ nhất, mặt “đức” là “Cái biểu hiện tốt đẹp của đạo lí trong tính nết, tư cách, hành động của con người” [47, tr.354], được thể hiện ở những phẩm chất chủ yếu là:

- Phẩm chất xã hội: Bao gồm thế giới quan, lý tưởng, niềm tin, lập trường, nhân sinh quan, thái độ chính trị - xã hội, thái độ lao động. Sự phát triển cao của những phẩm chất này giúp cá nhân có nhận thức và hành động đúng đắn, phù hợp trong những hoàn cảnh, điều kiện lịch sử cụ thể.

- Phẩm chất cá nhân (đạo đức, tư cách): Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn của mình, các cá nhân thực hiện đạo đức xã hội như là hệ thống kinh nghiệm xã hội, chuẩn mực, lý tưởng, tư tưởng đánh giá đạo đức được hình thành trong lịch sử cộng đồng, biến kinh nghiệm xã hội thành kinh nghiệm bản thân.

- Phẩm chất ý chí (tính kỷ luật, tính mục đích, tính quả quyết, tính kiên trì, tính phê phán) và cách ứng xử, phong cách, tác phong, tính khí, những phẩm chất quan trọng của con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập mang nhân cách.

Sự phát triển của con người công dân Việt Nam thể hiện sự phát triển của xã hội Việt Nam. Hiện đại hóa xã hội bao hàm "hiện đại hóa" con người, nhất là trong thời kỳ hội nhập. Muốn hiện đại hóa con người phải xây dựng những đức tính cơ bản, toàn diện, vừa tiếp nhận tinh hoa của thời đại, vừa mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, đòi hỏi con người công dân Việt Nam phải biểu hiện: Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung; Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái; Lao động chăm chỉ vì lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo; Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực. Đức tính của con người công dân Việt Nam được xây dựng và xác định, trong đó các yếu tố quan trọng là yêu nước, tuân thủ pháp luật, đức sáng, thành tín, đoàn kết, làm việc thiện, cần kiệm, tự cường, yêu nghề và hiến thân. Đó là nét văn hóa trong các đức tính tốt đẹp của con người Việt Nam thời kỳ hội nhập.

Hai là, mặt "tài" là "Khả năng đặc biệt làm một việc nào đó" [47, tr.884], là năng lực hoàn thành các công việc được giao với chất lượng và hiệu quả cao. Năng lực của con người công dân Việt Nam phát triển ở mức độ nào

là tùy thuộc vào năng khiếu bẩm sinh, song quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của mỗi cá nhân giữ vai trò quyết định. Năng lực thể hiện ra ở rất nhiều khả năng khác nhau mà mỗi kiểu nhân cách có những khả năng tương ứng. Ở mức độ chung nhất, “tài” có thể xem xét ở những khả năng sau:

- Khả năng trí tuệ: Là trình độ nhận thức lý tính đạt đến trình độ phát hiện được bản chất, quy luật vận động của đối tượng, cho phép cá nhân xác định được đường hướng phát triển trước mắt và lâu dài cho nhiệm vụ của mình.

- Khả năng chuyên môn: Là học vấn chuyên ngành ở một trình độ nhất định và khả năng tác nghiệp ứng với nhiệm vụ đảm đương, có uy tín và hoàn thành được nhiệm vụ của mình trong mọi hoàn cảnh.

- Khả năng hành động: Thể hiện khả năng hành động của cá nhân theo mục đích nhất định, có tinh thần chủ động, tích cực, sáng tạo với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhất.

- Khả năng giao lưu, giao tiếp xã hội: Thể hiện khả năng thiết lập và duy trì mối quan hệ với người khác, với xã hội.

Việt Nam đang hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng hơn, làm cho vấn đề phát huy những thuận lợi và hạn chế những bất lợi của xu thế hội nhập mang lại cho Việt Nam là yêu cầu cấp thiết nhằm tạo tiền đề cho con người công dân hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống: Con người công dân Việt Nam phải nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phải có khả năng rộng thị trường để thúc đẩy thương mại và các quan hệ kinh tế quốc tế khác, có khả năng tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội; có khả năng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của các sản phẩm và doanh nghiệp; đồng thời, biết phát huy nguồn lực làm tăng khả năng thu hút đầu tư vào nền kinh tế; biết nâng cao trình độ khoa học công nghệ quốc gia, hợp tác giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học và tiếp thu công nghệ mới thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài và chuyển giao công nghệ từ các nước tiên tiến; tạo môi trường làm tăng cơ hội tiếp cận thị trường quốc tế, nguồn tín dụng và các đối tác quốc tế; biết sáng tạo, đa dạng về chủng loại, mẫu mã và chất lượng của hàng hóa;

có khả năng tiếp cận và giao lưu nhiều hơn với thế giới bên ngoài, phát triển và tìm kiếm việc làm cả ở trong lẫn ngoài nước. Về giá trị và tiến bộ của văn hóa, văn minh của thế giới, con người công dân Việt Nam có khả năng bổ sung, làm giàu văn hóa dân tộc và thúc đẩy tiến bộ xã hội; tham gia xây dựng một xã hội mở, dân chủ hơn, và một nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; khẳng định vị trí của mình trong quan hệ quốc tế, tăng cường uy tín và vị thế quốc tế, cũng như khả năng duy trì an ninh, hòa bình và ổn định để phát triển; biết duy trì hòa bình và ổn định; mở ra khả năng phối hợp các nguồn lực để giải quyết những vấn đề cùng quan tâm. Như vậy, Con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập là phải có khả năng biến thách thức thành thời cơ cho đất nước; phải gia tăng nguy cơ xói mòn bản sắc dân tộc và văn hóa truyền thống trước sự “xâm lăng” của văn hóa nước ngoài.

Tóm lại, nếu con người công dân Việt Nam là một chỉnh thể sinh vật - xã hội thống nhất thì nhân cách của họ là mặt chất lượng xã hội của toàn bộ chỉnh thể đó. Sự thống nhất giữa những phẩm chất và năng lực, giữa “đức” và “tài” mà mỗi cá nhân đạt được trong quá trình học tập, lao động và tu dưỡng được xã hội thừa nhận như một giá trị đã tạo thành nhân cách của chính cá nhân đó. Trong quan hệ giữa “đức” và “tài” trong nhân cách, mặt “đức” được coi là “gốc”, là cơ sở nền tảng cho sự hình thành và phát triển của con người công dân.

### **2.3. Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc**

#### ***2.3.1. Giá trị, giá trị truyền thống, hệ giá trị và hệ giá trị truyền thống***

Giá trị

Nói tới giá trị, trước hết phải nghĩ đến "giá trị" và "giá trị sử dụng" trong kinh tế học. Tuy nhiên, phạm trù "giá trị" có tính trừu tượng hơn và thường xuất hiện trong triết học, chính trị học, xã hội học, luật học,... Nhưng, dù phạm trù "giá trị" trừu tượng như thế nào thì nó cũng không thể hoàn toàn tách rời nội dung ban đầu.

Một số học giả cho rằng, giá trị là một phạm trù quan hệ, một mặt, giá trị không tách rời khỏi con người và nhu cầu của con người; mặt khác, giá trị cũng không tách rời khỏi khách thể. Ở Việt Nam phải kể đến các tác giả

ngiên cứu về giá trị như: Trần Văn Giàu nêu "Giá trị xuất hiện từ mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng, nghĩa là từ thực tiễn và chiến đấu của con người trong xã hội" [79]. Cũng theo Trần Văn Giàu khi xác định giá trị phụ thuộc vào đánh giá đúng đắn của con người và giá trị phải xuất phát từ thực tiễn và phải được kiểm chứng từ thực tiễn. Phạm Minh Hạc định nghĩa giá trị "Nói đến giá trị là nói đến đánh giá, tìm kiếm ý nghĩa của sự vật này, sản phẩm kia mà chủ thể quan tâm tới, có ước muốn đạt được để thực hiện một mục đích nào đấy, đó là thái độ (hệ thống thái độ) của từng con người đối với xung quanh, một phần cực kỳ quan trọng của lối sống, cách sống" [89]. Hồ Sĩ Quý cho rằng: Giá trị được sử dụng rộng rãi trong triết học và xã hội học, có ý nghĩa chỉ ra các hiện tượng văn hóa, các hiện tượng xã hội. Về thực chất giá trị khách quan với tính cách là khách thể của quan hệ giá trị, nó là toàn bộ sự đa dạng của hoạt động người, của quan hệ xã hội trong đó có cả các hiện tượng tự nhiên có liên quan. Theo Hồ Sĩ Quý thì giá trị được đánh giá trong khuôn thước của thiện và ác, của chân lý và sai lầm, của đẹp và xấu, của được phép và cấm kỵ, của chính nghĩa và phi nghĩa... [138]. Với Đoàn Văn Chúc thì giá trị được xem là cái khả ao ước của một nhóm, một cộng đồng hay một cộng đồng xã hội. Giá trị được biểu hiện qua những quan niệm thâm kín hay bộc lộ cái ao ước, cái thâm kín, cái ao ước đó được biểu hiện thông qua các phương thức, phương tiện, mục đích của hành động. Như vậy theo quan niệm của Đoàn Văn Chúc thì giá trị là những tiêu chuẩn về cái ao ước, chúng xác định mục đích chung của hành động [64]. Trong khi đó, Trần Trọng Thủy cho rằng: Giá trị được con người tạo ra nhằm phục vụ sự tiến bộ của xã hội và sự phát triển của cá nhân con người. Giá trị là một hiện tượng xã hội điển hình, biểu thị sự vật, hiện tượng, các thuộc tính và quan hệ của hiện thực, các tư tưởng, các chuẩn mực, mục đích và lý tưởng, các hiện tượng của tự nhiên và xã hội [154].

Từ những quan niệm và với mục tiêu của luận án, nghiên cứu sinh cho rằng, quan niệm về giá trị "là tiêu chuẩn qua đó các thành viên của một nền văn hóa xác định điều gì là đáng mong muốn và không đáng mong muốn, tốt hay xấu, đẹp hay xấu" [191] phù hợp với quan điểm cá nhân và giúp luận án

xác định rõ ràng hơn về những thao tác trong hoạt động sống của con người công dân để nghiên cứu.

Như vậy, giá trị được hiểu là những phát biểu "đánh giá" và "phán đoán" từ quan điểm văn hóa về điều nên làm của một cá thể, cộng đồng hay nhóm. Hệ thống những điều nên làm trong khung cảnh của nền văn hóa, từ phương diện lý thuyết giá trị, nó tồn tại như là những nguyên tắc bao quát và phản ánh trong hầu hết từng khía cạnh trong cách sống của con người. Có thể khẳng định, tư duy của con người tạo ra giá trị hay giá trị là sản phẩm của tư duy. Giá trị là hình thái của đời sống tinh thần, phản ánh và kết tinh đời sống vật chất và tinh thần của con người.

Vì giá trị là những đánh giá và phán đoán của con người, nhóm người, cộng đồng và xã hội về tự nhiên, xã hội và tư duy theo hướng cái gì là cần, là tốt, là đẹp, là hay nhằm khẳng định và nâng cao bản chất người, cho nên, "tính chủ quan" được coi là thuộc tính căn bản của giá trị. Sự hiện thực hóa đặc điểm bản chất này của giá trị văn hóa gắn chặt với hàng loạt các chức năng của nó, trong đó đáng chú ý nhất là chức năng định hướng, chi phối và điều tiết của giá trị đến các mục tiêu, phương thức và hành động của con người trong xã hội ấy.

Tính tương đối hay giá trị là hiện tượng luôn có tính tương đối. Có nghĩa là, khi đánh giá tính giá trị phải đặt nó trong quan hệ không gian, thời gian và chủ thể giá trị. Bởi vì, giá trị hay chân lý đều được diễn giải trong những không gian xã hội và lịch sử cụ thể. Như vậy, về bản chất, quan điểm giá trị thuộc phạm trù ý thức xã hội, quan điểm giá trị của một xã hội nhất định là một bộ phận hợp thành của ý thức xã hội của xã hội ấy.

#### Giá trị truyền thống

Cụm từ truyền thống thường được sử dụng với các loại hình cộng đồng như: truyền thống gia đình, truyền thống dân tộc, truyền thống Phương Đông,... Hay khi đề cập đến một lĩnh vực nào đó, có thể nói: truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước, truyền thống cần cù lao động... Có người còn sử dụng cụm từ này để chỉ những quan niệm đã cũ, hay những mặt được xem là

bảo thủ của một triết thuyết nào đó, nó đối lập với quan niệm cách tân, hiện đại. Có thể cho rằng, truyền thống là những cái được định hình tương đối ổn định trong lịch sử, có thể được lưu truyền, cải tiến ở hiện tại và tương lai. Khi nhận diện truyền thống là xem xét những yếu tố, những giá trị của cộng đồng người. Do vậy, để nhận diện truyền thống của một quốc gia hay một dân tộc, trước hết phải xem xét những yếu tố về điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh xã hội cụ thể hình thành truyền thống đó.

Ở Việt Nam quá trình hình thành, phát triển truyền thống dân tộc do sự tác động tổng hợp, hằng xuyên của nhiều yếu tố: hoàn cảnh tự nhiên (hay còn gọi là đặc điểm địa lý), hoàn cảnh lịch sử, môi trường văn hóa khu vực... Truyền thống dân tộc Việt Nam được lưu truyền, vun đắp và phát triển trải qua nhiều thế hệ con người tiếp nối nhau. Những truyền thống dân tộc Việt Nam đã trở thành động lực nội sinh, là sức mạnh của cộng đồng Người Việt trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

#### Hệ giá trị

Hệ giá trị được sử dụng rất phổ biến, chẳng hạn các khái niệm như hệ giá trị Mỹ, hệ giá trị dân tộc,... là thường gặp trong các nghiên cứu giá trị. Khái niệm hệ giá trị được hiểu khá thống nhất ở các nhà nghiên cứu. Nó được định nghĩa là một tổ hợp giá trị khác nhau được sắp xếp, hệ thống lại theo những nguyên tắc nhất định tạo thành một tập hợp mang tính toàn vẹn và hệ thống, thực hiện các chức năng đặc thù trong việc đánh giá của con người theo những phương thức vận hành nhất định của giá trị, hoặc từ cách tiếp cận chủ thể của giá trị cũng có thể định nghĩa - hệ giá trị là tập hợp các giá trị có biểu hiện của con người, cộng đồng người (cá nhân, gia đình, dân tộc, vùng, nhân loại, quốc gia...).

Từ phương diện văn hóa - tức là nhìn từ phương diện cung cấp một đảm bảo cho sự bền vững của cấu trúc xã hội, hệ giá trị của các cộng đồng, nhóm, dân tộc... có vai trò rất quan trọng trong định dạng tính cố kết, tính xu hướng của hệ thống xã hội bằng việc nó hệ thống hóa qua bộ lọc của lịch sử tồn tại, thích nghi của mỗi cộng đồng về những "cái đang mong đợi chung" được chia



sẽ bởi các thành viên trong hệ thống qua đó định dạng phương hướng hệ thống trong các quan hệ tương tác bên trong và với thế giới bên ngoài. Ngoài ra các nhà khoa học thường lưu ý những đặc điểm có ý nghĩa định hướng về phương pháp luận cho nghiên cứu hệ giá trị, đó là nhấn mạnh những tính chất phổ quát của mọi hệ giá trị: tính độc lập tương đối, tính lịch sử cụ thể, tính dân tộc (truyền thống), tính thời đại, tính nhân loại, tính cộng đồng, tính giai cấp, tính lý tưởng và tính hiện thực...

#### Hệ giá trị truyền thống

Hệ giá trị truyền thống là tập hợp các giá trị truyền thống, được tổng hợp, sắp xếp theo một mục đích nhất định, là một phạm trù thuộc đời sống xã hội - tổng hợp những nhân tố quan trọng cấu thành nền văn hóa, có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội và tác động mạnh mẽ đến các hoạt động của con người, nó là động lực thúc đẩy sự phát triển và sự tiến bộ xã hội. Hệ giá trị truyền thống dân tộc tồn tại dưới nhiều hình thức hoạt động của con người, phản ánh được hiện thực cuộc sống sinh tồn của con người và loài người, định hướng hoạt động con người, cộng đồng người trong tính lịch sử - cụ thể.

Hệ giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam rất phong phú được nhiều nhà khoa học nghiên cứu, xuất bản công trình khoa học về vấn đề này. Hệ thống giá trị đó tác động vào đời sống cá nhân và đời sống cộng đồng một cách toàn bộ, tổng hòa, tổng hợp, hình thành nên văn hóa cá nhân và văn hóa cộng đồng. Trong đó, hệ giá trị thường có sự tương liên, tương tác, liên hoàn, móc xích, hỗ trợ nhau cùng phát huy tác dụng. Chẳng hạn, khó phân biệt tách bạch hệ giá trị như tình yêu quê hương, yêu nước, thương yêu đồng loại, thương người,... Hoặc như, đã yêu nước thì phải yêu lao động, cần cù, tự lực tự cường, sáng tạo để làm cho đất nước ngày càng thêm giàu mạnh, đẹp đẽ. Và muốn lao động với hiệu quả cao thì phải ham học hỏi để nắm văn hóa, kỹ thuật. Và muốn học hỏi cho có kết quả thì phải có đầu óc phóng khoáng, không hẹp hòi, sẵn sàng tiếp nhận cái mới, cái tiến bộ, không câu nệ là từ đâu đến. Hoặc như nói về tình người, nhân ái (thương người), nếu phát huy cao dần lên nó sẽ trở thành tính nhân loại, anh em bốn biển đều là người một nhà. Người Việt Nam giàu tính nhân bản, đồng thời cũng giàu lòng hiếu khách, bao dung.

Ở Việt Nam quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức và cả hoạt động thực tiễn của con người từ nhiều góc cách, từ nhiều phía khác nhau, vì thế hệ giá trị truyền thống dân tộc cũng có nhiều biến đổi đa dạng và phong phú. Do đó, việc xác định hệ giá trị truyền thống cũng gặp nhiều khó khăn, khó nhận biết hệ giá trị đích thực. Thực tiễn xã hội lại nảy sinh hiện tượng mới như: sùng ngoại, sùng cổ, coi cái gì của mình cũng tốt. Chính vì thế, vấn đề hàng đầu hiện nay là đưa ra được tiêu chí xác định hệ giá trị truyền thống dân tộc và tiêu chí đánh giá tinh hoa nhân loại rất cần thiết và quan trọng.

Hiện nay, đã có những ý kiến khác nhau về hệ giá trị truyền thống Việt Nam, với luận án chuyên ngành chính trị học thì 5 giá trị sau được hợp thành một hệ giá trị để bổ sung, hỗ trợ và tác động đến hình thành con người công dân trên các mặt cửa đời sống, đó là: 1) Giá trị truyền thống yêu nước; 2) Giá trị truyền thống liên kết cộng đồng; 3) Giá trị truyền thống nhân ái, khoan dung; 4) Giá trị truyền thống đề cao công bằng xã hội; 5) Giá trị truyền thống lao động cần cù và sáng tạo. Trong những biến động của thời đại các giá trị này đang được tiếp tục củng cố, có những hình thức biểu hiện mới.

### ***2.3.2. Nội dung giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập***

Với mục tiêu xây dựng con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập có bản lĩnh, củng cố liên kết trong cộng đồng, đặc biệt là sự phù hợp với điều kiện phát triển xã hội trong thời kỳ hội nhập, nghiên cứu sinh kế thừa những nghiên cứu đi trước về giá trị truyền thống dân tộc và sắp xếp theo thứ tự thành hệ giá trị truyền thống gồm 5 giá trị tiêu biểu sau:

Một là, Giá trị truyền thống yêu nước.

Yêu nước là tình cảm thiêng liêng của nhân dân Việt Nam từ xưa đến nay, là “nguyên tắc đạo đức và chính trị, một tình cảm xã hội mà nội dung của nó là lòng trung thành với Tổ quốc, là lòng tự hào về quá khứ và hiện tại của Tổ quốc, ý chí bảo vệ những lợi ích của Tổ quốc” [53, tr.11-12]. Lòng yêu nước có nguồn gốc sâu xa từ ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình -

làng xã - Tổ quốc. Như Hồ Chí Minh đã nói: “Việt Nam ta có hai tiếng Tổ quốc, ta cũng gọi Tổ quốc là đất nước; có đất và có nước thì mới thành Tổ quốc. Có đất lại có nước thì dân giàu, nước mạnh... Nhiệm vụ của chúng ta là làm cho đất nước điều hoà với nhau để nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội” [105, tr.506].

Trong bảng hệ giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam thì chủ nghĩa yêu nước luôn được xếp ở vị trí đầu tiên. Nó trở thành “Tiêu điểm của các tiêu điểm, giá trị của các giá trị”, là “tư tưởng chủ yếu, là sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ lịch sử của dân tộc Việt Nam” [77, tr.94], là “động lực tình cảm lớn nhất của đời sống dân tộc, đồng thời là bậc thang cao nhất trong hệ thống các giá trị đạo đức của dân tộc ta” [115, tr.74]. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được hình thành từ rất sớm và là sản phẩm của bản thân lịch sử Việt Nam, được bắt đầu từ tình cảm tự nhiên của mỗi người đối với quê hương đất nước và trong quá trình phát triển, chủ nghĩa yêu nước đã trở thành “dòng chủ lưu của đời sống Việt Nam, trở thành một dạng triết lý xã hội và nhân sinh trong tâm hồn Việt Nam” [125, tr.63].

Nội dung của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam rất phong phú, song cơ bản đó là ý thức cộng đồng về một tổ tiên, một cộng đồng dân tộc, ý thức về một Tổ quốc, quê hương, làng xóm; là ý thức về khí thiêng, sông núi; là khát vọng về một cuộc sống hòa bình, hạnh phúc, bình đẳng giữa các dân tộc; là ý chí quyết tâm chiến đấu đến cùng để bảo vệ cuộc sống bình yên, tự do, hạnh phúc, nền độc lập của nhân dân, của dân tộc mình. Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam được thể hiện nổi bật ở tinh thần đấu tranh dũng cảm, kiên cường, bất khuất, tự cường, tự hào, tự tôn dân tộc, không chịu mất nước, không chịu khuất phục trước kẻ thù, không chịu làm nô lệ, quyết tâm bảo vệ bản sắc văn hóa của dân tộc. Chính sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân Việt Nam đã “phối hợp với nhau tạo thành động lực làm nên truyền thống yêu nước, tư tưởng yêu nước của dân tộc ta. Chúng đã tạo nên một giá trị tinh thần vô cùng cao quý, làm nền cho lịch sử dân tộc, và hơn thế nữa, còn

tạo tác ra chính lịch sử, chính dân tộc, chứ không phải chỉ để giải thích lịch sử dân tộc”[52, tr.32].

Chủ nghĩa yêu nước của Việt Nam được sản sinh và nuôi dưỡng trong lịch sử dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm vừa anh hùng, vừa bi tráng của dân tộc. Trong lịch sử thế giới, có nhiều nước, kể cả những nước lớn, dân tộc đông, cũng có lúc bị giặc ngoại xâm chiếm đóng như dân tộc Hán đã từng bị quân Mông Cổ, quân Mãn Thanh thống trị, các nước Trung Quốc, Malaixia, Ấn Độ cũng đã bị tư bản như Anh, Nga, Pháp, Mỹ, Nhật thống trị. Nhưng có lẽ khó kiếm ra nhiều nước như Việt Nam, nhiều dân tộc như dân tộc Việt đã làm bấy nhiêu cuộc khởi nghĩa chống ách đô hộ, đã làm bấy nhiêu cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, chiến tranh chống xâm lược, lại là khởi nghĩa và chiến tranh trực diện đương đầu với những cường quốc to lớn hơn mình gấp mấy chục lần! Cái chuỗi dài khởi nghĩa và chiến tranh đó tất nhiên đã góp phần nhào nặn tâm hồn Việt Nam trước hết là xây dựng nên một tâm lý, một tư tưởng, một chủ nghĩa yêu nước hết sức rắn rỏi, kiên trì... [79, tr.111-112].

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam không chỉ được thể hiện thành hệ thống, tư tưởng, lý luận, mà còn thể hiện thành các truyền thuyết được lưu truyền từ đời này sang đời khác với một sức sống mãnh liệt, trường tồn như truyền thuyết về Thánh Gióng, Âu Cơ. Thời kỳ Bắc thuộc, để chống Hán hóa, đã xuất hiện các phong trào yêu nước, đấu tranh mạnh mẽ. Trong suốt một ngàn năm, các thế lực phong kiến phương Bắc bắt người Việt phải nói tiếng Hán, học chữ Hán, nhồi nhét vào đầu óc và tâm hồn người dân Việt Nam “đạo của thánh hiền”. Nhờ có ý thức về độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước, nên khi Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa thì ngay lập tức 65 thành trì hưởng ứng nổi dậy giải phóng đất nước và khi Bà Triệu cưỡi voi giông trống thì toàn thể Châu Giao chấn động. Đó chính là thực hiện quyền con người cao quý nhất và lâu dài nhất, “một dân tộc được hình thành sớm, trưởng thành nhanh, có ý thức về quyền dân tộc tự quyết” [156, tr.11].

Không kể những thứ giặc có từ thời Hùng Vương được phản ánh trong những truyền thuyết dân gian, tính từ cuộc kháng chiến chống bọn xâm lược của đế chế Tần vào cuối thế kỷ thứ III trước công nguyên đến kháng chiến chống Mỹ, thời gian chống ngoại xâm cộng lại lên đến trên 12 thế kỷ, chiếm hơn một nửa thời gian lịch sử với mười bốn cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, hàng trăm cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc. Trải qua bao nhiêu thăng trầm của lịch sử, được kế thừa, bổ sung và phát triển qua từng thời kỳ, theo yêu cầu phát triển của dân tộc và thời đại. Yêu nước thực sự đã trở thành một thứ vũ khí tinh thần mà “Vận nước suy hay thịnh, mất hay còn, nhục hay vinh, phần rất quan trọng là tùy thuộc ở chỗ ta ứng dụng và phát huy hay ta quên lãng và chôn vùi món vũ khí tinh thần ấy” [81, tr.10-11].

Cơ sở hình thành và phát triển của truyền thống yêu nước bắt nguồn từ công cuộc dựng nước và giữ nước. Tinh thần yêu nước của người Việt hình thành và biểu hiện rõ nhất là phải biết huy động sức mạnh tổng hợp cả vật chất lẫn tinh thần của toàn dân trong đấu tranh chống kẻ thù xâm lược từ bên ngoài. Có thể nói lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử chống giặc ngoại xâm, mà kẻ thù là những đế chế hoặc đế quốc hùng mạnh. Với hoàn cảnh lịch sử ấy đã tác động mạnh mẽ đến con người công dân Việt Nam ngày nay, làm điều kiện, tiền đề cho hình thành và phát triển truyền thống yêu nước, ý chí quật cường bất khuất và niềm tin dân tộc. Vì thế, Hồ Chí Minh đã khái quát lòng nồng nàn yêu nước là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Cứ mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần nồng nàn yêu nước lại sục sôi, nó kết thành làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước [103, tr.171].

Ngày nay, giá trị truyền thống yêu nước là động lực góp phần hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng cho con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập. Quá trình hình thành và phát triển con người công dân Việt Nam đòi hỏi mỗi người phải hình thành cho mình một thế giới quan khoa học, thế giới quan của Chủ nghĩa Mác – Lênin. Trong thế giới quan “có sự hòa nhập giữa tri thức và niềm tin. Tri thức là cơ sở trực tiếp cho sự

hình thành thế giới quan, song nó chỉ gia nhập thế giới quan khi nó đã trở thành niềm tin định hướng cho hoạt động của con người” [2, tr.13]. Như vậy, niềm tin có vai trò rất quan trọng trong đời sống của con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập, giúp cho họ có nghị lực, vượt mọi khó khăn trong cuộc sống để phấn đấu cho một lý tưởng cao đẹp.

Nhân sinh quan cách mạng là hệ thống quan niệm về cuộc đời, về ý nghĩa mục đích cuộc sống của con người công dân Việt Nam. Nhân sinh quan cách mạng được hình thành trên cơ sở thế giới quan khoa học Mác – Lênin. Theo Hồ Chí Minh: “Không có lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng” [103, tr.92]. Con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập là đối tượng rất khát khao khám phá cái mới để tự khẳng định vị thế xã hội của mình. Chính thông qua việc giáo dục giá trị truyền thống yêu nước sẽ là tiền đề, điều kiện cho họ xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng; xây dựng niềm tin khoa học, củng cố định hướng chính trị, tăng cường lập trường giai cấp vững vàng, giúp họ sống, học tập và lao động vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, Giá trị truyền thống liên kết cộng đồng.

Gắn liền với sự ra đời của nhân loại, đoàn kết là quy luật phổ biến, là yếu tố nội sinh, phương châm sống, mục đích phải hướng tới và là phương pháp để tồn tại và phát triển của mỗi con người, gia đình, bộ tộc và cả quốc gia, dân tộc.

Cơ sở, nguồn gốc của tinh thần liên kết cộng đồng là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Chính trong hoàn cảnh luôn phải chống lại sự tàn phá của thiên tai và giặc ngoại xâm mà nhân dân ta đã “Kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung” [47, tr.328]. Bởi lẽ, trong thử thách đầy cam go, khắc nghiệt ấy, chỉ có đoàn kết một lòng, nhân dân ta mới có sức mạnh để vượt qua những âm mưu hiểm độc của giặc ngoại xâm, những thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên để bảo tồn dân tộc, phát triển sản xuất phục vụ cho đời sống của mình.

Đoàn kết là sức mạnh “Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết” - chân lý ấy đã được kiểm nghiệm trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước. Trong những cuộc chiến tranh cứu nước, cả dân tộc ta đã kết thành một khối vững chắc. Người Lạc Việt và người Âu Việt liên kết dưới sự lãnh đạo của An Dương Vương. Nhân dân khắp Giao Chỉ, Cửu Chân nô nức hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng. Dựa vào khối đoàn kết toàn dân mà Ngô Quyền đã chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng. Hội nghị Diên Hồng vẫn mãi ghi sâu ý chí “Sát thát” muôn người như một của quân dân nhà Trần. Cuộc chiến đấu vô cùng gian khổ của nghĩa quân Lê Lợi chỉ có thể thắng lợi được khi dựa vào sức lực và nhân tài cả nước quy tụ về ngọn cờ khởi nghĩa Lam Sơn. Vua Quang Trung với tư tưởng tin dân, trọng dân đã huy động được lực lượng đông đảo của toàn dân từ Bắc đến Nam trong cuộc tấn công đại phá quân Thanh với khí thế tiên công “Đánh cho nó một mảnh giáp cũng chẳng còn. Đánh cho nó biết nước Nam anh hùng là có chủ” [111, tr.137].

Tinh thần liên kết của dân tộc Việt Nam được tạo dựng từ lý tưởng nhân văn cao đẹp là yêu nước, thương nhà, và được biểu hiện rất phong phú, đa dạng. Chính tinh thần đoàn kết đã làm nên sức mạnh của dân tộc, không chỉ để đương đầu trực tiếp và đánh quân xâm lược mà cả trong xây dựng cuộc sống cho con người ngay sau khi giành được độc lập, đưa đến cho con người cuộc sống hạnh phúc hiện thực. Tinh thần liên kết cộng đồng dân tộc sâu sắc là một truyền thống văn hóa của dân tộc ta mà ngày nay vẫn cần được giữ gìn và phát huy. Bài học đoàn kết mà Hồ Chí Minh đã nhắc nhở nhân dân ta: “Dân ta xin nhớ chữ đồng: Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh” [105, tr.229], và trước lúc đi xa, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định rằng “đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của nhân dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con người của mắt mình” [105, tr.25].

Truyền thống liên kết cộng đồng hình thành trước hết từ nhu cầu trong lao động sản xuất. Đặc điểm về địa hình, khí hậu, tài nguyên, sinh thái Việt Nam chứa đựng nhiều tiềm năng to lớn nhưng lại gây nhiều khó khăn, thách

thức với con người. Do cuộc sống đầy nổi bất trắc đã tạo ra sự liên kết của cộng đồng, mỗi liên hệ cá nhân phụ thuộc vào cộng đồng dần dần trở thành tập tục có cơ sở kinh tế - xã hội đảm bảo tạo nên sợi dây tinh thần giữa các cá nhân trong cộng đồng giữa các cộng đồng: gia đình - gia tộc - làng - nước. Người Việt Nam quan tâm rất nhiều tới quan hệ cộng đồng, vì mọi hành vi của mỗi cá nhân được đánh giá là tốt hay xấu có hợp với đạo lý, lẽ phải hay không đều dựa vào các chuẩn mực, qui tắc... đã được xây dựng nên từ cộng đồng. Cộng đồng làng, xã chính là yếu tố quan trọng tạo nên sức mạnh tập thể của người Việt. Đây là nét đặc sắc của dân tộc Việt Nam hiếm thấy ở các dân tộc khác trên thế giới. Rất nhiều nơi đã đặt ra “hương ước” để duy trì và bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng này và lợi ích của mỗi thành viên. Người xưa vẫn hay nói “phép vua thua lệ làng”, qua đó đủ thấy sức mạnh của hương ước (hay lệ làng) và sự phục tùng của cá nhân đối với “lệ làng” còn hơn cả luật vua, phép nước.

Truyền thống liên kết cộng đồng luôn đi liền với cuộc hành trình của dân tộc mà nhờ đó dân tộc Việt Nam vượt qua biết bao trở ngại, thử thách. Mỗi khi Tổ quốc bị lâm nguy thì tinh thần liên kết cộng đồng biểu hiện nổi bật nhất. Lúc đó, trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng, trách nhiệm của cộng đồng thực hiện theo hướng: cá nhân - gia đình - làng - nước. Quan hệ ứng xử trong cộng đồng theo hướng đó trở thành chuẩn mực, đạo lý cao cả của dân tộc.

Trong điều kiện của Việt Nam ngày này thì giá trị truyền thống liên kết cộng đồng góp phần hình thành năng lực hành động cho con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập. Nghiên cứu năng lực của con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập, đặt nó trong mối quan hệ không thể tách rời với phẩm chất. Phẩm chất và năng lực (đức và tài) là hai bộ phận cấu thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập. Nhân cách đó phải thống nhất giữa “cái bên trong” và “cái bên ngoài”, thống nhất giữa đạo đức và tài năng. Thực tế chứng minh, có tri thức khoa học mà không có tình cảm cách mạng thì không dễ dẫn đến hành động cách mạng. Thậm chí có tri thức khoa học mà phục vụ chủ nghĩa cá nhân thì sự phá hoại sẽ càng lớn. Đó cũng chính là điều mà Hồ Chí Minh luôn luôn chú ý đến việc rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ,



đảng viên. Mặt khác, có tình cảm cách mạng, dù là rất quý nhưng không có tri thức khoa học thì hành động sẽ dẫn đến mò mẫm, thậm chí phải trả giá. Vì thế, người trí thức mới tương lai phải là người vừa có đức, vừa có tài, trong đó đức là gốc. Do vậy, việc giáo dục truyền thống liên kết cộng đồng cho con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập sẽ góp phần vào sự thống nhất này.

Cần chú ý là, sự phát triển năng lực cho con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau. Không có môi trường xã hội, không có giáo dục và sự nỗ lực của bản thân thì năng lực tiềm ẩn không thể bộc lộ và tài năng cũng không thể xuất hiện. Song, trong đó, môi trường xã hội có ảnh hưởng to lớn, là cơ sở, quyết định đến sự phát triển năng lực con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập. Môi trường giáo dục lành mạnh sẽ tạo điều kiện nảy nở tài năng và những phẩm chất đạo đức. Giá trị truyền thống dân tộc nói chung và giá trị truyền thống liên kết cộng đồng nói riêng lúc này đóng vai trò là cơ sở, là nền tảng, là bộ đỡ cho tài năng của con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập phát triển đúng hướng. Con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập có nhân cách đạo đức không chỉ thể hiện bằng lời nói, thái độ, cách ứng xử, tình cảm yêu thương con người, mà biểu hiện nhân cách ở mức độ cao nhất là ở năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động. Có nghĩa là, đạo đức cuối cùng phải được thể hiện và bộc lộ ở năng lực của con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập. Sự thống nhất giữa phẩm chất đạo đức và năng lực sẽ giúp cho nhân cách không ngừng được củng cố, hoàn thiện thích ứng với một xã hội phát triển mạnh mẽ hiện nay.

Ba là, Giá trị truyền thống nhân ái, khoan dung.

Nhân ái hiểu theo nghĩa chung nhất là lòng yêu thương con người, sự khoan dung, độ lượng, chống lại cái ác, cái xấu, hướng tới cái thiện, cái tốt, vì quyền tự do và hạnh phúc cao cả của con người. Lòng nhân ái cũng là một giá trị truyền thống rất nổi bật của dân tộc Việt Nam. Nó đã tạo nên một nét độc đáo trong chủ nghĩa nhân văn truyền thống Việt Nam, đúng như Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Thương nước - thương nhà, thương người, thương mình là truyền thống đậm đà của dân tộc ta” [9, tr.99].

Sự hình thành và phát triển tư tưởng nhân văn, nhân ái Việt Nam luôn gắn với vấn đề dân tộc, có nguồn gốc sâu xa từ trong xã hội công xã nông thôn thời kỳ nguyên thủy và buổi đầu dựng nước. Tinh thần yêu nước và ý thức về giá trị nhân văn đã gắn chặt với nhau trong mối quan hệ hữu cơ “nước mất nhà tan”, “thương người như thể thương thân”, hạnh phúc của con người phải gắn với hạnh phúc của cộng đồng và xã hội. Dưới ách thống trị của chế độ phong kiến hàng nghìn năm, cuộc sống của nhân dân lao động nước ta tối tăm, cực khổ. Chính sách nô dịch, cướp bóc của bọn thống trị ngoại bang, sự bóc lột dưới nhiều hình thức của bọn địa chủ phong kiến trong nước cùng với thiên tai, lũ lụt, hạn hán, mất mùa, dịch bệnh... đè nặng lên cuộc sống của nhân dân lao động. Trong lúc khó khăn, hoạn nạn ấy, chính tình yêu thương, đùm bọc, sẻ chia lẫn nhau đã giúp con người Việt Nam vượt qua. Tình yêu thương, nhân ái của con người Việt Nam được thể hiện trong các mối quan hệ từ gia đình, làng xóm đến cộng đồng, xã hội. Trong gia đình, bố mẹ có trách nhiệm chăm lo cho con cái khi còn nhỏ; còn con cái phải biết “hiếu thuận”, chăm sóc bố mẹ khi già yếu, ốm đau với lòng kính trọng “Công cha như núi Thái Sơn. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”. Với anh chị em thì phải biết yêu thương giúp đỡ lẫn nhau “anh em như thể chân tay”, “chị ngã, em nâng”, “anh em thuận hòa là nhà có phúc”... Trong quan hệ làng xóm thì “tối lửa tắt đèn có nhau”, “bán anh em xa, mua láng giềng gần”, “chín bỏ làm mười”. Người Việt Nam hay nói đến “tình sâu, nghĩa nặng”. Còn với những người trong cùng một nước thì luôn lấy tình nghĩa để đối đãi. Cha ông luôn nhắc nhở mình và con cháu rằng “Bầu ơi thương lấy bí cùng. Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”, “Nhiều điều phủ lấy giá gương. Người trong một nước phải thương nhau cùng”, “Thương người như thể thương thân”. Nhận xét về điều này, Toan Ánh đã viết: “Trong xóm có một người bị cháy nhà ư, cả xóm sẽ cùng xô lại cứu chữa, người xách nước, người dọn đồ... Một người nhận được giấy quan đòi, không biết chữ, lập tức có người biết chữ đọc giùm...” [51, tr.187-188].

Truyền thống yêu thương con người của dân tộc Việt Nam còn bao hàm cả lòng khoan dung, vị tha với những kẻ lầm đường lạc lối, biết lấy công

chuộc tội, trở về với chính nghĩa, “mở đường hiếu sinh” với kẻ thù khi chúng thất bại, “đi bộ thì cấp ngựa”, “đi thủy thì cho thuyền” [105, tr.755]. Ngoài ra, lòng yêu thương con người của dân tộc Việt Nam còn là cơ sở của tinh thần yêu chuộng hòa bình và tình hữu nghị với các dân tộc trên thế giới. Là một dân tộc từng chịu nhiều đau thương, mất mát do chiến tranh, người Việt Nam thấm thía giá trị của hòa bình, tự do: đó là bình yên, hạnh phúc cho mỗi người, cho gia đình và toàn xã hội. Vì thế, từ xưa đến nay, trong quan hệ với các nước khác, dân tộc ta luôn giữ gìn tình hòa hữu, hữu nghị, hữu tình. Và yêu hòa bình đã trở thành giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Việt Nam là một dân tộc rất dễ thích nghi, hội nhập trước xu thế "mở cửa" và "là bạn" với tất cả các nước trên thế giới vì mục đích hòa bình, ổn định và phát triển của tất cả các dân tộc. Vì vậy, giá trị truyền thống nhân ái, khoan dung góp phần tích cực vào quá trình xây dựng phẩm chất đạo đức cho con người công dân Việt Nam. Tuy nhiên, không ảo tưởng rằng nhân cách con người công dân Việt Nam chỉ cần có giá trị truyền thống nhân ái, khoan dung là có thể đáp ứng được đòi hỏi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Bởi lẽ, thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước cũng như tình hình quốc tế đang đặt ra những yêu cầu mới đối với con người công dân Việt Nam, mà giá trị truyền thống nhân ái, khoan dung được nảy sinh trong điều kiện của một nước nông nghiệp, luôn có chiến tranh... Phẩm chất đạo đức của con người công dân Việt Nam là phải có ý thức tổ chức, kỷ luật cao, thái độ tôn trọng và tuân thủ pháp luật, có tinh thần hăng say học tập để có trình độ khoa học - kỹ thuật cao, kỹ năng thực hành tốt, năng động, sáng tạo, giàu nhiệt huyết... Tuy nhiên, muốn xây dựng con người công dân Việt Nam với những phẩm chất đạo đức như vậy, đòi hỏi phải phát huy giá trị truyền thống nhân ái, khoan dung, trên cơ sở chọn lọc, kế thừa và phát triển trong điều kiện hiện đại để hình thành và phát triển con người công dân Việt Nam. Đây là việc làm cần thiết, cấp bách hiện nay.

Giáo dục giá trị truyền thống nhân ái, khoan dung cho con người công dân Việt Nam cần nhận thấy rõ giá trị và ý nghĩa cuộc sống mang tính nhân

văn, nhân ái, nhân bản sâu sắc, những giá trị nhân đạo hóa con người và hoàn cảnh sống của con người. Trên cơ sở đó, con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập lựa chọn những giá trị đạo đức, hình thành niềm tin và lý tưởng đạo đức, định hướng cho mọi suy nghĩ và hành động của mình, củng cố và phát triển những giá trị nhân cách tốt đẹp. Bên cạnh việc giáo dục nhận thức giá trị truyền thống nhân ái, khoan dung cũng cần phải giáo dục cho con người Việt Nam biết khắc phục những quan điểm đạo đức lạc hậu, lệch chuẩn, đấu tranh loại bỏ các biểu hiện suy thoái, biến chất về đạo đức. Giúp cho người công dân Việt Nam xây dựng những chuẩn mực, phẩm chất đạo đức mới phù hợp với hoàn cảnh lịch sử mới của đất nước. Hình thành quan niệm sống tích cực và tạo cơ chế phòng ngừa các phản giá trị đạo đức, văn hóa, lối sống, thức tỉnh trong con người công dân Việt Nam những cảm xúc, tình cảm đạo đức trong sáng, tốt đẹp.

Bốn là, Giá trị truyền thống đề cao công bằng xã hội.

Giá trị truyền thống đề cao công bằng xã hội được hình thành trong cách mạng giải phóng dân tộc và đặc biệt là trong giai đoạn Việt Nam bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tinh thần xây dựng xã hội công bằng đã trở thành giá trị truyền thống đề cao công bằng xã hội ở Việt Nam. Ngay từ buổi đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, sau chiến tranh đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn mọi thứ, Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên đề cao công bằng xã hội, thực hiện công việc phải thật liêm khiết, chí công vô tư.

Thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam không chỉ là hướng tới mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà còn là một động lực quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, là một yêu cầu bức thiết của công cuộc đổi mới, chấn hưng đất nước. Công bằng xã hội thường được xét ở nhiều phương diện: kinh tế, chính trị, pháp quyền, đạo đức, văn hóa, giáo dục, y tế ... Công bằng xã hội trên lĩnh vực kinh tế là cơ sở, là điều kiện cốt lõi của công bằng xã hội nói chung. Nhưng công bằng về kinh tế chỉ có thể được bảo đảm thực hiện trên phạm vi toàn xã

hội như một thể chế, một chế độ nếu đạt tới một phương thức sản xuất công bằng, đó là “một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu” [12, tr.8].

Công bằng xã hội và tiến bộ xã hội là mục tiêu được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định ngay từ những ngày đầu khi nước ta tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở thời kỳ trước đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ tư hữu và phân phối theo lao động để xã hội không còn bóc lột, bất công và bất bình đẳng xã hội. Ở thời kỳ đổi mới, bắt đầu từ Đại hội VI, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định: “thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu”. “Lấy phân phối theo lao động làm hình thức chính, khuyến khích làm giàu đi đôi với giảm nghèo, nâng cao phúc lợi xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế” [10]. Đến nay, Việt Nam đã chủ trương phân phối theo hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn và phân phối theo phúc lợi xã hội. Văn kiện Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam viết: “Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách. Công bằng trong phân phối các yếu tố sản xuất, tiếp cận và sử dụng các cơ hội, điều kiện phát triển” [23]. Quan điểm này đã xác định nội dung của công bằng xã hội trong sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước... và để phát triển kinh tế theo hướng bền vững, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương kết hợp giữ tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển.

Không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, công bằng xã hội được coi là một giá trị cơ bản định hướng cho việc giải quyết các mối quan hệ giữa người và người trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chính sách nhằm tạo sự công bằng, bình đẳng giữa mọi người dân trong xã hội, như công bằng về cơ hội, về tư liệu sản xuất. Nhà nước đã đề ra rất nhiều chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế,... nhằm giúp đỡ những người tàn tật, già yếu, cô đơn, các gia đình thương binh, liệt sĩ, những dân tộc ở vùng cao, vùng xa, vùng sâu, những gia đình có công

với cách mạng; thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo đồng thời thiết lập các tổ chức từ thiện, nhân đạo nhằm thực hiện công bằng xã hội theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay còn nhiều vấn đề phải giải quyết, như hệ thống chuẩn mực xã hội, năng suất lao động, quyền lực... Đó là công bằng về sự hưởng thụ, quyền lợi và nghĩa vụ của mọi công dân, mọi vùng dân cư ở Việt Nam.

Giá trị truyền thống đề cao công bằng xã hội là “bộ lọc” giúp con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập lựa chọn, tiếp thu những giá trị tiên bộ, loại bỏ những phần giá trị. Trong điều kiện toàn cầu hóa và sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ diễn ra ngày càng mạnh mẽ hiện nay, buộc các quốc gia, dân tộc phải mở cửa, hòa nhập chung với thế giới hiện đại. Bên cạnh những mặt tích cực, toàn cầu hóa cũng có tác động tiêu cực đối với cuộc sống con người về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa và các giá trị xã hội.

Trong tình hình ấy, giáo dục giá trị truyền thống đề cao công bằng xã hội sẽ tác động đến tư tưởng, tình cảm, đạo đức của con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập, giúp họ nâng cao trình độ chính trị, tinh thần tự giác và tính tích cực xã hội trong học tập và lao động, giúp họ hình thành giá trị với những nội dung mới phù hợp với biến đổi và phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là biến những giá trị đề cao tinh thần hy sinh xả thân vì dân, vì nước trong lịch sử hào hùng của dân tộc thành giá trị với nội dung mới là phải bằng ý chí, nghị lực, năng lực để lao động, học tập, sáng tạo. Con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập phải chuyển từ ý chí không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ sang ý chí không chịu nghèo đói, ngu dốt, lệ thuộc và lạc hậu; từ chủ nghĩa yêu nước trong chiến tranh sang chủ nghĩa yêu nước trong hòa bình. Con người công dân Việt Nam phải khai thác mọi tiềm năng để nhanh chóng đưa Việt Nam thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu và để không ngừng nâng cao đời sống của mình. Với tất cả những nhận thức mới về giá trị truyền thống đề cao công bằng xã hội sẽ có tác dụng rất lớn đối với con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập, giúp cho họ hình thành nếp nghĩ, lối sống, phong cách của người lao động mới, người trí thức mới trong tương lai, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Năm là, Giá trị truyền thống lao động cần cù và sáng tạo.

Cần cù được hiểu là “Chăm chỉ, chịu khó một cách thường xuyên” [47, tr.123], nhiệt tình, say mê lao động, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Vũ Khiêu đã khẳng định: “Lao động cần cù và sáng tạo là truyền thống đạo đức lâu đời trong nhân dân lao động nước ta” [115, tr.79]. Là một nước nông nghiệp, nhân dân Việt Nam xây dựng đất nước trong hoàn cảnh tự nhiên khắc nghiệt, có những lúc mưa dầm thối đất, có những khi hạn hán kéo dài, hạt lúa, củ khoai... sắp đến ngày thu hoạch lại bị thiên nhiên vùi dập. Nhờ tinh thần cần cù lao động mà “tổ tiên chúng ta đã xây dựng được một cái nôi dân tộc, tạo thành một nơi sinh tụ của giống nòi, đó là dải non sông gấm vóc trải từ các lưu vực sông Hồng Hà, Thái Bình đến các lưu vực sông Mã, sông Lam... Người, đất, cần cù và lịch sử đấu tranh là gốc của nước Văn Lang, cái nôi của dân tộc, chỗ sinh tụ của giống nòi, là kết quả lớn của sức lao động cần cù của bao thế hệ tổ tiên chúng ta” [77, tr.156-157].

Mặc dù lao động trong điều kiện khó khăn, cực nhọc “hai sương một nắng”, “chân lấm tay bùn”, “đầu tắt mặt tối”, nhưng nhân dân Việt Nam vẫn luôn luôn lạc quan, tin tưởng vào những điều tốt đẹp phía trước. Theo Trần Văn Giàu, lạc quan là “Một đức tính lớn có từ thiên cổ” [77, tr.228]. Chính niềm tin và sự lạc quan đã giúp người dân Việt Nam vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách trong cuộc sống chiến đấu, lao động và học tập. Người Việt Nam cũng luôn tin tưởng, tự hào sâu sắc đối với giá trị cao quý và vẻ vang của lao động. Trong công việc hàng ngày lúc “cày sâu quốc bẫm”, khi đào sông, đắp đê, bạt núi, san đồi, lấp biển, khai khẩn đất hoang, nhân dân đều sáng tạo, chăm chỉ, chịu khó, chịu khổ, không quản ngại nắng mưa, mệt nhọc, không lùi bước trước thiên tai, địch họa, mà coi mỗi tấc đất là tấc vàng. Ý thức đề cao lao động, chống thói lười biếng đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người dân Việt Nam qua nhiều thế hệ. Ông cha đã ý thức được rằng, lao động cần cù là nguồn gốc của mọi của cải và hạnh phúc, của sức mạnh giải phóng dân tộc và của mọi tiến bộ xã hội. Họ luôn nhắc nhở nhau rằng “năng nhặt chặt bị”, “kiến tha lâu đầy tổ”, “bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu”...

Truyền thống cần cù lao động của dân tộc Việt Nam đã trở thành tập quán chung của xã hội, “một thói quen, một ý chí kiên cường vừa chịu đựng

gian khổ, vừa vươn lên để khắc phục mọi khó khăn vì lợi ích sống còn của cả dân tộc. Chính với truyền thống cần cù rất mực kiên cường ấy, dân tộc ta đã phát huy được sức mạnh vô địch của mình trong những cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại” [115, tr.81]. Đức tính cần cù lao động của người Việt Nam được thể hiện rõ nét trong các giai đoạn lịch sử khác nhau của dân tộc và đã góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trần Văn Giàu đã nhận xét: “Nói chung, nhân dân nước nào cũng cần cù... Nhưng không ai chối cãi rằng nhân dân Việt Nam rất cần cù” [115, tr.153], hơn nữa còn “cần cù đến mức anh hùng tột bậc” [115, tr.165], như nhân dân Việt Nam thì không phải dân tộc, quốc gia nào cũng có.

Ở Việt Nam cũng như ở mọi xã hội khác, giá trị đầu tiên trong lịch sử phát triển con người là giá trị lao động. Đúng như K.Marx nói: Con người phải có thể sống đã, mới có thể tạo ra lịch sử. Đúng trước một thiên nhiên phi nhiêu nhưng cũng vô cùng khắc nghiệt, dân tộc Việt Nam đã tận dụng mọi khả năng về thể lực và trí tuệ để cải tạo và biến nó thành nguồn của cải phục vụ cho cuộc sống. Trong lịch sử Việt Nam nhờ đức tính cần cù lao động, khéo léo và sáng tạo đã mở mang được bờ cõi tạo ra một giang sơn gấm vóc cho con cháu như ngày nay và thúc đẩy nhanh chóng sự hình thành nên những giá trị vật chất và tinh thần hết sức phong phú. Lao động cần cù và sáng tạo là đức tính cổ truyền của dân tộc. Ngày nay, công cuộc xây dựng quê hương đất nước, tạo lập cuộc sống ấm no, hạnh phúc bền vững đòi hỏi sự phát huy mạnh mẽ truyền thống đó của dân tộc. Những mặt tích cực, tiêu cực của nội dung truyền thống cũng chưa phải đã được đánh giá, luận giải rõ ràng. Nhưng những truyền thống đó đã được thử thách qua hàng ngàn năm lịch sử, có ý nghĩa hết sức đặc biệt thể hiện tâm hồn và tính cách của dân tộc Việt Nam.

Giá trị truyền thống lao động cần cù và sáng tạo góp phần hình thành ý thức thẩm mỹ tiên tiến cho con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập. Phát triển, hoàn thiện bản chất người là nhu cầu tự thân, nhu cầu phổ quát nhất, cao nhất của con người và do yêu cầu của xã hội đòi hỏi. Theo Hồ Chí



Minh phải xây dựng con người xã hội chủ nghĩa trước khi muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam [103, tr.310]. Mục tiêu của xã hội Việt Nam là chủ động tạo ra những con người công dân Việt Nam phát triển toàn diện và hài hòa tất cả các mặt thể chất và tinh thần, đạo đức và tài năng, làm cho họ dần dần trở thành vừa là sản phẩm của lịch sử, vừa là chủ thể của lịch sử, nghĩa là con người tự do có đủ điều kiện để cống hiến và hưởng thụ.

Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, bên cạnh những yếu tố tích cực còn có những mặt trái của kinh tế thị trường tác động đến lối sống, hành vi của một bộ phận không nhỏ các tầng lớp nhân dân, trong đó có cả thế hệ trẻ. Vì vậy, giáo dục giá trị truyền thống lao động cần cù và sáng tạo sẽ giúp con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập nâng cao bản lĩnh chính trị trong nhận thức đúng, sai, trong quan niệm về cái đẹp, cái xấu, cái cao cả và cái thấp hèn, trong hành vi ứng xử, trong quan hệ xã hội, trong cách ăn, mặc, ở, giao tiếp... Cần phải xây dựng được các quy tắc, chuẩn mực đạo đức, giúp con người công dân Việt Nam hình thành nhân cách phù hợp với thời kỳ hội nhập ở Việt Nam. Xây dựng nếp sống lành mạnh, khiêm tốn, đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, khắc phục và chống lại chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, tuyệt đối hóa đồng tiền, giúp con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập nhận thức được giá trị chân - thiện - mỹ, có quan niệm đúng đắn về cái đẹp, có khát vọng và nhu cầu hướng tới cái đẹp để sống và sáng tạo theo quy luật của cái đẹp.

### ***2.3.3. Mục tiêu và cách tiếp cận giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc***

Theo nghĩa đơn giản, trực tiếp nhất, giáo dục giá trị là nội dung cấu thành trong chương trình giáo dục, có thể là một học trình độc lập hoặc lồng ghép trong các môn học khác lý luận đạo đức. Từ năm 1985 đã quy định thành phần của tất cả các chương trình đều bao gồm tri thức, kỹ năng, thái độ. Gần đây đưa thêm một thành phần nữa là giá trị, có khi kết hợp thái độ với giá trị

thành thái độ giá trị như là một loại hình trong hệ thống thái độ cuộc sống mà giáo dục phải hình thành cho con người. Thực ra, trong thái độ nào của con người, cả của cộng đồng xã hội cũng vậy, đều thể hiện một giá trị nhất định: coi cái gì là có ý nghĩa nhất, hay có ý nghĩa hơn, cái gì là quan trọng, tin vào cái này, không tin vào cái kia, đánh giá thế này, không đánh giá thế kia, làm cái này, không làm cái khác... Tri thức cũng vậy, chính tri thức là giá trị và thái độ đối với tri thức, vận dụng tri thức là giá trị. Nói khái quát, sứ mệnh của giáo dục giá trị là đưa cách tiếp cận giá trị vào toàn bộ hoạt động dạy - học hình thành và phát triển bền vững con người, gia đình, cộng đồng, xã hội. Chính vì vậy, nhiệm vụ của giáo dục giá trị là gia đình, nhà trường, xã hội làm sao truyền cho thế hệ trẻ:

Một là, Hiểu được giá trị của mỗi con người - của chính mình, từ đó có trách nhiệm với bản thân;

Hai là, Ý thức được giá trị cá thể gắn bó chặt chẽ với giá trị cộng đồng xã hội, nói theo tâm lý học, quá trình hình thành và phát triển giá trị của từng người (giá trị bản thân) là quá trình xã hội hóa giá trị cộng đồng xã hội, có thể thấy có giá trị truyền thống trong con người hiện đại;

Ba là, Hình thành và phát triển hệ giá trị của mỗi người do bản thân tạo ra thông qua hoạt động và giao tiếp của chính mình với sự hỗ trợ của giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội;

Bốn là, Thực hiện được giá trị của bản thân vào cuộc sống: tự mình phải biến các tri thức, kỹ năng học được thành vốn (tiềm năng) của mình, rồi chuyển thành thực lực (tâm lực, thể lực, trí lực) - năng lực thực thi được hành vi đạo đức, hành động có ích riêng và chung, hoạt động có mục đích tốt đẹp, theo các chuẩn mực xã hội, bảo đảm cuộc sống của bản thân, gia đình và đóng góp cho cộng đồng xã hội, Đặc biệt chú trọng giáo dục tinh thần trách nhiệm xã hội, coi đây là giá trị cao quý nhất của con người. Tâm lý học gọi quá trình này là quá trình hiện thực hóa bản thân với đỉnh cao là tự khẳng định mình -

khẳng định hệ giá trị của chính mình, được gọi là giá trị cá thể, giá trị nhân cách - thể hiện hợp lý triết lý "cho - nhận" và "nhận - cho"; đây là một nội dung cốt yếu của giáo dục giá trị: tạo ra nội lực của từng người và cả cộng đồng, dân tộc;

Năm là, Giáo dục giá trị giúp cho con người nhân ra thể nào là hướng đúng giá trị mình tạo ra; mặt khác, cũng yêu cầu xã hội (các cơ quan, thiết chế, thể chế xã hội) có các chính sách phát huy, sử dụng tối đa và tối ưu các tiềm năng của mọi người và đánh giá đúng công lao của các thành viên, để họ được hưởng đúng lao động của họ, khuyến khích mọi lực lượng phát triển bền vững cộng đồng xã hội;

Sáu là, Biết đánh giá giá trị của người khác, của cộng đồng xã hội, đặc biệt biết tự đánh giá bản thân. Từ đó mới có năng lực tự phát triển bền vững, ngày càng hoàn thiện bản thân, ngày một gia tăng giá trị tự khẳng định mình.

Cách tiếp cận của giáo dục giá trị, hay nói khác, là các yêu cầu giáo dục giá trị, có thể đưa ra mấy cách như sau:

- Làm cho học sinh tiếp thu sâu sắc các giá trị và cách đánh giá (thái độ giá trị), lĩnh hội các chuẩn mực giá trị xã hội, chuyển thành hệ giá trị nhân cách của cá thể, tạo ra các hành vi, hành động theo chuẩn mực xã hội. Phương pháp tiếp cận này gọi là phương pháp tiếp cận tiếp thu sâu sắc.

- Giúp người học tiếp thu bằng phương pháp phân tích, tìm tòi, tổng hợp, khái quát những sự kiện, tìm ra các mối quan hệ logic, tự đi đến kết luận về một giá trị nào đó hay một đánh giá giá trị, nhất là đối với các giá trị xã hội. Gọi phương pháp tiếp cận này là phương pháp tiếp cận duy lý. Tuy nhiên, không loại bỏ vai trò của trực giác, kinh nghiệm đời thường đối với việc hình thành và phát triển hệ giá trị của cá thể, và không quên việc này diễn ra theo cơ chế trải nghiệm trong cuộc sống của bất cứ ai cũng đều phức tạp, tuy mức độ có thể khác nhau, đều phong phú và độc đáo, không ai giống ai. Vì vậy, phải kết hợp phương pháp tiếp cận lý trí với phương pháp tiếp cận xúc cảm - tình cảm giúp đối tượng nhận thật sáng tỏ nghĩa chung của từng giá trị và thái độ giá trị, cũng như ý riêng của giá trị và thái độ giá trị ấy trong hệ giá trị của

bản thân. Có như vậy mới có thể tiến hành lựa chọn, đánh giá, thể hiện giá trị vào cuộc sống, thông qua tình cảm, ước muốn, tư duy, nghĩa là toàn bộ tâm trí, tâm lý, tinh thần, một khi hệ giá trị và thái độ giá trị đã được hình thành ở con người. Phương pháp tiếp cận này gọi là phương pháp tiếp cận sáng tỏ giá trị;

- Phương pháp tiếp cận phát triển đạo đức, coi đạo đức là cốt lõi của cả giá trị cá thể, nhân cách lẫn giá trị xã hội, nhất là giá trị chung nhất của loài người. Phương pháp tiếp cận này hướng công việc giáo dục giá trị tập trung vào các giá trị đạo đức, đi từ giai đoạn sơ đẳng đầu đời mới biết vâng lời hay bị phạt mà làm, rồi qua công việc cụ thể, qua quan hệ liên nhân cách, cho đến hợp tác tập thể, giao ước xã hội, và cuối cùng hình thành nên các nguyên tắc đạo đức, tạo nên các tầng bậc độ bền, cường độ, mức tác động của giá trị đạo đức đối với hành vi, hành động, hoạt động. Giáo dục giá trị được đánh giá như một con đường, một công cụ quan trọng vào bậc nhất đối với hình thành và phát triển những con người đức độ;

- Cuối cùng là phương pháp tiếp cận học hành động. Hình thành hệ giá trị để có thái độ đúng đắn với các giá trị và thể hiện giá trị vào cuộc sống, tức là đi từ suy nghĩ, tình cảm đến hành động theo các chuẩn mực xã hội. Giáo dục giá trị hỗ trợ đặc lực cho phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, tạo lập các mô hình ra quyết định: luôn chú ý đúng mức đến hoàn cảnh xã hội; môi trường xung quanh; nhận thức rõ yêu cầu, mục đích; đặt vấn đề cho đúng; đặt ra phương án và lựa chọn phương án; đặt kế hoạch triển khai, bắt tay vào thực hiện, đánh giá kết quả... Tất cả các công đoạn này đều chịu sự tác động của hệ giá trị xã hội và cá thể.

#### ***2.3.4. Chủ thể, đối tượng, hình thức, phương pháp giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập***

Về đối tượng giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc

Việc xác định rõ đối tượng giáo dục sẽ giúp định hướng nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục hệ giá trị truyền thống phù hợp và mang lại hiệu quả giáo dục cao hơn. Đối tượng của giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trước hết bao gồm toàn bộ cá nhân là công dân Việt Nam, những nhóm,

cộng đồng xã hội cụ thể tiếp nhận những tác động của các hoạt động giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc mà ý thức và hành vi của họ là khách thể của giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc. Đối tượng giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc ở Việt Nam vừa mang những đặc điểm chung của cộng đồng nhân loại, vừa có những đặc điểm riêng biệt, rất phong phú, đa dạng theo phân loại thành các nhóm dựa trên các cơ sở, yếu tố, phản ánh trạng thái, địa vị, điều kiện kinh tế, môi trường sống, việc làm, truyền thống văn hóa, đạo đức, tôn giáo của từng đối tượng giáo dục. Các chủ thể giáo dục sẽ lựa chọn nội dung, hình thức, giáo dục phù hợp nhằm làm cho từng đối tượng giáo dục tiếp thu được những tri thức cần thiết về hệ giá trị truyền thống dân tộc để họ thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, thích ứng với vai trò, địa vị của mình trong quan hệ với cộng đồng, với con người công dân khác.

Việc phân loại đối tượng giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc được căn cứ theo sự tương đồng về chuyên môn, nhiệm vụ, nghề nghiệp, vị thế xã hội, giới, hoàn cảnh điều kiện sống... Đối với từng nhóm đối tượng giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc cần có sự nghiên cứu đầy đủ những đặc điểm, tâm lý, tuổi tác, trình độ văn hóa, tôn giáo, giới tính, điều kiện sống để xác định nội dung, phương pháp giáo dục thích hợp. Trong khuôn khổ đề tài luận án tập trung vào các đối tượng: đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong các cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và tư pháp; các thành viên của các tổ chức đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; đội ngũ học sinh, sinh viên đang học trong các nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong các cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và tư pháp. Và các thành viên của các tổ chức đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp phải biểu hiện trách nhiệm chính trị của mình trong thực thi hoạt động công vụ. Khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, phải có nghĩa vụ đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và nhân dân: Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích

quốc gia; Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân; Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Trong thi hành công vụ, cán bộ, công chức, viên chức có nghĩa vụ: Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo vệ bí mật nhà nước; Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản nhà nước được giao; Chấp hành quyết định của cấp trên.

Ngoài ra, công chức là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị còn phải thực hiện các nghĩa vụ: Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức; Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về việc để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở, văn hóa công sở trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý kịp thời, nghiêm minh cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật, có thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân; Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức; Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Liên quan đến đạo đức công vụ, cán bộ, công chức phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ và phải tuân thủ các quy định về văn hóa giao tiếp ở công sở và văn hóa giao tiếp với nhân dân như: phải gần gũi với nhân dân; có tác phong, thái độ lịch sự, nghiêm túc, khiêm tốn; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc; không được hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân khi thi hành công vụ.

Đồng thời, cán bộ, công chức không được: Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc hoặc tham gia đình công; Sử dụng tài sản của Nhà nước và của nhân dân trái pháp luật; Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn; sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi; Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức. Ngoài ra, cán bộ, công chức còn không được làm một số công việc liên quan đến bí mật nhà nước và liên quan đến các việc khác theo quy định của pháp luật.

- Đối với đội ngũ học sinh, sinh viên đang học trong các nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trách nhiệm chính trị của học sinh, sinh viên được biểu hiện rõ nhất trong việc thể hiện trách nhiệm trong học tập, trách nhiệm với những người xung quanh, trách nhiệm về việc làm, lời nói và hành vi cá nhân với xã hội.

Trách nhiệm chính trị của mỗi học sinh, sinh viên chính là trách nhiệm trong học tập. Mỗi học sinh, sinh viên phải chú tâm, biết nghiên cứu, tìm tòi, khám phá những cái mới, phương pháp học tập Mặt khác, cách học và đạo đức trong việc học có ý nghĩa rất lớn, học phải đi đôi với hành, biết vận dụng kiến thức được học vào đời sống, để làm cuộc sống ý nghĩa hơn. Không học vẹt, học qua loa cho xong, vì đó chính là cách học không biết khơi sáng ngọn lửa tri thức mà dần dần sẽ giết chết tri thức. Tính tự chủ, tự giác trong học tập là phải biết tự điều chỉnh hành vi trong học tập, giữ cho tâm tính ngay thẳng thật thà là một điều tốt.

Trách nhiệm chính trị của học sinh, sinh viên được biểu hiện trong các mối quan hệ, đó là quan hệ với cha mẹ, thầy cô và những người xung quanh. Vì thế, mỗi học sinh, sinh viên phải rèn luyện cho mình thật sự ngoan ngoãn, lễ phép và yêu quý các thành viên khác. “Kính trên nhường dưới” là tiêu chuẩn đặc biệt cần chú trọng, và biết chia sẻ và yêu thương.

Ở lứa tuổi học sinh, sinh viên, trách nhiệm chính trị trước hết là thể hiện trách nhiệm của mình với việc mình làm, với những gì mình nói và với từng hành vi của mình... Với công việc không làm qua loa, không chỉ để làm mà hãy làm thật tốt những gì người khác giao cho, bất cứ công việc gì cũng cần

phải có trách nhiệm để làm tốt. Khi nói chuyện cần chú ý về ý nghĩa của những lời mình nói. Sống có trách nhiệm còn được thể hiện qua những hành động rất nhỏ trong đời sống, những thói quen hằng ngày, đó là trách nhiệm với công việc, trách nhiệm với uy tín và có trách nhiệm với người khác.

Về chủ thể của giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc

Trong cuốn Từ điển Tiếng Việt có nêu: Chủ thể là đối tượng gây ra hành động mang tính tác động trong quan hệ đối lập với đối tượng chi phối của hoạt động tác động [42]. Chẳng hạn, trong môi trường giáo dục, chủ thể giáo dục là những thầy cô giáo và tất cả những người làm công tác giáo dục.

Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc là một dạng giáo dục mà đối tượng, phương pháp, hình thức giáo dục có những điều kiện đặc thù. Người tiến hành giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc sẽ tác động lên đối tượng giáo dục không phải chỉ là người thầy, người cô giáo hay những cá nhân làm công tác giáo dục mà còn cả những tổ chức, cơ quan được giao nhiệm vụ giáo dục trước cộng đồng và xã hội. Ngay cả những tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ được Nhà nước cho phép làm công tác giáo dục trên lãnh thổ Việt Nam và cho người Việt Nam. Hình thức giáo dục cũng vậy, không chỉ là những buổi học ở trên lớp, ở những hội thảo, mà việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc còn được thực hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua sách báo và ở mọi nơi, mọi lúc, vì thế nếu coi chủ thể giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc chỉ là cá nhân những người làm công tác giáo dục thì sẽ không đầy đủ. Vậy, chủ thể của giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc là những cá nhân, những cơ quan, tổ chức làm công tác giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc mang tính tự nguyện, mang tính trách nhiệm xã hội đã tham gia góp phần vào việc thực hiện mục tiêu giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc. Có những chủ thể đồng thời là đối tượng của dạng giáo dục này.

Việc xác định chủ thể giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc có ý nghĩa rất quan trọng trong lý luận và thực tiễn hoạt động giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc. Trên cơ sở mối quan hệ, sự tác động qua lại lẫn nhau



giữa chủ thể, đối tượng giáo dục trong hoạt động giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc - chủ yếu là các hoạt động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch của người giáo dục lên đối tượng giáo dục - cho phép xác định đúng mức những nhu cầu, khả năng và điều kiện tiếp nhận tác động lên hoạt động giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc của đối tượng giáo dục này; cũng như cho phép xác định chính xác yêu cầu khách quan của chủ thể giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong việc xác định nội dung, hình thức, phương tiện, biện pháp thích hợp để tiếp cận với đối tượng giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc một cách có hiệu quả nhất.

Về hình thức giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc

Thông qua hình thức giáo dục cụ thể trong giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đã hình thành nhận thức, tình cảm của đối tượng giáo dục. Từ đó xác định được mục đích, nội dung của việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc và từ đây mới đưa ra được hình thức giáo dục cụ thể cho từng nội dung, cũng như từng đối tượng là khác nhau.

Hình thức giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc là các dạng hoạt động cụ thể, có tổ chức, phối hợp giữa các chủ thể giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc và đối tượng giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc để thể hiện nội dung giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc và đạt mục đích giáo dục hệ giá trị truyền thống. Từ khái niệm trên, có thể thấy có nhiều hình thức giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc khác nhau được thực hiện trong thực tiễn. Tuy nhiên, căn cứ vào mục tiêu, nội dung, chủ thể, đối tượng giáo dục hệ giá trị truyền thống, có thể chia hình thức giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc thành hai loại sau:

Một là, hình thức giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc mang tính phổ biến, truyền thống như phổ biến, nói chuyện về hệ giá trị truyền thống dân tộc tại các Hội nghị, cuộc họp, hội thảo, câu lạc bộ; các lớp giảng chuyên đề cho các đối tượng chuyên biệt, các hoạt động tuyên truyền, phổ biến qua sinh hoạt văn hóa cộng đồng ở các cụm dân cư, làng xã, buôn làng, qua đoàn thể quần chúng; các nơi thờ tự, sinh hoạt tôn giáo, tuyên truyền phổ biến giáo dục qua

các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, sáng tác văn học nghệ thuật về đề tài hệ giá trị truyền thống dân tộc, thông tin cổ động, dạy và học về hệ giá trị truyền thống dân tộc.

Hai là, hình thức giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đặc thù. Đây là các hoạt động định hướng giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc thông qua các hoạt động hoạch định đường lối, chính sách, hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp của các cơ quan nhà nước (như Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Công an).

Về phương pháp giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc

Thuật ngữ phương pháp bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp là "Me Todos", có nghĩa là con đường, cách thức tự vận động bên trong nội dung, nó gắn với hoạt động của con người, giúp con người hoàn thành được những nhiệm vụ phù hợp với mục tiêu đã đề ra [147, tr.40]. Mục đích, nội dung giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc quy định phương pháp, nhưng bản thân phương pháp có tác dụng trở lại mục đích, nội dung, làm cho nội dung ngày càng hoàn thiện, làm cho mục đích đạt được ngày càng cao. Như vậy, phương pháp bao giờ cũng xuất phát từ một mục đích nhất định, nội dung giáo dục nhất định.

Phương pháp giáo dục và hình thức giáo dục là hai khái niệm độc lập, không đồng nhất, nhưng lại có quan hệ mật thiết với nhau. Phương pháp giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc có mối quan hệ qua lại rất mật thiết với các nhân tố khác của quá trình giáo dục mà trước hết là hình thức giáo dục. Mỗi hình thức giáo dục nhất định luôn luôn gắn với những phương pháp giáo dục nhất định, đặc thù của hình thức đó. Ngược lại, phương pháp giáo dục tác động trở lại làm cho hình thức giáo dục phát triển ngày càng hướng đích, ngày càng hoàn thiện hơn. Vì thế, khi lựa chọn, sử dụng các hình thức giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc, nhất thiết phải lựa chọn, áp dụng những phương pháp cụ thể, thích hợp với từng chủ thể và đối tượng cụ thể dựa trên tính chất đặc thù của chủ thể và đối tượng đó. Đồng thời, cũng phải thường xuyên học hỏi, áp dụng những phương pháp giáo dục mới, đạt hiệu quả cao hơn mà khoa học giáo dục chuyên ngành trên thế giới đã tìm ra và áp dụng.

### ***2.3.5. Những biến đổi của hệ giá trị truyền thống dân tộc trong thời kỳ hội nhập ở Việt Nam***

Theo từ điển Tiếng Việt "biến đổi" là "thay đổi hoặc làm cho thay đổi khác trước" [47]. Như vậy, biến đổi hệ giá trị truyền thống dân tộc là do những yếu tố mới về kinh tế, văn hóa, xã hội và dẫn đến những thay đổi về hệ giá trị truyền thống không còn như trong lịch sử. Ở Việt Nam hiện nay, sự biến đổi của hệ giá trị truyền thống dân tộc, đang có sự đan xen phức tạp, có xu hướng biến đổi tích cực, hoặc trì trệ, chậm biến đổi, nhưng cũng có xu hướng biến đổi tiêu cực, ngược chiều đối lập với hệ giá trị truyền thống, xu hướng đồng nhất hóa các hệ thống chuẩn mực, giá trị truyền thống.

Hệ giá trị truyền thống yêu nước, liên kết cộng đồng, nhân ái, khoan dung, đề cao công bằng xã hội, lao động cần cù, sáng tạo... đã từng được phát huy trong lịch sử dân tộc. Ngày này, với mục tiêu xây dựng và phát triển làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh thì nội hàm mới của hệ giá trị truyền thống được biểu hiện bằng hạnh phúc ấm no của con người. Lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc được thể hiện ở quyết tâm đổi mới kinh tế xã hội theo đường lối do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng. Những thành tựu đổi mới đất nước trong hơn ba mươi năm qua đã chứng tỏ được sức sống của hệ giá trị truyền thống dân tộc. Ý thức đó đã thấm nhuần trong toàn dân, đã trở thành sức mạnh tinh thần to lớn, thành động lực nội sinh của quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Sức mạnh đó không những làm cho đất nước thoát ra khỏi sự khủng hoảng trầm trọng, mà còn giữ vững ổn định về chính trị, phát triển trên con đường hội nhập với khu vực và thế giới. Thực tế đã chứng tỏ khả năng hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng rộng mở, trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...

Hệ giá trị truyền thống yêu nước, liên kết cộng đồng, nhân ái, khoan dung, đề cao công bằng xã hội, lao động cần cù, sáng tạo đã phản ánh một cách chân thực những đặc điểm về chính trị, kinh tế, xã hội của dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Những giá trị cốt kết cộng đồng, tinh thần tương thân tương ái, cứu mang đùm bọc nhau khi khó khăn hoạn nạn, sự giúp đỡ những trường hợp mất mát do thiên tai gây ra, những hoàn

cảnh của người bị nhiễm chất độc màu da cam đang bị điều kiện xã hội mới làm thay đổi, mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng đã có những sắc thái mới, bản thân những giá trị này đã được bổ sung thêm những nội dung mới. Không những thế, còn có sự chuyển đổi về chất trong hệ giá trị. Ví dụ, giá trị ý thức về cộng đồng ngày nay đòi hỏi đi kèm với nó là những giá trị cá nhân, là yêu cầu về giải phóng cá nhân. Chuẩn mực giá trị được xã hội thừa nhận rộng rãi phổ biến nhất trong giai đoạn hiện nay là sự bao dung của cộng đồng đối với cá nhân và ý thức trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng. Chính điều này đã tạo nên một khía cạnh mới trong hệ giá trị mới của Việt Nam: đó là tinh thần khoan dung trong văn hóa và văn hóa dân chủ - đây là những giá trị mới trong xã hội ứng xử ở trình độ cao hơn và mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội hiện nay.

Cần lưu ý rằng, xu hướng chuyển đổi hệ giá trị truyền thống theo hướng tích cực, xét trong từng giá trị cụ thể và xét theo phạm vi vùng nông thôn hay thành thị là không giống nhau, nhưng đây là xu hướng cơ bản, phù hợp và đáp ứng yêu cầu mới. Từ những thành tựu đổi mới đất nước đã tạo ra thang giá trị mới đang dần dần hình thành. Trong thang giá trị này, hệ giá trị truyền thống và phẩm giá dân tộc vẫn được tuyệt đại đa số nhân dân tôn trọng và tự hào, vẫn là những định hướng cho tâm thức, hành vi của con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập. Đây là một bảo đảm hết sức quan trọng cho sự phát triển bền vững của đất nước trên con đường hội nhập mà vẫn giữ được bản sắc dân tộc.

Trong mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng hiện nay, sự phát triển của các giá trị cá nhân cũng đang có nhiều mâu thuẫn. Sự phát triển mạnh mẽ nền sản xuất theo hướng công nghiệp hóa trong cơ chế thị trường đã làm xuất hiện và gia tăng quá trình đô thị hóa. Chính điều đó sẽ góp phần làm rạn nứt mối quan hệ gắn kết chặt chẽ cộng đồng theo lối làng xã truyền thống. Trong thời kỳ hội nhập, xã hội Việt Nam đang dần chuyển đổi tiến đến hiện đại hơn có tác động đến mối quan hệ thân tộc truyền thống và tạo nguy cơ tách cá nhân khỏi cộng đồng xã hội. Những nguy cơ này là do tác động của mặt trái cơ chế thị trường và tiến bộ khoa học công nghệ mang lại. Hơn nữa, những hiện

tượng nhân danh cộng đồng tập thể để mưu lợi cá nhân và dùng cộng đồng, tập thể để kiềm chế, vùi dập, hãm hại cá nhân, hiện tượng những lợi ích của nhóm nhỏ mâu thuẫn với lợi ích của nhóm lớn, của cộng đồng.

Liên kết cộng đồng vốn là truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc, thì nay đang bị phân rã, biến thành chủ nghĩa bè phái, cục bộ, địa phương chủ nghĩa. Tính năng động, khả năng thích ứng nhanh là một điểm mạnh trong tính cách của dân tộc, thì nay có hiện tượng một bộ phận chuyển sang chủ nghĩa cơ hội, thiếu trung thực. Trong cơ quan Nhà nước, đó là sự tham ô, lãng phí, biến công quyền thành tư quyền, hạch sách những nhiều, ngoài xã hội là những biểu hiện phản giá trị, góp phần làm biến dạng đạo đức xã hội. Mặt tác động ngịch chiều của các nhân tố kinh tế - xã hội đối với quá trình hiện đại hóa cũng đang đặt ra những vấn đề nhức nhối trong việc áp dụng kinh tế thị trường và tiến bộ công nghệ. Đây cũng là quy luật xảy ra đối với những quốc gia đang phát triển.

Những mâu thuẫn trong quá trình chuyển đổi của hệ giá trị truyền thống đã dẫn đến tình trạng song đề trong đời sống của Việt Nam hiện nay: “Hệ giá trị văn hóa truyền thống do mâu thuẫn với yêu cầu bình thường hóa cuộc sống con người và hiện đại hóa để phát triển, nên ngày càng bị thu hẹp chỗ đứng. Ngược lại, các giá trị mới đang phát triển như là những phản ứng lại các giá trị cũ, nên cực đoan về mức độ vồ vập và tự phát bùng nổ - xét ở hình thức chọn lựa và hành xử, mà đặc trưng nổi bật là có phần quá ích kỷ, duy lợi, kiếm tiền bằng mọi giá, nên đặt đạo đức trên bờ vực của nguy cơ băng hoại và những biểu hiện phi văn hóa một cách hiển nhiên” [157]. Chính điều này đã đưa đến nghịch lý giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa và những hiện tượng trong quá trình chuyển đổi của hệ giá trị truyền thống như: Xu hướng bảo thủ, lạc hậu, hoặc phản khoa học bộc lộ trong quan điểm thái độ đối với di sản văn hóa truyền thống, thể hiện ở cả hai thái cực: hoặc tuyệt đối hóa truyền thống, hoặc quay lưng lại với truyền thống; Xu hướng phủ nhận những giá trị văn

hóa tốt đẹp của dân tộc, đề cao các phẩm giá trị và những quan niệm giá trị lệch lạc du nhập từ nước ngoài vào. Đây là mảnh đất màu mỡ cho chủ nghĩa tương đối về đạo đức phát triển. Trong thực tế, biểu hiện của những xu hướng trên đó là cách sống thực dụng hai mặt, mà bản chất của chủ nghĩa thực dụng hai mặt là đồng nhất cái lợi với cái đúng, tức là không đeo đuổi một giá trị nào, nhiều khi “hư vô cả niềm tin lẫn luật pháp”. Cái giá mà Việt Nam phải trả trước hết, đó là cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế, cuộc sống vật chất của người dân ngày càng được cải thiện, thì đời sống văn hóa tinh thần không theo kịp. Những tệ nạn xã hội, những tiêu cực trong xã hội phát triển nhANH manh đến mức báo động.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã rút ra bài học kinh nghiệm về vai trò tích cực và khả năng tác động mạnh mẽ của giá trị văn hóa vào các lĩnh vực của đời sống ngày càng thể hiện rõ hơn. Những nét mới trong chuẩn mực văn hóa và trong nhân cách con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa từng bước được hình thành..., những thành tựu tiến bộ đạt được trong lĩnh vực văn hóa còn chưa tương xứng và chưa vững chắc, chưa đủ để tác động có hiệu quả đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng đạo đức lối sống [19]. Đó là tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị truyền thống dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng cá nhân vị kỷ, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có chức quyền tham ô đục khoét của dân, vì đồng tiền và danh vị mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp. Hiện tượng chay chức, chay quyền, buôn lậu, tham nhũng xảy ra khá phổ biến.

Hệ giá trị truyền thống đã là động lực giúp người Việt Nam vượt qua được những thăng trầm của lịch sử để đi đến chặng đường ngày hôm nay. Nhưng liệu có thể xây dựng đất nước theo mục đích đã lựa chọn không? khi

mà có sự báo động suy thoái về văn hóa nhân cách như vậy. Vì “đạo đức luôn luôn gắn với lập trường tư tưởng chính trị, người thiếu đạo đức, không lương thiện không thể là người có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội được” [57]. Nguyên nhân chủ yếu là Việt Nam đi vào kinh tế thị trường, nhưng chưa có một sự chuẩn bị chu đáo về tư tưởng lý luận cũng như cả về mặt quản lý nhà nước. Sự chậm khắc phục và kéo dài những hạn chế, khuyết điểm đã làm cho nó trở thành những nếp sống, khuyết tật khó chữa. Mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa, hay giữa kinh tế thị trường và đạo đức xã hội chưa được làm rõ. Thực tế cho thấy, đất nước không thể phát triển được nếu như kinh tế không phục vụ cho sự phát triển và nâng cao đời sống văn hóa, ngược lại, văn hóa không phát triển được tiềm năng vô tận, nếu như con người không biết sử dụng văn hóa như một bộ phận cấu thành của sự phát triển kinh tế. Sự tách rời giữa kinh tế với văn hóa, đạo đức xã hội, chính là nguyên nhân làm tăng những biểu hiện tiêu cực của quá trình chuyển đổi hệ giá trị truyền thống dân tộc. Có thể thấy xu hướng vận động chuyển đổi của hệ giá trị truyền thống trên những nét cơ bản sau:

- Nét chủ đạo trong quá trình vận động chuyển đổi của hệ giá trị truyền thống dân tộc trong thời gian tới là đồng thời vừa kế thừa phát huy, phát triển hệ giá trị truyền thống vừa chuyển hóa những tinh hoa và giá trị mới của nhân loại, sao cho thích hợp với điều kiện, hoàn cảnh và mục tiêu phát triển của đất nước.

- Hệ giá trị làng xưa của người Việt, đã và đang chuyển hóa mạnh mẽ thành hệ giá trị của làng mới, theo hướng hiện đại hóa cùng với nhịp độ phát triển kinh tế và điều kiện hưởng thụ văn hóa. Trong lịch sử phát triển của đất nước, văn hóa làng có một vị trí vai trò quan trọng. Ngày nay, không chỉ những giá trị tích cực của hương ước, phong tục tập quán, mà cả những giá trị của các làng nghề truyền thống đang được khôi phục, hiện đại hóa phục vụ cho du lịch và phát triển kinh tế xã hội.

- Bên cạnh hệ giá trị vùng (như là sự liên kết của văn hóa của nhiều làng), là sự hình thành của những giá trị của nhiều vùng đô thị mới. Những vùng mới đó, vừa “có yếu tố đậm đà bản sắc dân tộc, có yếu tố hiện đại đang phát triển đan xen vào nhau tạo nên tính đa dạng phong phú, đôi khi phức hợp do sự du nhập một cách cục đoan văn hóa ngoại lai, khiến cho xu hướng hiện đại hóa văn hóa Việt Nam có lúc không bảo đảm các nguyên tắc định hướng phát triển văn hóa của Đảng và Nhà nước ta” [70].

## **Tiểu kết chương 2**

Có nhiều ngành khoa học nghiên cứu về con người và sự hình thành con người công dân như tâm lý học, giáo dục học, xã hội học, triết học, văn hóa học... Tùy theo cách tiếp cận khác nhau, cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu khác nhau mà con người và con người công dân được hiểu khác nhau. Triết học K. Marx – V.I. Lenin xem con người như một chỉnh thể thống nhất các phẩm chất tâm, sinh lý, xã hội của cá nhân đã phát triển đến một trình độ nhất định, khi cá nhân đó trở thành chủ thể thực sự của các quá trình xã hội, tham gia vào hoạt động thực tiễn, đóng vai trò là chủ thể nhận thức và cải tạo thế giới, chủ thể của quyền hạn, nghĩa vụ, của những chuẩn mực đạo đức, thẩm mỹ và các chuẩn mực xã hội khác.

Xây dựng con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập dựa trên nền tảng hệ giá trị truyền thống dân tộc là nhiệm vụ vô cùng khó khăn và phức tạp, đòi hỏi Việt Nam xây dựng được môi trường chính trị, kinh tế, xã hội... phù hợp và đáp ứng được những yêu cầu của thời kỳ hội nhập, mặt khác, phải phát huy những mặt tích cực, hiệu quả của hệ giá trị truyền thống dân tộc. Hệ giá trị truyền thống dân tộc là động lực góp phần hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng trong con người công dân Việt Nam; góp phần tích cực vào quá trình xây dựng những phẩm chất đạo đức cá nhân con người công dân thời đại mới; góp phần hình thành ý thức thẩm mỹ tiên tiến trong nhân cách con người công dân; góp phần hình thành năng lực trong



mỗi nhân cách ở con người công dân Việt Nam; và là bộ lọc giúp con người công dân Việt Nam lựa chọn, tiếp thu những giá trị tiến bộ văn minh, đồng thời loại bỏ những phản giá trị trong quá trình giáo dục hình thành và phát triển hệ giá trị mới.

Sự hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân Việt Nam gắn liền với phát triển qua quá trình giáo dục, tự giáo dục và hoạt động thực tiễn; là quá trình thống nhất giữa mặt sinh vật và xã hội, giữa cá nhân và xã hội, giữa điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan. Đồng thời, sự hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân Việt Nam chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau, song cơ bản là: Đặc điểm tâm lý con người công dân; Hệ thống nhu cầu, lợi ích của con người công dân trong hoạt động xã hội; Tác động của tình hình trong nước và quốc tế.

### Chương 3

## **GIÁO DỤC HỆ GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC VỚI SỰ HÌNH THÀNH CON NGƯỜI CÔNG DÂN VIỆT NAM THỜI KỲ HỘI NHẬP: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA**

### **3.1. Thực trạng giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập**

#### ***3.1.1. Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong môi trường gia đình với sự hình thành con người công dân Việt Nam hiện nay***

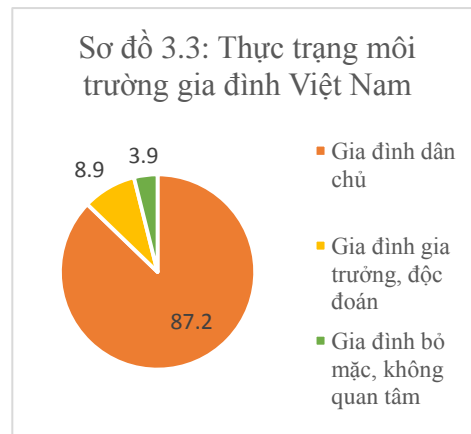
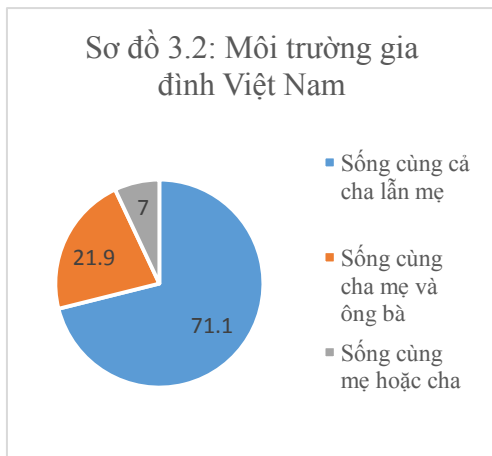
Gia đình có vai trò quan trọng trong giáo dục con người công dân, vừa định hướng, uốn nắn đạo đức, lối sống vừa cung cấp những nền tảng tư tưởng giúp con người công dân hình thành những chuẩn mực trong quá trình rèn luyện và học tập. Môi trường gia đình hay từng thành viên trong gia đình có ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình hình thành con người công dân. Quá trình hội nhập ở Việt Nam đang tác động nhiều đến gia đình làm thay đổi mọi mặt trong sinh hoạt gia đình Việt Nam truyền thống. Do vậy, con người công dân Việt Nam cũng chịu những tác động đó trong quá trình nhận thức và thực hiện các mối quan hệ trong xã hội, đặc biệt là mối quan hệ giữa công dân với Nhà nước Việt Nam.

Thứ nhất, Môi trường sống trong gia đình Việt Nam hiện nay

Gia đình là một cộng đồng đặc biệt, ở đó mỗi thành viên tiếp xúc thường xuyên, cùng huyết thống và ảnh hưởng sâu sắc với nhau. Thông qua gia đình, các thành viên tiếp thu những hiểu biết, kinh nghiệm đầu tiên, những ấn tượng về hình ảnh, âm thanh, màu sắc, nhịp điệu đầu tiên của cuộc sống. Giáo dục gia đình cũng là nơi đầu tiên hình thành nền tảng ban đầu về suy nghĩ và hành vi đối với giới trẻ.



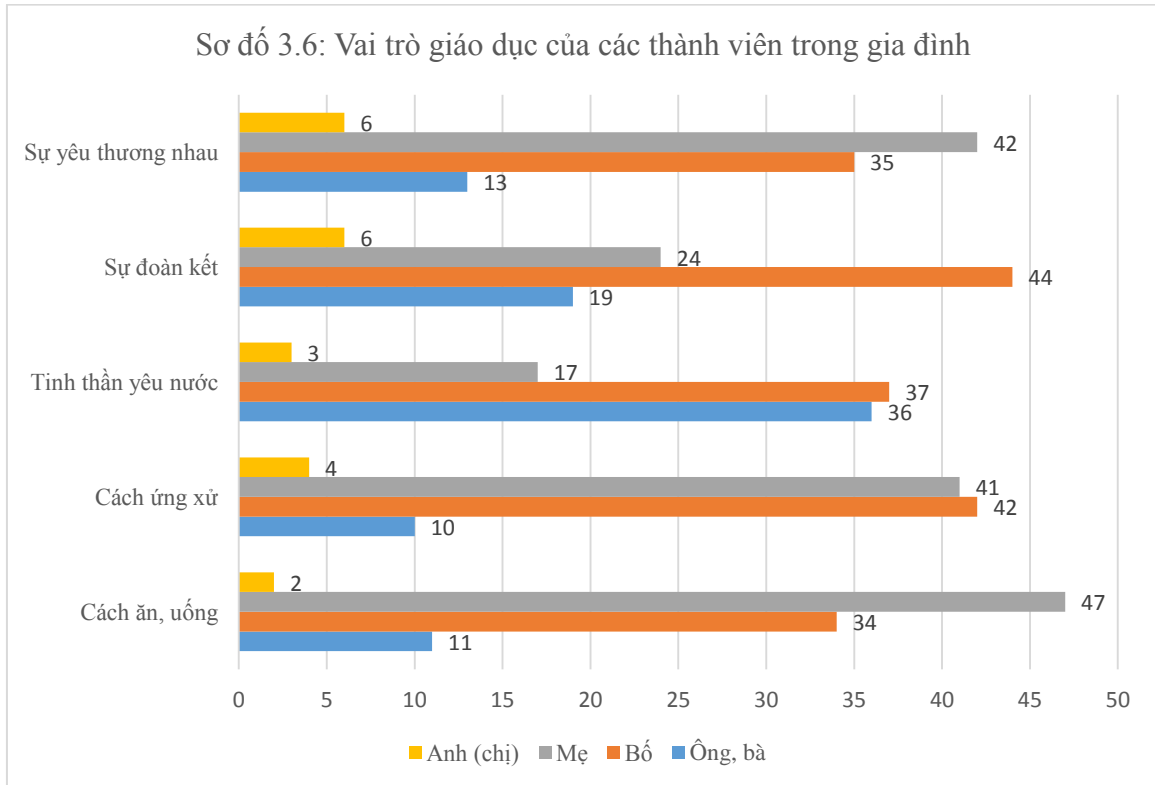
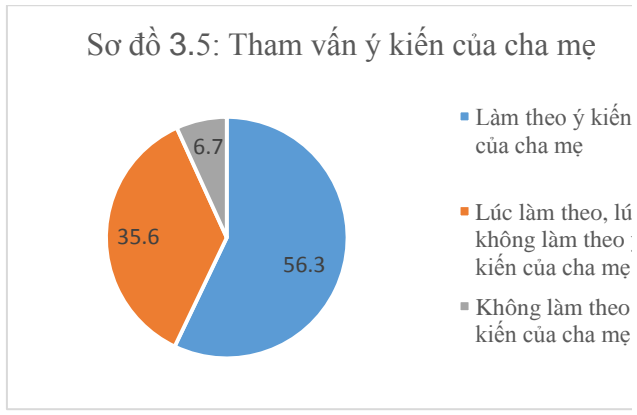
Giáo dục gia đình có vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách đối với con người công dân Việt Nam. 73% con người công dân Việt Nam đánh giá gia đình có vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục các thành viên và chỉ có 3% cho là không quan trọng. Trong gia đình, từ ông, bà, bố, mẹ, anh, chị đều có vai trò quan trọng trong việc giáo dục, chỉ bảo con em mình từ cách ăn uống, cách ứng xử đến tinh thần yêu nước, sự đoàn kết, sự yêu thương. Điều đó có tác dụng, tác động to lớn đến thái độ, tình cảm, cá tính, nếp nghĩ, lối sống, tình cảm cho các thành viên [155].



Trong điều kiện xã hội Việt Nam hiện nay có 71,1% con người công dân đang sống cùng cả cha lẫn mẹ, 21,9% đang sống cùng cha mẹ và ông bà, 7% sống cùng mẹ hoặc cha [159, tr.270]. Về mô hình gia đình có 87,2% là môi trường gia đình "dân chủ", 8,9% gia đình "gia trưởng, độc đoán" và 3,9% gia đình "bỏ mặc, không quan tâm" đến họ [159, tr.271]. Như vậy, môi trường sống của gia đình sẽ ảnh hưởng lớn đến việc hình thành nhân cách cho con người công dân Việt Nam.

Thứ hai, Tác động của gia đình trong việc giáo dục các thành viên

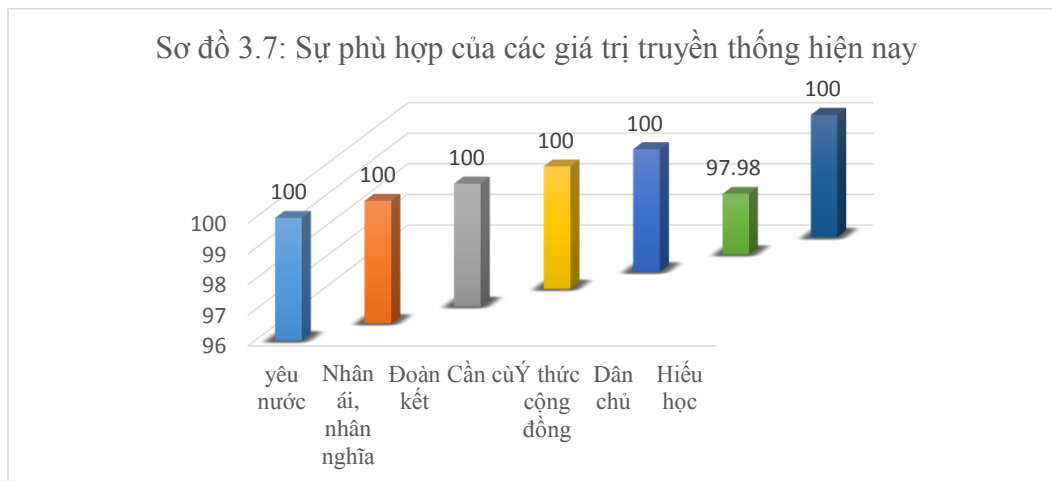
Về tác động của giáo dục gia đình đối với con người công dân Việt Nam cũng rất quan trọng có tới 82,5% đánh giá cao và cho rằng giáo dục gia đình có tác động to lớn đối với hình thành đạo đức, chỉ có 3,9% cho rằng giáo dục gia đình không có ý nghĩa gì [159, tr.271]. Vì thế, việc tham vấn ý kiến của người lớn tuổi cũng là yếu tố tác động đến hình thành đạo đức của con người công dân, có 56,3% thường làm theo ý kiến tham vấn, 35,6% khẳng định lúc làm theo nhưng cũng có lúc không làm theo ý kiến của người lớn tuổi, chỉ có 6,7% là thường không làm theo ý kiến tham vấn [159, tr.271].



Quá trình hình thành đạo đức của con người công dân Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn từ nhân cách, đạo đức và phương pháp giáo dục của các thành viên trong gia đình từ những hành vi đơn giản nhất cho đến hình thành thế giới quan, nhân sinh quan của con người công dân Việt Nam. Tùy vào từng hoạt động giáo dục được đánh giá vai trò của bố hay mẹ khác nhau. Cụ thể, giáo dục cách ăn, uống thì tỷ lệ trả lời mẹ cao hơn bố (47%; 34%), giáo dục cách ứng xử gần tương đương nhau như bố chiếm 42% và mẹ chiếm 41%; giáo dục tinh thần yêu nước thì vai trò của bố cao gấp hai lần mẹ (37%; 17%), giáo dục sự thương yêu nhau thì vai trò của mẹ cao hơn bố (42%; 35%). Ông bà cũng có vai trò quan trọng trong việc giáo dục như tinh thần yêu nước là 36%, sự đoàn kết là 19% và sự yêu thương nhau là 13% [155].

Thứ ba, các giá trị được sử dụng trong giáo dục gia đình

Trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển kinh tế - xã hội với những mặt tích cực và tiêu cực đã có tác động cụ thể đến sự thay đổi hệ giá trị truyền thống dân tộc. Rất nhiều giá trị được giữ gìn và có tác dụng to lớn đối với con người công dân Việt Nam. Song cũng có những giá trị đã bị xói mòn hoặc bị biến dạng do nhận thức có sự thay đổi. Sự lựa chọn hệ giá trị truyền thống nhằm giáo dục con người công dân trong mỗi gia đình ảnh hưởng đến nhận thức, biểu hiện của con người công dân Việt Nam.



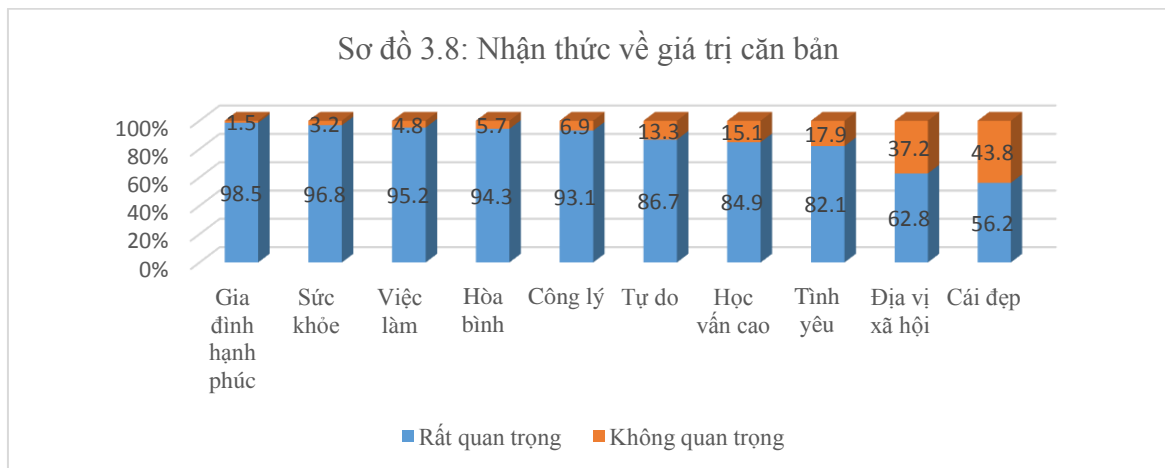
Giá trị truyền thống được 100% ý kiến khẳng định là phù hợp trong bối cảnh hiện nay gồm có: yêu nước, nhân ái nhân nghĩa, đoàn kết, tự trọng, tôn trọng, thủy chung, trung thực, vị tha, cần cù sáng tạo trong lao động, trọng

nghĩa tình đạo lí, ý thức cộng đồng, tinh thần tương thân tương ái, tôn sư trọng đạo, hiếu học. Đây là những giá trị truyền thống mang tính đạo đức cao. Một số giá trị truyền thống khác cũng được lựa chọn như: dân chủ (97,98%), hội nhập (95,3%), lạc quan - giản dị (93,95%), tự do (85,2%) [43].

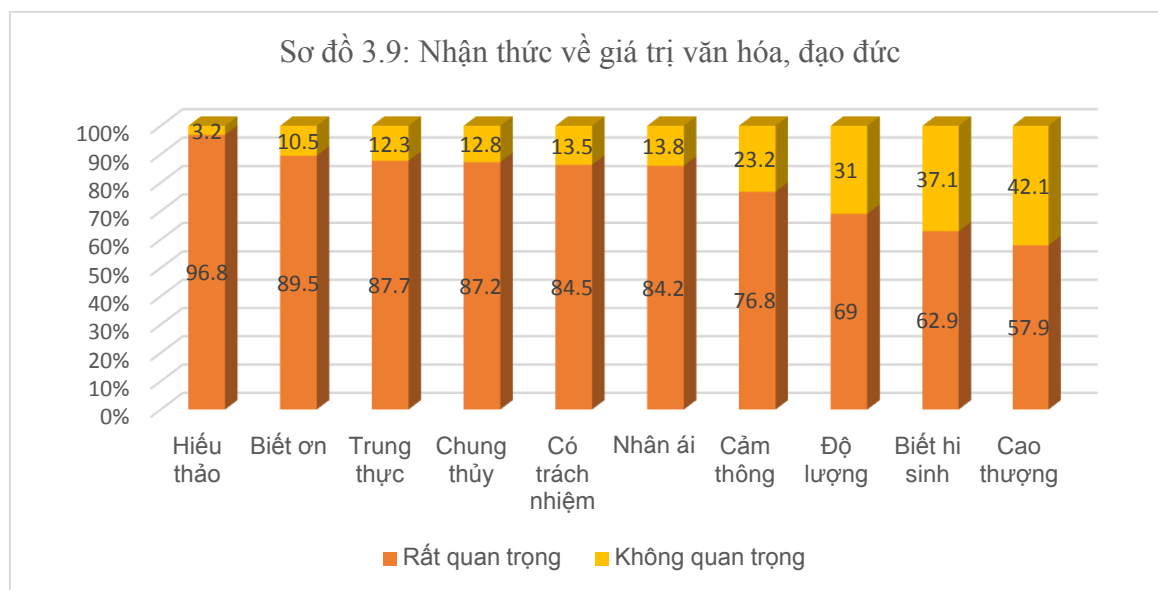
Với hệ giá trị: yêu nước, liên kết cộng đồng, nhân ái, khoan dung, đề cao công bằng xã hội, lao động cần cù, sáng tạo trong hệ giá trị mà luận án lựa chọn nhằm hình thành con người có bản lĩnh và củng cố liên kết cộng đồng của cá nhân, đều được đánh giá với thống nhất là 100% cho rằng các giá trị hay các biểu hiện của giá trị là phù hợp để giáo dục trong gia đình cho con người công dân thời kỳ hội nhập. Điều đó có nghĩa là, việc giáo dục giá trị yêu nước, liên kết cộng đồng, nhân ái, khoan dung, đề cao công bằng xã hội, lao động cần cù, sáng tạo là cần thiết.

Thực tế giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong gia đình đã được quan tâm. Có 91,9% ý kiến cho rằng việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc được thực hiện thường xuyên. Điều đó có nghĩa là trong quá trình giáo dục, thành viên trong gia đình đã chú ý đến giáo dục hệ giá trị truyền thống. Vì mong muốn giúp con người công dân Việt Nam nắm bắt và hiểu được các giá trị truyền thống dân tộc, nhằm tăng thêm lòng tự hào dân tộc, nâng cao trách nhiệm cá nhân trong học tập và rèn luyện hàng ngày. Chỉ có 8,1% ý kiến cho là thỉnh thoảng mới thực hiện. Đây là một tỉ lệ thấp, càng chứng tỏ giáo dục giá trị truyền thống trong gia đình đang được chú ý thực hiện tương đối tốt [43].

Thứ tư, Nhận thức của thành viên trong gia đình về việc giáo dục giá trị

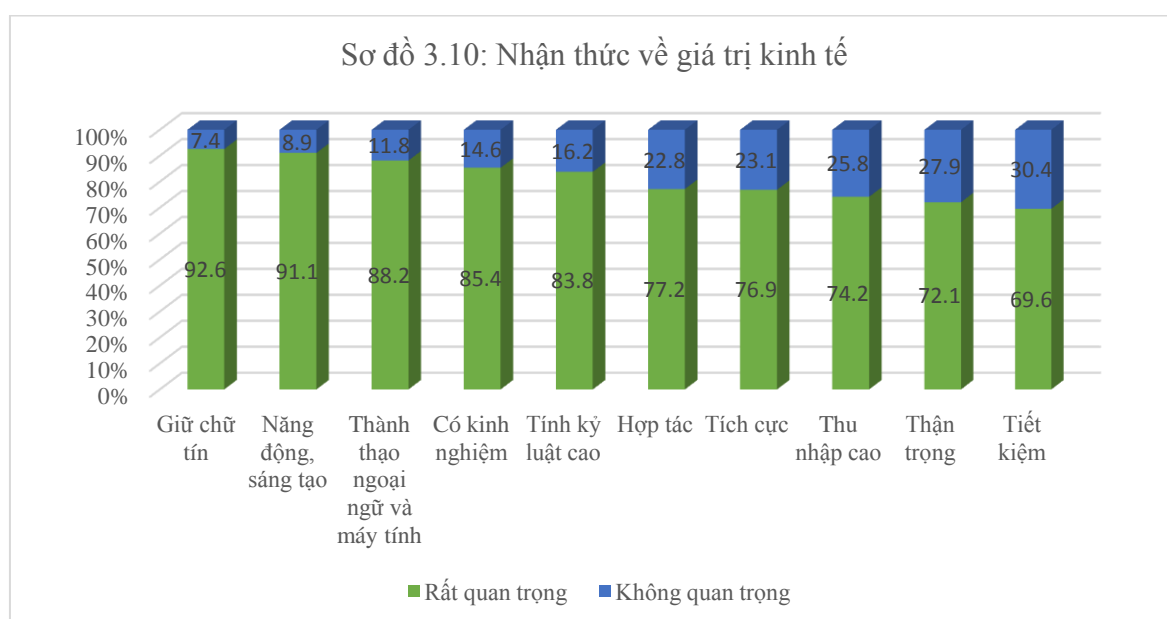


Nhận thức về nhóm giá trị căn bản (Sơ đồ 8): Con người công dân Việt Nam đánh giá nhóm giá trị căn bản là quan trọng với cuộc sống của họ với mức lựa chọn thấp nhất là 56,2% và cao nhất là 98,5%. Tuy nhiên, với 3 giá trị tóp đầu là gia đình, sức khỏe và việc làm nhận được đánh giá cao nhất cũng là khá tương thích với các kết quả điều tra khác, và trong chừng mực nhất định phản ánh của cuộc sống còn khó khăn của xã hội Việt Nam. Những giá trị như tự do, tình yêu và học vấn, vốn là giá trị rất đặc trưng với giới trẻ được đánh giá ở mức trung bình theo những người nghiên cứu không phản ánh khát vọng chung, mà có lẽ phải tìm lời giải ở độ "trễ" của các tác động từ truyền thống dân tộc. Từ kết quả này, có thể thấy những yếu tố như gia đình hòa thuận, hạnh phúc, sức khỏe và việc làm là những tiền đề quan trọng của quá trình lập thân, lập nghiệp của con người công dân Việt Nam trẻ tuổi, và nó cũng phù hợp với đạo lý truyền thống Việt Nam [163].



Nhận thức về nhóm giá trị văn hóa, đạo đức (Sơ đồ 9): Việc tách nhóm các giá trị đạo đức khỏi các giá trị căn bản xuất phát từ tầm quan trọng của yếu tố đạo đức với tư cách là giá trị cốt lõi, quyết định đến nhân cách của mỗi cá thể đến đời sống cộng đồng và sự phát triển của xã hội với tư cách là những nền tảng văn hóa tinh thần căn bản. Từ sơ đồ 9 cho thấy: Thứ nhất, 10 giá trị đạo đức trên đều nhận được sự đánh giá cao. Thứ hai, nhóm các giá trị được đánh giá cao là hiếu thảo, biết ơn, trung thực và chung thủy là phù hợp nhất

với đề cao giá trị gia đình. Điều này càng khẳng định vai trò rất quan trọng của yếu tố gia đình đối với mỗi con người, nó phù hợp với truyền thống văn hóa phương Đông và bản sắc văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, mặt trái của nó, khi bị cực đoan hóa, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường, nó lại trở thành bệ đỡ của các biến dạng gây cản trở cho sự tiến bộ xã hội như chủ nghĩa cực bộ, xu hướng duy lợi ích nhóm, chủ nghĩa gia đình... Thứ ba, những giá trị đạo đức như trách nhiệm, lòng nhân ái và sự cảm thông nhận được sự đánh giá cao ở mức lựa chọn trên 80% là chỉ dấu đáng chú ý vì nó là yếu tố nền tảng của kỹ năng mềm, một trong những điểm yếu của con người công dân Việt Nam trong tương quan so sánh khả năng hội nhập với các nước trong khu vực. Thứ tư, các giá trị xếp cuối bảng như độ lượng, hi sinh và cao thượng trong chừng mực nhất định phản ánh khá phù hợp với hiện tượng "vô cảm" không còn hiếm thấy trong đời sống cộng đồng và đời sống đạo đức của xã hội Việt Nam hiện nay. Nhìn chung, sự cung cấp những dữ liệu cho nhận định rằng nhận thức của con người công dân Việt Nam nói chung và con người công dân trẻ tuổi nói riêng về các giá trị đạo đức là phù hợp với xu hướng phổ quát và truyền thống dân tộc, nhất là trong điều kiện chịu sự tác động đa chiều của quá trình hội nhập, của toàn cầu hóa. Xu hướng nhận thức này là tiền đề thuận lợi cho việc giáo dục đạo đức và xây dựng con người mới. Và nó cũng chỉ ra tình huống có vấn đề của thang giá trị hiện nay của con người công dân Việt Nam [163].





Nhóm giá trị kinh tế (Sor đồ 10): Qua dữ liệu về nhóm giá trị kinh tế cho thấy: Thứ nhất, giữ chữ tín được lựa chọn ở thứ hạng cao nhất với tỷ lệ 92,6% [187]. Kết quả này có độ chênh nào đó với một số nghiên cứu khác, chẳng hạn, báo cáo của Ngân hàng Thế giới về "Phát triển kỹ năng: xây dựng lực lượng lao động cho một nền kinh tế thị trường hiện đại ở Việt Nam". Sự khác biệt ở đây có nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng điều quan trọng theo những người nghiên cứu là phản ánh sự thay đổi về nhận thức phù hợp với những yêu cầu mới về phẩm chất người lao động trong môi trường làm việc thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Giữ chữ tín là phẩm chất, giá trị luôn được xếp trong nhóm ưu tiên của các nhà tuyển chọn nhân lực ở các công ty. Ở đây cũng lưu ý rằng, những chỉ số nói trên phản ánh sự nhận thức, đó là tiền đề đầu tiên cho việc các giá trị này được hiện thực hóa trong lối sống, tức là trong hành vi sống. Tuy nhiên, nó có trở thành thói quen tự giác, thành chuẩn mực hành vi chung của xã hội hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nữa, trong đó rất quan trọng là môi trường xã hội [163].

Thành thạo ngoại ngữ và máy vi tính, được lựa chọn xếp thứ ba trong nhóm 3 chỉ số hàng đầu của bảng 3. Lý giải nguyên nhân của chỉ số trên là việc Việt Nam tham gia ngày càng sâu vào mạng phân công lao động quốc tế và khu vực. Các quá trình này một mặt mở rộng cơ hội tìm kiếm việc làm, tạo điều kiện phát huy tài năng của người lao động, cải thiện thu nhập, nhưng đồng thời cũng ra tăng mức độ cạnh tranh về việc làm trước hết là từ những nước từ khối ASEAN. Điều này cũng phù hợp với những nghiên cứu của ILO và ADB trong báo cáo có tiêu đề "Cộng đồng ASEAN năm 2015: Quản lý hội nhập hướng tới thịnh vượng chung và việc làm tốt hơn", công bố năm 2014. Theo khảo sát của EF cũng năm 2014 với điểm 53,81/100 (về con số tuyệt đối) trình độ tiếng anh của nhóm đối tượng Việt Nam tham gia khảo sát ở mức trung bình, thậm chí có chỉ số cao hơn gần 10 điểm so với Thái Lan. Kết quả này có nhiều nguyên nhân trong đó trước hết là sự cải thiện học ngoại ngữ ở bậc phổ thông và đầu tư xã hội trang bị ngoại ngữ và tin học cho con em của các gia đình ngày càng cao. Vì vậy, mà việc đa số con người công dân Việt

Nam, nhất là ở các thành phố lớn tăng chi phí về thời gian và tài chính cho việc tham gia học ngoại ngữ và tin học ngoài nhà trường đã trở thành xu hướng phổ biến. Điều này rõ ràng đem lại cho họ nhiều cơ hội và lợi thế trong thời gian học tập ở các trường và khi tốt nghiệp.

Năng động, sáng tạo cũng là chỉ dấu giá trị nhận được sự đánh giá ở mức cao (bậc 2). Đây là hoàn toàn những giá trị của thời đại được con người công dân Việt Nam ý thức và chuẩn bị cho con đường nghề nghiệp sau này. Còn để khẳng định từ những nhận thức giá trị đến chỗ nó được biểu hiện thành hành vi chắc chắn còn nhiều điều cần bàn luận, lý giải kỹ càng hơn. Chẳng hạn, báo cáo điều tra của VEF (Việt Nam Education Foundation) năm 2014 có sự tham gia của 8 Giáo sư Harvard bên cạnh ghi nhận những tiến bộ, cũng tiếp tục nhấn mạnh khuyến nghị về cải thiện năng lực sáng tạo.

Một loạt những chỉ số như kinh nghiệm và tính kỷ luật cao, tích cực hoạt động, thận trọng, tiết kiệm nằm trong nhóm thứ hạng thấp nhất trong phổ nhận thức về giá trị kinh tế. Mà đây đều là những giá trị liên quan đến tính cách, đến nhóm kỹ năng xã hội và hành vi (kỹ năng mềm cơ bản). Chỉ dấu này rõ ràng là một cảnh báo trong công tác đào tạo nghề của hệ thống các trường ở Việt Nam hiện nay. Và nó cũng khá phù hợp với những dữ liệu sử dụng từ các nghiên cứu của nhiều tổ chức về nguồn nhân lực ở Việt Nam đã đánh giá mặt mạnh và mặt yếu của con người công dân Việt Nam.

Nhận thức về nhóm giá trị chính trị - xã hội: Nhóm nghiên cứu đã đưa ra 10 nội dung có tính chất thăm dò mức độ quan tâm của con người công dân Việt Nam về những giá trị có liên quan đến một số khía cạnh chính trị - xã hội như: độc lập dân tộc; yêu nước; dân chủ, bình đẳng; tôn trọng pháp luật; tự hào dân tộc; trung thành với tổ quốc; có trách nhiệm công dân; tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; hợp tác giữa các dân tộc và lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Các giá trị này là những nội dung nền tảng bám sát vào nội dung phát triển con người mới, con người xã hội chủ nghĩa trong định hướng giáo dục chung của Việt Nam.

Các phản hồi cho thấy những giá trị chính trị - xã hội đều được nhận thức ở mức quan trọng và rất quan trọng (trong khoảng 72,1% đến 91,9%) [163]. Các giá trị được lựa chọn trong nội dung này đều hướng đến những giá trị vừa cơ bản, vừa liên quan chặt chẽ với đặc điểm và vấn đề nóng của đất nước hiện nay, cụ thể, ngoài 3 giá trị "dân chủ, bình đẳng", "tôn trọng pháp luật", "trách nhiệm công dân" là những câu hỏi về giá trị cơ bản, có mức phổ quát lớn ở Việt Nam, việc trả lời các câu hỏi còn lại cho Việt Nam thấy mức độ quan tâm của con người công dân Việt Nam đến những vấn đề liên quan đến vận mệnh đất nước, đến chế độ chính trị và tương lai của đất nước. Các thông tin phản hồi từ nội dung này giúp nhận định về quan điểm của nhóm đối tượng trong nghiên cứu này và gợi mở những hàm ý liên quan đến khía cạnh giáo dục chính trị trong tình hình hiện nay. Các giá trị còn lại trong nhóm nội dung trên cũng đạt tỉ lệ trên 70%. Kết quả thăm dò dù ở mức độ tương đối trong một số lượng nhỏ nhưng cũng cho thấy những kết quả tích cực, thể hiện phần nào nhận thức, sự quan tâm, trách nhiệm của con người công dân Việt Nam trước những vấn đề của đất nước, xã hội..., đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

### **3.1.2. Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong môi trường nhà trường với sự hình thành con người công dân Việt Nam hiện nay**

Nhà trường là nơi cung cấp những kiến thức khoa học cho con người công dân, giúp con người công dân trang bị những tri thức phục vụ cuộc sống. Bên cạnh những tri thức khoa học, thì nhà trường cũng có vai trò trong giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc nhằm hình thành con người công dân đáp ứng những đòi hỏi của xã hội, của đất nước.

Thứ nhất, Về lồng ghép giáo dục giá trị truyền thống trong các môn học  
Đối với các trường phổ thông

Theo kết quả nghiên cứu Đề tài cấp Bộ “Định hướng, mục tiêu, nội dung giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh phổ thông”, mã số B2006 - 37 - 25, năm 2009 [140]. Đề tài tập trung rà soát nội dung chương trình của một số môn học và hoạt động giáo dục có chứa đựng những giá trị

truyền thống. Từ đó, hệ thống hóa và sắp xếp thành hệ thống các giá trị truyền thống đang được giảng dạy và giáo dục cho học sinh; Đánh giá việc thực hiện giáo dục các giá trị truyền thống ở nhà trường hiện nay. Nhằm xác định những giá trị văn hóa truyền thống có trong chương trình của một số môn học và hoạt động giáo dục hiện đang được giảng dạy và giáo dục ở nhà trường phổ thông; tìm hiểu việc thực hiện giáo dục các giá trị truyền thống ở nhà trường hiện nay; trên cơ sở đó đề xuất định hướng mục tiêu, nội dung giáo dục các giá trị truyền thống cho học sinh phổ thông.

Tổ chức rà soát chương trình một số môn học và hoạt động giáo dục ở các trường phổ thông nói trên với mục tiêu xác định sự có mặt của các giá trị truyền thống trong các chương trình này. Kết quả cho thấy có một số giá trị truyền thống hiện đang có mặt trong chương trình của một số môn học (Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân, Đạo đức, Mĩ thuật) và Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Đó là các giá trị văn hóa: yêu nước, đoàn kết, hoà bình, nhân ái nhân nghĩa, hiếu học, cần cù sáng tạo trong lao động, bao dung, trung thực, chung thuỷ, chân thành, tôn trọng lẽ phải, tôn trọng người khác, hiếu thảo, quý trọng gia đình, giản dị, dũng cảm, tự lực, tiết kiệm, giữ chữ tín, lễ độ, hiếu khách, tế nhị, yêu thiên nhiên. Các giá trị truyền thống được lựa chọn từ những môn học và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.1: Số lượng bài/ chủ điểm giáo dục của các môn học và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có chứa đựng các giá trị truyền thống

TT	Các giá trị	Số lượng bài/ Chủ điểm giáo dục						Tổng hợp
		Ngữ văn	Lịch sử	Đạo đức	GD CD	Mĩ thuật	HDGD NGLL	
1	Yêu nước	60	7	2	8	4	44	125
2	Đoàn kết	5	6		2	2	4	19
3	Cần cù sáng tạo trong lao động	11	12	1	4	4	8	40
4	Nhân ái nhân nghĩa	52		8	5			65

TT	Các giá trị	Số lượng bài/ Chủ điểm giáo dục						Tổng hợp
		Ngữ văn	Lịch sử	Đạo đức	GD CD	Mĩ thuật	HDGD NGLL	
5	Hiếu học	9	4	2			8	23
6	Bao dung	4	1					5
7	Giản dị	5			1			6
8	Trung thực	1				1		2
9	Hoà bình	3		2	4		7	16
10	Dũng cảm	2	2					4
11	Hiếu thảo	5		3				8
12	Chung thuỷ	5					3	8
13	Tôn sư trọng đạo		3	2	1	1	7	14
14	Quý trọng gia đình	2	2	5	5		7	21
15	Tiết kiệm			3	1			4
16	Yêu thiên nhiên	3		5	2			10
17	Hiếu khách			1				1
18	Tôn trọng lễ phải				1			1
19	Lễ độ			3	2		3	8
20	Giữ chữ tín				1			1

Nguồn: Đề tài cấp Bộ “Định hướng, mục tiêu, nội dung giáo dục giá trị văn hóa tuyên thống cho học sinh phổ thông”, mã số B2006 - 37 - 25, năm 2009

Bảng trên cho thấy các giá trị truyền thống có trong chương trình một số môn học và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có thể được phân chia thành các giá trị dân tộc, giá trị gia đình và giá trị cá nhân. Các giá trị dân tộc gồm có: yêu nước, nhân ái nhân nghĩa, cần cù sáng tạo trong lao động, hiếu học, quý trọng gia đình, hoà bình, đoàn kết, tôn sư trọng đạo, yêu thiên nhiên, bao dung. Các giá trị gia đình như: chung thuỷ, hiếu thảo, lễ độ. Các giá trị cá nhân bao gồm: giản dị, dũng cảm, tiết kiệm, trung thực, hiếu khách, tôn trọng lễ phải, giữ chữ tín. Sự có mặt của các giá trị truyền thống này trong chương

trình một số môn học và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đã khẳng định tính cần thiết về ý nghĩa giáo dục của chúng. Việt Nam có thể nhận thấy những giá trị truyền thống sau đây được thể hiện rõ nhất với số lượng bài khá cao, đó là: yêu nước (125 bài), nhân ái nhân nghĩa (65 bài), cần cù sáng tạo trong lao động (40 bài), hiếu học (23 bài), quý trọng gia đình (21 bài), đoàn kết (19 bài), hoà bình (16 bài), tôn sư trọng đạo (14 bài), yêu thiên nhiên (10 bài), chung thuỷ (8 bài), hiếu thảo (8 bài), lễ độ (8 bài), giản dị (6 bài) [140].

Nếu xem xét các giá trị truyền thống thể hiện trong chương trình của từng môn học và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp thì có thể thấy được kết quả cụ thể sau đây:

- Môn Ngữ văn được rà soát từ lớp 6 đến lớp 12 với các giá trị cụ thể như sau: yêu nước (60 bài), nhân ái nhân nghĩa (52 bài), cần cù sáng tạo trong lao động (11 bài), hiếu học (9 bài), đoàn kết - hiếu thảo - giản dị - chung thuỷ (5 bài), bao dung (4 bài), yêu thiên nhiên - hoà bình (3 bài), dũng cảm - quý trọng gia đình (2 bài), trung thực (1 bài).

- Môn Lịch sử được rà soát từ lớp 4 đến lớp 9 với các giá trị truyền thống sau: yêu nước - đoàn kết (13 bài), cần cù sáng tạo trong lao động (12 bài), hiếu học (4 bài), tôn sư trọng đạo (3 bài), dũng cảm (2 bài), bao dung (1 bài).

- Môn Đạo đức ở Tiểu học gồm các giá trị truyền thống sau: nhân ái nhân nghĩa (8 bài), quý trọng gia đình - yêu thiên nhiên (5 bài), tiết kiệm - lễ độ - hiếu thảo (3 bài), yêu nước - tôn sư trọng đạo - hiếu học - hoà bình (2 bài), cần cù sáng tạo trong lao động - hiếu khách (1 bài).

- Môn Giáo dục công dân từ lớp 6 đến lớp 11 gồm các giá trị truyền thống sau: yêu nước (8 bài), nhân ái nhân nghĩa- quý trọng gia đình (5 bài), cần cù sáng tạo trong lao động - hoà bình (4 bài), đoàn kết - lễ độ - yêu thiên nhiên (2 bài), tôn trọng lễ phái - tôn sư trọng đạo - giản dị - tiết kiệm - giữ chữ tín (1 bài).

- Môn Mỹ thuật từ lớp 1 đến lớp 9 gồm các giá trị truyền thống sau: yêu nước (4 bài), cần cù sáng tạo trong lao động (4 bài), đoàn kết (2 bài), trung thực - tôn sư trọng đạo (1 bài).

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp từ lớp 6 đến lớp 12 gồm các giá trị truyền thống sau: yêu nước (44 bài), tự lực - hiếu học (8 bài), hoà bình - tôn sư trọng đạo - kính trên nhường dưới (7 bài), đoàn kết (4 bài), chung thuỷ - chân thành - tế nhị - tôn trọng người khác (3 bài).

Từ kết quả trên cho thấy có một số giá trị truyền thống được đề cập nhiều hơn cả, đó là: yêu nước (môn Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân, Mỹ thuật và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp), nhân ái nhân nghĩa (môn Ngữ văn, Đạo đức, Giáo dục công dân), cần cù sáng tạo trong lao động (môn Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân, Mỹ thuật), hiếu học (môn Ngữ văn, Lịch sử, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp), quý trọng gia đình (môn Đạo đức, Giáo dục công dân), hoà bình (môn Ngữ văn, Giáo dục công dân, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp), đoàn kết (môn Ngữ văn, Lịch sử, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp), tôn sư trọng đạo (môn Lịch sử, Đạo đức, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp), chung thuỷ (môn Ngữ văn, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp), yêu thiên nhiên (môn Đạo đức và Giáo dục công dân).

Đối với chương trình cao đẳng và đại học

Hiện nay, các trường đại học, cao đẳng, xác định việc giáo dục giá trị truyền thống dân tộc cho sinh viên được quan tâm hơn, một số giá trị truyền thống được lồng ghép trong chương trình giáo dục: giá trị yêu nước, đoàn kết cộng đồng, ý chí độc lập tự cường, nhân ái khoan dung, cần cù sáng tạo, anh hùng dũng cảm,... nhằm bồi dưỡng tinh thần yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc cho sinh viên.

Ngành Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp, Giáo dục chính trị có các môn: Đại cương văn hóa Việt Nam giới thiệu những đặc trưng trong văn hóa truyền thống Việt Nam: nguồn gốc, đặc trưng và diễn tiến của văn hóa truyền thống Việt Nam; đặc trưng của các giai đoạn phát triển văn hóa, các vùng văn hóa và các loại hình văn hóa tiêu biểu; quan hệ giữa văn hóa với phát triển của mỗi cá nhân và cộng đồng; quan hệ giữa văn hóa và tâm lý; chủ trương và các chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước trong việc gìn giữ và phát huy tinh hoa bản sắc văn hóa

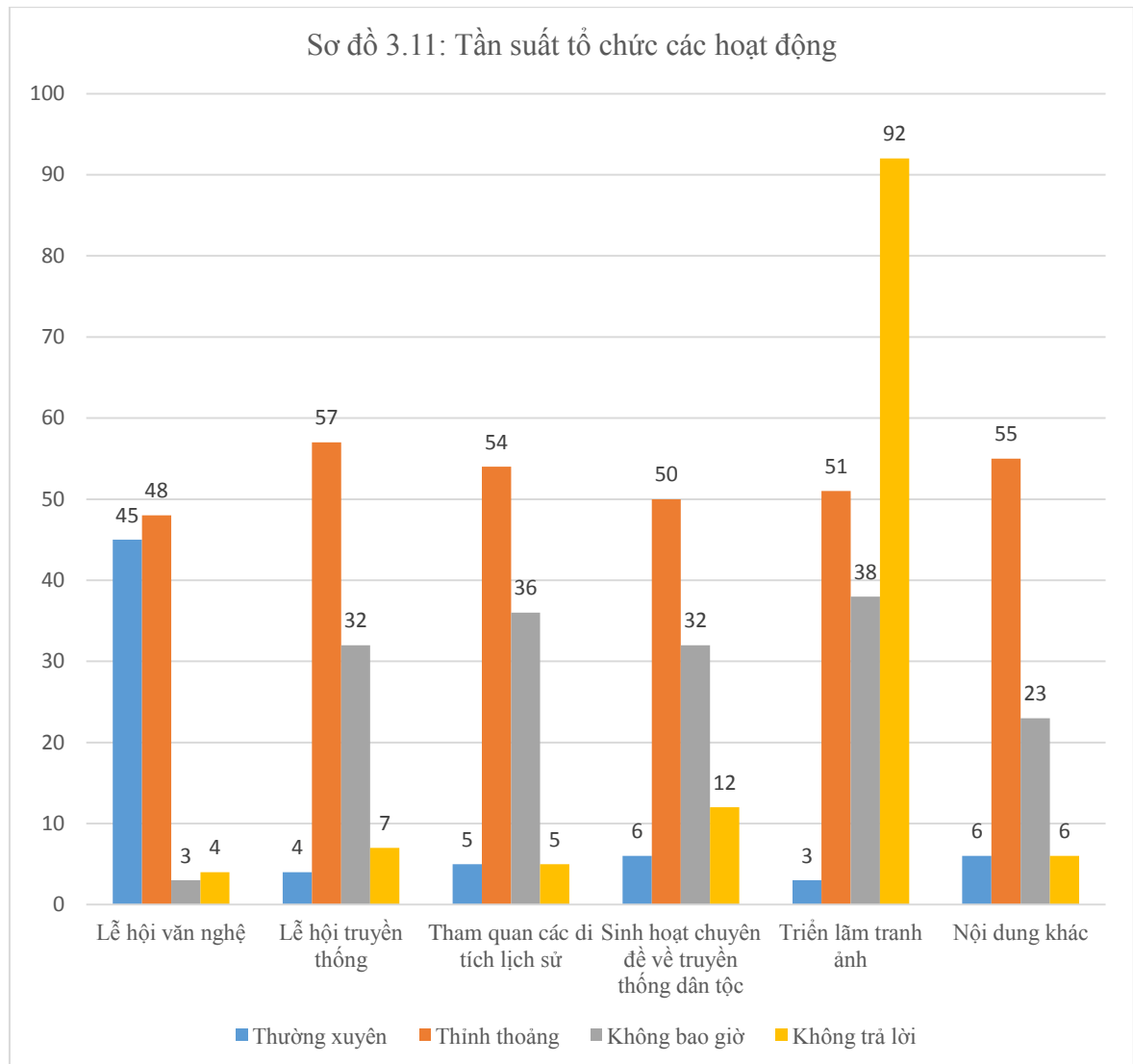
Việt Nam trên con đường xây dựng nền văn hóa hiện đại, tiên tiến và hội nhập quốc tế; Cơ sở văn hóa Việt Nam, Văn hóa học giới thiệu những kiến thức chung về văn hóa và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; Đạo đức học giới thiệu bản chất của đạo đức; những vấn đề của đạo đức học mácxít và đạo đức truyền thống Việt Nam. Các ngành thuộc Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn đều bắt buộc học môn Cơ sở văn hóa Việt Nam với thời lượng từ 2 đến 3 đơn vị học trình. Ngoài ra một số ngành còn có những môn như: Nhân học đại cương, Lịch sử Việt Nam, Việt Nam học với thời lượng từ 2 đến 3 đơn vị học trình. Các ngành thuộc Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đều bắt buộc học môn Văn hóa học, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Văn học Việt Nam với thời lượng từ 3 đến 5 đơn vị học trình.

Căn cứ vào thực tiễn xã hội, các trường đã không ngừng cải tiến, đổi mới theo hướng gọn hơn, hiện đại hơn, thiết thực hơn với các môn học khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ năm 1999 đến nay, Hội đồng Lý luận Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, bộ giáo trình quốc gia về Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị học Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh đã lần lượt được xuất bản, sửa chữa. Sau nhiều lần cải tiến đến nay, chương trình lý luận chính trị của các trường thuộc khối không chuyên ngành Mác – Lênin đã giảm tải đáng kể từ 5 môn (Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng) chiếm khoảng 11% tổng lượng chương trình đào tạo đại học xuống còn 3 môn (Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam).

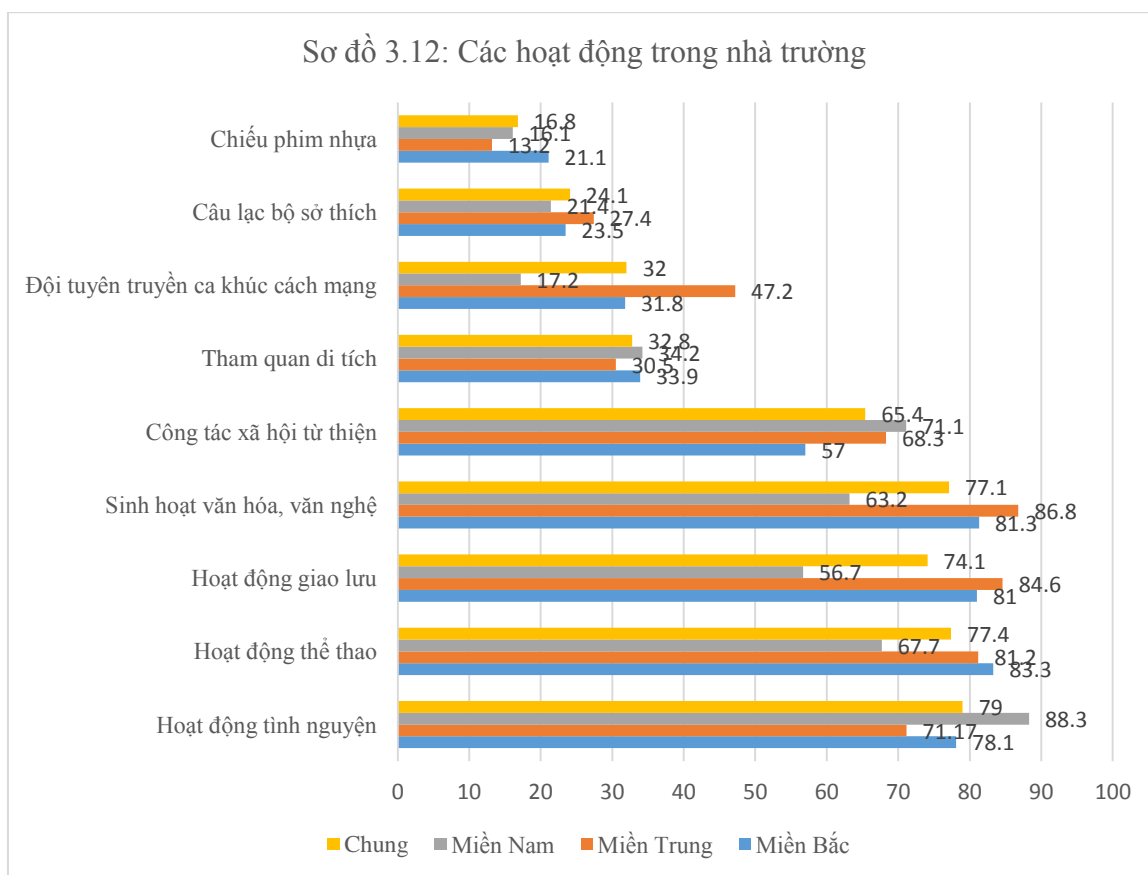
Thứ hai, Về tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ nhằm giáo dục giá trị cho học sinh, sinh viên

Đánh giá về tần suất tổ chức các hoạt động văn hóa của nhà trường liên quan đến giáo dục hệ giá trị truyền thống cụ thể:





Kết quả điều tra cho thấy (sơ đồ 11), 45% nhà trường thường xuyên tổ chức hội diễn văn nghệ. Đây là hoạt động chiếm tỷ lệ cao hơn cả so với các hoạt động khác. Trong khi đó, 57% thỉnh thoảng mới tổ chức lễ hội truyền thống, 54% thỉnh thoảng tổ chức tham quan các di tích lịch sử, 50% thỉnh thoảng mới tổ chức sinh hoạt chuyên đề về truyền thống dân tộc, 51% thỉnh thoảng mới tổ chức triển lãm tranh ảnh. Đặc biệt, 3% sinh viên cho rằng nhà trường chưa bao giờ tổ chức hội diễn văn nghệ, 32% chưa bao giờ tổ chức lễ hội truyền thống... [144]. Điều đó cũng cho thấy một số trường chỉ quan tâm đến nhiệm vụ chuyên môn, mà chưa tổ chức tốt các hoạt động có liên quan đến giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc cho sinh viên. Kết quả khảo sát khá tương đồng với kết quả nghiên cứu do Ban Tuyên giáo Trung ương tiến hành.



Các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường: Trong những năm qua, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và Đội Thiếu niên đã tăng cường giáo dục giá trị truyền thống dân tộc thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, tạo môi trường, hỗ trợ, đồng hành giúp thanh thiếu niên học tập tốt và rèn luyện tốt. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được xác định là nhiệm vụ trọng tâm nên được các tổ chức chính trị - xã hội trong trường tập trung thực hiện với nhiều nội dung phong phú, sáng tạo, đã phối hợp với các đơn vị chức năng trong trường thực hiện tốt các đợt sinh hoạt chính trị như: thi Olympic các môn Mác - Lênin, tuần sinh hoạt công dân đầu năm học; tìm hiểu các ngày lễ lớn của dân tộc; kỷ niệm ngày truyền thống Học sinh - Sinh viên Việt Nam; tổ chức nghiên cứu, học tập Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, của Hội Sinh viên...

Cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và chương trình hành động “Sinh viên Việt Nam học tập và làm theo lời Bác” đã được Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Đội Thiếu niên các nhà trường triển khai với nhiều nội dung, hình thức đa dạng và phong phú

như: cuộc thi kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, thăm di tích Bác Hồ, tổ chức các buổi chiếu phim, tọa đàm về phim, nghiên cứu tác phẩm của Bác, đăng ký đảm nhận các công trình. Cuộc vận động đã tạo sự chuyển biến tích cực trong thanh thiếu niên về tinh thần, thái độ học tập, đặc biệt là tinh thần tự học, học tập suốt đời, học thực chất, học đi đôi với hành; lễ lối tác phong, ứng xử văn hóa, về quyết tâm đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu...

Trong các hoạt động, nội dung giáo dục vừa có tính bao quát, vừa cụ thể, thiết thực với hình thức đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn thu hút hàng chục vạn lượt thanh thiếu niên tham gia, tiêu biểu như: kỷ niệm năm Ngày truyền thống của Học sinh - Sinh viên; Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, Giải phóng Thủ đô 10/10; ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3/2, thành lập Đoàn 26/3; các hoạt động về nguồn nhân ngày thương binh, liệt sỹ 27/7, ngày truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12,... Đặc biệt, đợt sinh hoạt chính trị "Tiếp lửa truyền thống", "Mãi mãi tuổi hai mươi" nhân sự kiện xuất bản 2 cuốn nhật ký của anh hùng liệt sỹ Đặng Thùy Trâm (Nhật ký Đặng Thùy Trâm) và liệt sỹ Nguyễn Văn Thạc (Mãi mãi tuổi hai mươi) đã trở thành tiêu điểm thu hút đông đảo sinh viên tham gia các diễn đàn, hội thảo, tọa đàm như: Sống để yêu thương và dâng hiến, Ký ức một thời hoa lửa, Viết tiếp hành trình tuổi hai mươi,... Các hoạt động đó đã góp phần khơi dậy và phát huy niềm tự hào của thanh thiếu niên Việt Nam; nâng cao trong ý thức tự tìm hiểu về giá trị truyền thống dân tộc và truyền thống cách mạng, truyền thống dạy và học của nhà trường.

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, nếp sống được các tổ chức trong nhà trường gắn với việc bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về hệ giá trị truyền thống, ý thức gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Đặc biệt, Các tổ chức trong nhà trường đã triển khai trong thanh thiếu niên cuộc vận động "Sống đẹp" nhằm nâng cao năng lực và giáo dục kỹ năng sống cho thanh thiếu niên, hướng tới những giá trị cao đẹp, đích thực của cuộc sống, bài trừ các tệ nạn xấu xâm nhập vào học đường.

Công tác giáo dục pháp luật, nâng cao trách nhiệm công dân luôn theo sát với các hoạt động học tập và sinh hoạt của thanh thiếu niên thông qua các hình thức như tổ chức nghiên cứu, học tập, thảo luận, tìm hiểu các văn bản pháp luật như: Luật Thanh niên, Luật Giáo dục, Luật Giao thông đường bộ, Luật Phòng chống ma túy; phối hợp tổ chức ký cam kết không vi phạm tệ nạn xã hội, ma túy, an toàn giao thông...

Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, chung sức cùng cộng đồng được tổ chức sâu rộng với nhiều hoạt động mang tính chiều sâu như: tổ chức các hoạt động tình nguyện chăm sóc các thương, bệnh binh, các trẻ em khuyết tật, trẻ em nhiễm chất độc dioxin tại các Trung tâm điều dưỡng; chăm sóc phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn. Các hoạt động quyên góp, ủng hộ cứu, giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, bão lũ, thân nhân các gia đình được triển khai kịp thời, với tổng số kinh phí đóng góp nhiều tỷ đồng. Những hoạt động trên đã tạo dấu ấn sâu sắc về một thế hệ thanh thiếu niên giàu lòng nhân ái, biết chia sẻ với cộng đồng, có mặt ở bất kỳ nơi đâu dù khó khăn, gian khổ.

Hoạt động hưởng ứng Chiến dịch Mùa hè Thanh niên tình nguyện của tuổi trẻ các trường hưởng ứng và triển khai rộng rãi. Với tri thức, lòng nhiệt huyết của tuổi trẻ, không quản khó khăn, vất vả, luôn xung kích, tình nguyện đi đầu thực hiện các nhiệm vụ mới, các công việc khó khăn đã được nhân dân ghi nhận. Các hoạt động như: tiếp sức mùa thi; chăm sóc thiếu niên, nhi đồng, phổ cập Tin học và Internet; hoạt động đền ơn đáp nghĩa; tham gia tuyên truyền, phổ biến các kiến thức pháp luật; tuyên truyền, vận động hiến máu nhân đạo; tình nguyện tại các vùng sâu, vùng xa của Tổ quốc, các tỉnh miền núi, các địa phương còn khó khăn.

Trong những năm gần đây, các tổ chức chính trị - xã hội trong các trường đại học và cao đẳng thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, tạo môi trường, hỗ trợ và đồng hành cùng thanh niên, sinh viên học tập, rèn luyện giá trị truyền thống dân tộc. Qua đó, đã góp phần quan trọng giáo dục, định hướng để đa số thanh thiếu niên có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh; có ý thức học tập và kiến thức tốt...

Thứ ba, Tác động của một số cuộc vận động và phong trào đến thanh niên  
 Bảng 3.2: Tác động của một số cuộc vận động và phong trào tới lối sống thanh niên

TT	Phong trào/cuộc vận động	Mức độ tác động đến lối sống thanh niên (%)						Giá trị trung bình (cao nhất là 5 điểm)
		Hoàn toàn không tác động	Nói chung không có tác động	Phân vân	Nói chung có tác động	Rất có tác động	Không biết/không áp dụng	
1	Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	2,8	5,2	11,1	37,1	38,3	5,5	4,1
2	Xây dựng nếp sống văn hóa mới ở khu dân cư	2,7	5,1	13,8	41	24	13,1	3,9
3	Dạy tốt, học tốt	2,6	6,2	15,9	39,2	27,7	8,4	3,9
4	Thanh niên lập nghiệp	2,5	6,9	17	37,9	24	11,8	3,8
5	Nói không với tiêu cực trong thi cử	4	7,5	17	38,7	24,3	8,5	3,8
6	Lớp tập huấn đường lối, chính sách	3,5	6,2	16,2	27,6	24,3	22,2	3,8
7	Lớp bồi dưỡng chính trị	3,5	7,5	18,6	28,6	20,4	21,4	3,7
8	Buổi nói chuyện chuyên đề	3,9	7	17,5	30,7	18,4	22,4	3,7

Nguồn: Phạm Hồng Tung (2011), Thanh niên và lối sống của thanh niên Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, Nxb Chính trị quốc gia.

Kết quả (Bảng 3.2) có 61,9% thanh niên đã khẳng định Phong trào "Thanh niên lập nghiệp" có tác động đến bản thân, trong khi đó chỉ có 9,4% cho rằng phong trào này không có tác động gì. Với Phong trào "Xây dựng nếp sống văn hóa ở khu dân cư" có 65% ý kiến cho rằng có tác động đến lối sống của thanh niên và chỉ có 7,8% cho rằng ít hoặc không có tác động gì đến bản thân. Trong khi đó, có 75% thanh niên cho rằng Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" có tác động mạnh đến suy nghĩ và hành động, có 8% đánh giá là có tác động tiêu cực. Số liệu khảo sát về Cuộc vận động "Nói không với tiêu cực trong thi cử" có 63% thanh niên cho rằng có tác động đến họ và chỉ có 11,5% cho là không có tác động gì [159].

Thông qua khảo sát số liệu của một số Phong trào, Cuộc vận động đối với thanh niên, có thể khẳng định rằng tất cả các Phong trào, Cuộc vận động trong thanh niên đều mang lại giá trị giáo dục đối với thanh niên hiện nay, tuy vẫn còn một số lượng chưa thấm thấu được những giá trị sau khi tham gia các Phong trào, các cuộc vận động.

### **3.1.3. Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong môi trường xã hội với sự hình thành con người công dân Việt Nam hiện nay**

Hơn 30 năm tiến hành công cuộc Đổi mới, công tác chăm lo bồi dưỡng con người Việt Nam mới, đào tạo đội ngũ kế tục sự nghiệp cách mạng đã được Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam chú trọng quan tâm, được thể hiện trong những nội dung sau:

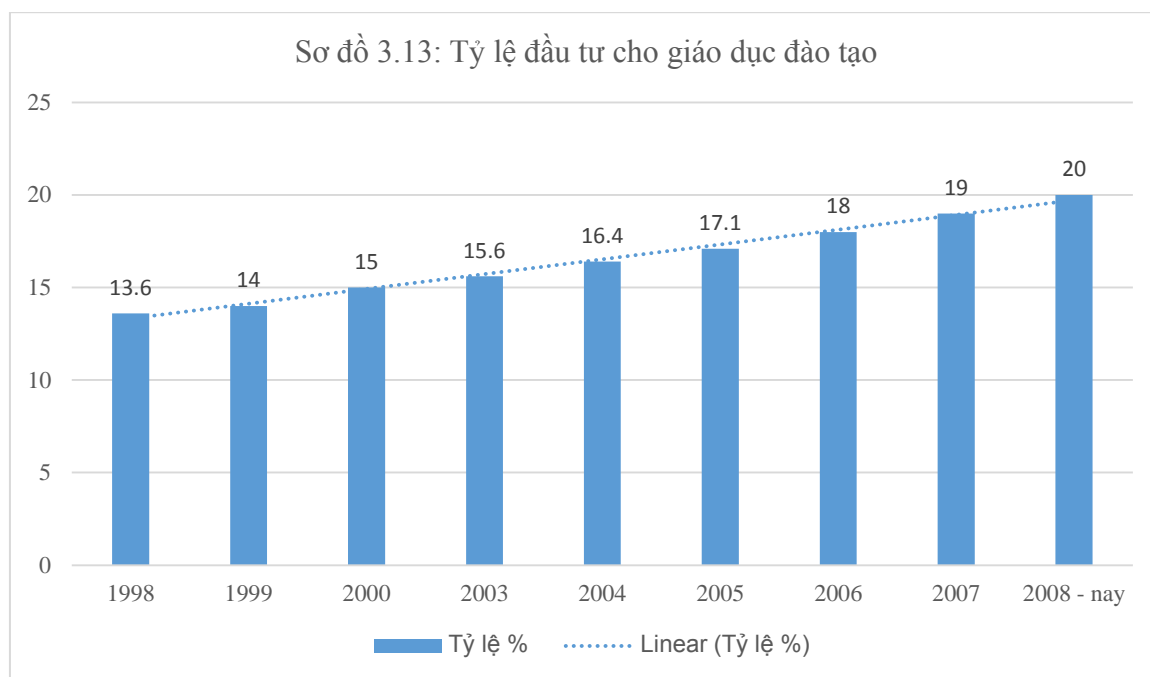
Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc

Xây dựng chính sách, pháp luật là "đời sống thứ nhất" của pháp luật thì thực thi chính sách, pháp luật là nhằm tạo ra "đời sống thứ hai" cho pháp luật. Đây là khâu "trung tâm", có vị trí quan trọng để "kiểm định chất lượng" của chính sách, pháp luật và mức độ, hiệu quả của chính sách, pháp luật trong thực tiễn. Thời gian qua, việc tổ chức và thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục đã được Nhà nước Việt Nam quan tâm xây dựng. Để triển khai thực hiện Hiến pháp, pháp luật hiệu quả, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, và

các bộ ngành đã ban hành nhiều Nghị quyết; Nghị định; Quyết định; Thông tư... quy định chi tiết thi hành luật; quy định các biện pháp cụ thể để thực hiện luật; quy định về trách nhiệm của các bên liên quan; về tổ chức, bộ máy, phân công nhiệm vụ giữa các cơ quan trong việc thi hành Hiến pháp, pháp luật và các chính sách phát triển kinh tế, xã hội cũng như an ninh quốc phòng, đối ngoại...

Trong những năm qua, số lượng các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật tăng lên nhanh chóng. Tính từ 1990 đến hết năm 2013, Nhà nước Việt Nam đã ban hành 2738 Nghị định, 7080 Thông tư, Thông tư liên tịch của các bộ, ban, ngành [76] nhằm cụ thể hóa Hiến pháp 1992, các Luật, bộ luật và các văn bản khác, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thực thi Hiến pháp, pháp luật về giáo dục trong đó có nhiều Nghị định, Thông tư, hướng dẫn thi hành luật liên quan trực tiếp đến giáo dục. Hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành luật ở Việt Nam không chỉ tăng về số lượng mà còn có những bước tiến vượt bậc về chất lượng. Hầu hết các văn bản hướng dẫn thi hành luật đều bám sát chủ đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, Hiến pháp, pháp luật và các văn bản quản lý nhà nước; phù hợp với tình hình thực tiễn xã hội; nhiệm vụ trước mắt và lâu dài trong quản lý nhà nước trên nguyên tắc lợi ích hợp pháp của con người công dân. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật, tạo cơ sở quan trọng để các quy định của Hiến pháp và pháp luật đi vào cuộc sống, bảo đảm, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ hội nhập.

Mặc dù đất nước còn nhiều khó khăn, nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam đã cố gắng dành tâm sức và nguồn lực từ ngân sách nhà nước, đồng thời phát huy khả năng các thành phần kinh tế và nhân dân, phục vụ cho sự nghiệp giáo dục đào tạo. Từ năm 1998 trở lại đây, năm bắt đầu thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (Khoá VIII), ngân sách Nhà nước cho giáo dục có sự gia tăng ổn định. Đây là một cố gắng lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo.



Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Việc lồng ghép giáo dục con người công dân vào quá trình xây dựng, thực thi các chương trình, chính sách phát triển là khâu quan trọng trong việc tổ chức thực thi chính sách, pháp luật. Đây là hoạt động được Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm, phản ánh những đổi mới trong tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam, phù hợp với chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng trưởng kinh tế với mục tiêu công bằng xã hội.

Thời kỳ đổi mới, giáo dục con người công dân đã được lồng ghép vào các chương trình, chính sách phát triển của Nhà nước như: Chương trình Cải cách hành chính giai đoạn 2001-2010 và 2011-2020; Chương trình Mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2001- 2005, 2006-2010, 2012-2015; Chương trình Mục tiêu quốc gia về việc làm giai đoạn 2006-2010; Chương trình Phát triển kinh tế, xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc miền núi, biên giới và vùng sâu, vùng xa; Chương trình xây dựng nông thôn mới... Nhờ đó, đời sống của người dân được cải thiện và nâng lên rõ rệt.

Đánh giá khái quát từ góc độ giáo dục có thể thấy, nhiều tiêu chuẩn và nguyên tắc của giáo dục đã được sử dụng trong xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật, chương trình phát triển kinh tế, xã hội. Xét một cách tổng thể,



các chương trình trên đã hỗ trợ tích cực người dân phát huy quyền làm chủ trong quản lý nhà nước, xã hội; tiếp cận với các dịch vụ về việc làm; đào tạo nghề; trợ giúp pháp lý; y tế, giáo dục, an sinh xã hội...thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, bất bình đẳng giới và góp phần thực hiện mục tiêu công bằng xã hội trong quá trình phát triển.

Một số quan điểm chỉ đạo của ngành giáo dục, đào tạo nhằm giáo dục giá trị truyền thống dân tộc cho học sinh, sinh viên hiện nay.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành “Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp hệ chính quy”, trong đó, đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội và ý thức công dân.

Nhằm giáo dục phẩm chất chính trị, giáo dục đạo đức và giáo dục lối sống cho sinh viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quy định về công tác giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp với những nội dung: một là, Giáo dục lòng yêu nước, lý tưởng cộng sản, niềm tin đối với lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, bản lĩnh chính trị; giáo dục ý thức chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước; giáo dục thái độ tích cực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, phân biệt, đánh giá các sự kiện chính trị, xã hội, nhận ra và phê phán những âm mưu, thủ đoạn chính trị của các thế lực thù địch [1]; hai là, giáo dục lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, biết trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân; giáo dục các chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, phê phán những hành vi không phù hợp với các chuẩn mực đạo đức; giáo dục hành vi đạo đức, đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp [1]; ba là, giáo dục nhận thức hành vi, thói quen của lối sống văn minh, tiến bộ, phù hợp với bản sắc dân tộc Việt Nam; giáo dục trách nhiệm của cá nhân trước tập thể và cộng đồng, biết ủng hộ, khuyến khích những biểu hiện

của lối sống văn minh, tiến bộ, phù hợp với bản sắc dân tộc, biết phê phán những biểu hiện của lối sống lạc hậu, ích kỷ [1].

Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ký kế hoạch “Phối hợp thực hiện cuộc vận động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá trong trường học” với các nội dung chính là: giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thống yêu nước cách mạng và đạo đức cho học sinh, sinh viên ở các bậc học; tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua trong ngành giáo dục nhằm tạo những chuyển biến về đời sống vật chất và tinh thần cho học sinh, sinh viên; xây dựng và phát triển hệ thống thư viện trường học; phối hợp chặt chẽ trên lĩnh vực xuất bản sách, báo, tài liệu, đồ dùng học tập...

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các bộ, ban, ngành, địa phương tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên: phối hợp với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam tổ chức các cuộc thi mang ý nghĩa giáo dục cho sinh viên các trường đại học như "Theo dòng lịch sử", hoạt động văn hoá, văn nghệ và các hoạt động khác; phối hợp với Bộ Công an trong các chương trình quản lý sinh viên, bảo đảm an ninh trật tự trường học, phòng ngừa và đấu tranh chống nghiện ma túy, tội phạm trong học sinh và sinh viên. Ngăn chặn các hoạt động của lực lượng phản động chống phá đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam.

Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Quyết định số 5323/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2012 nhằm góp phần đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt coi trọng công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật, chăm sóc sức khỏe, thể chất, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội của học sinh, sinh viên.

Muốn xã hội ổn định và ngày càng phát triển, cần phải có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và đồng bộ để điều chỉnh các hoạt động của con người và của toàn xã hội. Sự hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và đổi mới đất nước. Chính vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định rằng, để góp phần đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội, phải “hoàn chỉnh hệ thống pháp luật”, cụ thể là: “... tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, của Chính phủ, của các cơ quan tư pháp, đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp, tăng cường hiệu lực và hiệu quả các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp” [22]. Đó là cơ sở xã hội, cơ sở pháp lý cho việc hình thành và phát triển ý thức đạo đức mới trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay.

Tổ chức, thực thi chính sách, pháp luật nhằm giáo dục hệ giá trị truyền thống

Những năm qua, việc quản lý xã hội bằng pháp luật còn có nhiều lỏng lẻo. Đặc biệt, việc thực thi pháp luật chưa nghiêm và các bộ phận thực thi pháp luật còn thiếu hiệu quả. “Luật pháp vẫn chưa đầy đủ và đồng bộ, chưa bao quát hết các lĩnh vực hoạt động của đất nước quy định hành lang hoạt động và hành vi cho mọi con người quy định tội danh và mức xử phạt để ràng buộc con người và dễ bề xét xử” [119], “việc phát hiện sai lầm đã chậm và kém, việc quy trách nhiệm và xử lý vẫn còn chậm và kém hơn, gây bất bình trong dư luận xã hội, làm giảm sút lòng tin với dân” [85].

Thực tiễn xã hội đã chứng minh, hệ thống pháp luật và việc thi hành pháp luật có những tác động đến đời sống xã hội, đến nhận thức và hành động của con người công dân Việt Nam. Hệ thống pháp luật phải phục vụ cho việc thực thi lợi ích của người lao động, các nguyên tắc định hướng xây dựng nội dung hệ thống pháp luật chính là những nguyên tắc đạo đức cơ bản mà nhân loại tiến bộ đã, đang và sẽ hướng tới. Pháp luật sẽ góp phần lớn trong việc hình thành ý thức tôn trọng và chấp hành những quy phạm chung, giúp con người công dân có những hành vi ứng xử văn minh, phù hợp với chiều hướng phát triển tiến bộ của thời đại. Do vậy, Hiến pháp và pháp luật Việt Nam ghi

nhận những giá trị, chuẩn mực đạo đức, đạo đức truyền thống của dân tộc. Pháp luật vừa là công cụ hữu hiệu trong việc bảo tồn những giá trị truyền thống, vừa góp phần bồi đắp nên những giá trị mới.

Thực trạng về hiểu biết pháp luật của con người công dân Việt Nam và những bất cập của hệ thống pháp luật đã dẫn đến tình trạng vi phạm kỷ cương xã hội, coi thường pháp luật. Nạn tham nhũng và các hành vi làm ăn bất lương, vượt ra ngoài khuôn khổ của pháp luật đang ngày càng gia tăng. Những biểu hiện xuống cấp và suy thoái đạo đức, đặc biệt là ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ có chức, có quyền đang là nỗi bất bình của toàn xã hội. Thực tế như thế đó bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân do pháp luật chưa đầy đủ hoặc thiếu chặt chẽ và việc thi hành pháp luật còn chưa nghiêm, chưa công bằng. Trong bối cảnh như vậy, luật pháp cần phải tỏ rõ sức mạnh của mình để lập lại trật tự, kỷ cương. Bởi lẽ, nếu đạo lý không đủ mạnh để thuyết phục thì pháp lý phải ra tay. Nếu dư luận xã hội chưa đủ để lên án thì luật pháp phải kết án [127].

Hiện nay, việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là khâu quan trọng không thể thiếu trong việc thực thi chính sách, pháp luật. Việc hiểu biết pháp luật về giáo dục không chỉ nhằm nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền và lợi ích chính đáng của công dân mà còn là điều kiện để mọi người nắm bắt và thực hiện các nghĩa vụ và quyền của mình một cách tự giác. Việc tuyên truyền pháp luật về giáo dục còn được thực hiện thông qua nhiều hình thức: tập huấn, hội thảo, tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, trợ giúp pháp lý, tổ chức các câu lạc bộ... Nhờ đó, nhận thức về giáo dục, pháp luật về giáo dục của cán bộ và nhân dân đã tăng lên.

Các cơ quan chức năng đã nỗ lực trong việc thanh tra, khám phá và đưa ra xét xử công khai nhiều vụ trọng án, kiên quyết trừng trị thích đáng những kẻ phạm tội, thu lại cho đất nước một lượng lớn tài sản. Việc làm đó không những được dư luận xã hội đồng tình, ủng hộ cái đúng, cái thiện, lên án cái sai, bài trừ cái ác, mà còn chứng tỏ vai trò vô cùng quan trọng của luật pháp trong việc bảo vệ nền đạo đức và lành mạnh hóa đời sống xã hội.

Việc giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về giáo dục là những hành vi pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm theo dõi việc thực hiện pháp luật về giáo dục của các tổ chức, cá nhân qua đó, phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, phát hiện được những bất cập, mâu thuẫn trong hệ thống chính sách, pháp luật hiện hành, từ đó, đề xuất các phương án sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Để thực thi chính sách, pháp luật hiệu quả, Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm tới việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật nhằm bảo đảm các quyền đã được công nhận trong Hiến pháp và luật.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thực thi chính sách, pháp luật có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng, gắn với quá trình cung cấp các biện pháp cụ thể và hành chính, kinh tế, quy tắc, thủ tục, các dịch vụ xã hội cho giáo dục và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, do đó, có tác động sâu sắc đến thực tiễn đến các cơ quan công quyền ở trung ương và địa phương. Trong thời kỳ đổi mới, giáo dục đã ngày càng được bảo đảm tốt hơn, đặc biệt Nhà nước đã có thái độ kiên quyết và nghiêm khắc với các biểu hiện tiêu cực, vi phạm pháp luật của các cá nhân và cơ quan nhà nước, tạo lòng tin trong nhân dân đối với Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước.

Nâng cao vai trò của hệ thống chính trị trong tổ chức bộ máy và hoạt động giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc

Những năm qua, Nhà nước Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc đổi mới, kiện toàn tổ chức và hoạt động của các cơ quan Nhà nước và đã thu được nhiều thành tựu quan trọng. Hầu hết các cơ quan Nhà nước đã được tổ chức, sắp xếp lại theo hướng gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả theo cơ chế phân công và phối hợp trong ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm hạn chế sự lạm dụng quyền, xâm phạm lợi ích hợp pháp của công dân từ phía các cơ quan nhà nước.

Một là, Hoàn thiện tổ chức bộ máy của Quốc hội, thời gian qua, Nhà nước Việt Nam tích cực thực hiện đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Quốc hội theo hướng gọn nhẹ, chuyên sâu, chuyên môn hóa. Nếu như khóa XI, tổ chức bộ máy của Quốc hội gồm có Hội đồng Dân tộc và 7 Ủy ban, đến khóa XII và XIII, tổ chức bộ máy của Quốc hội gồm có Hội đồng dân tộc và 9

Ủy ban, giúp các ủy ban hoạt động theo hướng chuyên sâu, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Cùng với việc đổi mới tổ chức bộ máy của Quốc hội, nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội cũng được Nhà nước coi trọng. Nhiều chính sách và cơ chế để tăng số đại biểu chuyên trách đã được áp dụng. Số đại biểu Quốc hội chuyên trách đã tăng qua các nhiệm kỳ, (khóa IX là 5,31%; khóa XII là 29,4% và khóa XIII là 28,8% [172] và dự kiến tăng lên 35% trong khóa XIV). Nhờ có sự đổi mới tổ chức bộ máy theo hướng chuyên sâu, nhiều vấn đề về giáo dục con người công dân đã được thâm nhập vào các hoạt động đổi mới của Quốc hội như: tăng cường tiếp xúc cử tri của các đại biểu Quốc hội; xem xét định kỳ báo cáo của Chính phủ, của Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định những vấn đề quan trọng khác của đất nước như chính sách phát triển kinh tế, xã hội; chính sách dân tộc, tôn giáo; giám sát việc thực hiện các dự án lớn về phát triển kinh tế, xã hội kinh tế, xã hội... Những hoạt động này không chỉ thu hút mối quan tâm của cử tri cả nước, mà còn bảo đảm hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước, hạn chế sự lạm quyền, phát hiện những hạn chế của hệ thống luật pháp, những vụ việc vi phạm quyền của người dân, tăng cường hiệu quả và hiệu lực của Quốc hội trong giáo dục con người công dân Việt Nam.

Hai là, Hoàn thiện tổ chức bộ máy Chính phủ, là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, hoạt động của Chính phủ có ý nghĩa quyết định đến việc "đảm bảo quyền con người và trực tiếp tiếp thực hiện chính sách thúc đẩy và bảo đảm quyền con người" [82, tr.141], phát triển quyền tự do, dân chủ của công dân. Để phát huy vai trò của Chính phủ trong giáo dục con người công dân, Việt Nam nỗ lực hoàn thiện tổ chức bộ máy các cơ quan Chính phủ theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả. Nếu trước thời điểm thực hiện cải cách hành chính (năm 2001), cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa X có 48 cơ quan (trong đó có 23 bộ, cơ quan ngang bộ và 25 cơ quan thuộc Chính phủ) thì đến khóa XI, tổ chức bộ máy Chính phủ giảm xuống còn 37 cơ quan, trong đó có 26 bộ, cơ quan ngang bộ và 11 cơ quan thuộc Chính phủ (giảm 11 đầu mối); khóa XII,

tổ chức bộ máy Chính phủ giảm xuống còn 30 cơ quan (gồm 22 bộ, cơ quan ngang bộ và 08 cơ quan thuộc Chính phủ) và khóa XIII, cơ cấu tổ chức Chính phủ gồm có 18 bộ, 04 cơ quan ngang bộ và 08 cơ quan thuộc Chính phủ. Không chỉ sắp xếp lại tổ chức bộ máy Chính phủ, Nhà nước còn chú trọng tới việc củng cố và hoàn thiện tổ chức của các Bộ, ngành có liên quan trực tiếp tới giáo dục con người công dân. Việc hoàn thiện tổ chức bộ máy của chính phủ và các Bộ; Ban, ngành thuộc Chính phủ góp phần xây dựng môi trường giáo dục đối với con người công dân Việt Nam một cách hiệu quả.

Để nâng cao chất lượng hoạt động của Chính phủ, Nhà nước đã và đang triển khai chương trình Cải cách hành chính giai đoạn 2001-2010 và 2011-2020, mục tiêu trọng tâm cải cách các thủ tục hành chính, theo hướng công khai, minh bạch, giảm bớt phiền hà cho người dân trong tiếp cận với các cơ quan công quyền. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính; tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động điều hành của Chính phủ và của các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng dân chủ, vì nhân dân phục vụ, sửa đổi nhiều thủ tục, thực hiện chế độ một cửa, một dấu... Những cải cách này đã tạo điều kiện và cơ hội thuận lợi để con người công dân được giáo dục tốt.

Ba là, Hoàn thiện tổ chức của các cơ quan tư pháp là vấn đề Nhà nước Việt Nam quan tâm đặc biệt. Thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/07/2010 của Bộ Chính trị về "Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020", hệ thống tổ chức và hoạt động của các cơ quan Tư pháp đã được cải cách đồng bộ, từ việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan điều tra, truy tố, xét xử thi hành án đến việc phân cấp xét xử... Vai trò của tòa án được đề cao, với việc thống nhất quản lý và tăng cường chức năng, nhiệm vụ cho tòa án nhân dân tối cao, thành lập thêm các Tòa hành chính, Tòa kinh tế, Tòa lao động, để người dân có nhiều cơ hội giải quyết các tranh chấp, bảo vệ quyền lợi bằng cơ quan xét xử "độc lập, không thiên vị".

Tổ chức Tòa án nhân dân các cấp được đổi mới theo hướng ngày càng hoàn thiện, cơ bản đáp ứng được mục tiêu thực hiện công lý, bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền của công dân. Hiện cả nước có 742 Tòa án nhân dân (gồm Tòa án nhân dân tối cao, 63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 678 Tòa án nhân dân cấp huyện) [58]. Việc hoàn thiện tổ chức bộ máy cơ quan Tư pháp có ý nghĩa quan trọng trong bảo đảm và thực thi quyền công dân.

Công tác cán bộ trong các cơ quan Tư pháp được Nhà nước Việt Nam chú trọng cả về số lượng và chất lượng. Tính đến tháng 6/2013, Tòa án nhân dân các cấp có 13.624 người, trong đó có: 4.957 thẩm phán; 6.702 thư ký và thẩm tra viên; 1.965 chức danh khác. Về trình độ chuyên môn, toàn ngành Tòa án nhân dân có 17 tiến sĩ (0,1%); 515 thạc sĩ (3,8%); 11.002 đại học (80,8%)... Việc đổi mới tổ chức bộ máy và hoạt động của Tòa án các cấp góp phần quan trọng vào việc khắc phục những bất cập trong tổ chức và hoạt động của Tòa án; bảo đảm cho Tòa án thực hiện tốt chức năng xét xử, thực hiện quyền tư pháp của quốc gia; phục vụ có hiệu quả công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Tổ chức bộ máy của các cơ quan trong hệ thống Viện kiểm sát nhân dân các cấp từng bước được củng cố, đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động, tăng thêm chức năng, nhiệm vụ nhằm thực hành tốt quyền công tố và quyền giám sát các hoạt động tư pháp, bảo đảm cho pháp luật được thực hiện nghiêm túc, thống nhất, góp phần quan trọng vào việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân. Để thống nhất và tăng cường năng lực kiểm tra, giám sát các hoạt động tư pháp, các cơ quan điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Viện kiểm sát cấp quân khu được đổi mới, tổ chức, sắp xếp theo hướng tăng cường cho cơ quan điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Bốn là, Củng cố tổ chức bộ máy chính quyền địa phương các cấp, thực hiện cải cách hành chính, việc kiện toàn tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của chính quyền địa phương các cấp được Nhà nước chú trọng. Các đơn vị



hành chính địa phương ở cả ba cấp đã được tổ chức sắp xếp lại. Ở cấp tỉnh số các ủy viên ủy ban là trưởng các sở, ban, ngành đã giảm từ 38 đến 40 xuống còn 20 đến 24 đầu mỗi; các phòng, ban ở huyện từ 20 đến 27 xuống 10 đến 15 đầu mỗi. Tổ chức bộ máy hành chính cấp xã đã có những điều chỉnh cho phù hợp hơn với đặc điểm, tính chất công tác của chính quyền cơ sở, hình thành các chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân. Những thay đổi này góp phần làm cho các cấp chính quyền địa phương qua hoạt động hiệu quả hơn, đóng góp thiết thực vào nội dung giáo dục con người công dân.

Đánh giá về thành tựu của Nhà nước Việt Nam trong việc hoàn thiện tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương ba (khóa VIII) nêu rõ: "Công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có những tiến bộ quan trọng: đã từng bước phát triển hệ thống quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân" [16, tr.36], đặc biệt "đã có nhiều quyết định cải cách có ý nghĩa quan trọng trên lĩnh vực xây dựng Nhà nước và pháp luật, làm cơ sở cho việc đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước" [16, tr.37].

Thứ tư, tinh thần nêu gương của cán bộ chủ chốt trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước từ trung ương đến địa phương

Sau hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, một đất nước Việt Nam đổi mới và hội nhập đang đứng trước những vận hội lớn, đi liền cùng những thách thức. Đây cũng là một bước ngoặt quan trọng, đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam phải thật sự trong sạch, vững mạnh, "là đạo đức, là văn minh" để ngang tầm với vị thế và vai trò của mình. Hơn bao giờ hết, trước những cam go thử thách mới, trước thực trạng tham nhũng đã trở thành quốc nạn và sự suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên trong Đảng Cộng sản Việt Nam chưa được ngăn chặn, đẩy lùi như Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam

lần thứ XI, XII đã chỉ ra, những điều Hồ Chí Minh quan tâm, căn dặn, chỉ dẫn thường xuyên, liên tục về xây dựng và chỉnh đốn Đảng càng trở nên có ý nghĩa sâu sắc.

Bước vào thời kỳ đổi mới, dưới sự tác động của nền kinh tế thị trường và nhiều yếu tố chủ quan khác đã dẫn tới tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI nhận định sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc của cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp [25, tr.22]. Song vẫn đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 là: “Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức” [23, tr.322]. Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước và yêu cầu tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, một số việc chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra [27, tr.22].

Đề Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xứng đáng với vai trò tiên phong, luôn trong sạch, vững mạnh; để khắc phục những hạn chế trong công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” (Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII) gắn với Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ

Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” (Chỉ thị 05) được coi là giải pháp đột phá, thiết thực, nhằm tạo chuyển biến trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đưa ra tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước” và “sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngăn, thậm chí rất ngăn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và dân tộc. Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; làm tổn thương tình cảm và suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, là một nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng Cộng sản Việt Nam và chế độ”...

Đồng thời, Nghị quyết cũng chỉ ra 27 biểu hiện của sự suy thoái, bao gồm: 9 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; 9 biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống; 9 biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Từ đó, giúp cán bộ, đảng viên trong Đảng Cộng sản Việt Nam có thể tự soi mình vào 27 biểu hiện đó, để có định hướng tự sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, phát huy ưu điểm; đồng thời, nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy, lãnh đạo, nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ Tổ quốc và nhân dân giao phó. Từ đó, với quan điểm, “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật; kết hợp giữa “xây” và “chống”; trong đó, “xây” là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; “chống” là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách”, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII yêu cầu các cấp ủy, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ, toàn diện, có hiệu quả 4 nhóm nhiệm vụ, giải pháp về công tác chính trị tư tưởng,

tự phê bình và phê bình; về cơ chế, chính sách; về kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng Cộng sản Việt Nam; về phát huy vai trò của nhân dân và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, để thiết thực xây dựng và chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam.

#### ***3.1.4. Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong môi trường bùng nổ công nghệ thông tin truyền thông với sự hình thành con người công dân Việt Nam hiện nay***

Trong thời đại công nghệ số hiện nay, bên cạnh tác động trực tiếp đến con người công dân như: giáo dục trong trường học hay tổ chức các hoạt động giáo dục cũng đang tồn tại những hình thức gián tiếp thông qua mạng xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ năm 2015: "Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục của Đoàn thông qua việc sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại", mã số KXĐT.N 15-02 do Lê Quang Tự Do làm chủ nhiệm đề tài [69] đã đưa ra một số hình thức giáo dục như sau:

Một là, giáo dục thông qua hệ thống các Website.

Hầu hết các Website của Đoàn hiện nay đều nặng về mảng cung cấp thông tin, tin tức hoạt động mà chưa quan tâm nhiều tới các mảng hoạt động khác. Các thông tin đăng tải về cơ quan, đơn vị hầu như rất sơ sài, thiếu rõ ràng, việc quản lý kho tài nguyên của các Website chưa thực sự chặt chẽ đôi khi khiến cho các văn bản quy phạm, văn bản hành chính về công tác đoàn và phong trào thanh niên được đưa lên nhiều khi bị thiếu sót. Đặc biệt, hoạt động diễn đàn, trao đổi chia sẻ, tương tác với người dùng trong hầu hết các Website của Đoàn rất kém.

Bên cạnh đó, theo khảo sát của nhóm nghiên cứu trên một số Website của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các Đoàn trực thuộc, các Website của Đoàn vẫn đặt nặng việc đưa tin về hoạt động của các đồng chí lãnh đạo của Đoàn (mảng thông tin này chiếm tới gần 80% nội dung thông tin của Website). Điều này dần dần khiến đối tượng truy cập Website, chủ yếu là

thanh niên sẽ cảm thấy Website trở nên nhàm chán, thiếu hấp dẫn và dần dần sẽ không có hứng thú truy cập Website nữa.

Việc khai thác các tính năng tiện ích đa phương tiện hầu như các Website đều làm chưa tốt. Thông tin được đưa lên Website đều thông qua dạng văn bản và hình ảnh tĩnh, các video clip được đăng tải còn tương đối ít và chưa có tính cập nhật. Điều này sẽ khiến các Website mất đi tính hấp dẫn và thu hút đối với người truy cập.

Hai là, giáo dục qua hệ thống báo mạng điện tử

Các cơ quan báo chí của Đoàn: Các báo của Trung ương Đoàn đã tuyên truyền sâu rộng, hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước, lan tỏa những giá trị tốt đẹp, truyền thống văn hóa dân tộc, tinh hoa văn hóa thế giới trong đời sống văn hóa tinh thần của xã hội. Mỗi đơn vị báo chí thực sự là một cơ quan làm công tác Tư tưởng - Văn hóa, là công cụ giáo dục sắc bén, là phương tiện đặc lực góp phần nâng cao hiệu quả công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi. Trong từng số báo luôn có vấn đề mà giới trẻ quan tâm, thuộc các lĩnh vực như: học tập, việc làm, hoạt động xã hội, giải trí vui chơi.

Báo mạng điện tử của Đoàn: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có một số lượng lớn Báo Điện tử đã được cấp giấy phép hoạt động của Bộ Thông tin và Truyền thông, bao gồm các báo: Báo Tiền Phong, Báo Thanh niên, Báo Sinh viên Việt Nam, Báo Tuổi trẻ Online, Tạp chí điện tử Thanh niên Việt, Báo Thiếu niên Tiền phong và Tạp chí Thời trang trẻ. Bên cạnh đó, các báo điện tử này còn có liên kết đến rất nhiều chuyên trang thông tin điện tử tổng hợp khác nhau.

Ba là, giáo dục qua hệ thống Báo Điện tử.

Báo Điện tử Tiền Phong có 10 trang chuyên mục thường xuyên cập nhật và 7 chuyên trang thông tin điện tử tổng hợp. Trong đó có các chuyên mục thường xuyên cập nhật những tin tức, thông tin liên quan đến thanh niên Việt Nam, góp phần cổ vũ, động viên và nêu lên những tấm gương thanh niên Việt Nam điển hình, tiên tiến, đạt được thành công trong học tập, khởi nghiệp

và nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Bên cạnh đó, chuyên mục cũng cập nhật các thông tin liên quan đến các chủ trương, phong trào hoạt động lớn của Đoàn, các thông tin chính sách, pháp luật liên quan đến thanh niên. Bên cạnh việc dành hẳn một chuyên mục riêng để đưa tin về các hoạt động của Đoàn và thế hệ trẻ, trong các chuyên mục khác Báo Điện tử Tiền Phong cũng thường xuyên lựa chọn và ưu tiên những thông tin hữu ích và cần thiết, liên quan đến thanh niên Việt Nam trên cơ sở đáp ứng tất cả các nhu cầu thông tin của thanh niên liên quan đến các lĩnh vực: đời sống kinh tế xã hội, các thông tin liên quan đến chính sách, pháp luật, các thông tin giải trí,...

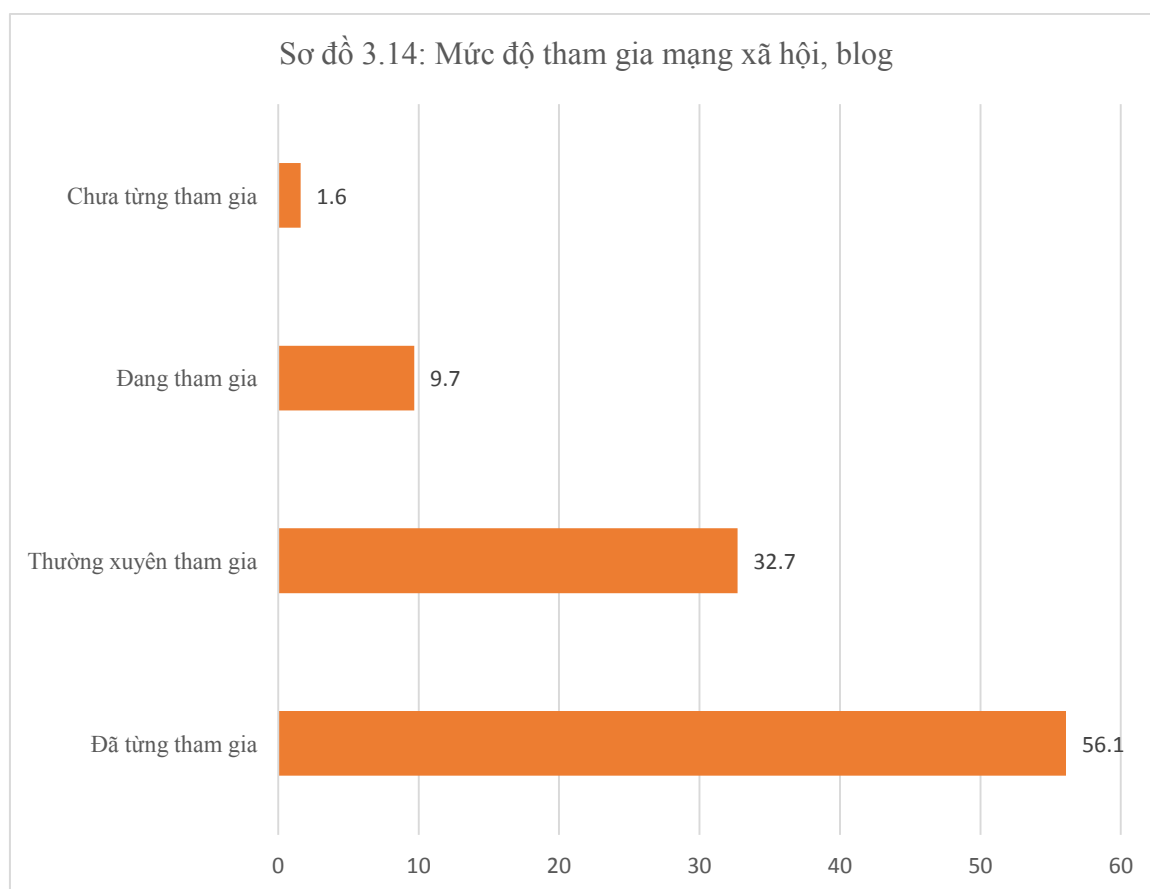
Báo Thanh niên Online có 14 chuyên mục và đã dành riêng chuyên mục “Giới trẻ” để cập nhật và cung cấp thường xuyên các thông tin thời sự liên quan đến đời sống của thế hệ trẻ ngày nay, những tấm gương thanh niên vươn lên trong học tập, nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế, trong đó có nhiều bài xã luận phân tích rất sâu sắc và giàu giá trị, góp phần cung cấp cho người đọc một cái nhìn tương đối toàn diện và sâu sắc về bức tranh toàn cảnh của thanh niên Việt Nam ngày nay. Tuy nhiên, một đặc điểm khác biệt có thể nhìn thấy rõ ở Báo Thanh niên so với Báo Tiền Phong là đôi khi các thông tin được Báo Thanh niên cung cấp thường phân tích và đi rất sâu vào những vấn đề gai góc của chính trị, kinh tế và đời sống xã hội, những mảng thông tin này cũng rất cần thiết đối với thanh niên ngày nay.

Tuy nhiên, nếu đi quá sâu vào mảng thông tin này, vô hình chung Báo Thanh niên đã đánh mất tính chất của mình là một tờ báo dành cho thế hệ trẻ, đặc biệt là những thông tin liên quan đến các phong trào, hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam hầu như rất vắng bóng trong các bài đăng của Báo Thanh niên Online. Chính vì vậy, để thực sự làm tốt chức năng giáo dục của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Báo Thanh niên cần tiếp cận nhiều hơn nữa đến đối tượng thanh niên với những nội dung gần gũi, phù hợp với thanh niên, những thông tin về các phong trào, hoạt động của

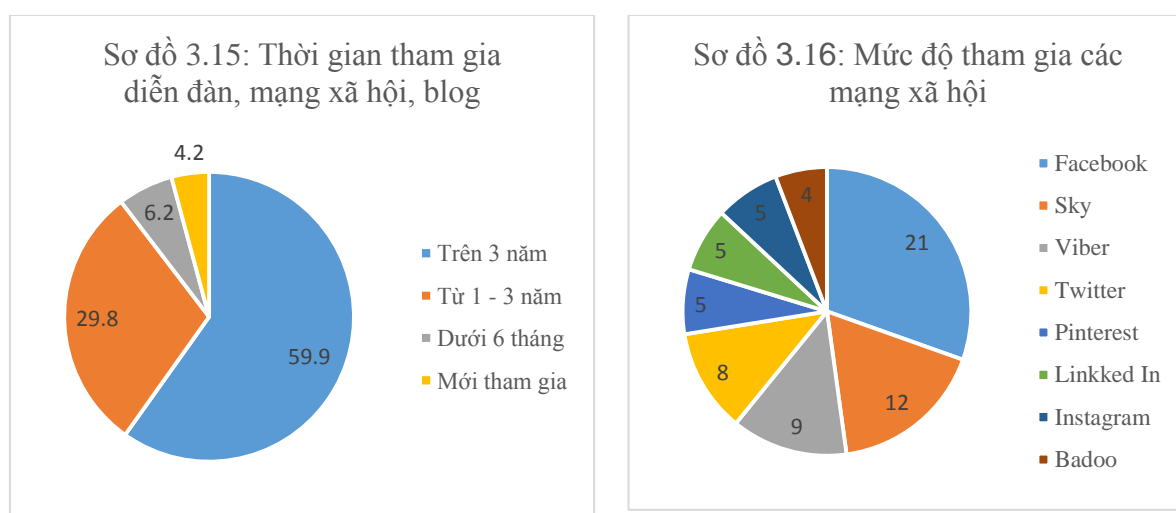
Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Những tấm gương thanh niên thành đạt, khởi nghiệp và làm giàu từ mảnh đất quê hương, những thông tin liên quan đến đời sống của thanh niên Việt Nam hiện nay đều là những thông tin mà Báo Thanh niên Online có thể khai thác và cung cấp cho bạn đọc.

Bên cạnh đó, việc khai thác các tính năng đa phương tiện và tính năng tương tác của các tờ báo điện tử cũng chưa cao. Chất lượng về mặt kỹ thuật để đảm bảo cho việc khai thác tốt các tính năng này của báo chí điện tử cũng không thực sự tốt. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân: do chất lượng đường truyền Internet nội địa còn kém, do hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị điện tử của các cơ quan báo chí còn nghèo nàn và còn một nguyên nhân nữa là do lãnh đạo của các báo vẫn chưa thực sự chú trọng đầu tư báo chí điện tử mà chỉ coi đây là một cánh tay nối dài của báo in.

#### Bốn là, giáo dục qua mạng xã hội, Blog



Số liệu sơ đồ 14 nêu ra: có 319 người trả lời là đã từng tham gia các mạng xã hội, blog, chiếm 56,1%; 186 người trả lời là thường xuyên tham gia các mạng xã hội, blog, chiếm 32,7%; 55 người trả lời là đang tham gia các mạng xã hội, blog, chiếm 9,7% và chỉ có 9 người trả lời là chưa từng tham gia bất kỳ mạng xã hội, blog nào, chiếm 1,6% [69]. Qua các số liệu khảo sát nêu trên, có thể thấy sự phổ biến của các diễn đàn, mạng xã hội, blog đối với thanh niên Việt Nam.

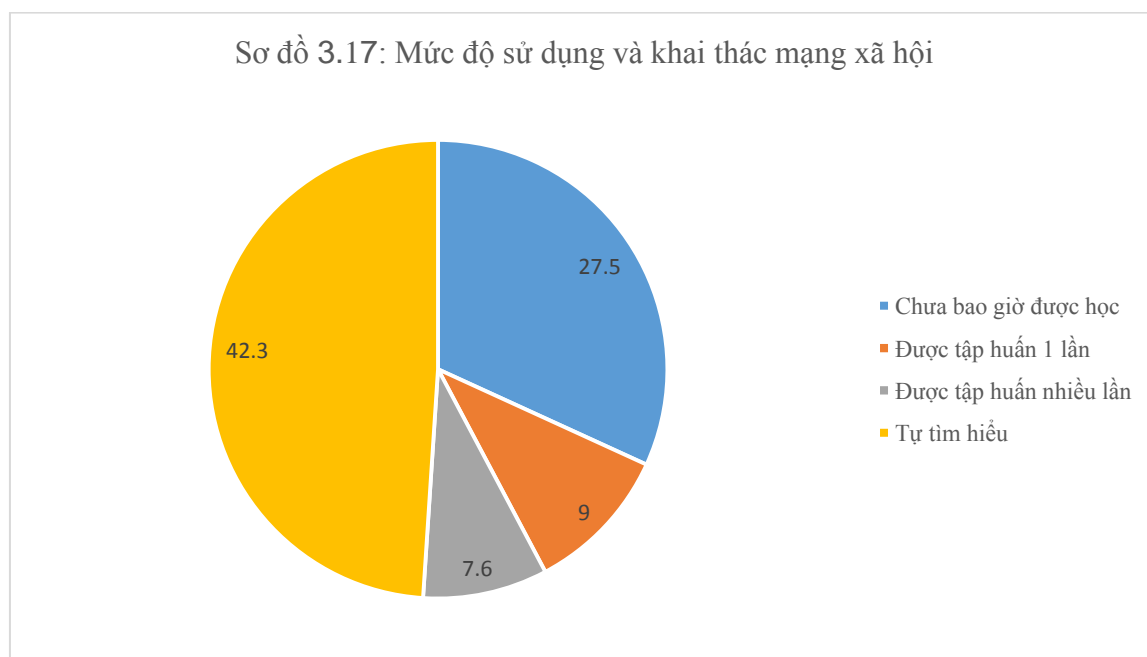


Theo số liệu sơ đồ 15 về thời gian tham gia làm thành viên của các diễn đàn, mạng xã hội, blog, có đến 340 người trả lời là đã tham gia được trên 3 năm, chiếm 59,9%; 169 người trả lời là đã tham gia từ 1 - 3 năm, chiếm 29,8%; chỉ có 35 người trả lời là mới tham gia được dưới 6 tháng, chiếm 6,2% và 24 người trả lời là mới tham gia trong thời gian gần đây, chiếm 4,2% [69]. Như vậy, có thể thấy phần lớn thanh niên Việt Nam đã tiếp cận với các diễn đàn, mạng xã hội từ rất sớm. Bởi mạng xã hội ở Việt Nam mới chỉ phát triển mạnh mẽ trong vòng 5 năm trở lại đây.

Các kết quả nghiên cứu cũng cho thấy Facebook là mạng xã hội được sử dụng phổ biến nhất tại Việt Nam với 21% người dùng sử dụng, xếp sau đó là các mạng xã hội ít phổ biến hơn như Skype: 12%, Viber: 9%, Twitter: 8%, Pinterest: 5%, LinkedIn: 5%, Instagram: 5% và Badoo: 4% [69] (sơ đồ 16).

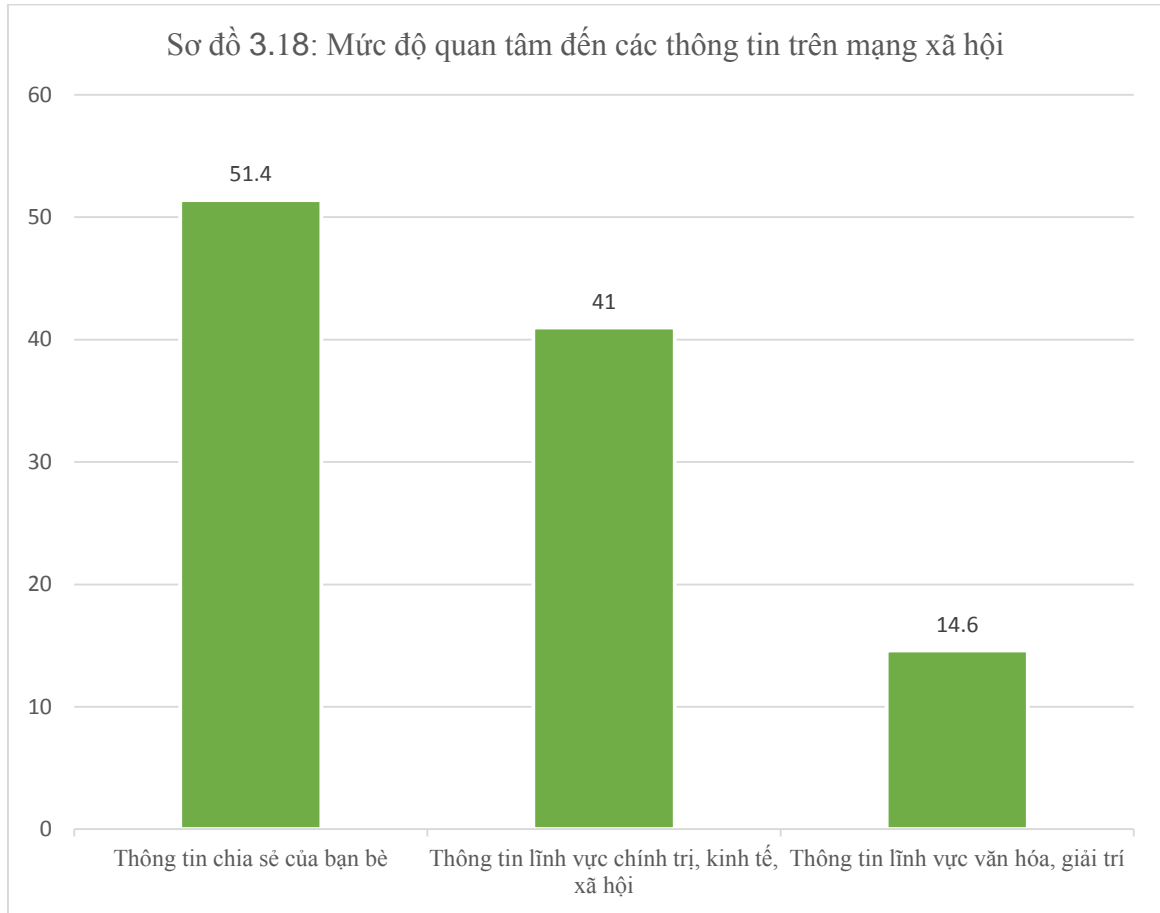


Nhìn vào thực tế tình hình công tác giáo dục, tuyên truyền của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thông qua các phương tiện truyền thông hiện đại, có thể thấy tổ chức Đoàn đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc xây dựng các sản phẩm giáo dục, tuyên truyền, định hướng của Đoàn thông qua các phương tiện truyền thông hiện đại. Nhận thấy hiệu quả của công tác tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông mới, Đoàn đã đẩy mạnh, nâng cao chất lượng của những sản phẩm tuyên truyền, giáo dục. Song song với các sản phẩm tuyên truyền mới về Nghị quyết, phong trào của Đoàn, Trung ương Đoàn cũng luôn chú trọng nghiên cứu, nâng chất lượng của các hoạt động học tập lý luận chính trị, tuyên truyền chủ nghĩa K.Marx – V.I.Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua việc tổ chức các cuộc thi trực tuyến có sức lan tỏa và tính tương tác cao đối với thanh niên.

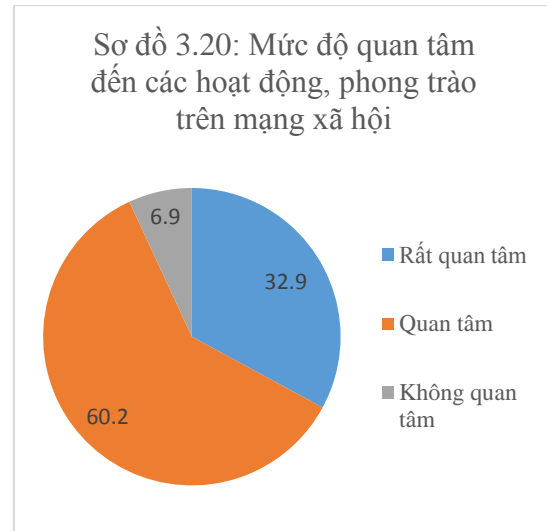
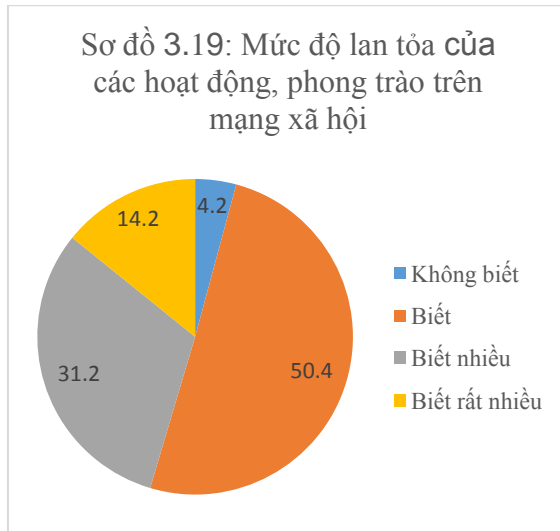


Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực trong công tác tuyên truyền, giáo dục thế hệ trẻ thông qua mạng xã hội, blog, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh vẫn còn có nhiều hạn chế, đặc biệt là trong việc định hướng thanh niên tiếp nhận thông tin và sử dụng mạng xã hội, blog đúng cách. Kết quả khảo sát trong sơ đồ 17, có 156 thanh niên trả lời là chưa bao giờ được tập huấn, định hướng trong việc sử dụng và khai thác các diễn đàn, mạng xã hội, blog, chiếm 27,5%; 51 thanh niên trả lời là đã được tập huấn 1 lần, chiếm 9%; 43 thanh

niên trả lời là đã được tập huấn nhiều lần, chiếm 7,6% và có đến 318 thanh niên trả lời là tự tìm hiểu các kiến thức này, chiếm 42,3% [69].



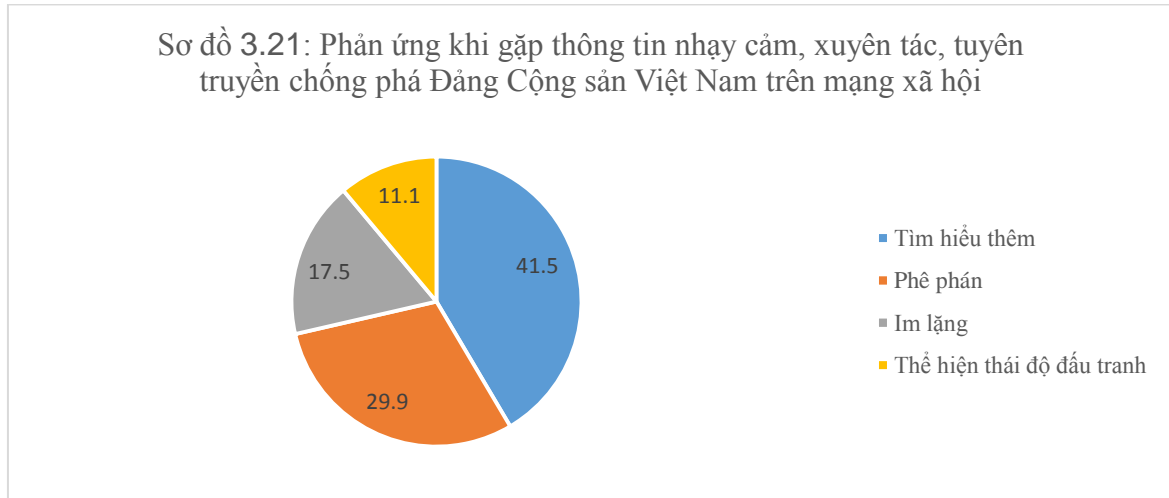
Bên cạnh đó, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cũng chưa thể hiện vai trò định hướng của mình đối với thanh niên khi tham gia vào các mạng xã hội, Blog. Khi tham gia các diễn đàn, mạng xã hội, người trẻ sẽ dễ dàng tiếp cận với một lượng lớn thông tin về mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Kết quả khảo sát sơ đồ 18 có 3 nhóm thông tin được người trẻ quan tâm khi tham gia các diễn đàn, mạng xã hội là: thông tin chia sẻ của bạn bè, thông tin kinh tế, xã hội và thông tin văn hóa, giải trí. Xu hướng quan tâm của thanh niên đối với 3 nhóm thông tin trên cũng tương đối đồng đều. Trong số 569 người được hỏi thì có 51,4% người quan tâm đến những thông tin chia sẻ của bạn bè khi tham gia mạng xã hội; 41% người quan tâm các thông tin liên quan đến các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội; 54,8% người trả lời quan tâm các thông tin văn hóa, giải trí và 14,6% người trả lời quan tâm đến những nhóm thông tin khác [69].



Kết quả nghiên cứu về sức lan tỏa của các phong trào, hoạt động của tổ chức Đoàn thông qua mạng xã hội cũng có thấy: có 24 người trả lời là không biết đến hoạt động của các tổ chức Đoàn, Hội trên mạng xã hội, chiếm 4,2%; 286 người trả lời là có biết đến hoạt động của các tổ chức Đoàn, Hội, nhưng còn ít, chiếm 50,4%; 177 người trả lời là biết nhiều đến hoạt động của các tổ chức Đoàn, Hội thông qua mạng xã hội, chiếm 31,2%; 79 người trả lời là biết rất nhiều về hoạt động của các tổ chức Đoàn, Hội, chiếm 14,2% [69]. Số liệu sơ đồ 19 cho thấy tỷ lệ thanh niên biết đến hoạt động của các tổ chức Đoàn, Hội thông qua mạng xã hội là tương đối lớn, điều này thể hiện qua số liệu khảo sát cho thấy đa phần thanh niên đều có biết đến thông tin của các tổ chức Đoàn, Hội thông qua mạng xã hội. Tuy nhiên, số liệu khảo sát cũng cho thấy thông tin về các tổ chức Đoàn, Hội thông qua mạng xã hội là chưa nhiều, chưa tương xứng với nhu cầu tương tác, tìm hiểu của thanh niên.

Theo sơ đồ 20 có 60,2% thanh niên quan tâm đến hoạt động của các tổ chức Đoàn, Hội; 32,9% thanh niên rất quan tâm đến hoạt động của các tổ chức Đoàn, Hội trên mạng xã hội và 6,9% thanh niên trả lời là không quan tâm đến hoạt động của các tổ chức Đoàn, Hội qua mạng xã hội [69]. Như vậy, có thể thấy đa số thanh niên vẫn có sự quan tâm, tìm hiểu đối với các phong trào, chương trình hành động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một nhóm thanh niên thờ ơ và không quan tâm đến các thông tin này. Dù số lượng này không cao nhưng cũng là một thực trạng đáng báo động đặt

ra đối với Đoàn trong công tác giáo dục, tuyên truyền, định hướng thông qua mạng xã hội.



Khi được hỏi về phản ứng khi bắt gặp những thông tin nhạy cảm, xuyên tạc, tuyên truyền chống phá Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước trên mạng xã hội. Đa số thanh niên đều lựa chọn phương án tìm hiểu thêm, chiếm 41,5%; số người lựa chọn cách phê phán đứng thứ 2, chiếm 29,9% số người trả lời; số người lựa chọn cách im lặng đứng thứ 3, chiếm 17,5% người trả lời và số người thể hiện thái độ đấu tranh là ít nhất, chiếm 11,1% [69] (sơ đồ 21).

Như vậy, đa phần thanh niên đều có thái độ thận trọng trước những thông tin nhạy cảm, chống phá của các thế lực thù địch, phần tử xấu đăng tải trên mạng xã hội. Số lượng thanh niên lựa chọn thái độ phê phán cũng chiếm số đông. Tuy nhiên, số liệu khảo sát cũng cho thấy một thực trạng một bộ phận không nhỏ thanh niên còn giữ thái độ dè dặt, e ngại khi đấu tranh với những phần tử xấu trên mạng xã hội, họ lựa chọn thái độ im lặng trước những thông tin sai lệch của các thế lực thù địch, phần tử xấu đăng tải mà mình đọc được. Điều này cho thấy phần lớn thanh niên chưa có thái độ đấu tranh mạnh mẽ với những thông tin sai lệch được đăng tải trên mạng xã hội.

Điều này đã cho thấy một hạn chế của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong việc định hướng thông tin, tư tưởng cho thanh niên. Hiện nay, thực tế cho thấy hầu hết những trang Fanpage, Group, diễn đàn thu hút thanh niên tham gia tương tác, trao đổi là các trang tự phát, không có sự định hướng của Đoàn.

Trong khi đó các diễn đàn, trang mạng chính thống của Đoàn thì lại có ít người hưởng ứng hơn và hầu như “lép vế” so với các trang tự phát kia.

Điều này đặt ra nhiều yêu cầu đối với nhận thức của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong công tác giáo dục, định hướng, tuyên truyền cho thanh niên thông qua mạng xã hội, Blog. Sinh thời, Hồ Chí Minh từng căn dặn: Một tấm gương sống có giá trị hơn hàng vạn bài diễn văn tuyên truyền. Trong tập hợp, giáo dục thanh niên trên internet nói chung, đấu tranh chống “Diễn biến hòa bình” trên internet nói riêng hiện nay cũng vậy. Cần xây dựng, chọn ra các tổ chức, cá nhân tiêu biểu làm công cụ để định hướng, chia sẻ, dẫn dắt, giáo dục thanh niên thông qua mạng xã hội, tăng tính gần gũi, thân thiện của công tác giáo dục của Đoàn với các bạn trẻ. Hàng năm, Việt Nam đã tổ chức các cuộc thi tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng nhiều Câu lạc bộ bổ ích. Những hoạt động này, những câu lạc bộ này hoàn toàn có thể được tổ chức trên internet. Đặc biệt, những câu lạc bộ, những hạt nhân xung kích điển hình trong đấu tranh với các quan điểm sai trái, phản động do tổ chức Đoàn khởi xướng và tổ chức chặt chẽ chắc chắn sẽ thu hút giới trẻ và hoạt động hiệu quả hơn so với những trang tự phát hiện nay.

### **3.2. Ưu điểm, hạn chế và những vấn đề đặt ra của việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập**

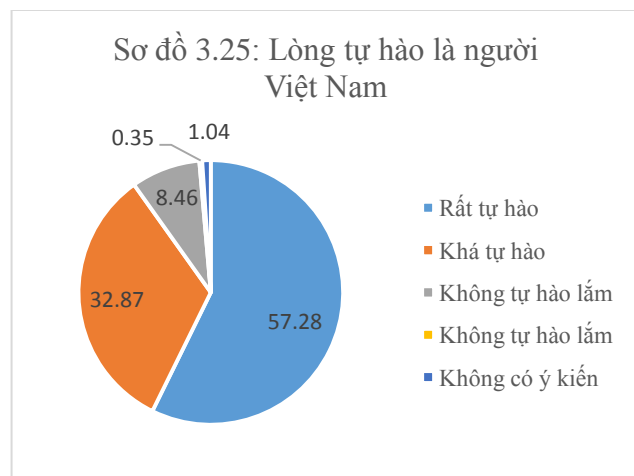
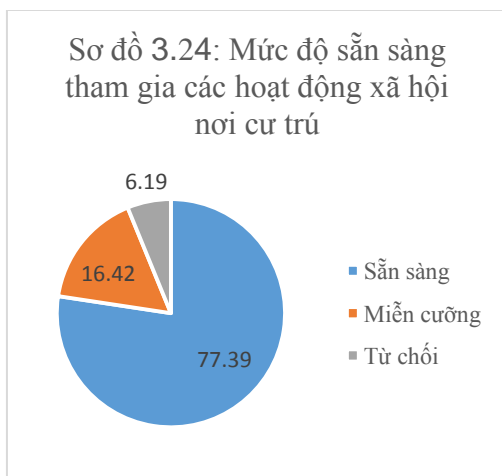
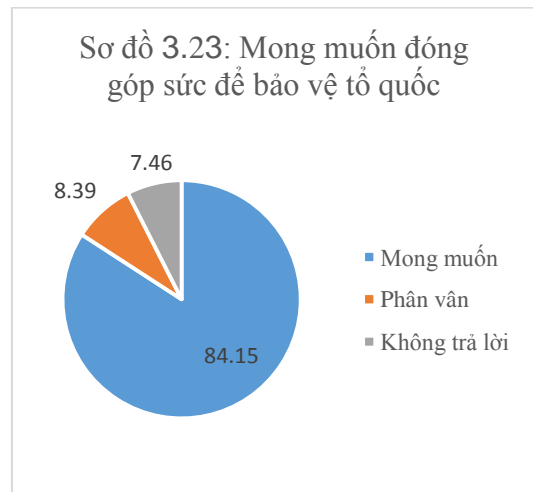
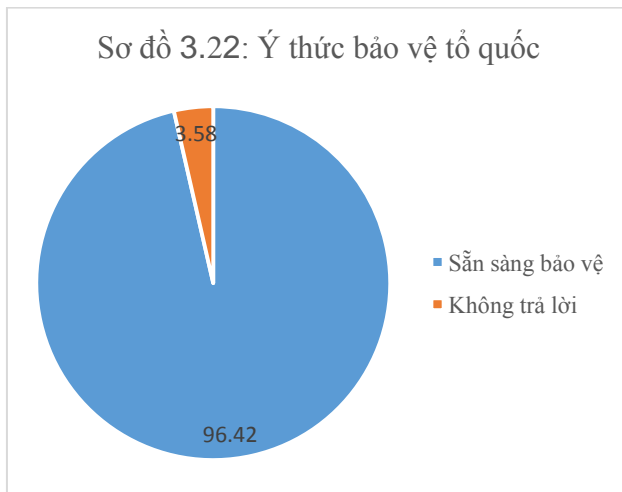
#### ***3.2.1. Ưu điểm, hạn chế trong việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc ở Việt Nam hiện nay***

Về giá trị truyền thống yêu nước đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập

Ngày nay, yêu nước là yêu quê hương, là tình yêu đối với đất nước, lòng trung thành và khát vọng phục vụ lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân vì lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Truyền thống yêu nước được dân tộc Việt Nam phát huy nhằm mục đích đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc, đem hết tài năng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa

đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đây là phẩm chất cơ bản và quan trọng hàng đầu, cần có đối với con người công dân Việt Nam.

Trong những năm qua, tình yêu quê hương, đất nước, ý thức “uống nước nhớ nguồn” của con người công dân Việt Nam đã và đang được thể hiện bằng những hành động, nghĩa cử thiết thực. Hàng vạn người đã về thăm viếng Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn, Ngã Ba Đồng Lộc, Thành cổ Quảng Trị... Hình ảnh những thanh niên tình nguyện tỏa về mọi miền đất nước, đến với nhân dân “cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc với nhân dân” có sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng xã hội, đồng thời, có tác động to lớn đối với việc định hướng giá trị đạo đức, lối sống văn hóa cho mọi người, biết sống vì cộng đồng, dân tộc, vì sự phát triển xã hội.



Điều đáng chú ý về giá trị lòng yêu nước của con người công dân Việt Nam, mà nội dung chủ yếu hiện nay là phấn đấu để xây dựng Việt Nam thành một nước dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Cụ thể, khi khảo sát đối tượng là trí thức về “Ý thức bảo vệ Tổ quốc” (sơ đồ 22), họ đã có thái độ rõ ràng: 96,42% sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của mình; chỉ có 3,58% trả lời không. Về nghĩa vụ công hiến, sự khao khát, trăn trở, muốn đóng góp sức mình xây dựng đất nước, có ý nghĩ, nguyện vọng (sơ đồ 23): Đúng chiếm 84,15%; phân vân: 8,39% và không trả lời: 7,46%. Với nội dung (sơ đồ 24): “Mỗi khi được yêu cầu tham gia vào các hoạt động xã hội ở nơi cư trú”, họ cho rằng: sẵn sàng và nhiệt tình 77,39%; miễn cưỡng 16,42%; tìm lý do từ chối 6,19% [83, tr.214-215]. Hầu hết con người công dân Việt Nam hiện nay đã có những quan điểm đúng đắn, có thái độ rõ ràng, dứt khoát với những hành vi sai lệch của các thế lực thù địch. Như vậy, thái độ, tư tưởng và nhận thức trước những âm mưu kích động của các thế lực thù địch đã có những bước tiến đáng kể. Do đó, lòng tự hào là người Việt Nam được thể hiện: Rất tự hào là người Việt Nam (sơ đồ 25): 57,28%, Khá tự hào: 32,87%, Không tự hào lắm: 8,46%, Không tự hào chút nào: 0,35%, Không có ý kiến: 1,04% [33, tr.32].

Giáo dục giá trị truyền thống yêu nước trong việc bồi dưỡng niềm tin, lý tưởng chính trị xã hội, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tinh thần xả thân, hy sinh vì Tổ quốc, vì nhân dân, có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc sống của con người công dân Việt Nam. Điều đó giúp họ từng bước xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan và những phẩm chất đạo đức mới. Đây là cơ sở, là động lực thôi thúc họ quyết tâm phấn đấu rèn luyện, học tập, lao động, rèn đức, luyện tài, có nhân cách phong phú để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Về giá trị truyền thống liên kết cộng đồng đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập

Giáo dục giá trị truyền thống liên kết cộng đồng đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời gian qua cũng đã hướng vào xây dựng tinh thần tập thể, đoàn kết, gắn bó lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, chống lại lối sống thực dụng, thấp hèn... Được thực hiện thông qua phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, nêu gương điển hình người tốt, việc tốt, giáo dục tinh thần tập thể trong lao động, học tập, rèn luyện để hình thành con người công dân Việt Nam mới, đáp ứng được những yêu cầu của thời kỳ hội nhập. Từ đây, những phẩm chất đạo đức mới, ý thức chính trị mới được hình thành, phát triển.

Giáo dục giá trị truyền thống liên kết cộng đồng đã giúp con người công dân có trách nhiệm hơn đối với quê hương, đất nước, quốc tế, có ý chí không ngừng vươn lên để trở thành người trí thức tương lai phát triển toàn diện, có nhân cách phong phú. Công cuộc xây dựng đất nước hiện nay, con người công dân Việt Nam được Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước trao cho sứ mệnh lịch sử đi đầu thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Với sự nỗ lực cố gắng của mình, con người công dân Việt Nam sẽ không ngừng vươn lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vun đắp truyền thống dân tộc ngày càng vững mạnh. Tuy nhiên, để có đoàn kết thực sự, các cấp, các ngành, nhà trường, gia đình và xã hội cần quan tâm giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống đạo đức cho họ, tạo điều kiện để họ được học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, khuyến khích, cổ vũ nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão lớn, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học - công nghệ hiện đại. Hình thành một thế hệ xuất sắc góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước, xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn, đáp ứng đòi hỏi của thời kỳ hội nhập.

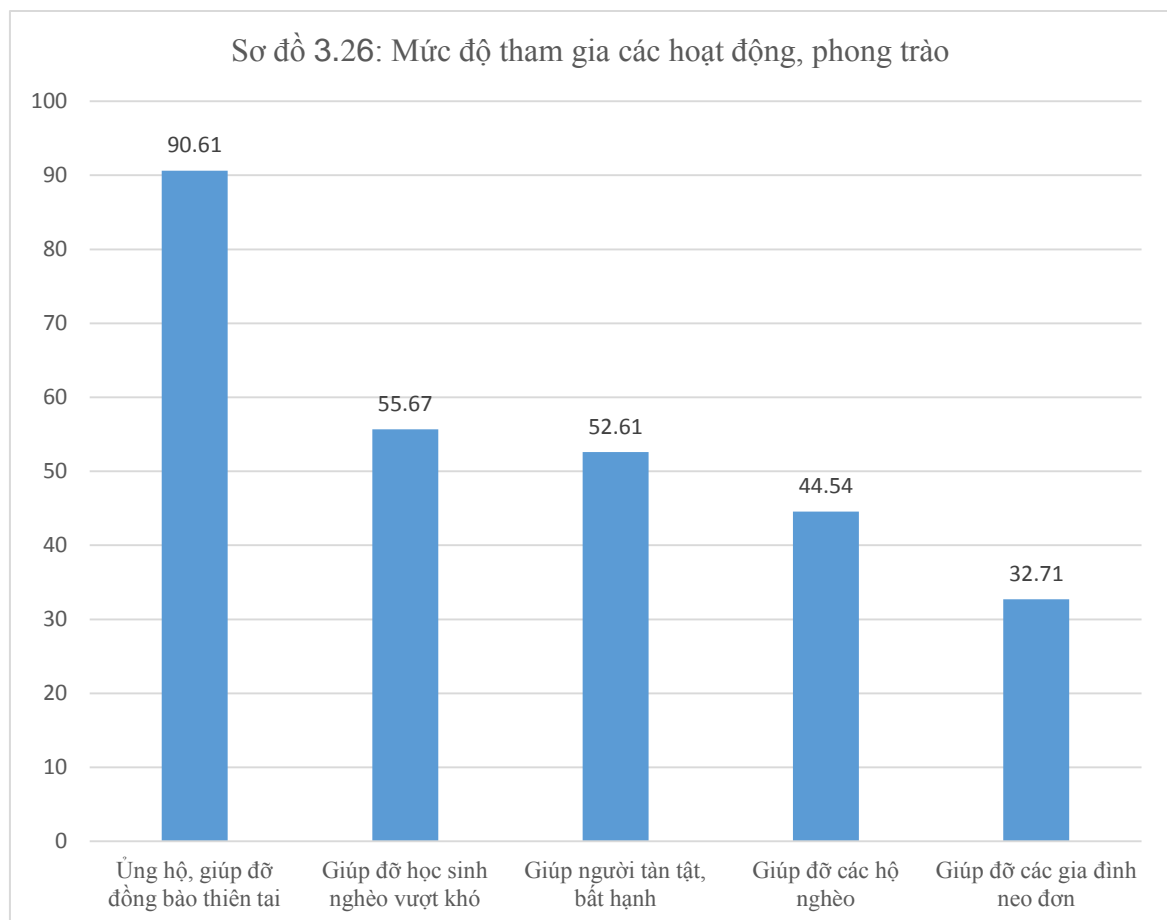
Tuy nhiên cũng phải thừa nhận rằng, bên cạnh những mặt tích cực, việc giáo dục giá trị truyền thống liên kết cộng đồng trong việc hình thành con người công dân Việt Nam còn có những hạn chế cả về nội dung, hình thức giáo dục cũng như sự phấn đấu, tự rèn luyện của một bộ phận cần được khắc phục như: thiếu tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội, sống thiếu lý tưởng, giảm sút niềm tin, ít quan tâm đến tình hình đất nước, vì thế, họ giam hãm mình trong cái tôi của chủ nghĩa cá nhân. Nhiều người được đưa đi nước ngoài đào tạo, học tập, nghiên cứu, nhưng khi học xong, họ lại không muốn trở về phục vụ đất nước mà ở lại nước bạn mong muốn tìm cuộc sống sung sướng cho riêng bản thân mình mà quên đi trách nhiệm với Tổ quốc, với nhân dân. Vì vậy, để giáo dục giá trị truyền thống liên kết cộng đồng trong hình thành con người công dân Việt Nam, tại Đại hội lần thứ X, Đảng Cộng sản Việt Nam đã yêu cầu ngành giáo dục và đào tạo cần: “Coi trọng, bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên khát vọng mãnh liệt xây dựng đất nước giàu mạnh, gắn liền lập nghiệp bản thân với tương lai của cộng đồng, của dân tộc, trau dồi cho học sinh, sinh viên bản lĩnh, phẩm chất và lối sống của thế hệ trẻ Việt Nam hiện đại” [22, tr.207]. Đây là yêu cầu vừa cấp bách, vừa cơ bản, lâu dài trong việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc nói chung và giáo dục giá trị



tuyên thống liên kết cộng đồng nói riêng nhằm xây dựng con người công dân Việt Nam đáp ứng những đòi hỏi của thời kỳ đổi mới và hội nhập đất nước.

Về giá trị truyền thống nhân ái, khoan dung đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập

Trong những năm qua, giá trị truyền thống nhân ái, khoan dung tiếp tục được dân tộc Việt Nam giáo dục và nâng lên một tầm cao mới trong xây dựng con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập. Các tổ chức chính trị - xã hội đã tổ chức thực hiện nhiều phong trào hành động cách mạng như: “Tuổi trẻ tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng”, “Tuổi trẻ làm theo lời Bác, sống đẹp, sống có ích”, “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc, vì bình yên cuộc sống”, “Vì đàn em thân yêu”. Cũng cố các đội tình nguyện, các tổ nhóm tình nguyện. Triển khai Câu lạc bộ Hiến máu nhân đạo; phối hợp và tổ chức có hiệu quả các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”... Phát động phong trào “Sinh viên 5 tốt”, “Sinh viên với văn hóa giao thông”, tuyên truyền chấp hành Luật giao thông đường bộ, triển khai xây dựng mô hình an toàn giao thông. Kết quả khảo sát theo sơ đồ 25 [75, tr.215].



Thực tế ngày nay, lòng nhân ái, khoan dung của con người công dân Việt Nam không chỉ bó hẹp trong phạm vi đất nước, mà nó đã vượt ra phạm vi quốc tế và được thể hiện bằng những nghĩa cử cao đẹp trong việc ủng hộ, động viên tinh thần và vật chất cho các nước bị nô nhà máy điện hạt nhân, sóng thần, thiên tai tàn phá... Tuy nhiên, lòng nhân ái, khoan dung đang có những biểu hiện suy giảm, biến dạng trong nhận thức, hành động của không ít con người công dân Việt Nam. Một bộ phận con người công dân Việt Nam có lối sống thực dụng, tuyệt đối hóa đồng tiền, lối sống vị kỷ, chạy theo chủ nghĩa cá nhân... Đó là tư tưởng đề cao, tuyệt đối hóa giá trị vật chất, xem nhẹ hay hạ thấp giá trị tinh thần; đề cao quá mức giá trị hiện đại, xem nhẹ giá trị truyền thống của dân tộc. Tệ nạn xã hội: xì ke, ma túy, mại dâm, bạo lực đang xâm nhập vào học đường, làm hủy hoại đạo đức một bộ phận học sinh, sinh viên. Rõ ràng, lối sống vị kỷ, vụ lợi ở một bộ phận đang đối lập với chủ nghĩa tập thể, đối lập với truyền thống nhân ái, yêu thương con người của dân tộc Việt Nam, đối lập đối với trách nhiệm cá nhân, với cộng đồng, với đất nước. Do đó, Đảng Cộng sản Việt Nam cảnh báo về tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hóa dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ, đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Không ít trường hợp vì đồng tiền và danh vị mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp [15, tr.46].

Một số thanh thiếu niên hiện nay trở nên ích kỷ, thiếu sự quan tâm đến những người thân, những người sống xung quanh... Tình trạng thanh thiếu niên sống buông thả, không coi trọng những giá trị truyền thống dân tộc đang diễn ra ở nhiều nơi. Những hiện tượng như gây gổ, đánh nhau ngay trên giảng đường cũng đang là vấn đề gây nhức nhối trong xã hội. Đặc biệt, có “một bộ phận học sinh, sinh viên đã tham gia vào các ổ nhóm tội phạm có sử dụng bạo lực với tính chất côn đồ hung hãn; hậu quả hết sức nghiêm trọng như các hành vi giết người, cố ý gây thương tích...” [37, tr.87]. Điều đó đã phản ánh tình trạng xuống cấp về đạo đức, cản trở việc xây dựng, bồi dưỡng con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.

Về giá trị truyền thống đề cao công bằng xã hội đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập

Cá nhân, tổ chức trong xã hội là các mối tương quan cơ bản, như tương quan giữa nhu cầu và hưởng thụ, nghĩa vụ và quyền lợi, chi phí và lợi ích, đóng góp và phần thưởng... Như vậy, công bằng xã hội hướng tới nhận thức xã hội gắn với công lý, bình đẳng xã hội. Công bằng xã hội còn có nghĩa là không phân biệt đối xử giữa các cá nhân, các tổ chức xã hội dù họ có địa vị xã hội khác nhau.

Thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay không chỉ là hướng tới mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà còn là một động lực quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, là một yêu cầu bức thiết của công cuộc đổi mới, chấn hưng đất nước và hội nhập quốc tế. Công bằng xã hội thường được xét ở nhiều phương diện: kinh tế, chính trị, pháp quyền, đạo đức, văn hóa, giáo dục, y tế... Để hình thành công bằng xã hội thì điều kiện tiên quyết là phải có công bằng trên lĩnh vực kinh tế. Phải xây dựng một thể chế, một chế độ nếu đạt tới một phương thức sản xuất công bằng, đó là một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu [12].

Không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, công bằng xã hội được coi là một giá trị cơ bản định hướng cho việc giải quyết các mối quan hệ giữa người và người trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Để thực hiện công bằng xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam đã đưa ra nhiều chính sách về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế... nhằm mang lại giá trị công bằng cho mọi thành viên trong xã hội ví dụ như: công bằng trong việc làm, công bằng về tư liệu sản xuất hay giúp đỡ những người tàn tật, già yếu, cô đơn, các gia đình thương binh, liệt sĩ, những dân tộc ở vùng cao, vùng xa, vùng sâu, những gia đình có công với cách mạng; thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo đồng thời thiết lập các tổ chức từ thiện, nhân đạo nhằm thực hiện công bằng xã hội theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các chính sách cũng gặp phải không ít

những khó khăn như: phân phối theo lao động, phân tầng xã hội... Mặc dù, Việt Nam đã có nhiều cố gắng trong việc ra chính sách và thực thi chính sách về công bằng xã hội nhưng trên thực tế vẫn còn nhiều bất cập, bất công bằng trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Chênh lệch giàu nghèo là biểu hiện rõ nhất của bất công bằng xã hội. Nếu khoảng cách chênh lệch này ngày càng giãn ra trong khi kinh tế đất nước vẫn có tốc độ tăng trưởng khá, song mức độ cải thiện thu nhập của lớp người nghèo không đáng kể, thì đây cũng là một sự bất công bằng xã hội đáng lo ngại. Đó mới chỉ là chênh lệch giàu nghèo nói chung, ở Việt Nam, vấn đề còn quan trọng và đáng quan tâm hơn nhiều chính là chênh lệch về thu nhập và chi tiêu giữa nông thôn và thành thị. Ngoài ra, công bằng xã hội còn được thể hiện trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao, giải trí, thực thi pháp luật,...

Tóm lại, Việt Nam cần phải kiên trì lấy phát triển làm chủ đề không ngừng giải phóng và phát triển sức sản xuất xã hội, thực hiện bình đẳng quyền lợi trong lĩnh vực chính trị, bình đẳng cơ hội trong lĩnh vực kinh tế, bình đẳng quy chế quy tắc trong lĩnh vực phân phối, bình đẳng hình thức trong lĩnh vực xã hội và bình đẳng thực chất trong xã hội, từ đó mà tạo ra môi trường xã hội công bằng bình đẳng, thực hiện quyền lợi của người dân được bình đẳng tham dự bình đẳng hiệp thương bình đẳng, cạnh tranh bình đẳng, phát triển bình đẳng.

Về giá trị truyền thống lao động cần cù, sáng tạo đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập

Hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, con người công dân Việt Nam đã và đang tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội, ủng hộ đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhanh chóng thích ứng với chính sách mở cửa để đưa đất nước hoà nhập vào khu vực và cộng đồng quốc tế. Đặc biệt, các hoạt động tình nguyện đem lại hiệu quả và tác dụng to lớn trong việc cổ vũ quần chúng nhân dân đoàn kết, xây dựng đất nước. Phong trào “Học tập vì ngày mai lập nghiệp”, “Sinh viên khoẻ để học tập và rèn luyện”, “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Hiến máu nhân đạo”, “Mùa hè xanh”... đã tạo nên không khí thi đua sôi nổi và đồng thời

thể hiện sinh động tính tích cực chính trị - xã hội và trách nhiệm của con người công dân Việt Nam đối với đất nước.

Xu hướng đề cao một số phẩm chất cá nhân như học vấn, sức khỏe, sáng tạo, tự lập, tự trọng, làm cho con người tự tin vươn lên, đứng vững trên đôi chân của mình, không còn trông cậy vào sự chiếu cố thành phần, thậm chí cả “ô dù” nữa. Tinh thần cần cù, chịu khó trong học tập, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đã trở thành phẩm chất đẹp trong con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.

Có thể nói, giá trị truyền thống lao động cần cù, sáng tạo đã được con người công dân Việt Nam ngày nay tích cực kế thừa và phát huy, làm nền tảng quan trọng để hình thành những phẩm chất cần thiết của nhân cách mới. Ngày nay, các phẩm chất cần có của người lao động được ưu tiên hàng đầu là phải có chuyên môn giỏi và tiếp đó là đạo đức nghề nghiệp. Những phẩm chất và thứ tự ưu tiên được lựa chọn, về cơ bản phù hợp với giá trị truyền thống dân tộc, nhưng cũng thể hiện tư duy đổi mới, hội nhập, phù hợp xu thế quốc tế hiện nay. Quan niệm đúng đắn đó sẽ là cơ sở quan trọng, định hướng cho quá trình lao động, rèn luyện, phấn đấu của con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.

Như vậy, các phong trào hoạt động đã thực sự trở thành trường học thực tiễn để thanh thiếu niên Việt Nam rèn luyện và trưởng thành, không ngừng trau dồi tri thức khoa học - kỹ thuật và công nghệ, phát huy khả năng sáng tạo, ngày càng thực hiện tốt hơn vai trò xung kích, đi đầu trong học tập, lao động với tinh thần trách nhiệm, tự nguyện, tự giác cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, do tác động mặt trái của kinh tế thị trường, của toàn cầu hóa, một bộ phận con người công dân Việt Nam còn lười lao động, học tập, thích sống đua đòi, xa rời những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Sự phát triển vượt bậc của đời sống kinh tế thời mở cửa, hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay đã kéo theo nhiều hệ lụy, phức tạp trong xã hội, tất cả đều tác động và phản ánh rõ nét trong đời sống hiện nay. Nó cũng là nhân tố cản trở, xa rời việc học tập, rèn

luyện những giá trị truyền thống dân tộc trong hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.

### ***3.2.2. Những vấn đề đặt ra của việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc hiện nay***

**Thứ nhất**, mâu thuẫn giữa yêu cầu ngày càng cao trong việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với hình thành con người công dân Việt Nam và những tác động tiêu cực từ mặt trái của quá trình toàn cầu hoá.

Toàn cầu hoá và hội nhập thế giới đang tạo ra những thời cơ thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và giao lưu văn hoá giữa các quốc gia, dân tộc. Nhưng có một thực tế khác mà chúng ta phải đối mặt, đó là những tác động tiêu cực từ mặt trái của quá trình này, đặc biệt là về văn hoá, đạo đức. Nhiều giá trị truyền thống dân tộc đang có nguy cơ mai một. Lòng yêu nước, giá trị cao nhất trong hệ giá trị truyền thống Việt Nam đang bị một bộ phận nhận thức một cách mơ hồ, sai lệch. Không ít con người công dân chưa hiểu đúng đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước.

Toàn cầu hoá và hội nhập thế giới đang là xu thế của thời đại, với tư cách là một thành viên của cộng đồng thế giới, con người công dân Việt Nam không thể đứng ngoài xu thế chung đó. Nhưng vấn đề đặt ra trong quá trình hội nhập là không được hoà tan, hội nhập mà vẫn giữ gìn được bản sắc văn hoá, nhất là hệ giá trị truyền thống dân tộc, để không trở thành “bóng mờ” của dân tộc khác. Do đó, giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc như: yêu nước; liên kết cộng đồng; nhân ái, khoan dung; đề cao công bằng xã hội; cần cù, sáng tạo nhằm hình thành và phát triển con người công dân Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay ngày càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

**Thứ hai**, đang tồn tại nghịch lý giữa mục tiêu đào tạo con người đối với suy thoái đạo đức, lối sống ở một bộ phận con người công dân Việt Nam trong bối cảnh toàn hiện nay.

Hiện nay mục tiêu và yêu cầu giáo dục con người công dân Việt Nam nhìn chung vẫn chưa được thực hiện một cách đầy đủ và tốt nhất. Bên cạnh những con người công dân có ý chí, nghị lực, ham học hỏi, say mê học tập,

rèn luyện thì vẫn còn không ít con người công dân Việt Nam mơ hồ về lý tưởng cách mạng, thiếu niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Một số còn lười học, vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, gian lận trong thi cử. Vẫn còn một bộ phận thích được hưởng thụ, không ý thức được trách nhiệm của mình trước gia đình, nhà trường, xã hội. Tình trạng ăn chơi, đua đòi vượt quá khả năng cho phép vẫn còn diễn ra ở một số thành phần trong xã hội; thậm chí tệ nạn ma tuý, mại dâm còn nhiều gây nên mối lo lớn cho cộng đồng xã hội. Điều này, cho Việt Nam thấy khoảng cách giữa mục tiêu đào tạo với đời sống đạo đức trong một bộ phận con người công dân Việt Nam hiện nay là rất lớn, khoảng cách ấy cần phải được lấp đầy. Đây cũng chính là nghịch lý trong yêu cầu phát triển con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập về cả đạo đức và năng lực.

**Thứ ba**, công tác giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập còn nhiều hạn chế và bất cập, nhất là từ phía chủ thể giáo dục.

Trang bị hệ giá trị truyền thống dân tộc cho con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập được hình thành chủ yếu từ hai con đường: tự phát và tự giác, trong đó, con đường tự giác chủ yếu thông qua giáo dục nói chung, giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc nói riêng. Để nhận thức sâu sắc, đầy đủ, ý thức được trách nhiệm về hành vi của mình, con người công dân Việt Nam cần được giáo dục một cách có hệ thống hệ giá trị truyền thống dân tộc. Hệ giá trị truyền thống dân tộc sẽ hình thành ở con người công dân phẩm chất nhân cách, chuẩn mực đạo đức tốt đẹp, mang tính bền vững, xây dựng được niềm tin, lý tưởng...

Hiện nay, công tác giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc cho con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập vẫn còn những hạn chế nhất định: từ nội dung chương trình đến việc giảng dạy và học tập; từ sự quan tâm của các chủ thể giáo dục đến thái độ con người công dân Việt Nam; từ tác động tiêu cực của quá trình toàn cầu hoá và hội nhập thế giới cho đến tính bảo thủ, trì trệ trong việc lưu giữ những phong tục tập quán lạc hậu, những hủ tục...

trong một bộ phận con người công dân Việt Nam. Những hạn chế này cần phải được tháo gỡ để giáo dục - đào tạo hoàn thành sứ mệnh: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Góp phần hình thành và phát triển con người công dân Việt Nam, con người xã hội chủ nghĩa, phấn đấu vì mục tiêu: “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Vì vậy, để giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong việc hình thành và phát triển con người công dân Việt Nam, cần phải tạo dựng được môi trường kinh tế - xã hội phát triển lành mạnh, mà ở đó con người được cống hiến, sáng tạo và hưởng thụ, điều đó mới là mảnh đất tốt để nuôi dưỡng và nảy nở những tài năng.

### **Tiểu kết chương 3**

Quá trình chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và mở rộng giao lưu quốc tế ở Việt Nam trong thời gian qua đã, đang và sẽ tác động sâu sắc đến đời sống đạo đức của xã hội nói chung và hệ giá trị truyền thống dân tộc nói riêng cả mặt tích cực và mặt tiêu cực. Trong điều kiện đó đòi hỏi hệ giá trị truyền thống dân tộc phải được đánh giá lại, bổ sung thêm những nội dung mới phù hợp hơn. Trong những năm trước đây hệ giá trị truyền thống dân tộc được tuyệt đại đa số con người công dân Việt Nam trân trọng giữ gìn và phát huy, nhiều giá trị từng bước được tiếp nhận cùng với quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhiều giá trị bị phai nhạt không còn phù hợp với điều kiện xã hội mới.

Quá trình xây dựng hệ giá trị mới cho con người công dân Việt Nam vừa thích ghi được những điều kiện mới của thời kỳ hội nhập, nhưng cũng phải đảm bảo tính truyền thống dân tộc. Vì vậy, quá trình giáo dục phải khai thác những mặt tích cực của hệ giá trị truyền thống dân tộc, giúp con người công dân Việt Nam có bản lĩnh hơn khi bước ra với thế giới. Giáo dục để hình thành những mặt tích cực, những yếu tố cơ bản của giá trị: “tinh thần yêu nước”; “liên kết cộng đồng”; “lòng nhân ái, khoan dung”; “lao động cần cù, sáng tạo”. Chính vì vậy, việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc và xây dựng hệ giá trị mới đang là yêu cầu cấp thiết hiện nay nhằm phát huy những mặt tích cực, ngăn



ngừa, hạn chế và đẩy lùi từng bước những tiêu cực về đạo đức trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập, góp phần xây dựng đời sống tốt đẹp của con người và xã hội Việt Nam hiện nay.

Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc và xây dựng hệ giá trị mới đòi hỏi phải đánh giá đúng hệ giá trị truyền thống dân tộc trên lập trường của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần xây dựng nhân cách con người công dân Việt Nam trong công cuộc đổi mới và hội nhập hiện nay. Nhân cách đó được biểu hiện: một là, gắn độc lập dân tộc với sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập đất nước, nâng cao tinh thần tự tôn dân tộc, từng bước xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, phấn đấu thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" theo định hướng xã hội chủ nghĩa; Hai là, phải coi con người, nhất là người lao động là mục đích tối cao của sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho mỗi người tham dự vào sự phát triển, khuyến thiện, trừ ác, bảo vệ môi trường sinh thái - nhân văn cho sự tồn tại và phát triển lâu bền của con người; ba là, kết hợp hài hòa các lợi ích, lấy nhiệm vụ phục hưng và phát triển đất nước làm điểm tương đồng, quy tụ sức mạnh của từng cá nhân và cả cộng đồng trong nhiệm vụ bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay; bốn là, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm thước đo đánh giá, cần kiệm gắn với đổi mới cách nghĩ, cách làm, chống tham nhũng, lãng phí và sa vào lối sống của xã hội tiêu dùng; năm là, lạc quan cần phải được xây dựng trên lòng tin có cơ sở khoa học vào sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

Hệ giá trị truyền thống dân tộc là một thể thống nhất hữu cơ với cốt lõi là chủ nghĩa yêu nước. Vì vậy, phải giáo dục và xây dựng chúng một cách đồng bộ, khai thác chúng một cách tổng hợp, gắn với hệ giá trị khác trong hệ thống giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc nhằm phục vụ cho yêu cầu phát triển xã hội hiện nay.

## Chương 4

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HỆ GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC VỚI SỰ HÌNH THÀNH CON NGƯỜI CÔNG DÂN VIỆT NAM THỜI KỲ HỘI NHẬP

### 4.1. Bối cảnh mới tác động đến giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập

#### 4.1.1. Các nhân tố ngoài nước

Ở Việt Nam, việc đẩy mạnh giao lưu, đặc biệt là giao lưu kinh tế và giao lưu văn hóa đã có ảnh hưởng cả tích cực và tiêu cực đến sự hình thành con người công dân Việt Nam hiện nay. Hiện nay, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, sự phát triển mạnh mẽ của những phương tiện truyền thông đang tạo điều kiện cho các dân tộc xích lại gần nhau và hiểu biết lẫn nhau. Quá trình toàn cầu hóa nói chung đã và đang tác động có sức mạnh ghê gớm với mọi nguy cơ đồng nhất hóa hệ giá trị và tiêu chuẩn, đe dọa làm suy kiệt khả năng sáng tạo của nền văn hóa, nhân tố con người hết sức quan trọng đối với sự tồn tại lâu dài của nhân loại.

Giao lưu quốc tế góp phần phát triển, làm phong phú đời sống tinh thần của con người công dân Việt Nam, kích thích sự du nhập và sáng tạo của các giá trị, các chuẩn mực tinh thần, đạo đức. Đó cũng là cơ hội để con người công dân Việt Nam thẩm định và lựa chọn hệ giá trị thích hợp với điều kiện của xã hội hiện đại. Một mặt, giao lưu văn hóa trong điều kiện của kinh tế thị trường có nguy cơ làm xáo trộn bản giá trị truyền thống dân tộc. Mặt khác, hành vi của con người công dân Việt Nam luôn bị ảnh hưởng, chi phối bởi hệ giá trị truyền thống dân tộc: giá trị sự tôn trọng các quan hệ tình làng, nghĩa xóm; giá trị đề cao các vai trò gia đình, cộng đồng, tinh thần xả thân vì đại nghĩa; giá trị tinh thần bao dung; giá trị lương tâm nghề nghiệp... Hệ giá trị truyền thống dân tộc đang đứng trước nguy cơ bị phá hoại, bị thay thế những chuẩn mực, những định hướng xa lạ. Chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, hưởng lạc, khát vọng tiền tài, quyền lực, chủ nghĩa hư vô về đạo đức... xa lạ

với bản sắc văn hóa Việt Nam đang len lỏi vào cuộc sống của bộ phận không nhỏ dân cư. Những biểu hiện xuống cấp về đạo đức, lối sống của con người đang được cảnh báo trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng có một phần nguyên nhân từ giao lưu văn hóa.

Giao lưu quốc tế đã và đang tạo ra hai xu hướng trái ngược nhau, tác động tới sự hình thành đặc điểm con người công dân Việt Nam. Ở đô thị, nơi kinh tế phát triển mạnh và sự tiếp xúc với bên ngoài được mở rộng, thì trong một bộ phận dân cư đã nảy sinh khuynh hướng quay lưng lại với truyền thống, coi thường các di sản và bản sắc văn hóa dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng và đua đòi theo lối sống ngoại lai. Hình thành lớp người sống thực dụng, có lối sống thiếu lành mạnh. Ngược lại, ở nông thôn, nhất là ở vùng kinh tế hàng hóa kém phát triển, đang trỗi dậy một xu hướng quay về với truyền thống, khôi phục các lễ hội, các phong tục, tập quán cổ truyền, quay về với lối sống xưa và từ đó khôi phục lại cả những tệ nạn, hủ tục lạc hậu, hình thành nên những con người lạc hậu, không theo kịp với văn minh, tiến bộ của xã hội.

Trong điều kiện giao lưu, hội nhập quốc tế, con người công dân Việt Nam được tiếp xúc thường xuyên với những thành tựu của nền văn minh công nghiệp, nhưng chính điều đó lại làm xuất hiện một số hiện tượng khác biệt với hệ giá trị truyền thống dân tộc, với tâm lý xã hội, đạo đức và tập quán dân tộc. Sự phát triển của khoa học, công nghệ không thể thúc đẩy ngay lập tức những tiến bộ về tâm lý, về nhân sinh quan và lối sống của con người công dân Việt Nam. Vì vậy, việc làm lành mạnh hóa môi trường tinh thần, giáo dục những quan điểm nhân văn cho con người công dân Việt Nam là việc làm cực kỳ quan trọng đối với toàn xã hội. Thiếu giáo dục nhân văn, giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc, sẽ không thể hướng con người công dân Việt Nam tới cái chân, thiện, mỹ. Tức là, không thể hình thành con người công dân Việt Nam những khát vọng về quyền con người, về hạnh phúc, tình yêu và sự khát khao vươn tới những lý tưởng cao đẹp.

Ở Việt Nam hiện nay, vấn đề nâng cao dân trí và phát triển văn hóa đang có những diễn biến phức tạp. Sự phân hóa xã hội do tác động của giao lưu văn

hóa, hội nhập quốc tế cũng diễn ra ngay trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, văn hóa và lối sống. Cần phải xây dựng một nền văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú, phù hợp với nền văn hóa vật chất ngày càng đa dạng và quốc tế hóa sâu rộng. Phải hướng nền giáo dục, các phương tiện thông tin đại chúng, hoạt động văn hóa nghệ thuật, giải trí, thể dục thể thao,... vào việc định hướng con người có đời sống cộng đồng lành mạnh, giàu tình nhân văn, mang đậm bản sắc và truyền thống dân tộc Việt Nam.

Ngoài ra, theo một ý nghĩa rộng hơn, giáo dục còn có tác dụng thúc đẩy con người công dân Việt Nam hiểu biết sâu sắc về thế giới xung quanh, về bản sắc từng dân tộc, cũng như sự tương đồng và khác biệt giữa các quốc gia dân tộc,... nghĩa là giáo dục có vai trò mở rộng tầm nhìn, nâng cao trình độ tri thức cho con người công dân Việt Nam, để có thể tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại trong khi vẫn bảo tồn được bản sắc văn hóa dân tộc. Vì vậy có thể thấy, đối với Việt Nam hiện nay yếu tố văn hóa đang có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành lớp người tiêu biểu cho dân tộc và thời đại.

Tóm lại, con người công dân Việt Nam trong điều kiện đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đang phát triển trong sự tác động của nhiều nhân tố: tích cực và tiêu cực, truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế... Định hướng phát triển là khắc phục được những tác động tiêu cực, vượt bỏ những cái lỗi thời, lạc hậu, kết hợp hài hòa hệ giá trị truyền thống dân tộc với hiện đại, dân tộc với quốc tế để trở thành con người công dân Việt Nam hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc.

#### ***4.1.2. Các nhân tố trong nước***

Bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội, vì thế con người trong xã hội sẽ chịu sự tác động, ảnh hưởng của rất nhiều nhân tố khác nhau. Trong khuôn khổ luận án nghiên cứu những tác động của một số nhân tố lên sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.

Nhân tố chính trị

Hiện nay ở Việt Nam những yếu tố tác động, định hướng đến quá trình hình thành và phát triển con người công dân gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam,

Nhà nước xã hội chủ nghĩa, các tổ chức chính trị - xã hội. Quá trình hình thành và phát triển đó tạo ra lớp người có đủ phẩm chất năng lực để từng bước vươn lên làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân. Ngay từ khi Việt Nam bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội được coi là quá trình được thực hiện tự giác, có ý thức, có chủ đích. Vì thế, vai trò của hệ thống chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và có tính chất quyết định, đặc biệt là trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay. Hệ thống chính trị có vai trò tạo lập môi trường xã hội tốt đẹp cho sự hình thành và phát triển con người công dân Việt Nam. Việc tạo môi trường chính trị - xã hội mới thể hiện rõ vai trò và tác dụng to lớn của nhân tố chính trị đối với quá trình hình thành và phát triển con người công dân Việt Nam, là sản phẩm của những điều kiện, hoàn cảnh xã hội - lịch sử cụ thể. Tạo ra một môi trường chính trị - xã hội mới sẽ là điều kiện, là cơ sở quan trọng hàng đầu cho sự nảy nở và phát triển những phẩm chất, năng lực về mọi mặt cho con người công dân Việt Nam, thúc đẩy cá nhân không ngừng vươn lên hoàn thiện nhân cách, đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển xã hội.

Hệ thống chính trị của Việt Nam đã, đang xây dựng môi trường xã hội dân chủ tốt thúc đẩy được con người công dân hình thành và phát triển đáp ứng nhu cầu của thời kỳ hội nhập hiện nay. Hồ Chí Minh đã khẳng định Việt Nam là nước dân chủ, dân chủ là quý báu nhất của nhân dân, để giải quyết mọi khó khăn thì phải có dân chủ xã hội [102, tr. 36, 54, 434].

Vấn đề thực hành dân chủ là đem lại cho con người công dân Việt Nam những quyền năng và sức mạnh mới để phát triển các năng lực của bản thân, xứng đáng với vị trí, vai trò chủ thể và động lực quan trọng nhất của sự phát triển xã hội. Nếu thiếu tự do dân chủ thì các tiềm năng, năng lực của con người công dân Việt Nam sẽ bị thui chột, họ dễ bị kìm hãm trong vòng ngu dốt, tối tăm, yếu hèn. Việc thiết lập một thiết chế dân chủ thực sự ở Việt Nam là xây dựng cho được nhân dân là chủ duy nhất, từ đó con người công dân Việt Nam sẽ phát huy tốt tinh thần tự giác, lòng nhiệt huyết, óc sáng tạo làm tiền đề để phát triển đất nước. Nói cách khác, chính nhờ thực hiện dân chủ và thông qua chế độ dân chủ mà mỗi cá nhân, mỗi con người công dân Việt Nam

phát triển và cống hiến cho đất nước. Vậy chế độ dân chủ tác động theo cách nào đến sự hình thành con người công dân mới, đây là vấn đề phức tạp. Vì thế cần đi sâu vào chính vấn đề thực hiện cơ chế dân chủ để hiểu được cơ chế tác động này.

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa phải thể hiện sự kết hợp trong nó các đặc trưng nhân văn và pháp lý, giá trị và ý nghĩa nhân văn của dân chủ là sự tôn trọng con người công dân Việt Nam và nhân cách của họ, bởi họ là chủ thể của lịch sử, là giá trị văn hóa cao nhất.

Để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa nhất thiết phải coi pháp luật là thuộc tính bên trong của dân chủ, không có pháp luật không thành dân chủ. Tính pháp lý của dân chủ dựa trên vai trò, vị trí pháp lý của con người công dân Việt Nam, tức là, dựa vào quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của con người công dân Việt Nam.

Xã hội càng hiện đại thì đòi hỏi tính pháp lý của con người công dân ngày càng cao. Vì thế, phải xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trở thành công cụ và phương tiện để con người công dân thực hiện quyền làm chủ trên mọi phương diện: kinh tế, chính trị, xã hội. Như vậy chính nhờ cơ chế này mà con người công dân Việt Nam được làm chủ và dân chủ được mở rộng. Thông qua việc làm chủ và mở rộng quyền làm chủ đối với các hoạt động của con người công dân mà họ mới có điều kiện hơn để phát triển những phẩm chất của mình.

#### Nhân tố kinh tế thị trường

Việt Nam đang trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa, sau những khủng hoảng của nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nó cũng là cơ sở khách quan cho sự hình thành con người công dân Việt Nam mới hiện nay. Hơn nữa trong hệ thống lợi ích con người công dân Việt Nam thì lợi ích vật chất luôn giữ vai trò căn bản ảnh hưởng đến sự hình thành những phẩm chất của con người công dân Việt Nam mới.

Sự nghiệp đổi mới đất nước như một điều kiện xã hội khách quan tác động sâu sắc đến con người công dân Việt Nam, trong đó sự phát triển kinh tế thị trường là điều kiện quyết định nhất, tác động lớn nhất đến sự biến đổi của con người công dân Việt Nam mới.

Dưới những hình thức và mức độ khác nhau, ngày nay cơ chế thị trường đã thâm nhập sâu vào các mặt của nền kinh tế, ưu thế của cơ chế thị trường là ở sức giải phóng to lớn của nó đối với sức sản xuất, ở chỗ nó tạo ra những điều kiện thuận lợi cho áp dụng những thành tựu khoa học công nghệ, cũng như kích thích tính tích cực của con người trong sản xuất. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, cơ chế thị trường tác động có tính hai mặt đối với phát triển của con người công dân Việt Nam.

Một mặt, nó tạo ra con người công dân Việt Nam duy lý. Con người công dân Việt Nam có khả năng tính toán, lựa chọn những giải pháp tối ưu nhằm thu lợi tối đa trong hoạt động kinh tế. Nhờ đó mà con người công dân Việt Nam phát triển trí tuệ, lý trí của mình. Việc chuyển nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang tự chủ trong sản xuất kinh doanh, tạo cho mỗi cá nhân, tập thể có nhiều cơ hội đua tài, phát huy sang kiến. Năng lực của con người công dân Việt Nam có điều kiện được bộc lộ và được trân trọng. Cơ chế thị trường tạo động lực cho sự cạnh tranh về chất lượng hàng hóa, mẫu mã, giá thành, giá cả... Điều đó đòi hỏi con người công dân Việt Nam phải sử dụng trí tuệ trong sản xuất kinh doanh, phải biết tư duy sáng tạo, tôn trọng tri thức khoa học và công nghệ, có óc thẩm mỹ, quan tâm đến hiệu quả kinh tế. Chính trong kinh tế thị trường, năng lực toàn diện của con người được kích thích, bộc lộ và phát triển. Đồng thời cạnh tranh với tính cách là quy luật của nền kinh tế thị trường, tác động đến sự hình thành ý chí của con người công dân Việt Nam, làm cho họ mạnh dạn, tự tin, dám nghĩ, dám làm, dám chấp nhận cả rủi ro trong thử nghiệm làm ăn. Như vậy, cơ chế thị trường tác động thuận lợi đến việc hình thành những phẩm chất của một tính cách mạnh, năng động, khôn ngoan, tháo vát. Cạnh tranh làm thay đổi thói quen an phận thủ thường của con người công dân Việt Nam, thói quen bằng lòng với cái nghèo để đi

đến không an phận với cái đói nghèo, xem nghèo đói là nỗi nhục, quyết vươn lên làm giàu bằng trí tuệ và sức mạnh của mình, tự hào với thành đạt của cá nhân và gia đình. Trong định hướng giá trị của xã hội cũng có nhiều thay đổi đáng kể, văn hóa truyền thống coi trọng giá trị tinh thần, đề cao đạo đức lễ nghĩa, xem nhẹ giá trị vật chất. Tư tưởng con người công dân Việt Nam hiện nay không chỉ coi trọng giá trị tinh thần, đạo đức mà còn đánh giá cao giá trị vật chất, nhu cầu sinh hoạt tinh thần, vật chất đều tăng. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã làm thay đổi nhiều mặt trong tác phong, tính cách, lối sống của con người công dân Việt Nam. Hơn thế, nhờ phát triển sản xuất, thu nhập cao, con người công dân Việt Nam có điều kiện mở rộng quan hệ, có điều kiện thỏa mãn những nhu cầu đa dạng, phong phú, từ đó mà phát triển những năng lực, những phẩm chất ngày càng đa dạng, phong phú hơn.

Mặt khác, cơ chế thị trường có xu hướng làm suy yếu mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, cộng đồng, xã hội. Việc chạy theo lợi ích cá nhân quá đáng có thể dẫn đến biến dạng tình cảm, dẫn đến chủ nghĩa cá nhân, dẫn đến suy thoái đạo đức. Việc mở rộng giao lưu hợp tác, du nhập những giá trị ngoại lai có thể dẫn đến sự xói mòn hệ giá trị truyền thống dân tộc, tao lên những giá trị lai căng, tâm lý sung ngoại, hướng ngoại, xem nhẹ những giá trị tinh thần dân tộc. Một vấn đề cần chú ý là, ngay trong bản chất của mình, cơ chế thị trường đã bao chứa một khả năng tiêu cực trong quan hệ với phương diện đạo đức của con người công dân Việt Nam. Vai trò của đồng tiền với tính cách là vật ngang giá, đại biểu cho giá trị trong trao đổi đã dẫn đến tệ sùng bái đồng tiền. Đồng tiền vượt qua ranh giới của kinh tế, của sản xuất và tiêu dùng, bành trướng ảnh hưởng tới tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Ngoài ra, cơ chế thị trường đòi hỏi người tham gia thị trường phải luôn tính đến lợi ích tối đa. Trong kinh tế thị trường, chủ thể đặt lợi ích cá nhân lên trên hết. Chỉ biết đến lợi ích của mình trong nền lĩnh vực thị trường khi được mở rộng sang lĩnh vực khác thì biến thành chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, đẩy mọi quan hệ tình nghĩa truyền thống vào trong sự tính toán thiệt hơn lạnh lùng. Những hiện tượng suy thoái đạo đức khá phổ biến hiện nay, về cơ bản, có



quan hệ với mặt trái của kinh tế thị trường. Tóm lại, ở Việt Nam hiện nay nền kinh tế thị trường mặc dù theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng trên thực tế lại có hướng tác động tiêu cực mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội [62, tr.16]. Những tác động tiêu cực biểu hiện trên những mặt sau: Một là, chấp nhận nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại và hoạt động có nghĩa là buộc phải chấp nhận sự bóc lột ở trong một chừng mực và trong một phạm vi nhất định. Hai là, lợi ích cá nhân và tự do cạnh tranh có xu hướng làm suy giảm mối liên hệ giữa cá nhân với cộng đồng, tạo ra những con người công dân Việt Nam có tính cách mạnh nhưng kém phát triển về mặt tình cảm, thậm chí vô cảm. Ba là, giá trị thị trường có xu hướng đồng hóa các giá trị xã hội khác. Mọi quan hệ, mọi giá trị đều được xác lập đánh giá qua lăng kính của giá trị thị trường... Những điều ấy làm cho sự phát triển của con người công dân Việt Nam mới lại có thể rơi vào tình trạng méo mó và thậm chí đối lập trên bình diện xã hội.

#### Nhân tố quá trình dân chủ hóa xã hội

Dân chủ hóa xã hội đang trở thành nhu cầu to lớn và bức xúc đối với tất cả con người công dân Việt Nam trong xã hội. Dân chủ vừa là hình thức tồn tại và quản lý xã hội, vừa là quyền và nghĩa vụ của con người công dân Việt Nam. Dân chủ không chỉ là quyền lực chính trị mà còn là động lực giải phóng và làm giàu trí tuệ của từng cá nhân cũng như cả cộng đồng dân tộc. Dân chủ được thể hiện trong nhiều mối quan hệ khác nhau giữa cá nhân và cộng đồng, giữa con người công dân Việt Nam và xã hội trong cả chính trị và kinh tế, trong cả quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi con người công dân Việt Nam.

Tại Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, lần đầu tiên đường lối về dân chủ hóa mọi mặt đời sống xã hội được nêu gồm: dân chủ trong lĩnh vực kinh tế nhằm tạo ra những thuận lợi cho phát triển con người công dân Việt Nam. Có thể nói rằng, dân chủ hóa trong lĩnh vực kinh tế là nền tảng đối với thực thi dân chủ trên nhiều lĩnh vực khác trong đời sống xã hội. Việc tạo ra một môi trường kinh tế theo hướng dân chủ hóa có nghĩa là làm cho toàn bộ các quan hệ kinh tế, các điều kiện sản xuất và các hình thức kinh doanh được thiết lập theo quan điểm dân chủ, đảm bảo cho con người công dân Việt Nam

có thể bộc lộ tài năng và chủ động trong việc sản xuất, kinh doanh. Thực hiện dân chủ hóa trong lĩnh vực kinh tế còn có nghĩa là thật sự tôn trọng, bảo đảm lợi ích cá nhân của người có tài năng, có vốn, có sức lao động trên cơ sở công bằng, bình đẳng, là quá trình thiết lập và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sản xuất kinh doanh. Vấn đề là dân chủ như thế nào và thực hiện nó ra sao mới tác động đến sự hình thành con người công dân Việt Nam. Dân chủ được thực hiện trên thực tế và thông qua văn bản pháp luật của nhà nước nếu làm tốt sẽ có vai trò to lớn đến sự hình thành này.

Xây dựng dân chủ là mang lại quyền làm chủ của nhân dân trong xã hội, kinh tế, chính trị. Như vậy, phương thức thực hiện dân chủ là phải có Nhà nước pháp quyền. Việt Nam đang xây dựng và hoàn thiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa, là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tạo ra một cơ chế để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra là thực chất nền dân chủ của đất nước [103, tr.232]. Nhân dân được thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua hoạt động của Nhà nước pháp quyền. Ở Việt Nam, Nhà nước định ra pháp luật để bảo vệ lợi ích của nhân dân, tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đó chính là những nội dung dân chủ và thực hiện dân chủ đúng đắn mà Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam đang thực hiện trong giai đoạn hiện nay.

Nhưng dân chủ phải đi đôi với hệ thống pháp luật hoàn chỉnh thì nội dung dân chủ mới thực hiện đúng được. Vì vậy, việc hoàn thiện hệ thống luật định, quy chế về dân chủ của mình được tốt hơn và cũng là điều kiện để con người công dân Việt Nam hình thành phẩm chất làm chủ của mình trong sự phát triển toàn diện. Trong giai đoạn đổi mới vừa qua, hệ thống pháp luật và việc thi hành pháp luật ở Việt Nam đã chứng tỏ vai trò to lớn của pháp luật trong việc khẳng định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý cùng những bảo đảm về mặt pháp lý của con người công dân Việt Nam. Hệ thống các văn bản

pháp luật, từ Hiến pháp đến các bộ luật, có nhiều quy phạm pháp luật đã ghi nhận các quyền và những bảo đảm về quyền của con người công dân Việt Nam.

Tuy đã có rất nhiều cố gắng trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật trong thực hiện dân chủ nhưng Nhà nước pháp quyền của Việt Nam vẫn còn những hạn chế nhất định làm ảnh hưởng đến khả năng thể hiện vai trò chủ thể của con người công dân Việt Nam. Đến nay hệ thống pháp luật của Việt Nam đã có những quy định cần thiết về những vấn đề quan trọng, đặc biệt trong quản lý kinh tế và các quyền cơ bản của con người công dân Việt Nam. Nhưng vấn đề phổ biến pháp luật còn bị xem nhẹ. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật của các cơ quan chức năng còn nhiều hạn chế. Vì thế, có những nơi, những lúc quyền dân chủ của nhân dân bị vi phạm, kỷ cương xã hội không được giữ vững. Nguyên nhân của những hạn chế đó là do trình độ kinh tế và dân trí thấp, văn hóa thực hành dân chủ chưa cao. Ngoài ra, còn do thiếu những luật pháp, thiết chế, cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân kiểm tra, giám sát các cơ quan quyền lực về quyền hạn và trách nhiệm của họ đối với nhân dân, cũng như quyền lợi và nghĩa vụ của con người công dân Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội. Những tàn dư của chế độ cũ còn in đậm trong nếp nghĩ, cách làm của người thi hành công vụ và của con người công dân Việt Nam. Điều đó ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển của con người công dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Vì vậy, hiện nay yêu cầu phát triển con người công dân Việt Nam trong giai đoạn hội nhập quốc tế đòi hỏi phải đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội gắn liền với giữ nghiêm kỷ cương xã hội.

#### ***4.1.3. Một số quan điểm phát triển con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập***

Dự báo sự phát triển của nền giáo dục ở Việt Nam nói chung và giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc nói riêng được căn cứ vào những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển trong các văn bản, Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam: nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX, X, XI, XII; các nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới; nghị quyết về xây dựng văn hóa và con người Việt Nam trong giai đoạn mới; nghị quyết về thế hệ trẻ... Các nghị quyết của Chính phủ về định hướng phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.

Sự phát triển của con người công dân Việt Nam thời đại công nghiệp 4.0

Trong quá trình quán triệt và vận dụng quan điểm Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam về: “Chủ trương của Đảng gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đã trở thành tư tưởng chỉ đạo cho nhiều chương trình, kế hoạch phát triển. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cùng với sự đầu tư của Nhà nước, sự tham gia của nhân dân là những nhân tố quyết định tạo ra những chuyển biến của sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người” [26] và củng cố, phát triển bản lĩnh, tính chủ động cho mỗi con người công dân Việt Nam một cách tích cực, sát thực, Việt Nam đang phải đối mặt với tốc độ phát triển nhanh chóng và sự tác động mạnh mẽ, trái chiều nhau giữa tích cực và tiêu cực từ hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 một cách nghiệt ngã nhất. Đòi hỏi toàn thể hệ thống chính trị Việt Nam phải biết tận dụng cơ hội; vượt qua nguy cơ, thách thức ngay từ lựa chọn cách thức, con đường phát triển và phát huy những yếu tố tốt đẹp của hệ giá trị truyền thống dân tộc. Việc xây dựng nền văn hóa, con người Việt Nam trước tác động của hội nhập và cách mạng 4.0 phải có tính chủ động cao, định hướng sớm và khoa học thì mới có những bước đi vững chắc trong thực tiễn.

Trong xu thế đó đã xuất hiện xu hướng thương mại hóa, coi trọng giá trị vật chất, xem nhẹ giá trị tinh thần; coi trọng giá trị ngoại lai, xem nhẹ giá trị truyền thống, thuận phong mỹ tục; đề cao lợi ích cá nhân, coi nhẹ lợi ích tập thể và cộng đồng...; còn lúng túng trước sự biến động phức tạp của một số giá trị trong nhân cách con người dẫn đến sự xuống cấp của đạo đức xã hội. Xuất hiện xu hướng sùng bái đồng tiền, quyền lực, chạy theo lối sống thực dụng, làm giàu bằng bất cứ giá nào... ở một bộ phận con người công dân Việt Nam trong đó có cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước thoái hóa biến chất. Tình trạng tham ô, tham nhũng, mất dân chủ, ức hiếp quần chúng nhân dân dân

đang diễn ra ở một số nơi và có chiều hướng gia tăng đã gây ra những tác hại không nhỏ về mặt xã hội. Một bộ phận không nhỏ thế hệ thanh niên đang có những biểu hiện thiếu văn hóa, đạo đức và nhân cách đang xuống cấp.

Xu thế, hội nhập quốc tế và đặc biệt là cuộc cách mạng 4.0 rất dễ làm cho con người bị “thôi miên”, không phân biệt được cái đúng và cái sai; cái tốt và cái xấu; cái thực và cái hư; cái dân tộc và cái phi dân tộc trước thế giới mới, xa lạ - thế giới “ảo”. Vì vậy, phải bắt đầu từ mỗi con người đến toàn xã hội để không cho bất cứ ai, nhất là thế hệ trẻ, rơi vào thế giới “ảo”; lối sống “ảo”,... Kết nối mạng, mở rộng giao lưu và giao tiếp ở tất cả các lĩnh vực, phương diện làm cho con người như lạc vào cõi “mê cung”, khó làm chủ. Đặc biệt, sự xuất hiện những hiện tượng mới lạ, như: đồng tiền “ảo”; thanh toán “ảo”; kinh doanh “ảo”, lối sống “ảo” càng kích thích thế hệ trẻ khó có thể thoát ra sự u mê, vô định. Một cá nhân thu mình trong phòng kín, nhưng mở rộng được giao lưu, trao đổi qua mạng làm cho quan hệ, ứng xử có tính “thực” trong môi trường văn hóa cộng đồng, xã hội mờ nhạt dần. Ngôn ngữ giao tiếp, tình cảm cá nhân bộc bạch không bị chi phối bởi cái “tinh tế”, cái chuẩn mực văn hóa, đạo đức và làm cho tính hiện thực, tính tổng hòa các quan hệ xã hội trong bản chất con người, như C. Mác đã chỉ ra, có nguy cơ phai nhạt nhanh chóng. Hội nhập quốc tế và cách mạng 4.0 có xu hướng pha loãng quan hệ, sự ứng xử văn hóa, đạo đức trong cộng đồng, xã hội và xa cách dần với thuần phong mỹ tục của truyền thống dân tộc. Nhiều thói quen trong nhận thức rất dễ bị thay đổi. Những chuẩn mực giá trị văn hóa, đạo đức được tôn thờ qua nhiều thế hệ cũng có những nguy cơ bị mai một. Con người trong cộng đồng, xã hội dần mất đi nét đẹp trong giao tiếp của “tình làng, nghĩa xóm” có tính “thực” và thay vào đó là quan hệ công việc đơn thuần. Sự giao tiếp rộng, nhưng hạn chế chiều sâu, tầm cao về “tính hiện thực của bản chất con người” và thay vào đó là quan hệ “ảo”.

Từ những biến động của xã hội và thực trạng đời sống của con người công dân Việt Nam thì việc giáo dục hệ giá trị truyền thống là một trong những điểm chủ yếu, cốt lõi xuyên suốt và giữ vị trí chủ đạo trong toàn bộ quá trình hình thành con người công dân Việt Nam hiện nay, đặc biệt là hình thành bản lĩnh chính trị, tính liên kết cộng đồng trong mỗi cá nhân.

### Sự phát triển của giáo dục Việt Nam

Sự nghiệp giáo dục ở Việt Nam đang được quan tâm phát triển, mở rộng về quy mô và nâng cao chất lượng và hướng tới xã hội học tập. Việt Nam coi giáo dục là Quốc sách, vì vậy, chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020 đã xác định: Một là, hoàn chỉnh mạng lưới các cơ sở giáo dục trên phạm vi toàn quốc, có sự phân tầng về chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bảo đảm hợp lý cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền, phù hợp với chủ trương xã hội hoá giáo dục và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của các địa phương. Hai là, Phát triển các chương trình giáo dục theo định hướng nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp - ứng dụng. Bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình trong toàn hệ thống. Xây dựng và hoàn thiện các giải pháp bảo đảm chất lượng và hệ thống kiểm định giáo dục. Xây dựng một vài trường đại học đẳng cấp quốc tế. Ba là, mở rộng quy mô đào tạo, đạt tỷ lệ 450 sinh viên/1 van dân vào năm 2020, trong đó khoảng 70 - 80% tổng số sinh viên theo học các chương trình nghề nghiệp - ứng dụng và khoảng 40% tổng số sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập. Bốn là, xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến; bảo đảm tỷ lệ học sinh, sinh viên/giảng viên của cả hệ thống giáo dục không quá 20. Đến năm 2020 có ít nhất 60% giảng viên đạt trình độ thạc sĩ và 35% đạt trình độ tiến sĩ ở cấp đại học. Năm là, nâng cao rõ rệt quy mô và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục. Các trường lớn phải là các trung tâm nghiên

cứu khoa học mạnh của cả nước; nguồn thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất và dịch vụ đạt tối thiểu 25% tổng nguồn thu của các cơ sở giáo dục vào năm 2020. Sáu là, hoàn thiện chính sách phát triển giáo dục đại học theo hướng bảo đảm quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của cơ sở giáo dục đại học, sự quản lý của Nhà nước và vai trò giám sát, đánh giá của xã hội đối với giáo dục đại học.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: Thế hệ trẻ phải thường xuyên được giáo dục chính trị, truyền thống, lý tưởng, đạo đức và lối sống; tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khuyến khích thanh niên tự học, tự nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm... Tạo cơ hội cho thanh niên có tài năng đi học ở nước ngoài về phục vụ đất nước [23]. Đây chính là thời cơ thuận lợi để tăng cường đoàn kết, tập hợp, bồi dưỡng và phát huy học sinh, sinh viên, là nền tảng để đẩy mạnh công tác phong trào thời gian tới.

Trong điều kiện giảng dạy, học tập còn khó khăn, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển của học sinh, sinh viên dẫn đến chất lượng giáo dục còn hạn chế. Trong xu hướng toàn cầu hoá về kinh tế, sự bùng nổ về thông tin, mở rộng giao lưu quốc tế, thách thức đối với học sinh, sinh viên là không được đánh mất, phai nhạt các giá trị truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng, mà phải kế thừa, phát huy các truyền thống đó, giữ vững bản sắc văn hoá dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Hơn nữa, các thế lực thù địch tăng cường lôi kéo, kích động thanh thiếu niên; sự phân hoá giàu nghèo, sự tha hoá về đạo đức, lối sống, tình trạng tham nhũng của một bộ phận cán bộ đảng viên, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, tệ nạn xã hội... đang tác động đến học sinh, sinh viên, ảnh hưởng tiêu cực đến tư tưởng, đạo đức, lối sống và ý chí phấn đấu của họ. Trong khi đó, nhu cầu chính đáng của học sinh, sinh viên phát triển ngày một cao và đa dạng, sẽ mâu thuẫn với khả năng đáp ứng của xã hội; đồng thời sự thiếu đồng bộ trong cơ chế, chính sách, luật pháp liên quan đến học sinh, sinh viên và công tác giáo dục sẽ ảnh hưởng, tác động

không thuận lợi đến chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và phát huy học sinh, sinh viên cũng như hiệu quả hoạt động của phong trào học sinh, sinh viên.

#### Sự phát triển của con người công dân Việt Nam

Những cơ hội và thách thức nêu trên sẽ có tác động mạnh mẽ đến con người công dân Việt Nam trong những năm tới. Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu và thực tiễn thời gian qua, có thể dự báo tình hình con người công dân ở Việt Nam trong thời gian tới như sau:

- Do nhu cầu học tập cao và đa dạng hóa các loại hình đào tạo, do cơ cấu xã hội, cơ cấu ngành nghề tiếp tục thay đổi cùng với thay đổi các ngành nghề mũi nhọn như khoa học máy tính, công nghệ sinh học, vật liệu mới, các ngành kỹ thuật sẽ dần chiếm ưu thế; ngành sư phạm và các ngành khoa học cơ bản và với chất lượng tuyển sinh đầu vào của các trường ngày càng cao có ảnh hưởng sâu sắc đến phân loại, cơ cấu, cấu trúc con người công dân trong xã hội. Trình độ của con người công dân không ngừng phát triển, nhất là việc tiếp thu thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại. Trong điều kiện mới, con người công dân Việt Nam thuận lợi hơn trong học tập, nâng cao năng lực tư duy sáng tạo, trình độ chuyên môn và tay nghề, khi có chính sách phù hợp, số người tài năng trên các lĩnh vực sẽ xuất hiện ngày càng nhiều hơn.

Giáo dục và đào tạo Việt Nam đang có sự đổi mới toàn diện ở mọi cấp học để đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực, hướng tới xã hội học tập. Những năm tới, hệ thống các trường sẽ được mở rộng, nâng cấp, hình thành thêm trường đại học ở các khu vực trọng điểm. Các loại hình đào tạo sẽ đa dạng, phát triển các trường đào tạo nhân lực chất lượng cao do nước ngoài đầu tư; loại hình đào tạo ngoài công lập sẽ thu hút đông đảo học sinh, sinh viên, có thể đạt tỷ lệ cao; đồng thời, lực lượng học sinh, sinh viên học tập ở nước ngoài và học tại các cơ sở đào tạo của nước ngoài tại Việt Nam sẽ tiếp tục tăng.

- Nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục sẽ được đổi mới, từng bước hoàn thiện theo hướng phát huy vai trò chủ động của con người công dân trong phát hiện và giải quyết vấn đề; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình đào tạo và đánh giá kết quả học tập, chú ý việc nâng



cao năng lực thực hành cho con người công dân Việt Nam. Vì vậy, khả năng lập nghiệp và cơ hội được tuyển dụng sẽ tốt hơn. Các đặc trưng của xã hội công nghiệp, như: tính tổ chức, tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và hợp tác, tính tự lập, chủ động, sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm trong con người công dân Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển và đặt ra yêu cầu cao đối với việc rèn luyện. Kỹ năng hội nhập quốc tế, vị thế, vai trò của con người Việt Nam trong khu vực và thế giới được nâng cao. Tuy nhiên, những hạn chế của việc đổi mới và cải cách giáo dục phổ thông những năm qua sẽ tác động đối với lớp người Việt Nam trong những năm tới.

- Con người công dân Việt Nam được nâng cao về nhận thức chính trị, ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và quản lý của Nhà nước. Số người Việt Nam tự nghiên cứu, chủ động tìm hiểu về Chủ nghĩa K. Marx – V.I. Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, được kết nạp vào đoàn, vào đảng sẽ tiếp tục tăng. Con người công dân Việt Nam sẽ chủ động và tích cực tham gia vào các hoạt động của nhà trường, xã hội với tư cách là một chủ thể rõ hơn. Sự mong muốn của con người công dân Việt Nam về xã hội công bằng, dân chủ, văn minh trong những năm tới sẽ tăng cao. Sự tự tin, năng lực giao tiếp, khả năng tổ chức hoạt động tập thể sẽ dần được nâng cao. Con người công dân Việt Nam sẽ tích cực tham gia các hoạt động tập thể, quan tâm và nhạy cảm hơn với tình hình trong nước và quốc tế, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, chung sức chia sẻ khó khăn cùng cộng đồng.

Con người công dân Việt Nam sẽ tiếp cận nhanh nhạy với thông tin mạng toàn cầu, với diễn biến và các quan điểm, thái độ đối với tình hình thời cuộc trên thế giới; là đối tượng bị các thế lực thù địch tập trung tác động, tạo ảnh hưởng. Do đó, trong thời gian tới, con người công dân Việt Nam cần được tăng cường giáo dục nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bồi dưỡng bản lĩnh chính trị để giúp họ xử lý thông tin, nhận dạng chính xác âm mưu, thủ đoạn của “diễn biến hòa bình”, tự bảo vệ trước sự tấn công và tác động của các thế lực thù địch.

- Những vấn đề về đạo đức, lối sống của con người công dân Việt Nam cần được quan tâm và định hướng theo hướng tiếp tục phát huy những giá trị truyền thống dân tộc, phát huy tinh thần thi đua, tình nguyện để họ có những đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hệ thống các nhu cầu sẽ tiếp tục được biến đổi và phát triển đa dạng, mang cá tính và chịu ảnh hưởng bởi trào lưu quốc tế nhiều hơn. Việc đoàn kết tập hợp, quản lý con người công dân Việt Nam trong điều kiện mới sẽ tiếp tục gặp khó khăn.

Bên cạnh số đông con người công dân Việt Nam sống có lý tưởng, hoài bão, hết lòng phục vụ cho sự nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam, của nhân dân, vẫn sẽ còn một bộ phận không nhỏ sống thực dụng, đề cao giá trị vật chất, ít quan tâm đến tập thể và cộng đồng; bản lĩnh chính trị, niềm tin dễ bị lung lay, dao động và không tự giải đáp được về tư tưởng trước những khó khăn của đất nước cũng như những thay đổi diễn ra mạnh mẽ trên thế giới. Những yếu kém trong quản lý xã hội, trong việc ngăn chặn các tác động của tiêu cực, tội phạm, tệ nạn xã hội nếu không kịp khắc phục sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến định hướng và sự lựa chọn tương lai của con người công dân Việt Nam. Mặt khác, những biểu hiện của lối sống tiêu dùng, hưởng thụ, không trung thực, vi phạm pháp luật... trong một bộ phận con người công dân sẽ có tác động tiêu cực nếu không kịp thời phê phán và định hướng.

Việc làm và thu nhập luôn là mối quan tâm hàng đầu của con người công dân Việt Nam. Sự cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường dẫn đến tình trạng có việc làm và thất nghiệp diễn ra nhanh chóng; tình trạng thiếu việc làm còn tiếp tục diễn ra gay gắt; sự dịch chuyển lao động từ chỗ có thu nhập thấp đến chỗ có thu nhập cao sẽ diễn ra ngày càng mạnh mẽ; con người công dân giữa các khu vực, vùng miền tiếp tục bị phân hoá, chênh lệch ngày càng lớn về mức sống, về cơ hội học tập, về điều kiện phát triển cũng như hưởng thụ văn hoá, vui chơi giải trí. Điều đó, đòi hỏi phải hình thành các chính sách đồng bộ để giải quyết tốt hơn nhu cầu việc làm, tình trạng thất nghiệp, nhu cầu

được bảo vệ quyền lợi chính đáng và các vấn đề xã hội khác của con người công dân Việt Nam.

Thể chất và sức khỏe của con người công dân Việt Nam sẽ ngày một nâng lên. Tầm vóc cơ thể (cơ bản là chiều cao, cân nặng) của con người công dân sẽ tăng đáng kể. Tuy nhiên, môi trường sống tự nhiên, áp lực trong học tập, làm thêm để tăng thu nhập và những vấn đề của xã hội hiện đại sẽ ảnh hưởng lớn đến sức khỏe; tình trạng con người công dân Việt Nam mắc một số bệnh xã hội sẽ trở thành vấn đề đáng lo ngại. Nếu không kịp thời ngăn chặn các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, tội phạm nguy hiểm có tổ chức sẽ tác động xấu đến con người công dân Việt Nam, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của xã hội.

## **4.2. Giải pháp giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc với sự hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập**

### ***4.2.1. Về nhận thức vai trò quan trọng của giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập***

Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc cho con người công dân Việt Nam, trước hết cần xem xét một nhân tố quan trọng, đó là quá trình tự giáo dục. Tự giáo dục bao gồm khả năng tự nhận thức, tự đánh giá, tự kiểm tra, tự điều tiết của mỗi người. Họ không phải là một đối tượng thụ động, một chiều mà có quan hệ năng động với môi trường. Bởi vậy, hiệu lực tác động của hoàn cảnh xã hội còn bị qui định bởi tính tích cực của bản thân. Sự phát triển những khả năng này sẽ kích thích con người công dân Việt Nam tích cực hướng tới và tiếp nhận có lựa chọn những tác động từ phía xã hội theo hướng thuận lợi cho sự phát triển. Phát triển những khả năng tự giáo dục hệ giá trị truyền thống chính là tạo điều kiện tâm lý tốt nhất để con người công dân tự đề kháng với phản tác dụng nảy sinh từ cơ chế thị trường, tiến bộ công nghệ và hội nhập quốc tế.

Những nội dung giáo dục có chủ đích của gia đình, nhà trường, các lực lượng khác trong xã hội, cũng như những tác động mang tính tự phát từ môi trường không thể tách rời quá trình tự giáo dục của bản thân đối tượng (tức

con người công dân Việt Nam). Hệ thống những tác động dù là tự giác hay tự phát ở các chủ thể giáo dục chỉ có ý nghĩa khi nào đối tượng giáo dục tự nhận thức, tự lĩnh hội được chân giá trị của nội dung giáo dục, biến nó thành những nguyên tắc chi phối trong suy nghĩ và hành động của chính mình. Tự giáo dục hay nói cách khác việc “biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục” là khâu cực kì quan trọng và có tính quyết định của quá trình giáo dục mà nếu như thiếu nó thì sự giáo dục của nhà trường, gia đình và xã hội dù có hoàn hảo đến đâu cũng không đem lại hiệu quả như mong muốn. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ phải biết kết hợp giữa hai mặt giáo dục và tự giáo dục cho thế hệ trẻ, phải “lấy gương người tốt, việc tốt hàng ngày để giáo dục lẫn nhau”.

Giúp con người công dân Việt Nam “giáo dục lẫn nhau” không chỉ bằng tấm gương sáng chói của các vị anh hùng qua các thời đại mà còn phải chú ý đến gương “người tốt, việc tốt” ở trong đời sống hàng ngày về: học tập, nghiên cứu khoa học; hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao; hoạt động chính trị - xã hội và tích cực tham gia đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội... Những tấm gương cụ thể trong đời thường sẽ giúp con người công dân soi mình, tự học tập và noi theo. Xây dựng phong trào tự phê bình những hiện tượng tiêu cực, những hành vi lệch chuẩn đang diễn ra hằng ngày, hằng giờ trong đời sống. Đây cũng là giải pháp có tác dụng làm chuyển biến nhận thức và hành động của con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.

Trong điều kiện hiện nay, để hệ giá trị truyền thống dân tộc có thể thấm thấu vào mỗi con người công dân Việt Nam, bên cạnh sự bắt buộc của pháp luật, của các chủ thể giáo dục, như Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, gia đình, nhà trường, hay các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, mỗi con người công dân Việt Nam cần phải có sự chủ động, tích cực kế thừa các giá trị. Đó là:

Thứ nhất, tự giác tìm hiểu hệ giá trị truyền thống dân tộc

Việc nhận thức, tìm hiểu hệ giá trị truyền thống dân tộc là một hình thức, một biện pháp để nhận thức sâu sắc hơn hệ giá trị truyền thống dân tộc. Mỗi con người công dân Việt Nam cần cố gắng tìm hiểu các tri thức về sử

học, văn học,.... Có thể thấy rằng, trong giai đoạn hiện nay, những kiến thức về hệ giá trị truyền thống dân tộc đang là một thiếu hụt đáng quan tâm đối với một bộ phận con người công dân Việt Nam hiện nay trong việc truyền thụ thông tin, phương pháp và nội dung giảng dạy các môn khoa học xã hội,... Song, một trong những nguyên nhân không kém phần quan trọng để dẫn tới kết quả chưa được như mong muốn này - đó là chính bản thân con người công dân Việt Nam.

Việt Nam cần thường xuyên quan tâm tới nhu cầu văn hóa của các tầng lớp nhân dân; đầu tư xây dựng, nâng cấp các thiết chế văn hóa, như thư viện, các nhà văn hóa, nhà xuất bản, các bảo tàng; bảo tồn, giới thiệu các di tích lịch sử, khuyến khích các tầng lớp nhân dân sưu tầm hệ giá trị truyền thống dân tộc,... Thông qua đó, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia vào các hoạt động tìm hiểu hệ giá trị truyền thống dân tộc.

Thứ hai, giáo dục thông qua việc học tập phẩm chất tốt đẹp của các tấm gương điển hình, người tốt, việc tốt.

Ở Việt Nam, quá trình hình thành nhân cách là quá trình cá nhân tiếp nhận các giá trị xã hội. Sự lựa chọn giá trị của mỗi cá nhân, một mặt, phụ thuộc vào sự phát triển đạo đức của họ, mặt khác, phụ thuộc vào chính các quan hệ và hành vi đạo đức với tính cách là những tấm gương đạo đức mà cá nhân được chứng kiến trong thực tiễn cuộc sống. Họ sẽ đối chiếu những giá trị xã hội mà họ có được với những quan hệ, hành vi và các tấm gương đạo đức thực tế để từ đó, rút ra cho mình những định hướng giá trị cần thiết. Sự thống nhất giữa tri thức đạo đức với những tấm gương đạo đức sẽ tạo ra niềm tin và sự lựa chọn giá trị. Từ sự lựa chọn giá trị đó, các tri thức, nhận thức mới có thể trở thành hành vi trong thực tiễn. Do vậy, học tập tấm gương người tốt, việc tốt là một phương thức tất yếu để có được những giá trị, hành vi đạo đức đúng đắn, hoàn thiện nhân cách.

Mặt khác, trong lịch sử mỗi dân tộc, đều xuất hiện những tấm gương, những động lực giúp thế hệ đương thời cũng như các thế hệ sau đó lấy làm hình tượng để hướng tới. Hơn nữa, mỗi thời đại, mỗi xã hội đều có nhân cách

điển hình cho xã hội đó. Và trong xây dựng nhân cách, mỗi xã hội đều hướng các cá nhân đi theo những giá trị nhân cách điển hình của xã hội đó. Hồ Chí Minh từng cho rằng, một tấm gương sống còn giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền. Theo Hồ Chí Minh, “Lấy gương người tốt, việc tốt hàng ngày để giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới” [105].

Khi đề cập tới vấn đề học tập tấm gương điển hình, người tốt, việc tốt, trong hoàn thiện nhân cách, cần chú ý rằng, bản thân con người công dân Việt Nam cũng là một tấm gương đạo đức. Bởi việc xây dựng nhân cách là nhiệm vụ không chỉ của các chủ thể lãnh đạo, quản lý, mà còn là của chính mỗi người. Do vậy, trong quá trình xây dựng nhân cách con người công dân Việt Nam hiện nay cũng phải thể hiện mình như một tấm gương đạo đức, tự mình là một tấm gương để người khác học tập cũng là điều cần thiết. Tùy theo lứa tuổi, nghề nghiệp, địa vị công tác, mỗi cá nhân cần có sự gương mẫu nhất định.

Với sức lan tỏa của mình, các tấm gương người tốt, việc tốt, những tấm gương con người biết sống vì cộng đồng, vì lẽ phải, vì hạnh phúc của mọi người,... sẽ làm cho quá trình tiếp nhận hệ giá trị mới, quá trình kế thừa hệ giá trị truyền thống càng phát huy hiệu quả. Do vậy, cần tìm tòi, phát hiện, tôn vinh kịp thời những tấm gương người tốt, việc tốt, những con người biết tôn trọng và phát huy hệ giá trị truyền thống dân tộc. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh thời gian qua đã tạo ra những phản ứng tích cực trong việc rèn luyện nhân cách của các tầng lớp nhân dân Việt Nam.

#### ***4.2.2. Về vai trò của gia đình trong giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập***

Gia đình đóng vai trò không thể thay thế trong việc thỏa mãn nhu cầu vật chất và tình cảm cũng như giáo dục cho mỗi con người công dân và sẽ

giúp thúc đẩy xã hội phát triển cả về kinh tế, xã hội. Giáo dục của gia đình là một bộ phận của hệ thống giáo dục quốc gia, bên cạnh giáo dục của nhà trường và các tổ chức xã hội. Trước những thay đổi nhanh chóng của đất nước vai trò của gia đình đối với giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc cho con người công dân Việt Nam càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Trên cơ sở những kết quả và hạn chế trong giáo dục gia đình đối với mọi thành viên trong gia đình, nghiên cứu sinh đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy có hiệu quả vai trò của gia đình hiện nay đối với giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc.

Nội dung giáo dục phải toàn diện bao gồm cả đạo đức, tri thức, lao động và rèn luyện tính tự lập cho trẻ tới giáo dục thể chất và thẩm mỹ, giáo dục giới tính. Trong mỗi một nội dung cụ thể cũng phải có sự thay đổi. Trước hết là trong giáo dục đạo đức, một bộ phận gia đình hiện nay, cha mẹ giáo dục con cái phải ngoan ngoãn, vâng lời theo nguyên tắc trên bảo, dưới nghe hay tuân thủ sự áp đặt một chiều, con cái không được phản đối, cãi lời cha mẹ thì giờ đây sự ngoan ngoãn, vâng lời phải được nhìn nhận lại từ phía cha mẹ (chủ thể) và con cái (khách thể). Đạo đức con người mới ngày nay không chỉ là ngoan ngoãn, không phải vâng lời mà là tự ý thức về trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, không cãi lời cha mẹ khi cha mẹ dạy bảo mình, nhưng phải lễ phép, từ tốn đưa ra ý kiến, suy nghĩ của bản thân về một vấn đề nào đó cho cha mẹ hiểu mình và nhìn nhận lại sự việc; phải nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn trong cuộc sống, vươn lên trong học tập, có nghề nghiệp chuyên môn, biết sống tự lập, năng động, sáng tạo,...

Giáo dục học tập cũng là một nội dung rất quan trọng trong giáo dục gia đình. Muốn trở thành người có ích cho xã hội thì phải học tập. Học tập là quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi con người công dân. Trước đây, cha mẹ chủ yếu giáo dục con học lấy cái chữ, có việc làm và trở thành cán bộ trong biên chế nhà nước. Do đó, cha mẹ chủ yếu nhắc nhở con học những môn khoa học cơ bản ở nhà trường, chủ yếu là các môn như: toán, lý hóa, văn, sử, địa, sinh. Ngày nay, xã hội đã có nhiều thay đổi, với công cuộc đổi mới đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa khiến các ngành, nghề đa dạng hơn, hệ

thống thông tin phong phú, quá trình mở cửa hội nhập và phát triển trên mọi lĩnh vực với nước ngoài nên cha mẹ cần phải thay đổi trong nội dung giáo dục giá trị cho con cái. Hướng con cái học tập có học vấn cao, có trình độ chuyên môn vững vàng, tiếp thu khoa học công nghệ hiện đại, có tri thức toàn diện, biết ngoại ngữ, tin học, có ý chí và biết làm giàu bằng năng lực và kiến thức của bản thân. Học là học kiến thức, văn hóa, chuyên môn đồng thời phải học để làm người có nhân cách tốt.

Trong giáo dục gia đình cần tập trung giáo dục: Thứ nhất, có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Thứ hai, có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung. Thứ ba, có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Thứ tư, lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội. Thứ năm, thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực [195, tr 58-59].

Gia đình cần sử dụng kết hợp các phương pháp khác nhau (nêu gương, rèn luyện thói quen, khen thưởng, kỉ luật, trừng phạt) trong giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc cho con người công dân bởi đặc điểm tâm lý, lứa tuổi của thế hệ trẻ là rất nhạy cảm, hiếu động, thích thể hiện bản thân, dễ bị kích động,... Tránh xu hướng quá nghiêm khắc, áp đặt, khắt khe đối với trẻ và cũng tránh xu hướng quá dân chủ, nuông chiều. Cả hai xu hướng đó đều có thể dẫn đến những hậu quả không thể lường trước được. Hiện nay, trẻ đã xuất hiện những xu hướng chơi bời, tiêu xài, sống hưởng thụ vật chất ít quan tâm đến cha mẹ và những người xung quanh,... Cha mẹ cần tìm ra những phương pháp thích hợp để giáo dục trẻ như: phương pháp định hướng, phương pháp khích lệ. Để giúp trẻ tránh xa những thói hư, tật xấu, cha mẹ cần phát huy những



năng khiếu của trẻ, giúp trẻ phát triển tài năng để con nhìn nhận, phân biệt đúng - sai, xấu - tốt, điểm mạnh - yếu của bản thân và tự điều chỉnh.

Hiện nay nhiều gia đình đang lúng túng trong cả nội dung và phương pháp giáo dục giá trị cho trẻ, nếu giáo dục giá trị truyền thống cho trẻ thì xem ra lỗi thời, nếu giáo dục giá trị của giai đoạn trước lại không phù hợp, còn nếu giáo dục giá trị hiện đại thì lại chưa rõ ràng. Cho nên, nhiều gia đình đã lựa chọn phương pháp giáo dục "tùy thời" hay phó thác cho xã hội hoặc bất lực trong giáo dục giá trị. Vì thế, cần nghiên cứu nội dung, phương pháp giáo dục giá trị truyền thống thật sâu sắc, giúp các gia đình giáo dục trẻ một cách hữu hiệu nhất. Và đây cũng là nhiệm vụ quan trọng của Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị Việt Nam cần làm rõ.

Trong giáo dục gia đình, cần đặc biệt chú ý đến những kinh nghiệm trong truyền thống của ông cha về xây dựng văn hóa, đạo đức gia đình. Ở đó sự gương mẫu của ông bà, cha mẹ về đạo đức là tấm gương đạo đức cho trẻ noi theo. Hành vi đạo đức của ông bà, cha mẹ không chỉ để lại "quả đức" cho con cháu mà cũng là sự gieo trồng đạo đức cho thế hệ sau. Hiện nay, Hội Người cao tuổi Việt Nam phát động phong trào "ông bà, cha mẹ gương mẫu, con cháu thảo hiền" chính là sự tiếp nối truyền thống và kinh nghiệm của cha ông trong giáo dục văn hóa đạo đức của gia đình Việt Nam.

#### ***4.2.3. Về vai trò của trường học trong giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập***

Việc đẩy mạnh giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong trường học là nhằm giáo dục đạo đức, lối sống, nhất là truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, nâng cao ý thức trách nhiệm của con người công dân với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước, trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc giữ gìn và phát huy hệ giá trị truyền thống của cha ông. Chú trọng giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, của địa phương thông qua những tấm gương của các anh hùng, liệt sĩ và người có công với nước trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội để con người

công dân Việt Nam ngày nay học tập và noi theo. Cần tập trung vào các biện pháp sau:

Một là, phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chức năng trong trường để giáo dục hệ giá trị truyền thống

Giáo dục hệ giá trị truyền thống cho con người công dân Việt Nam là sự tác động của các nhân tố giáo dục trong nhà trường nhằm hình thành ở họ những chuẩn mực nhân cách, vì vậy phải phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận, các tổ chức trong nhà trường để cùng giáo dục. Điều này có nghĩa là tất cả các bộ phận trong trường phải nhận thức đúng chức năng chuyên môn riêng của mình, hoàn thành tốt chức năng đó đồng thời phải thấy rõ trách nhiệm giáo dục hệ giá trị truyền thống của mình, có ý thức đặt các hoạt động của mình trong một chỉnh thể, chủ thể tiến hành giáo dục; khắc phục quan niệm sai lầm vẫn tồn tại lâu nay ở nhiều cán bộ công nhân viên trong các trường đại học là: nhiệm vụ giáo dục nhà trường là nhiệm vụ của người thầy, trò xấu hay tốt thì trách nhiệm thuộc về thầy, “thầy nào, trò ấy”, các bộ phận khác trong nhà trường vô can, hoặc ít chịu trách nhiệm.

Vì vậy, cần phải phấn đấu xây dựng không những để cho trường ra trường, thầy ra thầy, trò ra trò mà còn phải làm cho tất cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, giáo viên, cán bộ phục vụ giảng dạy, phục vụ đời sống trong trường đều là những người có lối sống, nếp sống văn hoá lành mạnh, có phẩm chất đạo đức trong sáng; tất cả các hoạt động từ giảng dạy chuyên môn, giáo dục chính trị tư tưởng... đến các hoạt động phục vụ đời sống đều là những hoạt động mang tính văn hoá, nhằm mục đích giáo dục rõ rệt.

Hai là, xây dựng nếp sống văn hóa trong trường học cho con người công dân Việt Nam

Xây dựng nếp sống có văn hóa trong trường học chính là đưa những nội dung, giá trị chuẩn mực văn hóa vào hoạt động sống của học sinh, sinh viên, làm cho các hoạt động đó vừa phù hợp với những đặc điểm chung vừa mang đặc điểm riêng của học sinh, sinh viên. Nếp sống có văn hóa được biểu hiện

trong nhiều lĩnh vực, ở đây luận án chỉ đề cập đến sự biểu hiện đó trong hoạt động chính trị, trong học tập, sinh hoạt xã hội và sinh hoạt cá nhân.

- Xây dựng nếp sống có văn hóa trong sinh hoạt chính trị tư tưởng: Giáo dục để học sinh, sinh viên trở thành những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, giác ngộ lý tưởng xã hội chủ nghĩa là một trong những mục tiêu quan trọng. Muốn đạt được mục tiêu đó, trước hết phải nâng cao nhận thức lý luận, ý thức chính trị cho học sinh, sinh viên, làm cho họ nhạy bén với thực tiễn, xử lý tốt những vấn đề mà cuộc sống đặt ra theo đúng quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước.

Trên cơ sở củng cố nhận thức chính trị, nâng cao tình cảm, niềm tin của học sinh, sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sẽ giúp họ hình thành lý tưởng, hoài bão phấn đấu đúng đắn. Từ đó họ sẽ tự giác hơn trong việc phấn đấu cho lý tưởng và hoài bão của mình. Chỉ khi nào những tri thức về thế giới quan, nhận thức chính trị thông qua những hoạt động tập thể và sự phấn đấu, rèn luyện lâu dài của cá nhân, biến thành tình cảm cách mạng trong sáng ở từng con người cụ thể thì bản lĩnh chính trị của họ mới có thể vững vàng. Bởi lẽ bản lĩnh chính trị không phải là nhận thức thuần túy. Những tri thức mà học sinh, sinh viên đạt được qua các môn học lý luận, các đợt sinh hoạt chính trị, chỉ là tiền đề cần để họ phấn đấu rèn luyện theo lý tưởng và lối sống mới. Vì vậy xây dựng, bồi dưỡng bản lĩnh chính trị cho học sinh, sinh viên phải đặc biệt chú trọng đến việc tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tham gia vào các hoạt động thực tiễn xã hội, thông qua đó để họ rèn luyện nâng cao nhận thức, phẩm chất.

- Xây dựng nếp sống có văn hóa trong hoạt động học tập: Đây là lĩnh vực quan trọng nhất, bởi vì đối với học sinh, sinh viên, hoạt động học tập là hoạt động chủ đạo trong suốt thời gian học tập. Đây là giai đoạn tiếp thu được những tri thức, kỹ năng để phục vụ hoạt động thực tiễn của bản thân sau này. Bởi vậy, xây dựng nếp sống có văn hóa trong học tập, trong nghiên cứu khoa học sẽ là những điều kiện quan trọng để hình thành thói quen làm việc khoa học của các nhà tri thức sau này. Xây dựng nếp sống có văn hóa trong học tập

cần quán triệt những khía cạnh sau: Xây dựng thói quen chấp hành kỷ luật giờ giấc trong học tập; Thói quen tập trung nghe giảng và ghi chép trên lớp; Xây dựng tính tự giác, thói quen tự học hàng ngày, học tập sáng tạo, học gắn với thực tiễn xã hội; Nghiêm túc trong thi và kiểm tra. Ngoài ra việc xây dựng nền nếp học tập của học sinh, sinh viên cũng cần lưu ý giáo dục cả tinh thần giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, thói quen vận dụng trí tuệ trong học tập, tham gia nghiên cứu khoa học...

- Xây dựng nếp sống có văn hóa trong sinh hoạt tập thể: Xây dựng nếp sống có văn hóa trong sinh hoạt tập thể và hoạt động xã hội được thể hiện ở nhiều khía cạnh từ sinh hoạt Đoàn, Hội, Đội thường xuyên, sinh hoạt lớp, tham gia các phong trào do lớp, khoa, Nhà trường, Đoàn tổ chức, tham gia lễ hội truyền thống, tham quan du lịch.... Sinh hoạt đoàn thể vừa cung cấp những hiểu biết về xã hội, nâng cao các nhu cầu văn hoá của họ, mặt khác góp phần củng cố tinh thần cộng đồng, giảm bớt lối sống vị kỷ và qua đó, các cá nhân cũng học tập được những cách ứng xử phù hợp với các chuẩn mực xã hội. Bởi vậy, nhiệm vụ đặt ra là phải hết sức quan tâm và tạo ra những hoạt động xã hội với những nội dung phù hợp và hấp dẫn để thu hút đông đảo học sinh, sinh viên tham gia. Một khi học sinh, sinh viên tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể thì sẽ tạo ra cho bản thân họ tâm trạng thoải mái, phấn khởi, giảm được những bế tắc của cuộc sống và cũng giảm được các hành vi tiêu cực trong sinh hoạt.

- Xây dựng nếp sống có văn hóa trong sinh hoạt cá nhân: Nếu như nếp sống tập thể được đặt trong mối quan hệ liên nhân cách, thì nếp sống cá nhân có thể coi như sự tồn tại một nhân cách riêng với những đặc điểm tâm lý riêng của mình. Sự biểu hiện của nếp sống cá nhân cũng đa dạng; từ nhận thức đến các hành vi trong sinh hoạt hàng ngày như hoạt động thể thao, thưởng thức nghệ thuật, quan niệm về tình yêu và hôn nhân... Tuổi trẻ năng động, thích hoạt động, tùy điều kiện sức khoẻ, điều kiện kinh tế, thậm chí là tâm lý, thì hiểu mà mỗi người có sở thích riêng.

Ba là, Tổ chức các loại hình hoạt động giáo dục hệ giá trị truyền thống

- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ cho học tập: Giúp học sinh, sinh viên nâng cao về hiểu biết thêm về xã hội, về khoa học. Bên cạnh những hoạt động học tập chính khóa, nhà trường cần tổ chức các hoạt động bổ trợ về tất cả các lĩnh vực chính trị, văn hóa và hệ giá trị truyền thống dân tộc. Các hình thức hoạt động này phải được Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Đội thiếu niên phối hợp với các bộ phận chuyên trách của nhà trường tổ chức như đọc sách báo ở thư viện, ở ký túc xá, tổ chức các buổi nói chuyện, diễn đàn, tọa đàm, thuyết trình chuyên đề về lịch sử các danh nhân văn hoá của dân tộc, các chuyên đề về văn học, thơ ca, nhạc, hoạ thông tin kinh tế, kỹ thuật, công nghệ mới, thời sự, chính sách, các lớp học theo nhu cầu về năng khiếu như ngoại ngữ, tin học, câu lạc bộ khoa học. Đó là những hoạt động có tác dụng bổ ích, hỗ trợ cho học tập của học sinh, sinh viên.

- Tổ chức các hoạt động văn hoá thể thao: Văn hoá, thể thao là một trong những nhu cầu của học sinh, sinh viên. Các hoạt động này nhằm thu hút, tập hợp đông đảo học sinh, sinh viên tham gia và cũng là động lực để nâng cao tinh thần, rèn luyện thể chất góp phần xây dựng đời sống văn minh, bồi dưỡng, giáo dục tâm hồn, nâng cao thể lực, ý thức đoàn kết cộng đồng trong môi trường nhà trường và ngoài xã hội. Thông qua nhà văn hoá, thư viện, Đoàn, Hội, Đội phối hợp với các bộ phận chuyên trách của nhà trường tổ chức các hoạt động sau: Tổ chức Hội diễn văn nghệ theo các chủ đề mang tính truyền thống; Tổ chức liên hoan các đội tuyên truyền ca khúc cách mạng, liên hoan tiếng hát dân ca; Tổ chức các buổi hội trại giao lưu; Tổ chức các cuộc thi về truyền thống văn hoá như “Vẽ đẹp học đường”, “Học sinh, Sinh viên thanh lịch”, “Theo dòng lịch sử”; Tổ chức các buổi thi đấu thể thao...

- Tổ chức các hoạt động du lịch tham quan: Nhà trường có trách nhiệm trong việc tổ chức các hoạt động hữu ích cho học sinh, sinh viên như đi tham quan, du lịch. Nội dung tham quan cần coi trọng đi thăm những khu di tích lịch sử, di tích cách mạng, bảo tàng, tìm hiểu lễ hội, danh nhân, công trình văn hoá... Bên cạnh đó, nhà trường cần tổ chức cho học sinh, sinh viên đi tham quan và học hỏi những điển hình tiên tiến. Sau mỗi chuyến đi, cần tổ chức viết

thu hoạch, báo cáo nhằm kết nối giữ lý thuyết với thực hành, giữa nhà trường và đời sống xã hội. Các hoạt động đó sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc cho học sinh, sinh viên.

- Tổ chức các hoạt động xã hội: Các hoạt động xã hội là nét tiêu biểu, nổi trội mang ý nghĩa chính trị và xã hội sâu sắc, đó là các hoạt động như “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, đẩy mạnh phong trào “Hiến máu nhân đạo”, quyên góp, giúp đỡ đồng bào bị thiên tai lũ lụt... Những hoạt động này sẽ giúp học sinh, sinh viên củng cố và bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, con người và biết giữ gìn giá trị truyền thống dân tộc, truyền thống của thế hệ đi trước.

#### ***4.2.4. Về vai trò của xã hội trong giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập***

Xã hội là môi trường thực tiễn lao động sản xuất, công tác, đời sống thường nhật, kiểm nghiệm những tri thức, chuẩn mực nhân cách, lối sống, nếp sống mà con người công dân Việt Nam đã học tập rèn luyện ở nhà trường; đánh giá mức độ đúng đắn của tri thức đã đạt được để củng cố và bổ sung những nhận thức mới rút ra từ thực tiễn.

Giáo dục hệ giá trị truyền thống là giáo dục cho con người công dân Việt Nam nhận thức đúng đắn mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" và thông qua thực tiễn cách mạng để tiếp thu, rèn luyện đáp ứng nhu cầu của đất nước trong thời kỳ hội nhập. Mặt khác, hoạt động thực tiễn có ý nghĩa thật sự đối với xã hội, kết quả của hoạt động thực tiễn là thước đo giá trị xã hội của hệ giá trị truyền thống dân tộc.

Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc cho con người công dân Việt Nam thực chất là làm cho họ hình thành, phát triển những phẩm chất nhất định mà thực tiễn xã hội, sự phát triển xã hội yêu cầu. Nhưng chính xã hội lại tác động hai chiều đến quá trình giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc. Khi tiến hành giáo dục hệ giá trị truyền thống cho con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập cần đặt các biện pháp, sự tác động chủ quan của các lực lượng làm nhiệm vụ giáo dục vào trong hoàn cảnh khách quan của tình hình kinh tế -

xã hội đất nước. Các biện pháp đó phải phù hợp với điều kiện thực, tránh viển vông, xa rời cuộc sống hiện thực.

Một là, Xây dựng và vận dụng bảng hệ giá trị dân tộc đương đại. Mỗi dân tộc, quốc gia trong từng giai đoạn cụ thể phải xây dựng cho được bảng chuẩn hệ giá trị dân tộc của quốc gia mình để giúp con người công dân có cơ sở định hướng phấn đấu. Các chuẩn giá trị phải được tuyên truyền rộng khắp cho tất cả thành viên trong xã hội hiểu và thực hành theo. Vì vậy, các chuẩn giá trị phải được diễn đạt gắn gọn, dễ hiểu; vừa chặt chẽ nhưng phải vừa sinh động để mọi tầng lớp trong xã hội phải thấm nhuần, có thể thực hiện được. Về nội dung, chuẩn giá trị xã hội phải làm thế nào để vừa thể hiện được sự kết hợp hài hoà giữa hệ giá trị truyền thống và hệ giá trị tiên tiến mà trong đó hệ giá trị truyền thống luôn luôn làm nền tảng, làm cơ sở cho hệ giá trị mới.

Hai là, Xây dựng các khuôn mẫu ứng xử và thể chế xã hội, văn hoá mới

Căn cứ vào nội dung của bảng hệ giá trị tổng thể phải cụ thể hóa để nội dung bảng giá trị phù hợp với tất các đối tượng, địa phương, vùng miền trong xã hội. Vì vậy, khi xây dựng khuôn mẫu ứng xử phải đặc biệt chú ý đến điều kiện của đối tượng, của địa phương và phải xây dựng được môi trường để con người công dân hình thành phẩm chất theo bảng hệ giá trị đã định. Nhờ đó, bảng hệ giá trị sẽ là điều kiện định vị lối sống, đạo đức của từng cá nhân, từng gia đình hay một cộng đồng.

Do đó, các địa phương căn cứ vào bảng hệ giá trị cần xây dựng được các quy chế, hương ước phù hợp với hoàn cảnh chung. Đây là căn cứ, là điều kiện để tiếp tục xây dựng nền văn hóa, con người công dân Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân – thiện – mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Tuyên truyền tầm quan trọng giữ gìn hệ giá trị chuẩn mực truyền thống Việt Nam trong giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập hiện nay, ý thức được xây dựng hạnh phúc không chỉ là việc riêng của mỗi nhà mà còn là trách nhiệm của cả xã hội.

Cần có những nghiên cứu phân tích sâu sắc tác động của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế đến các mối quan hệ ở xã hội Việt Nam đang có những biến đổi sâu sắc. Phân tích để thấy bên cạnh sự phân giải của hệ giá trị truyền thống, sự du nhập của những quan niệm và nhận thức từ bên ngoài, cần hình thành được một cách vững chắc hệ giá trị và chuẩn mực mới trong các mối quan hệ tạo ra “những nhiễu loạn giá trị”. Từ đó, cần khắc phục những nhiễu loạn giá trị trong quan hệ phù hợp với xã hội công nghiệp và những quy chuẩn về kinh tế - xã hội của xã hội.

Cần phải dựa trên những chuẩn mực cao nhất về tính nhân đạo trong việc định hướng sự phát triển của xã hội và các mối quan hệ trong xã hội. Phát huy vị trí và vai trò của hệ giá trị đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước và chủ động xây dựng những chuẩn mực và giá trị mới phù hợp với xã hội hiện đại, làm cho văn hóa ứng xử mãi là một nét đẹp của người dân đất Việt, góp phần cho văn hóa dân tộc thăng hoa. Những yếu tố hoà thuận, chung thủy, tình nghĩa, lòng yêu thương và hy sinh, tôn trọng và hiếu đễ... là nét ứng xử trong văn hóa truyền thống dân tộc Việt Nam. Cần phải giữ gìn, tạo dựng những nét ứng xử văn hóa ấy cho con người công dân Việt Nam và hình thành nền nếp cho xã hội.

Ba là, Đề cao vai trò của pháp luật trong việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc

Hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo tính kịp thời, nghiêm minh. Do sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường; do tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra ngày càng toàn diện và sâu sắc, cho nên đã xuất hiện nhiều bỡ ngỡ, sơ hở. Luật pháp và đạo đức là những hình thái ý thức xã hội cụ thể, giữa chúng có sự tác động biện chứng và thống nhất hữu cơ. Luật pháp nhiều kẽ hở sẽ tạo ra những khe hở đạo đức; và ngược lại, đạo đức còn nhiều bất cập thì luật pháp cũng không thể khỏa lấp. Phải có sự kết hợp biện chứng giữa “pháp quyền” và “đức trị” mới tạo nên một xã hội lành mạnh, văn minh theo phương châm “sống và làm việc theo đạo lý và pháp luật”. Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật là để thu hẹp đến mức tối đa các khe hở.



Để có được một môi trường xã hội lành mạnh, cần có nhiều nhân tố. Nhưng, có thể thấy rằng, pháp luật là một trong những nhân tố quan trọng nhất quyết định sự lành mạnh của một môi trường xã hội. Trật tự, kỷ cương của xã hội có được đảm bảo hay không phụ thuộc nhiều vào nhân tố pháp luật.

Mặt khác, cũng giống như đạo đức, pháp luật là một phương thức chính điều chỉnh hành vi của con người. Nếu như đạo đức được hình thành ngay trong những giai đoạn đầu tiên của loài người, thì pháp luật ra đời trong một giai đoạn đã phát triển của xã hội, cùng với xuất hiện của nhà nước. Các quy định trong pháp luật, một mặt, là do ý chí chủ quan của nhà nước nắm quyền điều hành đặt ra, nhưng mặt khác, nó cũng kế tục những quy tắc xử sự chung đã tồn tại trước đó với điều kiện các quy tắc đó không trái với quan điểm của nhà nước, như các phong tục, tập quán,... Thông qua các quy phạm do nhà nước ban hành, pháp luật điều tiết hành vi con người một cách cưỡng chế để đảm bảo cho sự ổn định nhất định của xã hội. Vì vậy, gọi pháp luật là đạo đức tối thiểu, còn chuẩn mực đạo đức - điều chỉnh hành vi của con người một cách tự nguyện, tự giác thông qua lương tâm (và cả dư luận xã hội) - là pháp luật tối đa.

Pháp luật là một trong những biện pháp để khẳng định một chuẩn mực nào đó, biến nó thành thói quen, từ đó biến nó thành nhu cầu của con người, và hơn nữa, biến nó thành chuẩn mực đạo đức. Vì vậy không thể buông lỏng pháp luật nếu việc này chưa được chuẩn bị bằng sự tiến bộ đạo đức của xã hội.

Do vậy, phát huy vai trò của pháp luật trong việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc, trong xây dựng nhân cách con người công dân Việt Nam hiện nay là việc làm cần thiết. Để có thể phát huy vai trò của pháp luật trong việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc và xây dựng hệ giá trị mới, cần:

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp

Hệ thống pháp luật phải được xây dựng trên nguyên tắc: phải tác động tích cực đến việc bảo vệ thuần phong, mỹ tục, xây dựng đạo đức của mọi người đối với bản thân, gia đình, tập thể và đối với toàn xã hội, tiếp thu những tinh hoa của loài người đi đôi với việc bảo tồn và phát huy bản sắc, truyền

thống tốt đẹp và những giá trị văn hóa, tinh thần, đạo đức của dân tộc ta. Để làm được điều đó, trong quá trình xây dựng pháp luật, Việt Nam cần xây dựng những bộ luật mang tính khả thi cao, phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội và con người công dân Việt Nam. Trên thực tế, một số văn bản hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh ban hành còn chậm, chưa đồng bộ, cá biệt còn chồng chéo, không ít trường hợp chưa bám sát và phản ánh thật đúng hiện thực cuộc sống, tính dự báo chưa có, tính khả thi còn thấp, dẫn đến một số quy định khó đi vào cuộc sống, phải sửa đổi bổ sung nhiều lần” .

Trong quá trình này, bên cạnh việc đặt ra các quy định cho phù hợp với cuộc sống mới, Việt Nam cần phải nghiên cứu các phong tục tập quán, hương ước, lệ làng,... - nơi chứa đựng hệ giá trị truyền thống dân tộc, - chọn lọc những giá trị nào hay, phù hợp với cuộc sống để luật hóa nó; và cũng cần có những chế tài với những hủ tục đã lỗi thời. Điều đó sẽ cho phép hệ giá trị truyền thống dân tộc được kế thừa và phát triển; đồng thời cũng loại bỏ những hủ tục cũ, ảnh hưởng không tốt tới đời sống nhân dân nói chung, sự phát triển nhân cách mỗi người nói riêng. Trong thời gian qua, Việt Nam đã tổ chức tốt các đợt thảo luận, lấy ý kiến nhân dân, các nhà khoa học về các dự thảo luật, như Bộ Luật hình sự, Luật Hôn nhân và gia đình,... Thông qua đó, một mặt, đảm bảo tính dân chủ của pháp luật và làm cho con người công dân thấu hiểu nhanh các văn bản pháp luật. Mặt khác, cũng từ ý kiến đóng góp của nhân dân, mà nhiều phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc ở Việt Nam được “luật hóa”. Đây cũng là một phương thức xây dựng các giá trị mới Việt Nam.

- Bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, Việt Nam cũng cần nâng cao ý thức thực thi pháp luật. Khung điều chỉnh một số bộ luật của Việt Nam còn chưa theo kịp với hiện thực cuộc sống, cách diễn đạt một số nội dung còn gây ra cách hiểu khác nhau (với ngay cả những người làm trong ngành), thì vấn đề thực thi pháp luật ở Việt Nam cũng cần phải bàn. Hiện tượng tham ô, tham nhũng, xét xử oan sai, khiếu kiện kéo dài... còn tồn tại chứng tỏ đội ngũ công chức thực thi pháp luật có nhiều vấn đề cần phải xem xét. Đó có thể là do trình độ chuyên môn thấp (đặc biệt là cán bộ cấp xã, phường trong hệ thống

công quyền), song, cần lưu ý hơn khía cạnh xuống cấp về mặt đạo đức, tư tưởng, chính trị của một bộ phận này. Có thể thấy rằng, một trong những nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật trong một bộ phận nhân dân là sự hiểu biết, sự tôn trọng pháp luật của họ rất hạn chế.

Để nâng cao việc thực thi pháp luật, Việt Nam cần nâng cao năng lực, đạo đức của các công chức thực thi pháp luật; có cơ chế kiểm tra, kiểm soát, đưa pháp luật vào cuộc sống để tất cả mọi người đều sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật,...

Bốn là, Xây dựng xã hội dân chủ xã hội chủ nghĩa trong sạch, lành mạnh

Trong công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ một trong những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo đổi mới là: Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Dân chủ phải đi đôi với tập trung, với kỷ luật, pháp luật, với ý thức trách nhiệm công dân. Dân chủ phải có lãnh đạo, lãnh đạo để phát huy dân chủ đúng hướng, mặt khác phải lãnh đạo bằng phương pháp dân chủ trên cơ sở phát huy dân chủ.

Với tư cách là một bộ phận của ý thức xã hội, thường xuyên có sự liên hệ chặt chẽ với thực tiễn xã hội. Để nâng cao hiệu quả giáo dục lý tưởng xã hội chủ nghĩa cho con người công dân Việt Nam là hết sức quan trọng cần phải thực hiện dân chủ rộng rãi, tạo ra sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ, khắc phục những tiêu cực xã hội, làm lành mạnh môi trường giáo dục. Không thể tạo dựng được niềm tin, lý tưởng xã hội chủ nghĩa trong khi mà đời sống vật chất không được cải thiện, những vấn đề xã hội không được giải quyết, tình hình chính trị không ổn định và tiêu cực trong xã hội lại gia tăng.

Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ, Việt Nam đang phấn đấu đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Cho nên, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước đã và đang triển khai thực hành dân chủ rộng rãi nhất là dân chủ trong Đảng Cộng sản Việt Nam, văn hóa dân chủ phát huy tác dụng của nó trong các lĩnh vực

của đời sống xã hội, trong các mối quan hệ con người để phát triển dân chủ thực chất, khắc phục dân chủ hình thức, chống lại những vi phạm dân chủ và quyền làm chủ của người dân, chống quan liêu, lãng phí, tham ô, tham nhũng có hiệu quả rõ rệt nhất.

Trong giai đoạn hiện nay để tạo ra môi trường kinh tế - xã hội lành mạnh đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước phải thực hiện đồng bộ chính sách kinh tế thị trường, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội; chính sách kinh tế và chính sách xã hội thống nhất với nhau, đảm bảo tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội. Bên cạnh việc xây dựng môi trường kinh tế - xã hội lành mạnh thì Việt Nam cũng cần tạo lập một môi trường văn hóa mới làm cơ sở tiền đề giúp công dân Việt Nam giác ngộ ý thức chính trị, giác ngộ được mục tiêu lý tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam và dân tộc.

Trong môi trường văn hóa mới, việc đảm bảo sự thống nhất biện chứng giữa truyền thống và hiện đại, kế thừa và đổi mới sẽ giúp cho hệ giá trị truyền thống của dân tộc được lưu giữ và phát huy, trở thành điểm tựa tinh thần của cả dân tộc, có tác dụng định hướng và điều chỉnh hành vi của các cá nhân trong xã hội. Được sống trong môi trường văn hóa mới, lành mạnh đời sống tinh thần của con người được nâng cao, từ đó họ sẽ thêm lạc quan, tin yêu cuộc sống nỗ lực hết mình phấn đấu trong học tập để đạt tới những hoài bão ước mơ, lý tưởng của mình trong cuộc sống.

Như vậy, cùng với việc kiện toàn đổi mới hệ chính trị, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiệu lực quản lý của Nhà nước, giữ vững và ổn định tình hình chính trị, gắn phát triển kinh tế với những tiến bộ xã hội, xây dựng môi trường văn hóa mới lành mạnh, kiên quyết đẩy lùi các tệ nạn tiêu cực trong xã hội, khắc phục sự suy thoái, xuống cấp về văn hóa, đạo đức trong xã hội..., thực hành dân chủ rộng rãi, làm cho động lực dân chủ, văn hóa dân chủ phát huy tác dụng của nó trong các lĩnh vực của đời sống xã hội sẽ tạo ra môi trường thuận lợi để từng bước hiện thực hóa lý tưởng xã hội chủ nghĩa trong cuộc sống ở Việt Nam hiện nay, có tác dụng tích cực trong việc

hình thành nhân cách con người công dân, nuôi dưỡng ý chí cách mạng, đạo đức cách mạng, xây dựng, củng cố niềm tin chính trị của công dân vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa, vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ, đổi mới đất nước và hội nhập hiện nay.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã quán triệt: Xây dựng, chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam là nhiệm vụ then chốt để phát triển đất nước. Trong đó, phải nói đến Nghị quyết số 04-NQ/TW về “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến,” “tự chuyển hóa” trong nội bộ”. Đây cũng là Nghị quyết đã cụ thể hóa nhiệm vụ thứ nhất trong số 6 nhiệm vụ trọng tâm mà Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam toàn quốc lần thứ XII đề ra. Đồng thời, khẳng định quyết tâm chính trị cao và mạnh mẽ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ chính trị, Ban Bí thư đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nhằm mục tiêu sớm đưa Đảng thật sự vững vàng về chính trị và tư tưởng, thống nhất cao về ý chí và hành động, trong sạch về đạo đức và lối sống, chặt chẽ về tổ chức, đủ sức lãnh đạo đất nước hội nhập và phát triển.

Phát huy tinh thần dân chủ, thẳng thắn, nhìn thẳng vào sự thật và kiên quyết khắc phục những hạn chế, yếu kém còn tồn tại trong Đảng, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) chỉ rõ 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; và đề ra 4 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trên các lĩnh vực: chính trị tư tưởng, tự phê bình và phê bình; cơ chế, chính sách; kiểm tra giám sát, kỷ luật Đảng Cộng sản Việt Nam; phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội.

Triển khai hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XII) gắn với Chỉ thị 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có hiệu quả nhằm tạo ra những tấm gương trong xã hội, giúp con người công dân Việt Nam hình thành phẩm chất tốt đẹp trong cuộc sống. Do vậy, cấp ủy và tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và đảng viên cần thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau:

Thứ nhất là, Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị của cấp ủy các cấp về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam; coi việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một biện pháp cấp bách, trước mắt, vừa cơ bản, vừa lâu dài.

Quán triệt sâu sắc những nội dung cơ bản, cốt lõi; đẩy mạnh tự phê bình và phê bình; Đưa việc tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, nhân dân về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nhận diện, đấu tranh khắc phục những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống; tổ chức sinh hoạt chuyên đề, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và thống nhất về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Chỉ thị số 05-CT/TW, gắn với việc kiểm điểm đánh giá chất lượng và xếp loại tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức hàng năm trên tinh thần dân chủ, nghiêm túc, thẳng thắn và xây dựng; kiên quyết xử lý kỷ luật những tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và cá nhân không tự giác trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình, không tự nhận sai lầm, khuyết điểm, bảo thủ và không khắc phục những hạn chế, khuyết điểm.

Thứ hai là, Tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng Cộng sản Việt Nam; tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam và chất lượng của đảng viên góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đầu tư giáo dục lý luận chính trị; phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, nhất là người đứng đầu cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc lãnh đạo; phát huy sự sáng tạo và đề ra sáng kiến, các cách làm hay để học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối thoại, phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng; tăng cường kỷ cương, kỷ luật phát ngôn; đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam để việc học tập chỉ thị, nghị quyết trở thành nhu cầu và trách nhiệm của từng cấp ủy đảng và mỗi cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh hoạt động nêu gương của bí thư cấp ủy, thủ

trường cơ quan, đơn vị về đạo đức, lối sống, tác phong công tác; xác định thẩm quyền, trách nhiệm và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa cấp ủy với lãnh đạo cơ quan, đơn vị ở cơ sở; Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ gắn với việc quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên.

Thứ ba là, Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn đầu mối tổ chức, bộ máy trong hệ thống chính trị, đảm bảo yêu cầu tinh gọn, hiệu quả theo đúng tinh thần Nghị quyết hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII). Rà soát, bổ sung, cụ thể hóa và thực hiện những chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên phù hợp với đặc điểm của từng ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị. Kiểm tra, xử lý dứt điểm các vụ việc vi phạm trong thực thi quyền lực và nhiệm vụ, gây bức xúc trong dư luận nhân dân. Phát hiện và ngăn chặn kịp thời những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả khâu đột phá về nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, địa phương, đơn vị. Thực hiện tốt đạo đức công vụ; xây dựng hình ảnh người cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tận tụy, liêm khiết, gần dân, trong dân, hết lòng phục vụ nhân dân.

Thứ tư là, Các cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, gắn với Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm với các nội dung có trọng tâm, trọng điểm để phát hiện và xử lý kịp thời những đảng viên vi phạm tư cách, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những phần tử cơ hội, bất mãn, gây mất đoàn kết nội bộ trong Đảng. Các cấp ủy, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam lựa chọn được những vấn đề đột phá, những vấn đề khó, bức xúc của địa phương, cơ quan, đơn vị để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân và kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Thứ năm là, Mỗi cán bộ, đảng viên trên cơ sở nhận thức đầy đủ và sâu sắc 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn

biến”, “tự chuyển hóa” để tự soi, tự sửa, hoàn thiện tư cách đạo đức, phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Cần kiên trì, tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, coi đó là nhu cầu tự hoàn thiện, nhu cầu tự làm trong sạch nhân cách của mỗi cán bộ, đảng viên. Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam về đạo đức là xây dựng và thực hiện những chuẩn mực giá trị đạo đức cách mạng của đội ngũ đảng viên, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ sáu là, Xây dựng cơ chế hợp lý để bảo vệ và khuyến khích phát huy vai trò của nhân dân và Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và Chỉ thị 05-CT/TW nhằm đánh giá kịp thời những ưu điểm, hạn chế trong thực tiễn tại các địa phương, đơn vị. Qua đó, cấp ủy, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam phát hiện, nêu gương những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng và nhân rộng làm điển hình, tạo động lực tu dưỡng, rèn luyện trong toàn Đảng Cộng sản Việt Nam, toàn quân, toàn dân, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước hội nhập và phát triển.

Năm là, Tạo lập môi trường kinh tế - văn hoá - xã hội lành mạnh

Theo luận điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin: Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội. Do đó, kết quả của phát triển lịch sử, nhu cầu của đời sống xã hội làm nảy sinh đạo đức, mà hệ giá trị truyền thống là kết quả các mối quan hệ giữa người và người trong những hoàn cảnh lịch sử nhất định. Vì vậy, để xây dựng, giáo dục hệ giá trị truyền thống cho con người, trước hết phải có môi trường kinh tế - xã hội lành mạnh. Vì con người là sản phẩm của những hoàn cảnh và của giáo dục, rằng do đó con người đã biến đổi là sản phẩm của những hoàn cảnh khác và của một nền giáo dục đã thay đổi [173, tr.10].



Môi trường xã hội lành mạnh là cơ sở mà ở đó việc giáo dục đạo đức cho có điều kiện tiến hành thuận lợi. Đây chính là tiền đề, điều kiện và là những yếu tố có tính vật chất quy định và tác động đến quá trình rèn luyện đạo đức của mỗi người. Bởi lẽ, môi trường sống, điều kiện kinh tế - xã hội có ảnh hưởng rất lớn tới nhận thức, lối sống, tình cảm, sự hình thành nhân cách của con người công dân. Sự phát triển các mặt của đời sống xã hội tạo động lực và định hướng cho sự phát triển và tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng của kinh tế tạo điều kiện cho sự phát triển các mặt đời sống xã hội.

Ở Việt Nam hiện nay cần tập trung xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tạo ra cơ sở kinh tế, xã hội, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực kinh tế. Đó là cơ sở hiện thực cho đạo đức mới xã hội chủ nghĩa và là những điều kiện cần thiết để thực hiện nhân đạo hoá hoàn cảnh, tạo ra hoàn cảnh ngày càng nhiều những giá trị nhân tính. Theo luận đề của K. Marx, hoàn cảnh tạo ra con người trong chừng mực con người tạo ra hoàn cảnh. Với ý nghĩa đó, việc phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo điều kiện khắc phục những biểu hiện về suy thoái đạo đức, đồng thời là điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam.

Xuất phát từ nguyên lý của chủ nghĩa duy vật lịch sử, xây dựng kiến trúc thượng tầng tương ứng với cơ sở hạ tầng. Với tính cách là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, nền kinh tế thị trường cũng đòi hỏi sự hình thành và phát triển hệ giá trị tinh thần tương ứng, trong đó có những chuẩn mực và giá trị đạo đức phù hợp với nó. Do đó, hệ giá trị đạo đức ngày càng phong phú, đa dạng góp phần tạo nên những nhân cách, phẩm chất tốt đẹp trong mỗi con người, tạo nên xã hội lành mạnh từ đó loại bỏ dần những mặt phản giá trị, phản đạo đức ra khỏi đời sống xã hội.

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải là quá trình phát triển hài hoà kinh tế với văn hoá xã hội trong đó có con người vừa là mục tiêu vừa là động lực. Sự tăng trưởng kinh tế phải nhằm đem lại cuộc sống

ấm no, hạnh phúc cho mọi người dân, lợi ích kinh tế của nhân dân lao động, là cái chi phối các hoạt động kinh tế, chi phối toàn bộ quá trình phát triển kinh tế.

Định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã tạo nên những giá trị nhân đạo: khẳng định vị thế của con người, hạnh phúc và phát triển tự do và toàn diện nhân cách của nó là nội dung cơ bản của đạo đức cộng sản. Theo đó, các chuẩn mực, nguyên tắc và lý tưởng đạo đức cộng sản được hình thành và từng bước khẳng định ưu thế của nó. Định hướng xã hội chủ nghĩa bảo đảm sự thống nhất chính trị, tinh thần, đạo đức là cơ sở quy định tính phổ biến của giá trị nhân đạo trong xã hội. Đó là sự thống nhất trong đa dạng hệ giá trị đạo đức trong điều kiện phát triển kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam hiện nay, hướng tới sự phát triển con người, phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng.

Điều đó cho thấy, việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nhanh và bền vững hướng vào mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh là một đòi hỏi có tính nguyên tắc để tạo dựng những giá trị đạo đức mới, là điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục đạo đức, là cơ sở hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam.

Như vậy, muốn nâng cao hiệu quả của việc giáo dục hệ giá trị truyền thống trong tình hình hiện nay không chỉ nắm vững đặc điểm tâm sinh lý, tính chất xã hội, chăm lo đến nhu cầu và lợi ích chính đáng, đổi mới nội dung và hình thức giáo dục, mà điều hết sức quan trọng là phải tạo ra sự ổn định và phát triển về kinh tế - xã hội, khắc phục những tiêu cực xã hội, làm lạnh mạnh môi trường xã hội. Việt Nam không thể giáo dục đạo đức, xây dựng niềm tin, lý tưởng khi mà đời sống kinh tế không từng bước được cải thiện, khi những vấn đề xã hội không được giải quyết, khi mà tình hình chính trị không ổn định, các hiện tượng tiêu cực ngày càng nảy sinh và phát triển. Do vậy, để nâng cao hiệu quả của việc giáo dục đạo đức phải nỗ lực đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên từng bước vững chắc. Trên lĩnh vực kinh tế phải từng bước tiến tới "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Trên lĩnh vực chính trị

phải khẩn trương đổi mới hệ thống chính trị, đặc biệt là đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiệu lực quản lý của Nhà nước, giữ vững ổn định chính trị, kiên quyết đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực, khắc phục sự xuống cấp của văn hoá và đạo đức trong xã hội. Đó chính là một trong những yếu tố cơ bản mang lại hiệu quả trong việc giáo dục đạo đức cho công dân. Hơn lúc nào hết, Việt Nam phải thấm nhuần luận điểm của các nhà kinh điển mácxít "Con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy" [173, tr.55].

#### **Tiểu kết chương 4**

Ở Việt Nam hiện nay, phát huy hệ giá trị truyền thống dân tộc trong việc giáo dục hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân là một trong những biện pháp lâu dài, cơ bản vì mục tiêu phát triển xã hội nhân văn, nhân ái. Trong những năm qua, công tác giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc cho con người công dân ở Việt Nam đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn một số hạn chế. Để phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những hạn chế trong giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc cho con người công dân Việt Nam hiện nay, các chủ thể giáo dục cần phát huy hệ giá trị truyền thống dân tộc trong việc hình thành hệ giá trị mới cho con người công dân bằng những định hướng lâu dài và một hệ thống đồng bộ, hoàn chỉnh các giải pháp giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc, nhằm từng bước giúp con người công dân Việt Nam nâng cao nhận thức, ý thức về hệ giá trị truyền thống dân tộc, từ đó có thói quen, hành vi tự giác, tự nguyện và nhu cầu chủ động, tích cực tu dưỡng, rèn luyện, học tập hệ giá trị truyền thống dân tộc, chuyển quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục, trước hết, phải xây dựng môi trường lành mạnh, tạo điều kiện, tiền đề cho việc phát huy hệ giá trị truyền thống dân tộc trong quá trình hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân Việt Nam hiện nay, bao gồm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc học tập, nghiên cứu, có chính sách phù hợp và dân chủ hóa môi

trường, tạo điều kiện thuận lợi cho con người công dân rèn luyện, học tập nâng cao nhận thức và thực hành đạo đức.

Thứ hai, kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc phát huy hệ giá trị truyền thống dân tộc nhằm hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân Việt Nam hiện nay. Trong đó, mỗi chủ thể giáo dục có vai trò nhất định trong giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc cho con người công dân Việt Nam, song cùng mục tiêu chung là nhằm hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước hiện nay.

Thứ ba, đổi mới nội dung và các hình thức giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với con người công dân, bao gồm giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc thông qua các môn học khác nhau; thông qua hoạt động ngoại khóa, tham quan các di tích lịch sử, văn hóa, viện bảo tàng; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; thông qua việc nêu gương học tập làm theo tư tưởng, phong cách và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, gương người tốt, việc tốt.

Thứ tư, tăng cường vai trò của pháp luật trong việc phát huy hệ giá trị truyền thống dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân.

Thứ năm, nâng cao tính tự giác rèn luyện, học tập hệ giá trị truyền thống dân tộc trong quá trình hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân, bao gồm nâng cao nhận thức tính tất yếu về vai trò của tự giác rèn luyện, học tập hệ giá trị truyền thống dân tộc của con người công dân Việt Nam; xây dựng kế hoạch và nghiêm túc thực hiện kế hoạch tự giác rèn luyện, học tập hệ giá trị truyền thống dân tộc; gắn việc tự giác rèn luyện, học tập hệ giá trị truyền thống dân tộc với việc thực hành và giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Như vậy, muốn phát huy hệ giá trị truyền thống dân tộc trong việc giáo dục hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân Việt Nam hiện nay có hiệu quả, việc thực hiện đồng bộ những giải pháp nói trên là rất

cần thiết, song để thực hiện được các giải pháp đó, đòi hỏi sự phối hợp, liên kết của tất cả các chủ thể giáo dục.

## KẾT LUẬN

Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc nhằm hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân Việt Nam hiện nay là một bức tranh nhiều màu sắc. Cái tiến bộ và cái lạc hậu, mặt tích cực và mặt tiêu cực... đan xen, hoà quyện vào nhau, và chịu tác động của nhiều nhân tố như: Đặc điểm tâm lý, hệ thống nhu cầu, lợi ích trong hoạt động học tập, nghiên cứu và hoạt động xã hội, tác động của tình hình trong nước và quốc tế. Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc cho con người công dân Việt Nam là động lực góp phần hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng trong nhân cách con người công dân Việt Nam hiện nay. Góp phần tích cực vào quá trình xây dựng những phẩm chất đạo đức cá nhân con người công dân thời đại mới, hình thành ý thức thẩm mỹ tiên tiến trong nhân cách và năng lực con người công dân thời kỳ hội nhập. Vì, hệ giá trị truyền thống dân tộc là bộ lọc giúp cho con người công dân Việt Nam lựa chọn, tiếp thu những giá trị tiến bộ, đồng thời loại bỏ những phản giá trị trong quá trình hình thành và phát triển hệ giá trị mới.

Với ý nghĩa và tầm quan trọng của việc giáo dục con người đòi hỏi Việt Nam phải thận trọng lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục. Giáo dục hệ giá trị truyền thống gì? Hình thành phẩm chất, năng lực nào? Đối tượng giáo dục là ai? Từ đó, đề ra hình thức và phương pháp giáo dục hiệu quả nhất. Để giải quyết vấn đề, luận án đã xuất phát từ việc xác định nội hàm của con người công dân, vừa phát huy được yếu tố cá nhân nhưng cũng phù hợp với đòi hỏi của cộng đồng xã hội, đặc biệt là xem xét dựa trên mối quan hệ với chính trị. Bên cạnh đó, việc giáo dục hình thành phẩm chất, năng lực cho con người công dân phải được xem xét trong bối cảnh lịch sử cụ thể. Ở đây là thời kỳ hội nhập, những tác động của thời kỳ hội nhập, của quá trình xây dựng đất nước, của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nhờ đó mà nhận thức được giá trị cần đạt tới của con người công dân Việt Nam hiện nay. Việc hình thành giá trị mới dựa trên hệ giá trị truyền thống dân tộc yêu cầu nhà giáo dục phải lựa chọn hệ giá trị truyền thống thích

hợp, lựa chọn những yếu tố bên trong của giá trị truyền thống phải phù hợp hay gần với giá trị mới cần giáo dục cho con người công dân Việt Nam nhằm đạt tới con đường ngắn nhất trong việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với hình thành con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập.

Với mong muốn giáo dục hình thành bản lĩnh và liên kết của mỗi cá nhân trong cộng đồng cho con người công dân Việt Nam thời kỳ hội nhập, tác giả đã lựa chọn hệ giá trị truyền thống dân tộc trong hệ thống các giá trị truyền thống dân tộc gồm: Lòng yêu nước, ý chí tự cường dân tộc; Tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng dân tộc; Tinh thần cần cù, lạc quan, sáng tạo trong lao động; Lòng nhân ái, khoan dung, hiếu học, khát vọng, yêu chuộng hòa bình; Tinh thần dũng cảm, kiên cường, bất khuất. Có thể khẳng định, đây là những giá trị cốt lõi, giá trị tiêu biểu của dân tộc Việt hình thành trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước.

Thực trạng giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc ở Việt Nam thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, sự quan tâm, tạo điều kiện của toàn hệ thống chính trị, xã hội đã tạo môi trường lành mạnh giúp con người công dân Việt Nam có điều kiện phát huy hết khả năng, năng lực cống hiến cho xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận con người công dân Việt Nam vẫn chưa bắt cập được sự phát triển chung của đất nước, chưa thực sự xác định được quyền lợi và trách nhiệm của mình với cộng đồng và với đất nước. Để khắc phục những yếu kém, hạn chế của thực trạng giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong việc bồi dưỡng nhân cách cho con người công dân Việt Nam cần nâng cao nhận thức cho con người công dân về hệ giá trị truyền thống dân tộc; cần xây dựng môi trường lành mạnh, tạo điều kiện, tiền đề cho việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong quá trình giáo dục hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân Việt Nam hiện nay; cần kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc phát huy hệ giá trị truyền thống dân tộc nhằm giáo dục hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân Việt Nam hiện nay; cần đổi mới nội dung và các hình thức giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong quá trình giáo dục

hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân Việt Nam hiện nay; cần tăng cường vai trò của pháp luật nhằm phát huy hệ giá trị truyền thống dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân Việt Nam hiện nay; cần nâng cao tính tự giác rèn luyện, học tập hệ giá trị truyền thống dân tộc trong quá giáo dục trình hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân Việt Nam hiện nay.

Con người công dân có tầm quan trọng trong xã hội, có vai trò to lớn đối với phát triển của đất nước. Bối cảnh toàn cầu hoá và nền kinh tế thị trường những năm qua đang chi phối đến sự vận động và phát triển tới con người công dân Việt Nam. Con người công dân Việt Nam hiện nay có những phẩm chất tốt, chứa đựng những tiềm năng phát triển về thể chất, tinh thần, trí tuệ, tài năng, những phẩm chất đạo đức... Để những phẩm chất ấy được phát huy trong sự nghiệp đổi mới đất nước, một mặt, thường xuyên tao mọi điều kiện, cơ hội để trang bị cho con người công dân Việt Nam những kiến thức về khoa học và công nghệ; mặt khác, cần quan tâm tới việc phát huy hệ giá trị truyền thống dân tộc nhằm giáo dục hình thành và phát triển hệ giá trị mới cho con người công dân.

Vậy, giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc đối với hình thành con người công dân thời kỳ hội nhập phải được thực hiện ở mọi nơi, mọi lúc.



**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1) (2017), "Xây dựng xã hội dân sự ở Việt Nam tạo tiền đề cho việc hình thành con người công dân thời kỳ đổi mới đất nước", Tạp chí Thanh niên (15), tr.14-15.

2) (2017), "Biến đổi giá trị đạo đức trong bối cảnh kinh tế thị trường", Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật (396), tr.6-8.

3) (2018), "Chuyển hóa tâm lý xã hội truyền thống trong xu thế toán cầu hóa", Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật (409), tr.33-35.

4) (2018), "Giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc nhằm xây dựng nhân cách mới cho con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế", Tạp chí công sản (138), tr.52-56.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy trình về công tác giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình triết học Mác - Lênin (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) (Tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (1995), *Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Viện Dự báo chiến lược khoa học và công nghệ (1995), *Việt Nam - tầm nhìn đến năm 2020*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Chương trình Khoa học công nghệ cấp Nhà nước, *Con người, mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội*, Mã số KX.07/91-95
6. Chương trình Khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX - 07 (1996), *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Chương trình KHCN cấp nhà nước, Con người Việt Nam - mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội (KX.07) (1995), *Nghiên cứu con người, giáo dục, phát triển và thế kỷ XXI*, Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế từ 27-29/7/1994 tại Hà Nội.
8. Công trình mang mã số NN7, Phạm Tất Dong làm chủ nhiệm, *Cải tiến công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức và lối sống cho học sinh, sinh viên trong hệ thống giáo dục quốc dân*
9. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II, III, IV*, Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4, khóa VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (1995), *Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay*, Lưu hành nội bộ.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 2, khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4, khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ Năm Ban chấp hành trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết Hội nghị trung ương X khóa IX*.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (14/5/2011), *Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Nghị quyết 04-NQ/TW khóa XI về Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng*.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (30/10/2016), *Nghị quyết 04-NQ/TW khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa"trong nội bộ*.

27. Đảng Cộng sản Việt Nam (15/5/2016), *Chỉ thị 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị Trung ương 9 (khóa XI)*, Nxb CTQG, Hà Nội.
29. Đề tài cấp Nhà nước KX-07-09 (1997), "*Vai trò gia đình trong sự hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam*", NXB Phụ nữ.
30. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (2008), *Tổng quan tình hình sinh viên, công tác hội và phong trào sinh viên nhiệm kỳ VII (2003 - 2008)*, Hà Nội.
31. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (2008), *Đổi mới nội dung, phương thức giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên trong thời kỳ hội nhập*, Kỷ yếu khoa học, Hà Nội.
32. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (2007), *Định hướng giá trị cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay*, Báo cáo chuyên đề, Ban Thanh niên trường học Trung ương Đoàn.
33. Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội (2011), "*Tư tưởng về quyền con người, Tuyển tập tư liệu thế giới và Việt Nam*".
34. Khoa luật, Đại học quốc gia (2009), "*Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*".
35. Hội đồng Lý Luận Trung ương (2011), "*Dân chủ nhân quyền giá trị toàn cầu và đặc thù quốc gia*".
36. Hội sinh viên Việt Nam (2013), *Tổng quan tình hình sinh viên, công tác hội sinh viên Việt Nam và phong trào sinh viên giai đoạn 2009- 2013*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
37. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Sự thật - Nxb Pháp lý, Hà Nội, 1992.
38. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật giáo dục Việt Nam*.
39. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Luật cán bộ công chức*.
40. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Luật viên chức*.

41. Trung tâm từ điển ngôn ngữ, *Từ điển tiếng Việt*, Hà Nội, tr.130
42. Viện Chiến lược Giáo dục (2009), *Đề tài cấp Bộ “Định hướng, mục tiêu, nội dung giáo dục giá trị văn hóa tuyên thối cho học sinh phổ thông”*, mã số B2006 - 37 - 25
43. Viện Khoa học Xã hội Nhân văn Quân sự (2006), *Chuẩn mực đạo đức con người Việt Nam hiện nay*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
44. Viện nghiên cứu quyền con người (2014), *"Quyền con người, lý luận và thực tiễn"*.
45. Viện nghiên cứu quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2010), *"Lý luận về quyền con người"*.
46. Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.
47. Viện Triết học (1994), *Sự chuyển đổi giá trị trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường*, Kỷ yếu khoa học, Hà Nội.
48. Đào Duy Anh (1992), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
49. Hoàng Anh (2012), *Giáo dục với việc hình thành và phát triển nhân cách sinh viên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Toan Ánh (1992), *Nếp cũ làng xóm Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh
51. Huỳnh Công Bá (2007), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb Thuận hóa.
52. Lương Gia Ban (1999), *Chủ nghĩa yêu nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Hoàng Chí Bảo (1998), "Đổi mới ở Việt Nam - những vấn đề triết học về con người và xã hội", *Tạp chí Lịch sử Đảng*.
54. Nguyễn Trọng Bảo (1998), *Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý kinh doanh trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
55. Trần Văn Bình (2000), *Vai trò văn hoá trong hoạt động chính trị của Đảng ta hiện nay*, Nxb Lao động.
56. Nguyễn Thị Bình (2002), Một số vấn đề cấp bách về đạo đức xã hội, *Báo văn nghệ số ngày 25/4/2002*.

57. Trương Hòa Bình (2014), "Đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân với mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý", Web <http://toaan.gov.vn>, truy cập ngày 18/4/2014.
58. Phan Kế Bính (1997), *Việt Nam phong tục*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
59. Nguyễn Trọng Chuẩn (2004), Hội nhập quốc tế: cơ hội và thách thức đối với giá trị truyền thống trong điều kiện toàn cầu hoá, *Tạp chí Triết học*.
60. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Huyền (2002), *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hoá*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Trần Trọng Chuẩn, Phạm Văn Đức, Hồ Sỹ Quý (2001), *Tìm hiểu giá trị văn hóa truyền thống trong quá trình CNH, HĐH*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Phúc (2003), *Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
63. Đoàn Văn Chúc (1997), *Xã hội học văn hóa*, Nxb Văn hóa - Thông tin.
64. Phạm Khắc Chương (1993), *Giải pháp tình huống trong giáo dục gia đình*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
65. Phạm Như Cương (1998), *Vấn đề xây dựng con người mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
66. Phạm Như Cương (1999), *Đổi mới phong cách tư duy*, Nxb Khoa học xã hội.
67. Nguyễn Văn Cương (2014), "Một số giải pháp tăng cường tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật", Web <http://moj.gov.vn>, [truy cập ngày 18/2/2014]
68. Lê Quang Tự Do (2015), *Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục của Đoàn thông qua việc sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Mã số KX.ĐTN 15-02, Hà Nội.
69. Thành Duy (2004), *Mấy đặc điểm cơ bản của quá trình hiện đại hóa văn hóa Việt Nam*, *Tạp chí Văn hóa dân gian* (5).
70. Phạm Văn Đồng (1970), *Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
71. Phạm Văn Đồng (1995), *Văn hoá và đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia.

72. Phạm Văn Đồng (1990), *Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
73. Phạm Văn Đồng (1993), *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
74. Trần Ngọc Đường (1999), *Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Chính trị Quốc gia, Tập 1, 2, 3, Hà Nội.
75. Lê Quý Đức, Hoàng Chí Bảo (2007), *Văn hóa đạo đức ở nước ra hiện nay - vấn đề và giải pháp*, Nxb. Văn hóa - Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội.
76. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.
77. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
78. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
79. Trần Văn Giàu (1973), *Sự phát triển tư tưởng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
80. Trần Văn Giàu (1997), *Sự hình thành về cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
81. Trương Thị Hồng Hà (2011), *Vai trò của Chính phủ trong việc bảo đảm quyền con người đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
82. Phạm Minh Hạc, Thái Duy Tuyên (2011), *Định hướng giá trị con người Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội
83. Phạm Minh Hạc (1997), *Nghiên cứu giá trị nhân cách theo phương pháp NEUPI-R cải biên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
84. Phạm Minh Hạc (1996), *Phát triển giáo dục phát triển con người phục vụ cho phát triển xã hội - kinh tế*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
85. Phạm Minh Hạc (2001), *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào CNH, HĐH*, Nxb Chính trị Quốc gia.
86. Phạm Minh Hạc (1996), *Phát huy nguồn lực con người*, *Báo Nhân Dân*, số (ngày 30-6).

87. Phạm Minh Hạc (1996), *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. Phạm Minh Hạc (2004), *Tâm lý người Việt Nam đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa - Những điều cần khắc phục*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
89. Phạm Minh Hạc, (2012), *Giá trị học*, Nxb Dân trí.
90. Hoàng Văn Hào, *Các điều kiện đảm bảo quyền con người, quyền công dân trong sự nghiệp đổi mới đất nước*, Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX – 07, Báo cáo tổng quan đề tài khoa học cấp Nhà nước, Mã số KX.07.16, Hà Nội.
91. Hoàng Văn Hào (1997), *Quan điểm K.Marx-F.Enghels về quyền con người*, Đề tài khoa học cấp bộ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
92. Đỗ Huy (2003), *Đạo đức học - Mỹ học và đời sống văn hóa nghệ thuật*, Nxb Khoa học – Xã hội.
93. Đỗ Huy (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và phát triển nền văn hóa mới ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
94. Đỗ Huy (2008), *Lối sống dân tộc - hiện đại mấy vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Văn hoá - Thông tin & Viện Văn hoá.
95. Đỗ Huy (2009), *Công bằng xã hội ở Việt Nam - nhận diện và giải pháp thực hiện*, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội.
96. Đỗ Huy, Chu Khắc, Vũ Khắc Liên, Trường Lưu, Lê Quang Thiêm (1993), *Nhân cách văn hoá trong bảng giá trị Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
97. Trịnh Duy Huy, *Xây dựng đạo đức trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*.
98. Phạm Khiêm Ích và Hoàng Văn Hào (1995), *Quyền con người trong thế giới hiện đại*, Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội.
99. Hồ Chí Minh (1993), *Biên niên tiểu sử, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
100. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
101. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
102. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 6*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
103. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập, tập 10*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.



104. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập, tập 12*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
105. Hoàng Mai Hương (2009), *Tư tưởng V.I.Lenin về quyền con người*, Đề tài cấp cơ sở, Viện Nghiên cứu quyền con người, Hà Nội.
106. Nguyễn Văn Huyền (1998), "Giá trị truyền thống - nhân lõi và sức sống bên trong của sự phát triển đất nước, dân tộc", *Tạp chí Triết học* (4).
107. Nguyễn Văn Huyền (2009), *Con người chính trị Việt Nam truyền thống và hiện tại*, Nxb Chính trị Quốc gia.
108. Nguyễn Văn Huyền (2003), *Văn minh Việt Nam*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
109. Nguyễn Phương Hồng (1997), *Thanh niên học sinh và sinh viên với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
110. Lê Quốc Hùng (2005), *Gợi mở những giá trị truyền thống của tư tưởng chính trị pháp lý Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
111. Lê Ngọc Hùng (2011), *Xã hội học giáo dục*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
112. Đặng Cảnh Khanh (2002), *Văn hóa thanh niên trong quá trình Hội nhập quốc tế của thanh niên*, Viện nghiên cứu Thanh niên.
113. Phạm Văn Khánh (2006), "*Góp phần tìm hiểu quyền con người*".
114. Vũ Khiêu (1974), *Đạo đức mới*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
115. Vũ Khiêu (2000), *Văn hoá Việt Nam xã hội và con người*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
116. Vũ Khiêu (1993), *Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh - truyền thống dân tộc và nhân loại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
117. Vũ Khiêu (1996), *Bàn về văn hiến Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội Tập 3, Hà Nội.
118. Vũ Khiêu (1987), *Góp phần nghiên cứu cách mạng tư tưởng văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
119. Vũ Khiêu (Chủ biên) (1991), *Nho giáo xưa và nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
120. Trần Ngọc Khuê (1998), *Xu hướng biến đổi tâm lý xã hội trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia.

121. Nguyễn Thế Kiệt (2003), *Đạo đức người cán bộ lãnh đạo chính trị trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay - Thực trạng và xu hướng biến động*, Tổng quan đề tài cấp Bộ 2002 - 2003, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
122. Nguyễn Thế Kiệt (2012), *Mấy vấn đề về đạo đức học mácxít và xây dựng đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
123. Trần Trọng Kim (2011), *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
124. Trương Lai (1983), *Chủ động và tích cực xây dựng đạo đức mới*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
125. Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang (1996), *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*, Hà Nội Tập 2.
126. Nhị Lê (1999), *Đạo lý*, *Tạp chí Công sản* (13), tr.55.
127. Phan Ngọc Liên (2002), *Phương pháp dạy học lịch sử*, Nxb Đại học Sư phạm Tập 1, Hà Nội.
128. Đỗ Mười (1996), *Lý tưởng của thanh niên trong thời kỳ mới*, Nxb Thanh niên.
129. Nguyễn Chí Mỹ (1999), *Sự thay đổi giá trị đạo đức trong nền kinh tế thị trường với việc xây dựng đạo đức mới cho đội ngũ cán bộ quản lý ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
130. Phạm Xuân Nam (1998), *Văn hóa và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
131. Phạm Đình Nghiệp (2002), *Giáo dục lý tưởng cho thanh niên hiện nay*, Nxb Thanh niên.
132. Trần Sỹ Phán (1996), *Sinh viên với định hướng giá trị nhân cách*, *Tạp chí Lý luận chính trị*, tr.69.
133. Nguyễn Hồng Phong (1963), *Tìm hiểu tính cách dân tộc*, Nxb Khoa học, Hà Nội.
134. Nguyễn Hồng Phong (1959), *Xã thôn Việt Nam*, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội.
135. Thang Văn Phúc (1998), *Đạo đức phong cách, lề lối làm việc của cán bộ công chức theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội,

136. Phùng Hữu Phú (1995), *Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
137. Hồ Sĩ Quý (2006), *Về giá trị và giá trị châu Á*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
138. Lê Minh Quân (2009), *Tư tưởng chính trị của C.Mác, F.Ăng-ghe-n, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia.
139. Nguyễn Dục Quang (2009), *Định hướng, mục tiêu, nội dung giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh phổ thông*, Đề tài cấp bộ, Viện Chiến lược giáo dục, mã số B2006 - 37 – 25.
140. Tô Huy Rứa (2005), Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, *Tạp chí Cộng sản* (22).
141. Cao Đức Thái (1998), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Quyền con người*, Đề tài cấp bộ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
142. Lê Sĩ Thắng (1996), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và chính sách xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
143. Lê Cao Thắng (2013), *Hoạt động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên hiện nay*,
144. Hà Nhật Thăng, Đào Thanh Âm (1998), *Lịch sử giáo dục thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
145. Chu Hồng Thanh (1996), *Tìm hiểu vấn đề nhân quyền trong thế giới hiện đại*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
146. Đinh Xuân Thảo (1996), *Giáo dục pháp luật trong các Trường Đại học và Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật) ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Hà Nội.
147. Trần Ngọc Thêm (2015), *Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
148. Trần Ngọc Thêm (2016), *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.
149. Ngô Đức Thịnh (2010), *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

150. Nguyễn Khắc Thuần (2005), *Đại cương lịch sử văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục Tập 1.
151. Lê Thi (1997), *Vai trò gia đình trong việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
152. Nguyễn Đức Thùy (2007), *Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Marx-Lenin về quyền con người và ý nghĩa với Việt Nam hiện nay*, Đề tài cấp bộ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
153. Trần Trọng Thủy (1993), *Giá trị, định hướng giá trị và nhân cách*, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*.
154. Bùi Thanh Thủy (2014), *Giáo dục giá trị văn hóa tinh thần truyền thống dân tộc trong việc hình thành, phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
155. Nguyễn Khánh Toàn (1992), *Một số vấn đề của khoa học nhân văn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
156. Huỳnh Ngọc Trảng, *Tình trạng song đề của văn hóa*, *Báo Lao động* ngày 29/1/2005.
157. Quốc Tuấn (2006), *Nâng cao văn hoá chính trị của cán bộ lãnh đạo quản lý ở nước ta hiện nay*, Nxb Văn hoá - Thông tin & Viện Văn hoá.
158. Phạm Hồng Tung (2011), *Thanh niên và lối sống của thanh niên Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
159. Thái Duy Tuyên (1994), *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường*, Chương trình công nghệ cấp Nhà nước KX 07-10, Hà Nội.
160. Nguyễn Duy Sơn (2013), *Tư tưởng nhân quyền trong một số học thuyết chính trị, pháp lý cơ bản*, Đề tài cấp cơ sở, Hà Nội.
161. Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc, Mạc Văn Trang (1995), *Giá trị - định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị*, Hà Nội.
162. Lưu Minh Văn, Trần Văn Kham (2016), *Giá trị trong lối sống của sinh viên Việt Nam hiện nay thực trạng và giải pháp*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
163. Võ Khánh Vinh (2009), *Quyền con người, tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

164. Nguyễn Văn Vĩnh (2006), *Triết học chính trị về quyền con người*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
165. Lê Hữu Xanh (1999), *Tâm lý nông dân Đồng bằng Bắc bộ trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia.
166. Lê Hữu Xanh (2001), *Tác động của tâm lý làng xã trong việc xây dựng đời sống kinh tế xã hội ở nông thôn bằng Bắc bộ nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia.
167. V.I Lenin (2005), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội Tập 43.
168. V.I. Lenin (1977), *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova Tập 36, 41, 44,.
169. K. Marx và F. Engels (1995), *Hệ tư tưởng Đức*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
170. K. Marx và F. Engels (1996), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội Tập 4.
171. K. Marx và F. Engels (1995), *Toàn tập, tập 3*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
172. K. Marx và F. Engels (1995), *Tuyển tập*, Nxb Chính trị quốc gia Tập 6, Hà Nội.
173. Aaron Widavsky (3/1987), Choosing the Preference by Constructing Institutions: A Cultural Theory of Preference Formation, *The American Political Science Review*, 81 (1).
174. A.G. Xpirkin (1989), *Triết học xã hội, Tập 2*, Nxb Tuyên Huấn, Hà Nội.
175. A.M. Bacdian (1977), *Giáo dục các con trong gia đình*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
176. Claude Gérald Falazzoli (1981), *Việt Nam giữa hai huyền thoại*, Nxb. Tri Thức, Hà Nội.
177. Alan H. Goldman (2014), *Desires and Values*, The Journal of Value Inquiry.
178. Immanuel Kant (1998), *Nguyên lý siêu hình đạo đức*, New York.
179. A.N.Lêônchiép (1989), *Hoạt động, ý thức, nhân cách*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
180. B.Tucarinốp (1989), *Bàn về giá trị trong chủ nghĩa Marx- Lenin*, Nxb. Mátxcova.
181. 1M.F.Ovsianikov (1987), *Mỹ học Mác- Lênin*, Nxb Văn hoá Tập 1, Hà Nội, tr.44.
182. I.A. Petrechhi Cova (1977), *Giáo dục trong gia đình Mác*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

183. Montesquieu (2006), *Tinh thần pháp luật (người dịch Hoàng Thanh Dạm)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội
184. Gerhard Falk & Ursula A. Falk (2005), *Youth Culture and the Generation Gap*, Algola
185. Gisela Trommsdorff (1992), *Values and Social Orientation of Japanese Youth in Intercultural comparison, Japanese biographies: life histories, life cycles, life stages - S. Formanek & S. Linhart.*
186. Gabriel A. Almond and Sidney Verba (1963), *The Civic Culture.*
187. V.A.Xukhômliński (1985), *Hạnh phúc và bất hạnh*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
188. J. Rousseau (2007), *Khế ước xã hội*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng
189. Immanuel Kant (1968), *Siêu hình học về đức lý*, Nxb Suhrkamp, Phrangphuoc a. M.
190. Jolh J Macionis (2003), *Xã hội học*, Nxb Thống kê, tr.89.
191. G.W.F. Heghen (1986), *Triết học pháp quyền*, Nxb Suhrkamp, Phrăngphuốc a. M.
192. J. Jagodzinski (2008), *Television and Youth Culture: Televised Paranoia (Education, Psychoanalysis, Social Transformation).*
193. T. Shary & A. Seibel (2007), *Youth Culture in Global Cinema.*
194. P. Zwordiak-Myers (2007), *Childhood And Youth Studies Learning Matters*
195. Hurrelmann, Klaus: *Einführung in die Sozialisationstheorie*, Ibid
196. Bronfenbrenner, Urie (1981), *Ecology of Human Development by Urie Bronfenbrenner*, Harvard University Press